

TÁC PHẨM
ĐOẠT GIẢI
NOBEL
2013

ALICE MUNRO

cuộc đời
yêu dấu

DEAR LIFE

Nguyễn Đức Tùng dịch

tập truyện ngắn

Giản dị, đẹp... Một nỗi quyến rũ khôn người.



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Năm 2013, khi trao giải Nobel cho Alice Munro với tác phẩm *Cuộc đời yêu dấu*, đại diện của Hàn lâm viện Thụy Điển đã gọi bà là "bậc thầy của truyện ngắn đương đại". Một đánh giá cao về thành tựu nghệ thuật và tất nhiên khó khăn mới đạt được.

Alice Munro viết về đời sống những người bình thường với ngôn ngữ giản dị, trong trẻo, đẹp. Nhưng đó là bề ngoài dễ gây ngộ nhận. Thật ra văn của Alice Munro không hời hợt. Người đọc cần chú tâm đến từng dấu hiệu mà bà để lại dọc đường. Bên trong là sức mạnh của sự phân tích các xung đột, sự nghiêm khắc với thói dung tục, tính hài hước, lòng trắc ẩn. Truyện của bà biểu hiện một nghệ thuật quan sát và mô tả sát thực, có khi tường tận, một cách cố ý. Nhưng đằng sau bản mô tả khách quan ấy, đằng sau bức tranh về một cảnh vật cụ thể và sinh động, bản tường trình về cuộc đời, người đọc cảm nhận có một điều gì khác nữa, như một hiện thực thứ hai.

Dịch giả **Nguyễn Đức Tùng**



ISBN 978-604-1-07543-6
Cuộc đời yêu dấu



Giá: 107.000 đ

www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn

cuộc đời
yêu dấu

DEAR LIFE

Copyright © Alice Munro, 2012

Bản tiếng Việt © NXB Trẻ, 2015

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Munro, Alice, 1931-

Cuộc đời yêu dấu : tập truyện ngắn / Alice Munro. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015.

400 tr. : minh họa ; 20 cm.

Nguyên bản : Dear life.

1. Truyện ngắn Canada – Thế kỷ 21. 2. Văn học Canada – Thế kỷ 21. I. Ts. II. Ts: Dear life.

813.6 – ddc 23
M968

Cuộc đời yêu dấu



ALICE MUNRO

Nguyễn Đức Tùng dịch



cuộc đời
yêu dấu

DEAR LIFE

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NGƯỜI DỊCH

Alice Munro và *Cuộc đời yêu dấu*

NĂM 2013, khi trao giải Nobel cho Alice Munro, người phụ nữ thứ mười ba trên thế giới nhận giải thưởng này, đại diện của Hàn lâm viện Thụy Điển đã gọi bà là ‘bậc thầy của truyện ngắn đương đại’. Một đánh giá cao về thành tựu nghệ thuật và tất nhiên khó khăn mới đạt được. Lúc ấy nhiều người ngạc nhiên hỏi nhau: nhà văn này ở đâu ra?

Thật ra bà đã viết văn từ năm mười năm nay, với tác phẩm đầu tay *Vũ điệu của bóng mờ hạnh phúc*, xuất bản 1968. Trong các tuyển tập truyện ngắn hay nhất hàng năm của Hoa Kỳ, tên bà xuất hiện khá đều đặn, được chọn lựa bởi các nhà văn hay nhà phê bình có quan điểm khác nhau. Alice Munro cũng nhận nhiều giải thưởng, trong đó ba lần giải Governor General danh giá của Canada, và Man Booker International, năm 2009.

Giữa nhiều nhà văn viết tiếng Anh, bà được kính trọng và yêu mến một cách đặc biệt. Tuy vậy, tính tình kín đáo, khiêm cung, Alice Munro ít khi xuất hiện trên báo chí, ngoại trừ bằng tác phẩm của mình. Cách đây vài năm, khi tôi đến dự một buổi hội thảo ở Vancouver sau giải Man Booker International vừa nói, với sự tham gia của nhiều nhà văn nổi tiếng như Margaret Atwood, họ đọc những tham luận xúc động về sự nghiệp của bà và diễn đọc những trích đoạn tác phẩm, Alice Munro đã không có mặt.

Sinh ngày 10 tháng Bảy năm 1931 ở Wingham, Ontario, Canada, Alice Munro có tên khai sinh là Alice Ann Laidlaw. Cha của bà là chủ nông trại, mẹ là cô giáo. Bà trải qua tuổi thơ ở Huron County, rồi theo học đại học Western Ontario, nhưng rời trường sớm khi lập gia đình năm hai mươi tuổi. Bà và gia đình từng sống ở Vancouver và trên một hòn đảo ngoài khơi Vancouver nhiều năm. Sau khi cuộc hôn nhân đầu tiên tan vỡ, bà trở về quê cũ ở Huron County, và tình cờ gặp lại người bạn thời thơ ấu, một giáo sư đại học, và họ mau chóng trở thành đôi bạn thân, sau đó lập gia đình với nhau. Ontario là bang lớn nhất Canada, bên bờ Ngũ Đại Hồ. Vùng phía Nam của bang có khí hậu ôn hòa, cảnh sắc xinh đẹp, đất nông nghiệp bằng phẳng, nhiều sông hồ. Nhờ vào những truyện ngắn nổi tiếng của bà, quang cảnh vùng đất Huron County xuất hiện nhiều lần trong truyện, trở thành một xứ sở được nhiều người biết, gần như huyền thoại.

Có nguồn gốc tổ tiên từ Scotland, truyền thống Thiên chúa giáo,

bà lớn lên trong thời Đệ nhị thế chiến và những giai đoạn kinh tế khó khăn. Sự phân tích tinh tế, sự quan sát sắc bén đối với các hành vi cá nhân và khác biệt giai cấp, cảnh giàu nghèo, sự dối trá, những tình cảm gia đình, sự hi sinh, được ghi lại một phần nhờ những kinh nghiệm bà đã có được khi lớn lên ở vùng thị trấn nhỏ. Có người nhận xét rằng Munro ít viết về tình yêu, nhưng thật ra nhiều truyện của bà đều phảng phất một thứ tình yêu tuy được diễn tả châm phá nhưng với nét bút mạnh mẽ, dường như đầy ẩn ý. Ngôi bút của bà khi đề cập đến các đề tài khác như phụ nữ, tình dục, đều táo bạo bất ngờ.

Tác phẩm: *Vũ điệu của bóng mờ hạnh phúc (Dance of The Happy Shades)* (giải Governor General), *Cuộc đời những cô gái và đàn bà (Lives of Girls and Women)*, *Bạn nghĩ bạn là ai kia? (Who Do You Think You Are)*, *Những mặt trăng của Mộc tinh (The Moons Of The Jupiter)*, *Tiến triển của tình yêu (The Progress of Love)* (giải Governor General), *Chạy trốn (Runaway)*. Năm 80 tuổi, xuất bản tập *Quá sức hạnh phúc (Too Much Happiness)*. Tiếp sau đó, trước sự ngạc nhiên của nhiều người, năm 81 tuổi, tác phẩm mới *Cuộc đời yêu dấu (Dear Life)*. Một truyện của bà, *Gấu về qua núi (The Bear Came Over The Mountain)*, một chuyện tình cảm động, đã được Sarah Polley chuyển thành phim với các tài tử Julie Christie và Gordon Pinsent.

Alice Munro viết về đời sống những người bình thường với ngôn ngữ giản dị, trong trẻo, đẹp. Nhưng đó là bề ngoài dễ gây ngộ nhận. Thật ra văn của Munro không dễ hiểu. Người đọc cần chú tâm đến từng dấu hiệu mà bà để lại dọc đường. Bên trong

là sức mạnh của sự phân tích các xung đột, sự nghiêm khắc với thói dung tục, tính hài hước, lòng trắc ẩn. Truyện của bà biểu hiện một nghệ thuật quan sát và mô tả xác thực, có khi tường tận, một cách cố ý. Nhưng đằng sau bản mô tả khách quan ấy, đằng sau bức tranh về một cảnh vật cụ thể và sinh động, bản tường trình về cuộc đời, người đọc cảm nhận có một điều gì khác nữa như một hiện thực thứ hai. Alice Munro đã nói về lối đọc truyện và viết truyện của mình:

“Tôi sẽ bắt đầu bằng cách giải thích cách tôi đọc truyện của nhà văn khác như thế nào. Có thể nói, tôi bắt đầu đọc chúng bất kì ở đâu; từ đầu truyện đến cuối truyện, từ cuối truyện ngược lên, từ bất cứ điểm nào ở giữa chúng, theo hướng xuôi hay ngược. Như vậy rõ ràng tôi không nắm lấy một câu chuyện và cứ đi theo như thể đó là con đường, sẽ mang tôi tới nơi nào đó, với những quang cảnh và lối rẽ tắt gọn gàng dọc theo con đường ấy. Tôi bước vào truyện ngắn, đi lui đi tới, ngồi xuống nơi này nơi kia, hoặc ở lại đó đây một lát. Truyện ngắn giống như ngôi nhà. Mọi người đều biết ngôi nhà là gì, nó chứa các phòng, những cửa ngách liên lạc giữa các phòng và trình bày một khuôn mặt ngoài mới mẻ như thế nào. Đây là cách gần nhất với sự giải thích mà tôi có thể có về việc một truyện ngắn ảnh hưởng ra sao đối với tôi, như người đọc, và tôi muốn những truyện ngắn của mình làm gì với người đọc của tôi.”¹

Tập truyện *Cuộc đời yêu dấu* gồm có mười bốn truyện: *Về đâu, Thị trấn bạch dương, Li hương, Sỏi đá, Tổ ấm, Lòng tự hào,*

1 The Art of Short Fiction by Gary Geddes, 1993, Harper Collins, p.824.

Người tình, Xe lửa, Tháp thoáng mặt hồ, Búp bê và bốn truyện sau cùng được tác giả xem là có yếu tố tiểu sử: *Con mắt, Đêm, Giọng nói, Cuộc đời yêu dấu*¹. Đây có thể xem là một trong những tuyển tập cuối cùng của Alice Munro, vì lúc nó ra đời (2012), bà đã ngoài tám mươi tuổi, sức khỏe yếu đi, và trong một cuộc phỏng vấn gần đây, bà tuyên bố không viết nữa.

Những mô tả tỉ mỉ trong truyện của Munro có thể rất dài nhưng bao giờ cũng nằm trong một cấu trúc cần thiết, đôi khi là sự chuẩn bị phải có, như trong trường hợp chúng dẫn đường cho người già đi vào một cõi trần gian khác (truyện *Tháp thoáng mặt hồ*). Một người thanh niên quen với một thiếu nữ, nhập ngũ, trở về, rồi quen với một người phụ nữ khác, trải qua bao biến đổi, tựa như một cuốn tiểu thuyết thay vì truyện ngắn, những nhân vật lạ lùng xa lánh tình dục và sợ hãi sự thân mật của con người (truyện *Xe lửa*). Câu chuyện phiêu lưu tình cảm của một nhà thơ, một người mẹ trẻ (truyện *Về đâu*). Cô đến dự một buổi tiệc của một tờ báo, uống say bằng một thứ nước mà cô ngỡ là nước trái cây nhưng thật ra có rượu. Một kĩ giả từ Toronto lái xe đưa cô về nhà, nhưng bất chấp sự chờ đợi, đã không hôn cô. Thế là cô đem lòng thương nhớ. Rồi một dịp hai mẹ con cô và đứa con gái lên một chuyến xe lửa, bỏ người chồng ở lại, và mối quan hệ vợ chồng của họ cũng có chút nghi vấn. Đó là một chuyện tình yêu, nhưng lại không phải là chuyện tình chúng ta hay gặp. Có một thứ tình cảm khác, sâu xa, ẩn mình phía sau, có một lời nói thầm, nửa cảnh

1 Các chú thích trong truyện là của người dịch.

giác, một sự chú ý lặng lẽ đối với thói vô tâm của con người. Cũng tương tự như thế, trong truyện *Sói đá*, việc ngoại tình của một người đàn bà, thói phiêu lưu, sự thờ ơ trưởng giả của một người đàn ông, lối sống phóng túng và vô trách nhiệm của chàng nghệ sĩ, đưa đến những hậu quả không ngờ. Trong khi trong truyện *Đêm*, người đọc có ấn tượng tất cả mọi cảnh vật bên ngoài đều chỉ là biểu hiện hiện thực của những tư tưởng thâm kín của một thiếu nữ.

Trong một cuộc phỏng vấn với Geoff Hancock¹, Munro cho rằng cả yếu tố cốt truyện và khung cảnh câu chuyện đều không quan trọng lắm trong truyện ngắn. “Điều gì xảy ra như một sự kiện thật chẳng quan trọng gì. Khi một sự kiện trở thành vấn đề quan trọng, truyện ngắn đó không có khả năng phát triển.” Sự cảm xúc, theo bà, đóng vai trò lớn hơn. “Tôi cũng không nghĩ khung cảnh truyện là hệ trọng. Nhiều người nghĩ rằng tôi là một nhà văn viết truyện địa phương. Và tôi sử dụng các địa phương nơi tôi lớn lên làm vật liệu sáng tạo. Nhưng tôi không biết cách nào để diễn tả một điều gì đó, ở một nơi nào đó, với mục đích định trước. Những việc ấy xảy ra và nơi chốn là một phần của nó. Chẳng qua đó chỉ là sự tình cờ.”

Có thể cho rằng cái mà Alice Munro gọi là cảm xúc (*feeling*) chính là khí hậu của truyện. Khí hậu ấy thường xoay quanh một hình ảnh trung tâm, hình ảnh ấy được chiếu rọi bởi một bên là khả năng quan sát khách quan, gần như lạnh nhạt, và một bên là khả năng thương yêu nồng nàn sâu kín. Hay

1 Sách đã dẫn, p.513

phương pháp hiện thực và khuynh hướng chống lại, gần như căm phẫn, đối với cái tệ hại. Truyện của Munro phát triển qua một thời gian dài, tuy vậy khác với nghệ thuật tiểu thuyết, sức mạnh của bà nằm ở các mối tương quan trong cùng một thời gian, như trong một bức tranh. Bà nhìn thấy các nhân vật trong những chớp sáng của đời họ, tức là trên những khúc quanh của số phận. Vì vậy truyện ngắn của bà, tuy dài, gần như một loại tiểu thuyết ngắn, được viết với ngôn ngữ chân phương nhưng tinh tế, tinh tế nhưng không hiền lành, thực ra phần nào gần với ngôn ngữ thơ ca.

Sự mô tả đối với các tình huống, các tâm trạng, các diễn biến đi vào chi tiết và chính xác, vì chi tiết nên chính xác, và vì chính xác nên chi tiết. Chính vì vậy bà để mất một số độc giả không quen với việc đọc truyện kiểu ấy, tuy đồng cảm nhưng không thương cảm, bi ai, và ngược lại, trở thành nỗi quuyền rũ không ngớt đối với nhiều người đọc khác, những người cũng đặt cược vào sự chính xác như bà. Từ sự chính xác ấy mà các quyết định riêng tư của cá nhân, những hy sinh và sai lầm của họ, các ngã rẽ của số phận bỗng lộ diện bất ngờ, làm kinh ngạc bất cứ một người đọc điềm tĩnh nào.

Thật ra, sự chính xác cũng là bốn phận của tình yêu.

Nguyễn Đức Tùng

Về đâu

KHI Peter đã mang hết hành lí của cô lên xe lửa, dường như anh chỉ muốn mau mau bước xuống tàu. Nhưng không phải về ngay. Anh giải thích với vợ anh sốt ruột vì đoàn tàu rục rịch chuyển bánh. Đứng trên sân ga nhìn lên cửa sổ toa tàu của hai mẹ con, anh vẫy tay. Mỉm cười, vẫy tay. Nụ cười dành cho bé Katy rộng mở, tỏa nắng, như thể anh tin, với không chút nghi ngờ, rằng con gái luôn là điều kì diệu đối với mình, cũng như anh với nó, mãi mãi. Nụ cười dành cho vợ anh đầy hy vọng và tin tưởng, nhuộm vẻ quyết tâm. Đôi khi có những việc không thể nói thành lời, chẳng bao giờ nói được. Nếu Greta có lần nào nhắc đến điều ấy, anh sẽ nói, đừng có vớ vẩn thế. Và cô sẽ đồng ý với anh ngay, nghĩ thật không tự nhiên khi

gặp nhau ngày ngày bữa bữa mà còn đi giải thích dài dòng về mấy chuyện lật vật.

Khi Peter còn bé, mẹ anh đã mang anh qua nhiều rừng núi mà Greta không nhớ tên, trên đường chạy trốn khỏi nước Tiệp Khắc thuộc Xô Viết cũ, đến Tây Âu. Tất nhiên có nhiều người khác nữa. Cha của Peter, mới đầu dự định sẽ đi cùng họ nhưng ngay hôm trước chuyến đi bí mật, ông bị chuyển đến viện điều dưỡng. Ông muốn đi theo họ khi đã khỏe lại, nhưng rốt cuộc ông chết.

“Em đã đọc những chuyện tương tự như thế”, Greta nói, khi lần đầu Peter kể cho cô nghe chuyện của anh. Cô giải thích rằng trong những câu chuyện ấy đứa bé bắt đầu khóc thét lên và sẽ bị người ta bịt miệng hoặc bóp cổ để không phát ra tiếng động nào làm nguy hiểm cả đoàn người chạy trốn.

Peter nói anh chưa bao giờ nghe mấy chuyện như thế và cũng chẳng nói được mẹ anh sẽ làm sao trong tình huống như vậy.

Điều bà đã làm là tới được British Columbia, học thêm tiếng Anh và xin được một chân dạy cho học sinh trung học một môn gọi là Thực hành Kinh doanh. Bà một mình nuôi dạy Peter, cho anh học đại học, và bây giờ anh trở thành kĩ sư. Khi bà đến căn hộ của hai người, rồi sau đó là nhà, bà lúc nào cũng ngồi ở phòng khách, không bao giờ xuống bếp, trừ khi Greta mời bà. Đó là phong cách của mẹ Peter. Bà tránh nhận xét quá mực. Tránh soi xét, không đường đột, không đề xuất nọ kia, mặc dù trong mọi

việc nội trợ hay khiếu thẩm mỹ bà đều giỏi giang hơn đứa con dâu của mình nhiều.

Bà đã bán căn hộ nơi Peter lớn lên và dời vào một căn nhỏ hơn, không có phòng ngủ, chỉ có một phòng với chiếc ghế dựa có thể kéo ra làm giường. Vậy là anh không thể về nhà thăm mẹ được rồi? Greta trêu chọc bà, nhưng bà giật mình. Sự hài hước làm bà đau đớn. Hoặc có thể là vấn đề ngôn ngữ. Nhưng tiếng Anh là thứ tiếng bà dùng hàng ngày và đó cũng là ngôn ngữ duy nhất mà Peter biết. Anh đã học môn Thực hành Kinh doanh – dù không phải từ mẹ mình – vào lúc Greta học *Thiên Đường Đã Mất*¹. Cô tránh tất cả những môn hữu dụng thiết thực như tránh bệnh dịch hạch. Còn anh ngược lại.

Tám kính ngăn cách họ, và Katy không ngừng vẩy tay với anh, hai cha con nhìn nhau triu mến. Cô nghĩ chồng mình quá sức đẹp trai, làm sao anh không bao giờ nhận ra điều ấy cả. Anh mặc một cái áo cắt ngắn, đúng thời trang – đặc biệt nếu người mặc là một chàng kĩ sư – màu da sáng nhưng không bao giờ ửng hồng lên như da của cô, không bao giờ sạm đi vì ánh mặt trời, mà có một màu ăm ắp đều đặn suốt các mùa.

Ý kiến của anh đối với chuyện này chuyện khác cũng hết như màu da của anh vậy. Khi họ đi coi phim, anh chẳng bao giờ bình luận gì sau đó cả. Anh có thể nói đó là phim hay, hoặc rất hay, hoặc coi được. Anh dường như

1 Nguyên văn: *Paradise Lost*. Trường thi của John Milton (1608-1674), nhà thơ lớn của Anh.

không thấy có chuyện gì nói thêm nữa. Anh coi ti vi, đọc một cuốn sách hay một cái gì đó cũng tương tự thế. Anh là người kiên nhẫn với những thứ ấy. Những người tạo ra các tác phẩm đó chắc đã cố hết sức rồi. Greta từng cố tranh cãi và hỏi dồn xem liệu anh có nói giống thế không nếu đối tượng là một chiếc cầu chứ không phải tác phẩm nghệ thuật. Người ta đã làm tốt hết sức mình rồi, nhưng điều tốt nhất đó của họ vẫn chưa đủ tốt, vì vậy chiếc cầu kia đã gãy và rơi.

Thay vì tranh cãi, anh cười phá lên.

Mấy thứ đó không giống nhau, anh bảo.

Không à?

Ừ.

Greta nhận ra rằng thái độ như thế – bao dung, tự tách mình ra khỏi chuyện rắc rối – thật ra là một may mắn với cô, bởi vì cô là nhà thơ, và những thứ trong thơ cô lại chẳng cách nào có thể gọi là vui thú hay giải thích được.

(Mẹ Peter và những người làm việc với anh – những người biết rõ anh – vẫn gọi cô là nữ thi sĩ. Cô đã dặn anh đừng gọi cô thế. Ngoài ra chẳng có ai cần phải dặn bảo nữa cả. Những người bà con ngày xưa hẳn cô không bao giờ gặp lại trong đời mình, và những người cô biết bây giờ trong vai trò làm vợ, làm mẹ thì chẳng cần ai dặn chuyện xưng hô vì họ chẳng biết gì mấy thứ thơ thần.)

Sau này, khi cô nhớ lại, thật khó giải thích tại sao thời ấy cái này thì được chấp nhận, cái khác thì không. Người

ta có thể nói, ồ, chủ nghĩa nữ quyền từng hoàn toàn không được chấp nhận đó thôi. Bạn liền giải thích hồi đó cả chữ “nữ quyền” còn chưa được dùng. Rồi bạn phải nói ngắn gọn rằng chỉ cần một ý tưởng nghiêm túc thôi, chưa nói tham vọng này khác, hay ngay cả đọc một cuốn sách thực sự, cũng khiến bạn trở thành kẻ đáng nghi, biết đâu chẳng vì thế mà con của bạn mắc chứng viêm phổi do bị bỏ bê, và một nhận xét chính trị trong bữa tiệc văn phòng có thể làm chồng bạn mất cơ hội thăng tiến. Bất kể bạn đứng về phe nào. Nếu là phụ nữ, hể bạn mở miệng ra có chuyện. Người ta sẽ cười bảo, Ồ, nghe cô ấy nói giỡn kìa, và bạn phải trả lời, À, cũng không hẳn thế. Rồi bạn thêm, dù vậy, nếu làm thơ thì phụ nữ an toàn hơn đàn ông. Có một thời danh hiệu nữ thi sĩ được dùng thoải mái, dễ như ăn kẹo bông vậy. Peter không cảm thấy thế, cô nói vậy, nhưng bạn cần nhớ anh sinh ở châu Âu. Mặc dù anh hiểu tại sao cánh đàn ông đồng sự có lối suy nghĩ thành kiến như thế.

Mùa hè năm đó, trong vòng một tháng hoặc lâu hơn, Peter phải đi coi sóc công việc ở Lund, rất xa, trên đất liền, xa lắm về phía Bắc. Tại đó, không có phòng ở cho Katy và Greta.

Nhưng Greta vẫn giữ liên lạc đều với bạn gái, một người có thời làm việc chung trong thư viện Vancouver, nay đã lập gia đình và đang sống ở Toronto. Cô ấy và chồng sẽ đi du lịch châu Âu một tháng hè – anh ấy là thầy giáo – và cô đã viết thư cho Greta hỏi là liệu Greta và gia đình

có vui lòng – lời lẽ thật lịch sự – tới sống trong nhà của họ ở Toronto vào khoảng thời gian ấy không, để cho nó khỏi trống vắng. Greta viết thư trả lời, kể cho bạn nghe về công việc của Peter, ngỏ ý vẫn muốn đến ở nhà bạn, chỉ hai người, mình và Katy.

Vì thế giờ đây gia đình họ kẻ vẫy tay từ biệt trên toa tàu, người thì vẫy dưới sân ga.

Thời ấy có một tạp chí, tên *Những câu trả lời vang vọng*, xuất bản không đều ở Toronto. Greta tìm thấy nó trong thư viện và gửi đến tòa soạn vài bài thơ của mình. Hai bài thơ của cô được in, kết quả là khi người biên tập của tạp chí đến Vancouver, mùa thu vừa rồi, Greta đã được mời đến dự tiệc với nhiều cây bút khác, để gặp ông ta. Bữa tiệc được tổ chức tại nhà của một nhà văn mà tên tuổi rất quen thuộc với cô. Tiệc tổ chức khi chiều muộn, Peter đi làm chưa về, vì vậy Greta thuê một người coi em và lên xe buýt từ Bắc Vancouver, qua cầu Lion's Gate, xuyên công viên Stanley. Rồi cô phải đợi ở vịnh Hudson để đón một chuyến xe dài nữa tới khuôn viên đại học, nơi nhà văn kia cư ngụ. Xuống xe buýt ở trạm cuối, cô tìm thấy đường vào và vừa đi vừa nhìn số nhà. Cô mang giày cao gót nên bước chậm. Cô mang áo đầm đen cầu kì, dây kéo sau lưng, may thắt ở eo, lúc nào cũng siết chặt lấy hông. Cái áo làm mình thật kì quặc, cô nghĩ thầm, trong khi khập khiễng bước dọc theo đường vòng không có lề đường, người bộ hành độc nhất trong chiều tà. Những căn nhà hiện đại, những cửa sổ có

tranh, như thường thấy ở ngoại ô sang trọng, không phải là xóm nhà cô tuồng. Cô bắt đầu tự hỏi liệu mình có đi lạc không đây, nhưng không khổ sở lắm khi nghĩ khả năng ấy đang xảy ra. Cô có thể vòng lại trạm xe buýt và nghỉ trên băng ghế dài, kéo tuột đôi giày ra và ngồi thong thả trên xe buýt suốt chặng đường trở lại nhà mình.

Nhưng rồi cô thấy những chiếc xe hơi đỗ bên đường, thấy số nhà, đã quá trễ để quay lại. Trong nhà đầy tiếng cười nói vọng ra sau lần cửa đóng, cô phải rung chuông hai bận.

Một người phụ nữ ra đón nhưng trông bà ta dường như đang chờ một người nào khác, cũng không tỏ vẻ chào mời – người đàn bà chỉ mở cửa và Greta hỏi rằng đây hẳn là nơi có tiệc chăng.

“Cô nhìn thử mà xem?” Người đàn bà hỏi, và hơi nghiêng mình bên khung cửa, vẫn đứng chần lối đi, cho đến khi Greta nói, “Tôi có thể vào nhà được không?” bà mới bước tránh ra như thể cử động ấy làm bà đau đớn. Bà ta không bảo Greta đi theo mình nhưng Greta vẫn cứ đi, mặc kệ.

Không ai trò chuyện với cô, không ai để ý tới người mới đến, nhưng chỉ một lát sau có một cô bé đi tới với cái khay trên có những li đựng thứ nước kiểu chanh đường màu hồng hồng. Greta cầm li lên, uống ực một hơi, và lấy thêm li nữa. Cô cảm ơn con bé, cố gắng trò chuyện với nó về cuộc đi bộ dài nóng nực, nhưng nó chẳng quan tâm, quay người đi làm bốn phần của mình.

Greta tiếp tục. Cô kiên nhẫn mỉm cười. Không ai nhận ra hay tỏ ra vui vẻ với cô, mà cũng đúng, tại sao họ phải làm thế. Cái nhìn của mọi người lướt qua người cô và rồi lại tập trung vào câu chuyện rôm rả của mình. Họ cười nói. Mọi người trừ Greta đều có bạn, có chuyện đùa, có những bí ẩn riêng tư, ai cũng có vẻ đang có người khác chào đón họ. Trừ cô bé lượn đi lượn lại mang những li hồng hồng.

Cô không nản. Li nước làm cô đỡ mệt và cô quyết định uống thêm li nữa khi cái khay trở tới bên cạnh. Cô quan sát một nhóm người đang trò chuyện, để ý kẻ hở có thể chen vào. Cô gần như tìm thấy được một kẻ hở như thế khi cô nghe một người nào đó nhắc tên các bộ phim. Những bộ phim châu Âu bắt đầu được chiếu ở Vancouver thời ấy. Cô nghe một cái tên mà cả cô và Peter từng coi. *Bốn Trăm Ngọn Gió*. “Ồ, tôi cũng có coi phim đó rồi.” Cô cất tiếng khá lớn và nồng nhiệt khiến ai cũng quay lại nhìn, một người, có vẻ nhân vật chính, nói, “Thế à?”

Greta rõ ràng say. Một loại rượu vang và nước buổi hồng hồng trộn nhau uống vội. Cô không để tâm lắm về vẻ ghẻ lạnh của mọi người như thường khi. Cô biết mình say, nhưng cảm thấy trong không khí thế này mọi thứ đều được phép, cũng không quan trọng gì nữa chuyện có ai chịu làm quen hay không. Cô đi lòng vòng, thỉnh thoảng đưa ra nhận xét này nọ.

Có một nhóm người ở bên vòm cửa có vẻ quan trọng. Trong số đó cô nhận ra người chủ nhà, nhà văn mà tên tuổi và khuôn mặt cô biết khá lâu. Ông ta nói lớn tiếng,

câu chuyện lộn xộn, không khí quanh ông và mấy người đàn ông khác có vẻ nguy hiểm, như thể họ sẵn sàng ném vào mặt bạn sự tức tối. Mấy bà vợ của họ, cô tin thế, đứng bao quanh thành vòng tròn mà cô muốn xông qua.

Người đàn bà ra mở cửa cho cô không tham gia nhóm nào nhưng cũng là một nhà văn. Greta thấy bà quay đầu lại khi có ai đó gọi tên. Đó là tên một người có bài trên tạp chí mà cô cũng có thơ đăng. Trong một hoàn cảnh thế này liệu có nên đứng lên tự giới thiệu không? Một cú trả đũa cho thái độ lạnh lùng ở cửa?

Nhưng bây giờ nhà văn nữ ấy đang bận cúi xuống vai người đàn ông gọi mình và rõ ràng họ không thích gì chuyện bị cắt ngang. Trước đó, cô thầm nghĩ, chắc bà ấy cũng bị cô lập như chính cô thôi, đâu phải vợ của ông nhà thơ nào. Nhưng bà ta đâu dám đi quanh mỉm cười với mọi người như Greta, cô rõ ràng dửng dưng hơn nhiều.

Nghĩ thế Greta tự nhiên muốn ngồi xuống, nhưng vì không có ghế, cô đành ngồi bệt xuống sàn. Cô cố nghĩ câu gì vui vui để giải thích khi có ai hỏi, nhưng xung quanh không có ai để nghe cô cả.

Chính thế. Cô nghĩ rằng khi đi với Peter tới những bữa tiệc của kĩ sư, không khí ở đó khá dễ chịu nhưng các cuộc trò chuyện chán ngắt. Ở đây thì chuyện trò hẳn không đến nỗi chán nếu mình được tham gia vào. Nhưng không khí có phần đe dọa. Vì sao thế? Là bởi ở bữa tiệc công việc của Peter, mọi người đều biết vị trí của mình và đều an

tâm với sự thu xếp ấy. Bởi thế ai cũng cư xử thân thiện. Ở đây, không ai được an toàn như thế cả. Sự phán xét xảy ra sau lưng bạn, hay dưới bếp, ngay với những nhà văn danh tiếng, đã có sách xuất bản. Một không khí trí tuệ và lo âu, bất kể bạn là ai.

Và ở chốn đây, cô ngồi đợi ai đó ném cho mình một mẩu đề tài đăng mà bắt lấy.

Khi đã tự xây dựng một lí thuyết về cảm giác không thoải mái ở đây, cô thấy lòng liền dịu lại, chẳng quan tâm gì nữa chuyện có ai thêm bắt chuyện hay không. Cởi giày ra, cô hoàn toàn thư thái. Cô ngồi trên sàn nhà dựa hẳn vào tường, chân duỗi thẳng chắn lối đi hẹp của bữa tiệc. Cô không muốn rượu đổ lên thảm, nên nốc cạn hết một hơi.

Một người đàn ông tới đứng ngay trước mặt cô, anh bảo, “Cô bạn tới đây bằng cách nào?”

Cô cảm thấy tội nghiệp cho những bàn chân bị tù túng trong giày của anh ta. Cô cảm thấy tội nghiệp cho những người đang đứng. Cô trả lời cô được mời.

“Hẳn rồi. Nhưng cô lái xe tới đây à?”

“Tôi đi bộ.” Nói thế chưa đủ, ngần ngừ một lát cô thêm.

“Tôi tới bằng xe buýt rồi đi bộ vào đây.”

Một người đàn ông ở trong nhóm những người bao quanh nhân vật chính khi nãy tới đứng sau lưng anh chàng mang giày kia. Anh ta bảo, “Ý tưởng tuyệt vời”. Và tỏ vẻ sẵn lòng trò chuyện với cô.

Người đến trước không chú ý đến anh chàng lạ mặt này.

Anh ta đem đôi giày của Greta lại, nhưng cô từ chối, giải thích chân cô đau lắm.

“Hãy mang giày vào. Nếu không tôi sẽ tự mình mang cho cô đấy. Cô đứng lên được chứ?”

Cô nhìn quanh tìm kiếm người đàn ông quan trọng kia, nhưng ông ta không còn ở đó. Bây giờ thì cô bắt đầu nhớ lại những trang viết của ông ấy. Một vở kịch về Doukhobour, đã gây nhiều dư luận, bởi vì những nhân vật phải khỏa thân. Tất nhiên đó không phải là những người Doukhobour thật, họ là các diễn viên. Và tất nhiên họ không được phép tuột áo quần ra thật.

Cô cố gắng giải thích điều này cho anh chàng đến sau đang giúp cô đứng dậy, nhưng anh ta chẳng chú ý tới vụ vở kịch. Cô hỏi là anh viết cái gì, anh trả lời rằng anh không phải là nhà văn, chỉ là một kí giả. Anh tới đây với con trai và con gái, cũng là cháu ngoại của chủ nhà. Hai đứa này giờ mang thức uống đến cho mọi người.

“Thứ đồ uống chết người”, anh ta nói, ám chỉ những li rượu. “Dở thậm tệ.”

Bây giờ thì họ đã ở bên ngoài. Cô bước đi, chân mang vớ nhưng không giày trên cỏ, suýt nữa giẫm phải một vũng nước.

“Có ai đó đã đổ nước ra đây,” cô bảo.

“Chắc thế,” anh nói, đưa cô vào trong xe. Không khí bên ngoài làm thay đổi tâm trạng cô, từ hứng khởi đến ngượng ngùng, gần như xấu hổ.

“Bắc Vancouver,” anh nói. Chắc là khi nãy cô có nhắc tới. “Phải vậy không? Đi thôi. Ngả qua Lion’s Gate.”

Cô hy vọng anh không hỏi cô đã làm gì ở buổi tiệc. Nếu cô phải nói rằng mình là một nhà thơ thì tình trạng hiện nay của cô, sự nhõng nhẽo quá đáng, sẽ bị coi là thói tệ hại tiêu biểu của nữ thi sĩ mất. Trời chưa tối, nhưng chiều đã muộn. Họ dường như đang chạy đúng hướng, dọc theo bờ nước qua cầu Burrad. Rồi nhiều lối rẽ nữa. Cô mở lớn mắt nhìn những hàng cây chạy dọc đường, nhắm mắt lại, không phải cố ý. Khi xe dừng lại sớm, cô biết rõ họ chưa về tới nhà. Tức là nhà cô.

Có những tàng cây lớn ở trên đầu họ. Không thấy một ngôi sao nào cả. Nhưng chúng chiếu xuống mặt nước, làm nước sáng lên ở khoảng giữa nơi họ ngồi và quảng sáng đô thị.

“Hãy ngồi xuống và cân nhắc xem”, anh bảo thế.

Cô bị mê hoặc bởi chữ ấy.

“Cân nhắc.”

“Cô định vào nhà ra sao, ví dụ thế. Có giữ vẻ tỉnh táo đang hoang được không. Đừng làm quá. Ra vẻ thần nhiên thì hơn chẳng? Tôi đoán chừng cô có một ông chồng.”

“Tôi sẽ phải cảm ơn anh vì chở tôi về nhà,” cô nói. “Vì vậy anh nên cho tôi biết tên anh là gì thì hơn.”

Anh bảo đã nói tên mình cho cô rồi. Có thể hai lần là đáng khác. Nhưng giới thiệu một lần nữa cũng không sao. Tên Harris Bennett. Bennett. Anh là con rể của cặp

vợ chồng tổ chức buổi tiệc. Những đứa trẻ kia là con của anh, những đứa đi mời thức uống. Anh và chúng đến thăm gia đình từ Toronto. Vậy đủ chưa?

“Thế mẹ chúng đâu?” cô hỏi.

“Bọn trẻ có mẹ chứ, nhưng cô ấy ở trong bệnh viện.”

“Ồ tôi xin lỗi.”

“Không cần đâu. Đó là một bệnh viện khá tốt. Chuyên về các bệnh tâm thần. Hay có thể nói là các bệnh xúc cảm.”

Greta vội vàng đáp lễ rằng chồng mình tên Peter và anh ấy là kĩ sư, và họ đã có với nhau một đứa con gái tên Katy.

“Ồ, thật tốt,” anh nói thế, và thôi không trò chuyện với cô nữa.

Ở trên cầu Lion's Gate anh bảo, “Tôi xin lỗi đã nói năng như vậy. Tôi đang mãi nghĩ không biết có nên hôn cô hay không, nhưng rồi tôi quyết định là không nên.”

Cô nghĩ, tức là anh muốn nói ở người cô có một điều gì đó ngăn anh lại. Thật mất mặt, bỗng dưng trở thành nữ tu khổ hạnh.

“Bây giờ chúng ta qua cầu rồi, liệu có nên chạy về đường Marine không?” anh tiếp tục. “Cô hướng dẫn tôi nhé.”

Suốt mùa thu và mùa đông và cả mùa xuân sau đó nữa không một ngày nào cô không nghĩ về anh. Giống như giấc mơ tới chỉ vài phút trước khi ta ngủ thiếp đi. Cô ngả đầu lên gối trên ghế sofa, tưởng tượng đang tựa đầu vào tay anh. Ai mà tưởng tượng được là cô có thể nhớ như in

khuôn mặt người đàn ông ấy. Nhưng cô nhớ từng chi tiết, nhớ khuôn mặt với những nếp nhăn có vẻ mệt mỏi, hài hước, kiểu người hay ở trong nhà. Không phải vì cơ thể bạc nhược, mà giống như một thứ bị hao mòn đi nhưng vẫn mạnh mẽ và đáng thêm khát khôn tả.

Cô gần như chảy nước mắt vì thương nhớ. Thế nhưng tất cả hoang tưởng kia liền rơi vào giấc đông miên một khi người chồng trở về. Tình cảm mỗi ngày giữa họ được thổi bùng lên, đáng tin cậy như bao giờ cũng thế.

Giấc mơ giống như thời tiết của Vancouver – một niềm thương xót bụi ngùi, một nỗi buồn mưa gió li ti, một sức mạnh luân chuyển vòng quanh trái tim ta.

Còn việc từ chối cái hôn, hình như một cú chơi không đẹp, cô biết phải làm sao đây?

Chỉ giản dị là triệt tiêu nó. Thôi đành quên, mãi mãi.

Nhưng còn thơ của cô? Không một dòng, không một chữ. Không dấu vết nào chứng tỏ cô còn nhớ đến chúng.

Tất nhiên cô dành cho những cơn nhớ nhưng kia góc kín đáo trong tâm hồn, mỗi khi Katy đã ngủ. Đôi khi cô gọi lớn tên anh, liềm ôm lấy nỗi xuẩn ngốc của mình. Sau đó cô lại phát ngượng, tự nguyện rửa mình. Đồ ngu. Xuẩn ngốc.

Nhưng chuyện tình cờ kia đến, công việc ở xứ Lund, lời đề nghị về căn nhà Toronto. Thời tiết âm u bỗng sáng ra, mở một lối cho nỗi đời táo bạo.

Cô bỗng nhận ra mình đang ngồi viết một bức thư, không

phải bắt đầu một cách thông thường. Không có câu Harris thân mến. Cũng không bắt đầu đại loại “anh còn nhớ tôi không.”

Em viết thư này như bỏ mảnh giấy vào chai

Thế thôi, hy vọng

Sóng xô về đâu, về Nhật Bản ngày mai.

Bức thư này hơi giống một bài thơ.

Cô chẳng bao giờ biết địa chỉ người nhận. Cô đủ can đảm và thừa điên khùng để nhắc máy gọi điện thoại cho người tổ chức bữa tiệc. Nhưng khi đầu dây kia một người đàn bà trả lời thì miệng cô khô lại, há ra như đất cằn vùng giá rét, và cô liền gác máy. Rồi cô lại đẩy xe đưa bé Katy tới thư viện công cộng và tìm được cuốn danh bạ điện thoại Toronto. Có nhiều cái họ Bennett nhưng không có người nào có tên Harris hay H. Bennett.

Cô nghĩ ra một ý tưởng điên rồ hơn, tìm kiếm trong các mục cáo phó, tin buồn. Cô không thể dừng lại được. Cô chờ đến khi một người đến trước đọc báo lưu của thư viện đã xong. Cô không đọc các báo phát hành từ Toronto bởi cô phải đi qua cầu mới kiếm mua được chúng và Peter bao giờ cũng mang về nhà tờ *Mặt trời Vancouver*. Lật giờ nhiều trang, cuối cùng cô cũng tìm thấy tên anh trên một cột báo. Vậy là anh không chết. Một cây bút phụ trách chuyên mục. Tất nhiên anh không muốn người khác làm phiền bằng cách gọi về nhà riêng.

Nhà bình luận chính trị. Bài viết của anh tỏ ra sắc sảo, nhưng cô chẳng hề quan tâm tới chuyện ấy.

Cô gửi bức thư về tòa soạn. Cô không biết chắc anh có tự mình mở thư không, còn nếu cô ghi chữ “Thư riêng” lên phong bì thì có thể phiền hà, cuối cùng cô chỉ viết ngày đến Toronto, thời giờ chuyến xe lửa, sau mấy dòng nói về cái chai đựng thư kia. Không có tên. Cô nghĩ nếu có ai mở ra, sẽ cho là có một người bà con già nua đầu đó viết lảm cẩm. Chẳng có lời nào cụ thể về anh, ngay cả bức thư kì lạ kia có tới nhà anh và vợ anh đọc được, sau khi cô ta từ bệnh viện về, thì cũng chẳng hiểu mô tê gì.

Rõ ràng Katy không hiểu việc Peter còn đứng trên sân ga có nghĩa là cha nó sẽ không đi cùng. Khi hai mẹ con bắt đầu di chuyển còn người cha thì không, và rồi khi tàu chạy nhanh lên bỏ lại người cha một mình, con bé không còn chịu được nữa. Nhưng rồi nó dịu xuống, sau một lúc. Nó bảo Greta rằng cha sẽ tới cùng lúc với họ vào sáng hôm sau.

Khi buổi sáng tới, Greta lại lo nhưng Katy không nói gì nữa về sự vắng mặt kia. Greta hỏi con có đói không, nó bảo có, giải thích cho mẹ – vì Greta đã từng bảo nó trước khi lên xe lửa – rằng bây giờ họ phải thay đồ mặc ngủ ra, và chuẩn bị ăn sáng ở một phòng khác.

“Con muốn ăn gì đây?”

“Hột đậu chiên.” Ý nó đòi món gạo rang cho trẻ con.

“Chúng ta sẽ xem trên tàu họ có thứ ấy không”.

Trên tàu có món ấy.

“Bây giờ mẹ con mình đi tìm cha chú?” cuối cùng con bé hỏi.

Có một phòng chơi của trẻ con nhưng khá nhỏ. Một đứa con trai và một đứa con gái – chắc là hai anh em, bởi bộ dạng chúng giống nhau – chiếm mất rồi. Chúng đẩy mấy chiếc xe hơi nhỏ va vào nhau. Ầm ầm.

“Đây là Katy,” Greta nói với chúng. “Cô là mẹ của nó. Tên của các cháu là gì đây?”

Trò chơi ngày càng ác liệt nhưng bọn trẻ không ngưng mặt lên.

“Cha không có ở đây,” Katy bảo mẹ.

Greta quyết định dẫn con quay trở lại và tìm cho Katy cuốn Christopher Robin để mang lên toa có vòm kính¹ đọc. Họ không muốn làm phiền ai, giờ ăn điểm tâm vẫn còn và xe chưa đi đến quãng có cảnh núi non đẹp.

Rắc rối xảy ra khi cô đọc xong cuốn Christopher Robin và Katy muốn mẹ đọc lại ngay lập tức. Trong lần đọc đầu tiên con bé giữ im lặng, nhưng bây giờ nó bắt đầu chen lời vào cuối mỗi câu. Nó bắt chước véo von chữ này chữ khác dù vẫn không tự mình đọc lấy. Greta biết điều này làm phiền người khác khi mọi người đến đông hơn. Vào tuổi Katy, trẻ con không biết sự đơn điệu là gì. Thực ra

1 Nguyên văn: Dome car, một toa hành khách trên xe lửa, có một vòm bằng kính trên nóc để ngắm cảnh, phổ biến ở Mỹ và Canada. – ND

chúng rất khoái trò lặp đi lặp lại, lấy lưới đảo trộn các chữ thân quen như thể đó là kẹo ăn được mãi.

Một chàng trai và một cô gái leo lên mấy bậc thang và ngồi đối diện Greta và Katy. Họ chào hai mẹ con với vẻ vui tươi và Greta đáp lời. Katy tỏ vẻ không hài lòng, tiếp tục đọc nho nhỏ trong khi dán mắt vào trang sách.

Từ bên kia lối đi, giọng của chàng trai, cũng nhỏ như giọng đọc của Katy:

Họ đổi phiên gác ở cung điện Buckingham

Christopher Robin đi xuống cùng Alice...

Sau khi đọc xong mấy câu ấy cậu ta liền tiếp theo. “Tôi không thích chúng, Sam-là-tôi.”

Greta cười phá lên nhưng Katy thì không. Greta có thể thấy được là con gái hơi chướng mắt. Nó thông cảm với những chữ lằng nhằng vô nghĩa được đọc từ một cuốn sách nhưng không thích những chữ ấy được nói ra trông không như vậy.

“Xin lỗi,” chàng trai nói với Greta. “Chúng tôi là trẻ mầm non. Đó là thứ văn học của chúng tôi.” Cậu ta nghiêng người về phía trước, trò chuyện một cách trang nghiêm và dịu dàng với Katy.

“Đó là một cuốn sách hay, phải vậy không?”

“Anh ấy muốn nói là chúng tôi làm việc với trẻ mầm non,” cô gái đi theo chàng trai bảo Greta. “Đôi khi chúng tôi cứ nói lẫn thế.”

Chàng trai tiếp tục câu chuyện với Katy.

“Tôi có thể đoán được tên em không. Tên gì nhỉ? Có phải là Rufus không? Hay là Rover?”

Katy cắn môi nhưng không cảm được một câu trả lời bực tức.

“Em không phải là con chó,” nó nói thế.

“Rõ ràng rồi. Lẽ ra anh không nên ngốc thế. Anh là một chàng trai. Tên anh là Greg. Chị này là Laurie.”

“Anh ta chọc ghẹo em đó mà,” Laurie nói. “Hay là chị nên đập cho hắn một cái?”

Katy ngẫm nghĩ một lúc, rồi bảo, “Không nên.”

“Alice sẽ cưới một chàng lính canh,” Greg tiếp tục, “Cuộc đời quân nhân thật gian khổ, Alice than thở.”

Khi Greg đọc đến câu cuối, Katy nói “Alice” họa theo.

Laurie bảo Greta họ đang tập huấn lớp mẫu giáo, thực hành lối kể chuyện hài hước. Việc đó gọi là tập đọc sách. Thật ra họ là những nghệ sĩ. Cô sẽ xuống ga ở Jasper, nhận việc mùa hè là chạy bàn trong tiệm ăn và đóng những hài kịch nhỏ. Đó thì không phải là tập đọc sách, mà là món giải trí người lớn rồi.

“Lạy Chúa” cô ta nói. Rồi cười phá lên. “Kiếm được việc gì thì làm thôi.”

Greg thoải mái hơn, và sẽ xuống ở Saskatoon. Gia đình anh ở đó.

Bọn họ thật xinh đẹp, Greta nghĩ thầm. Chàng trai cao, rắn rỏi, mảnh mai một cách kì lạ, có mái tóc xoăn màu

sẫm, cô gái tóc đen, da thịt mỡ màng như Madonna. Khi Greta nói hai người trông giống giống nhau, bọn họ bảo là đôi khi họ cũng lợi dụng điều này, khi cần phải thu xếp chuyện ăn ở. Điều đó làm việc thuê chung phòng dễ như bốn, nhưng họ phải nhớ yêu cầu hai giường ngủ và làm cho cả hai cái bữa bọn lên sau một đêm.

Và bây giờ, họ nói với Greta, bây giờ thì họ không cần phải lo lắng nữa. Không có gì làm họ bức mình. Họ đang chia tay, sau ba năm ở bên nhau. Họ giữ mình mấy tháng rồi, ít nhất là trong quan hệ giữa hai người với nhau.

“Hết chuyện cung điện Buckingham,” Greg bảo Katy. “Bây giờ anh phải làm bài tập đã.”

Greta nghĩ thầm có lẽ anh ta sắp đi xuống phía dưới hoặc ít nhất là tới chỗ lối đi để làm một vài động tác thể dục mềm dẻo, nhưng chàng ta và Laurie chỉ ngửa đầu ra sau, uốn cổ ra, và bắt đầu hát líu lo, kêu lảnh lói và hát những bài nhạc kì quái. Katy rất thích thú, coi đó là món quà tặng, như thể là một màn biểu diễn dành riêng cho mình. Nó bắt đầu tỏ vẻ là một khán giả đứng đắn – ngồi rất im cho đến khi bài tập kết thúc, rồi phá ra cười ngặt nghẽo.

Một số người đang tính đi lên dừng lại ở chân thang, không vui vẻ được như Katy và không biết phải làm gì.

“Xin lỗi,” Greg nói, không giải thích gì cả nhưng với một dáng điệu thân mật. Chàng ta đưa tay ra cho Katy.

“Hãy tìm xem có phòng chơi nào không.”

Laurie và Greta đi theo họ. Greta hy vọng rằng chàng trai này không phải là loại người tìm cách kết bạn với trẻ con để tự đánh giá khả năng giao tế của mình, rồi cảm thấy chán và bức mình khi nhận ra sự nhiệt thành của một đứa bé là vô tận.

Đến giờ ăn trưa hay trước đó, cô biết mình không cần phải lo lắng thế. Không những sự hăng hái của Katy không làm Greg mệt mỏi, mà khi những đứa trẻ khác tham gia trò chơi, anh cũng chẳng tỏ ra mệt tí nào.

Thật ra Greg không cố tình bày trò thi đua. Anh sắp xếp mọi việc sao cho sự chú ý của mọi đứa bé tập trung vào anh chuyển thành sự chú ý của bọn trẻ đối với nhau, và vào trò chơi, sống động, thậm chí ồn quá mức, nhưng không ngổ nghịch quá đáng. Không có đứa trẻ nào tỏ ra tức tối. Những trò nhõng nhẽo biến mất. Chỉ tiếc không đủ thì giờ – quá nhiều trò vui tiếp tục. Thật là phép lạ, thói nghịch ngợm trẻ con đã được dàn xếp gọn gàng trong không gian nhỏ hẹp. Bọn trẻ chơi đùa nhiều như thế sẽ ngủ say vào buổi chiều.

“Anh ấy thật tuyệt,” Greta bảo Laurie.

“Gần như không chỗ nào chê,” Laurie nói. “Anh ấy không sợ phí sức lực. Chị biết không? Rất nhiều nghệ sĩ tiết kiệm sức lực của họ. Đặc biệt các diễn viên. Ra khỏi sân khấu là y như chết vậy.”

Greta trầm nghĩ, đó cũng là điều mình đang làm. Mình đang tiết kiệm sức lực đây. Thận trọng với Katy, cẩn thận với Peter.

Trong mười năm hai vợ chồng đi vào tình trạng ấy, mặc dù cô không chú ý, gần như mọi thứ đều tập trung vào việc kiểu thế này. Đã tới tình trạng trước đây chưa từng có. Buông trôi theo dòng. Cho đi. Một số người cho đi, một số người không. Rào cản giữa cái bên trong và bên ngoài của tâm trí bạn bị đập đổ. Sự chân thực đòi hỏi điều ấy. Những thứ như thơ của Greta, những thứ không trôi ra một cách tự nhiên, trở nên bị nghi ngờ và bị nhạo báng. Tất nhiên cô đã làm hết sức mình, bực bội tìm kiếm, cứng cỏi một cách bí mật như những cái đinh đóng ngược. Nhưng giờ thì bé Katy đã chịu Greg, say mê những điều anh làm; việc ấy thì Greta thành thật biết ơn.

Về chiều, như Greta đoán trước, bọn trẻ ngủ vùi. Những người mẹ một số cũng đi ngủ. Một số khác chơi bài. Greg và Greta vẫy tay tiễn Laurie khi cô nàng xuống tàu ở Jasper. Laurie gởi một nụ hôn gió từ sân ga. Một người đàn ông lớn tuổi hơn xuất hiện, cầm lấy vali của cô, hôn cô âu yếm, nhìn về đoàn tàu và vẫy tay với Greg. Greg vẫy tay lại.

“Kẻ thế chỗ lúc này,” anh nói.

Nhiều cái vẫy tay nữa khi đoàn tàu rời đi, rồi anh ta và Greta đưa Katy trở lại toa tàu, con bé ngủ thiếp giữa hai người, vẫn ngủ ngay cả khi tàu giật xóc. Họ mở tấm màn cửa ra để có nhiều không khí, bây giờ không sợ trẻ con rơi ra ngoài nữa.

“Có con thật cực kì” Greg bảo thế. Lại một cách diễn đạt mới mẻ, hay ít nhất cũng mới với Greta. “Đúng vậy,” Greta nói.

“Chị rất bình thản. Sắp tới thế nào chị cũng nói, đòi là thế đó.”

“Tôi sẽ không nói thế đâu.” Greta bảo, nhìn sững anh ta một lúc cho đến khi Greg lắc đầu và cười phá lên.

Anh nói với cô rằng anh trở thành một diễn viên cũng vì anh đi nhà thờ. Gia đình anh theo đạo Thiên Chúa, thuộc một nhánh mà Greta chưa hề nghe đến bao giờ. Giáo phái này không có đông giáo dân nhưng giàu có, hay ít nhất cũng được vài người giàu có. Họ xây một nhà thờ có rạp hát bên trong ở một thị trấn giữa thảo nguyên. Đó là nơi mà anh tập đóng kịch khi chưa tới mười tuổi. Họ diễn những vở kịch lấy điển tích trong Thánh kinh và cả những chuyện mới, về những điều tệ hại mà dân chúng mắc phải khi họ không có lòng tin vào Thiên Chúa. Gia đình anh tự hào về anh và chính anh cũng cảm thấy thế. Anh không bao giờ dám nghĩ đến chuyện kể cho họ nghe về những chuyện xảy ra khi những người cải đạo giàu có đứng cầu nguyện và được ban phép lành. Dù sao cậu trai nhỏ cũng thích được mọi người tán thưởng và quả thực anh thích đóng kịch.

Cho đến một ngày đứa bé nhận ra rằng nó có thể đóng kịch mà không nhất thiết phải làm theo phép tắc nhà thờ. Anh dùng những lời lẽ rất lịch thiệp để giải thích nhưng người ta bảo anh bị Quỷ ám. Anh cười ha ha và nói tôi biết cái gì đang ám tôi.

Tạm biệt.

“Tôi không muốn chị nghĩ rằng những chuyện ấy là xấu. Tôi vẫn tin vào cầu nguyện và mọi thứ khác. Nhưng tôi không bao giờ có thể kể cho gia đình tôi nghe điều gì xảy ra với mình. Bất cứ điều gì dù chỉ là nửa sự thực cũng làm họ không chịu nổi. Chị có biết những người như thế không?”

Cô bảo Greg rằng khi cô và Peter lần đầu chuyển về Vancouver, bà nội của cô, lúc ấy vẫn ở Ontario, có biết một vị linh mục nhà thờ ở đó. Ông gọi điện thoại và cô, Greta tỏ ra khinh khỉnh lạnh lùng với ông. Vị linh mục nói rằng ông sẽ cầu nguyện cho cô nhưng cô nói thẳng rằng cô chẳng quan tâm. Bà nội cô lúc đó đang hấp hối. Greta cảm thấy xấu hổ và phát khùng lên về sự xấu hổ của mình mỗi khi cô nghĩ tới chuyện ấy.

Peter chẳng hiểu gì cả. Mẹ anh chẳng bao giờ tới nhà thờ, mặc dù một trong những lí do khiến ngày trước bà mang anh qua những ngọn núi là để họ có tự do trở thành người Công giáo. Anh nói Công giáo là chọn lựa tốt, bao giờ cũng giúp người ta có nhiều ưu thế trên đời.

Suốt từ nãy đến giờ, đó là lần đầu cô nghĩ tới Peter.

Thực tế là cô và Greg đã uống một ít rượu trong khi cuộc trò chuyện buồn rầu nhưng dễ chịu của họ tiếp tục. Anh mang tới một chai rượu *ouzo*. Cô thận trọng với nó như lúc nào cũng thế đối với rượu, kể từ sau buổi tiệc với các nhà văn kia, nhưng rồi tác dụng của nó cũng xuất hiện. Dù để họ ve vuốt tay nhau, hôn hít và đụng chạm. Tất cả chuyện ấy xảy ra bên một đứa trẻ đang ngủ.

“Chúng mình phải dừng lại thôi,” Greta bảo. “Nếu không sẽ rất tệ hại.”

“Có phải chúng mình đâu,” Greg bảo. “Những người nào khác đấy chứ.”

“Vậy bảo họ dừng lại. Anh có biết tên của họ không?”

“Xem nào. Reg. Reg và Dorothy.”

Greta bảo “Vậy thì dừng lại, Reg. Con bé ngây thơ của em thì sao?”

“Chúng ta có thể tới giường của anh. Không xa lắm.”

“Nhưng mà em không có...”

“Anh có.”

“Anh không mang sẵn trên mình chứ?”

“Tất nhiên không. Em nghĩ anh là thứ quái gì?”

Thế rồi họ chỉnh lại quần áo xô lệch, rời khỏi khoang tàu, cẩn thận gài tất cả khóa trên màn che khoang giường Katy đang ngủ, và với vẻ mơ màng, cả hai di chuyển lẻ lảng từ chỗ của Greta tới nơi của Greg.

Việc ấy không cần – vì họ chẳng gặp ai cả. Hành khách nào không ở trong toa vòm chụp hình những dãy núi bất tận thì cũng ở trong toa bán rượu bia, hay say ngất ngư đầu đó.

Trong khoang của Greg lộn xộn đồ đạc, họ cởi những đồ mặc còn lại trên người. Cái giường chật khó nằm, nhưng họ xoay xở được, nằm lẫn lên người nhau. Mới đầu họ cười phá lên, sau đó một niềm vui bất tận, chỉ cần nhìn

vào mắt nhau để thỏa mãn. Cấn vào nhau để khỏi bật ra những tiếng kêu la inh ỏi.

“Thích quá,” Greg bảo. “Mọi thứ đều tuyệt.”

“Em phải trở về thôi.”

“Sao vội thế?”

“Katy có thể thức dậy bất cứ lúc nào, không thấy em.”

“Được rồi, được rồi. Anh cũng phải xuống Saskatoon. Cái gì xảy ra nếu đoàn tàu tới đó mà chúng ta đang làm chuyện kia? Chào mẹ ạ. Chào cha ạ. Xin lỗi con đang bận làm cái này một chút. Ô hô!”

Greta điềm tĩnh lại và buông Greg ra. Thật ra cô cũng không quan tâm lắm ai là người cô đã gặp. Cô yếu đuối, hoảng loạn, nhưng bay bổng nhẹ nhàng, giống như một đấu sĩ La Mã – cô thực sự liên tưởng tới điều này và tự mỉm cười – sau một cuộc đấu trên đấu trường.

Dù vậy cô biết cô chưa gặp tri kỉ.

Nút khóa của màn che giường đã bị mở. Cô biết chắc mình đã cài chặt. Mặc dù cái khóa mở nhưng Katy cũng khó mà bò ra ngoài và con bé chắc không làm thế. Có lần Greta đi vệ sinh và cô giải thích một cách rõ ràng cho Katy là không nên chạy theo cô, Katy nói con sẽ không làm vậy đâu, tỏ vẻ mẹ quá coi thường nó.

Greta cầm cái cánh màn mở toang ra, nhưng không thấy Katy đâu hết.

Cô phát điên. Cô chụp cái gối như thể một đứa trẻ cỡ Katy có thể núp đằng sau. Cô đâm vào chăn như thể con bé

nằm im trong ấy. Cô bình tĩnh lại và nghĩ xem chuyến tàu có lúc nào dừng không, và nếu có thì ở đâu, trong khoảng thời gian cô ở bên Greg. Khi tàu dừng lại, nếu quả có một lúc nó dừng, một tên bắt cóc trẻ em có lên được tàu hỏa và bồng con bé đi mất không?

Greta đứng giữa lối đi, cố nghĩ xem làm cách nào để dừng đoàn tàu.

Rồi cô nghĩ, cố làm cho mình nghĩ, rằng thật ra chẳng có gì xảy ra cả. Dừng nghĩ ngợi lung tung. Katy thức dậy, không thấy mẹ và đi tìm. Và nó đi tìm mẹ một mình, thế thôi.

Greta đứng sững. Thân xác cô, tâm trí cô, trống rỗng. Điều ấy không thể xảy ra được. Trở lại, trở lại nữa, trở lại cái lúc mà cô cùng bỏ đi với Greg. Dừng. Dừng lại.

Bên kia lối đi là một cái ghế không có ai ngồi. Một cái áo len phụ nữ và một vài tạp chí để trên ghế như đánh dấu chỗ ngồi. Bên kia nữa một khoang kéo màn kín như khoang của cô – của hai mẹ con – khi nãy. Greta kéo bật màn ra. Một ông già nằm ngủ trở người nhưng không thức dậy. Ông ta chẳng thể nào che giấu một người khác sau lưng mình.

Thật quái lạ.

Một nỗi sợ hãi khác đến. Giả sử Katy đi một mình tới đầu này hay đầu kia của toa tàu và mở được cánh cửa toa tàu ra. Hoặc đi theo một người vừa mở cửa. Ở giữa hai toa tàu có một lối nhỏ, nơi hai toa tàu nối lại với nhau. Ở đó bạn có thể cảm nhận được sự xô đẩy của toa tàu náo động

âm ĩ và ghê sợ. Một cánh cửa nặng nề phía sau lưng bạn, một cánh cửa nặng nề phía trước, và hai bên là những sắt thép loảng xoảng va vào nhau. Những thứ này che khuất bậc tam cấp sẽ thả xuống khi đoàn tàu dừng lại.

Bao giờ ta cũng vội vàng đi qua những chỗ nối hai toa tàu, khi sự va chạm xoay chuyển kim loại nhắc ta nhớ đến những điều sắp xếp không phải bao giờ cũng hiển nhiên. Sự va chạm xoay vần của các sắt thép bình thường mà hối hả.

Cánh cửa cuối toa tàu quá nặng ngay cả với Greta. Hay cô đuối sức vì sợ hãi. Cô dùng vai đẩy mạnh.

Và ở chỗ ấy, giữa hai toa tàu, trên một trong những tấm kim loại và rung động ồn ào liên tục – Katy ngồi đó. Mắt nó mở to, môi hé mở, một mình, sùng sốt. Nó không khóc, nhưng khi nhìn thấy mẹ, con bé òa lên nức nở.

Greta ôm lấy nó, kéo nó vào lòng và loạng choạng lùi lại bên cửa, cánh cửa cô vừa mở ra.

Tất cả các toa xe đều có tên, nhắc nhở các trận đánh, những cuộc phiêu lưu mạo hiểm hay những người Canada có công trạng trong lịch sử. Tên toa xe họ đứng là Connaught. Cô sẽ không bao giờ quên.

Katy không bị tổn thương. Quần áo của nó không bị kẹt vào các tấm sắt ở khoang giữa hai toa xe lửa.

“Con đi tìm mẹ.” Nó nói.

Khi nào? Mới lúc này, hay là ngay khi Greta bỏ con mà đi?

Chắc không phải thế. Nếu thế thì có người đã nhìn thấy, kéo nó lên và kéo còi báo động rồi.

Mặt trời mọc nhưng thời tiết không ấm lắm. Mặt và hai tay cô lạnh giá.

“Con nghĩ mẹ ngồi ở bậc lên xuống” con bé nói.

Cô choàng một cái mền lên người con, và ngay lúc đó cô bắt đầu run lập cập như lên cơn sốt. Cô thấy ngấm bệnh, và có chút buồn nôn lợm lên trong họng. Katy nói, mẹ đừng có đẩy con, và bước lùi lại.

“Mẹ có mùi kì quá hà”, nó nói.

Greta rút tay lại, ngồi tựa hẳn lưng vào ghế.

Thật kinh khủng, cô nghĩ miên man về những điều xảy ra, thật kinh khủng. Con bé vẫn cứng người lại vì phản ứng, tự ngồi nhích ra xa.

Một người nào đó dễ dàng tìm thấy Katy, lúc nó ngồi một mình. Một người tử tế nào đó, không phải kẻ xấu, nhìn thấy con bé ở đó và mang nó tới nơi an toàn. Greta sẽ nghe được những thông báo lo ngại, tin tức loan ra là có một đứa bé bị bỏ rơi trên xe lửa. Một đứa bé khai rằng nó tên là Katy. Cô sẽ luống cuống bò dậy và chạy đi từ chỗ nằm của mình, sửa soạn cho tử tế một chút, chạy thật mau đến chỗ con bé và sẽ nói dối, rằng cô mới đi vệ sinh. Tất nhiên cô sẽ sợ hãi, nhưng vẫn còn hơn là bây giờ bị ám ảnh bởi hình ảnh của Katy ngồi một mình ở đó nơi khoảng trống chật hẹp ồn ào kia, cô độc giữa hai toa xe lửa.

Không khóc, không kêu, như thế nó ngồi đó mãi mãi, và không nhận được một lời giải thích nào của người lớn, không hy vọng. Mắt nó mở to trống rỗng, miệng nó hé

mở, trể xuống, vào giây phút được bế nó mới bắt đầu khóc. Chỉ vào lúc đó con bé mới trở lại với thế giới của nó, quyền của một đứa bé bị tổn thương và kêu khóc.

Bây giờ nó nói không buồn ngủ và muốn thức. Nó hỏi Greg ở đâu. Greta bảo anh chàng đi ngủ vì mệt.

Katy và mẹ đến chỗ toa có vom kính và ngồi suốt buổi chiều. Chỉ có hai mẹ con ở đó. Những người chụp hình dãy Rocky Mountain chắc đã mệt và đi nghỉ. Và như Greg đã từng nhận xét, những cánh đồng cỏ làm họ lảng đi.

Chuyến tàu dừng lại một lát ở Saskatoon và vài người xuống ga. Greg đi xuống giữa những người ấy. Greta nhìn thấy hai người đến đón anh ta, có lẽ cha mẹ. Và có cả một người đàn bà lớn tuổi ngồi trên xe lăn, có lẽ bà nội hay bà ngoại, và rồi một vài người trẻ tuổi hơn đứng vòng quanh vui vẻ, bối rối. Không có ai có vẻ cuồng tín, hay giống những người khó tính hay dễ ghét cả.

Nhưng làm sao nhận ra được người nào như thế trong đám đông?

Greg quay lại và nhìn các cửa sổ tìm kiếm. Greta vẫy tay từ toa xe lửa, anh ta nhìn thấy và vẫy tay lại.

“Kia là Greg,” cô bảo Katy. “Nhìn xuống dưới kia. Anh ta đang vẫy tay. Con vẫy lại đi chứ?”

Nhưng Katy cảm thấy tìm anh ta thật khó khăn. Hay vì nó chẳng cố gắng làm điều ấy. Nó quay đi với vẻ thản nhiên nhưng hơi bực bội và Greg sau một hồi vẫy tay liên tiếp cũng quay đi. Greta tự hỏi có phải con bé trừng phạt

anh vì bỏ rơi nó, nên không muốn nhớ đến anh nữa hay thậm chí không muốn nhận có biết anh.

Thôi được, chuyện đã như vậy thì quên đi.

“Greg có vấy tay với con mà.” Greta bảo khi xe lửa bắt đầu rời ga.

“Con biết chứ.”

Đêm ấy khi Katy đã ngủ bên cạnh mẹ, Greta ngồi viết thư cho chồng. Một bức thư thật dài, cô cố viết cho vui vẻ, về tất cả những người mà họ đã gặp trên xe lửa. Họ thích nhìn qua những chiếc máy ảnh hơn là nhìn vào cảnh thực, những chuyện đại loại thế. Con bé Katy cư xử phải phép. Không nhắc gì về vụ cô để lạc nó, tất nhiên, hay nỗi sợ hãi kia. Cô bỏ thư vào thùng khi những cánh đồng cỏ đã bị bỏ lại phía sau và những rừng cây vân sam trôi đi mãi mãi, và chuyến xe dừng lại vì một lí do nào đó ở một thị trấn nhỏ hoang phế có tên Hornepayne.

Những giờ thức giấc còn lại qua hàng trăm dặm cô đều dành cho Katy. Cô thậm chí biết sự săn sóc này chưa từng có trước đây. Tất nhiên cô là vẫn chăm con, mặc áo cho nó, cho nó ăn, trò chuyện, trong những giờ hai mẹ con bên nhau và Peter đi làm việc. Nhưng Greta cũng có những công việc khác trong nhà và không phải bao giờ cũng chú tâm săn sóc con, sự âu yếm thường chỉ là đối phó.

Nhưng không phải chỉ vì cô bận việc nhà. Những ý tưởng khác dồn dập đến làm cho đứa bé không còn trong tâm trí cô nữa. Ngay cả trước khi có sự ám ảnh vô ích, mệt mỏi, ngốc nghếch về người đàn ông ở Toronto, những công

việc khác và việc làm thơ cũng choán hết tâm trí cô. Điều ấy làm cô ngạc nhiên như thể đó là một hình thức phản bội – đối với con gái, với chồng, với cuộc đời. Và bây giờ, bởi vì hình ảnh trong đầu cô về Katy ngồi một mình giữa những tấm kim loại loảng xoảng kia – mà cô, mẹ của đứa bé, nghĩ đến chuyện gạt bỏ một điều khác.

Một tội lỗi. Cô đã để tâm trí vào chuyện khác. Toàn tâm hướng tới thứ khác chứ không phải vào con mình. Thật tội lỗi.

Họ đến Toronto vào giữa buổi sáng. Trời âm u. Sấm chớp mùa hè. Katy chưa bao giờ thấy chuyện ấy ở vùng bờ biển miền Tây Canada, nhưng Greta bảo con gái không có gì phải sợ và Katy cũng không tỏ vẻ sợ hãi. Nó cũng không sợ bóng tối đậm sâu được thấp sáng bằng ánh điện trong một đường hầm hun hút khi tàu dừng.

Nó bảo, “Đêm rồi”.

Greta nói, Không, không, hai mẹ con chỉ việc đi tới đầu kia của đường hầm, bây giờ họ đã xuống xe lửa. Rồi vài bậc tam cấp, có thể một cầu thang, rồi họ đi lên một tòa nhà lớn và bước hẳn ra ngoài, đón taxi. Taxi là chiếc xe hơi nhỏ, sẽ chở họ về nhà. Nhà mới của họ, nơi họ sẽ sống một thời gian. Hai mẹ con sẽ sống ở đó một thời gian, rồi họ sẽ lại quay về với người cha.

Họ đi lên đường uốn lượn, rồi một cầu thang. Katy dừng lại và Greta cũng đứng chần chừ, cho đến khi nhiều người đi qua vượt lên họ. Rồi Greta nhấc Katy lên, bồng con một bên nách, kéo vali bằng một tay, khom người lúi xềnh xệch lên các bậc tam cấp. Khi lên đến nơi cô đặt con bé xuống và họ lại cầm lấy tay nhau trong ánh sáng rực rỡ của Ga Lớn.

Những hành khách đi qua trước mặt họ bắt đầu tản mác theo những người đến đón, người ta kêu lớn tên người thân, hay chỉ đơn giản bước về phía họ và nắm lấy quai xách vali, nhấc lên. Có một người nào đó cũng nắm lấy vali của hai mẹ con. Nắm lấy vali, ôm chầm lấy Greta, và hôn cô lần đầu tiên, hôn một cách mạnh mẽ và hân hoan.

Harris.

Đầu tiên cô choáng váng, rồi run lên trong lòng, và sau cùng cảm giác an tâm.

Cô muốn đứng sát vào Katy nhưng trong giây lát ấy con bé bỗng tách ra khỏi mẹ, buông hẳn tay ra, để cô tự do.

Cô không chạy trốn. Cô đứng đó mặc cho mọi chuyện tới đâu thì tới.

Thị trấn bạch dương

TRÊN băng ghế trước nhà ga tôi ngồi đợi. Nhà ga mở cửa khi tàu điện đến nhưng nay đã đóng lại. Một người đàn bà ngồi đầu kia băng ghế, giữa hai đầu gối giữ một cái túi có dây cột, đầy những gói nhỏ bọc giấy dầu. Là thịt – thịt sống. Có thể ngửi được mùi của nó.

Bên kia đường ray là chiếc tàu điện, chưa có khách, đang đứng chờ.

Không có một hành khách nào tới cả, sau một lúc người trưởng ga thò đầu ra ngoài gọi: “San.”¹ Mới đầu tôi tưởng anh ta gọi tên một người đàn ông, Sam. Rồi một người đàn ông khác mặc đồng phục thực sự xuất hiện chỗ góc tòa nhà. Anh ta băng qua đường xe lửa và bước lên toa tàu

1 San: cách gọi tắt của sanatorium (viện điều dưỡng) – ND.

điện. Người đàn bà ôm mớ gói giấy đi theo anh ta, tôi cũng làm thế. Có tiếng la gọi từ bên kia đường, cánh cửa bằng ván sẫm màu của tòa nhà mái bằng bật mở, mấy người đàn ông chạy ra, đầu đội mũ, những cái túi đựng thức ăn trưa va vào đùi. Nghe tiếng họ cứ tưởng như chiếc tàu sắp chạy mất trong vài phút. Nhưng khi họ đã ngồi xuống trong toa xe, vẫn chưa có gì xảy ra cả. Chiếc tàu điện vẫn đứng yên khi họ đếm số người, điểm danh xem thử còn ai không kịp lên xe và bảo người tài xế đừng chạy vội. Rồi có người sực nhớ ra hôm nay là ngày nghỉ của người vắng mặt. Chiếc xe điện bắt đầu chạy, mặc dù không thể biết được là tài xế có nghe những người kia nói hay không, hay có buồn để ý tới họ không.

Tất cả những khách đàn ông đều xuống tàu ở chỗ trạm cửa trong rừng cây bụi – không quá mười phút đi bộ – ngay sau khi cái hồ hiện ra trước mặt, đầy tuyết phủ. Một dãy nhà bằng gỗ trắng dài ở phía trước. Người đàn bà cặm cùi xốc lại túi đựng thịt sống, đứng lên, tôi đi theo bà. Người tài xế gọi lần nữa: “San,” những cánh cửa mở ra. Vài người đàn bà đứng đợi lên tàu. Họ chào bà có gói thịt trên tay, bà này đáp lễ bằng câu nhận xét rằng hôm nay sao mà ẩm ướt quá.

Mọi người tránh nhìn mặt tôi khi tôi bước xuống toa xe, đi sau lưng người đàn bà.

Không còn ai chờ xe vào lúc này, ở trạm này. Những cánh cửa đóng sập lại, chiếc tàu điện quay ngược lại đường cũ.

Kể đó là im lặng, bầu không khí như nước đá. Những cây bạch dương mỏng mảnh với những vết đen trên cành trắng, những bụi cây thường xuân lùm lùm đây đó như những con gấu đang ngủ đông. Mặt hồ băng giá không bằng phẳng mà dày lên mé gần bờ, như thể những làn sóng đã hóa thành băng trước khi kịp rút đi. Tòa nhà phía sau có những hàng cửa sổ ngay ngắn và hành lang ốp kính ở mặt kia. Mọi thứ đều giản dị, mang dáng vẻ miền Bắc, sắc đen và trắng dưới những vòm mây vôi vôi.

Nhưng vỏ những cây bạch dương không trắng như thoát tường khi tới gần. Vàng hơi xanh, xanh ngả xám, xám.

Thật im tĩnh, quyến rũ đến choáng ngợp.

“Chị đi đâu?” người đàn bà xách túi thịt gọi với về phía tôi. “Ba giờ là hết giờ thăm rồi.”

“Tôi không phải là khách đến thăm,” tôi nói. “Tôi là cô giáo.”

“Họ sẽ không cho chị vào cửa chính, dù chị là ai,” người đàn bà nói, không hiểu sao có vẻ hài lòng về chuyện đó. “Chị nên đi theo tôi. Không mang cả vali à?”

“Người trưởng ga nói rằng anh ta sẽ mang tới sau.”

“Chị đứng trông vẻ như lạc đường.”

Tôi nói rằng tôi dừng chân chỉ vì thấy cảnh quá đẹp.

“Cũng có người nghĩ thế đấy. Nhưng gặp người bệnh nặng hoặc quá sức bận rộn thì chả thiết mấy.”

Không ai nói gì nữa cho đến khi chúng tôi bước vào căn bếp ở cuối tòa nhà. Tôi bắt đầu thấy lạnh và cần sưởi ấm. Tôi chưa kịp nhìn quanh vì mãi loay hoay với đôi ủng.

“Chị nên cởi ủng ra đi kéo bẩn sàn.”

Tôi loay hoay tháo chúng ra – không có ghế để ngồi – đặt chúng lên tấm thảm nhỏ nơi người đàn bà cũng để đôi ủng của mình.

“Cầm chúng lên và mang theo đi, vì tôi không biết người ta sẽ sắp xếp chị ở đâu, chị nên mang theo áo choàng luôn vì không có máy sưởi ở phòng giữ mũ áo đâu.”

Không hơi ấm, không ánh sáng, trừ chút sáng hắt ra từ một cửa sổ nhỏ cao khoảng tầm tay với. Giống như học sinh bị phạt ở trường. Bị-gửi-đến-phòng-giữ-mũ-áo. Đúng vậy. Cũng cái mùi của áo quần mùa đông không bao giờ khô hẳn, của giày ủng ướt đầm ngấm vào tận đám vớ bẩn và những bàn chân không rửa ráy.

Tôi trèo lên một băng ghế nhưng vẫn không thấy được bên ngoài. Trên những kệ gỗ đầy khăn quàng và mũ vút bừa, tôi tìm thấy một cái túi đựng mấy trái vả và chà là. Hẳn kẻ nào đó đã ăn cắp mấy thứ này và giấu chúng ở đây trước khi mang về nhà. Bỗng nhiên tôi thấy đói. Chưa ăn gì từ sáng, ngoài một cái bánh kẹp pho mát mua ở Ontario Northland. Tôi ngần ngại, suy nghĩ về việc mình ăn trộm một vật từ tên trộm khác. Nhưng những trái vả ngọt kia làm tôi không nhịn được.

Tôi leo xuống vừa đúng lúc, có người đang bước vào phòng. Không phải người giúp việc nhà bếp mà là một cô bé học sinh choàng áo khoác mùa đông dày cộp, khăn quàng trùm tóc. Cô bé vội vàng bước vào, ném sách vở lên băng ghế khiến chúng rơi tung tóe lên sàn, chiếc khăn

quàng bị giật mạnh khiến mái tóc xổ tung, cùng lúc lần lượt từng chiếc ủng bị đá tuột khỏi chân. Rõ ràng không có ai bảo ban nó phải đặt giày ủng ngay ngắn ở cửa.

“Này, tôi không cố ý tông vào chị đâu nhé,” con bé nói. “Ở đây tối quá, không biết đang làm cái gì nữa. Chị có lạnh không? Đứng đây chờ ai vậy?”

“Tôi chờ bác sĩ Fox.”

“Thế thì không phải chờ lâu đâu, tôi mới đi lên phố về với ông ấy. Chị không bị bệnh chứ? Nếu bị bệnh thì chị không thể đến đây được, phải hẹn ông ta ở trong phố.”

“Tôi là cô giáo.”

“Thế à? Có phải cô đến từ Toronto?”

“Đúng vậy.”

Dừng lại một lát, có lẽ vì kính trọng.

Nhưng không. Chỉ để ngắm nghía cái áo choàng của tôi.

“Đẹp quá. Trên cổ áo là lông con gì thế?”

“Cừ Ba Tư. Thật ra đây là hàng giả lông thú.”

“Lầm chết. Em không biết tại sao người ta để cô đứng đây, lạnh teo cả mông. Xin lỗi. Cô muốn gặp bác sĩ thì em có thể chỉ cho. Em biết mọi ngóc ngách, em sống ở đây từ hồi mới sinh mà. Mẹ em quản lí nhà bếp. Tên em là Mary. Tên cô là gì?”

“Vivi. Vivien.”

“Nếu cô là cô giáo thì phải dùng danh hiệu chính thức gì đó chứ. Cô gì?”

“Cô giáo Hyde.”

“Đét đít cái”¹, nó bật ra. “Xin lỗi, em chột nghĩ ra chữ ấy, nghe vắn vắn. Em cũng thích cô dạy nhưng em phải đi học trong thành phố. Qui định gốc thế không biết. Bởi vì em không bị lao phổi mà.”

Trong khi trò chuyện, con bé kéo tôi xuyên qua cánh cửa ở cuối phòng mũ áo, rồi đi dọc hành lang của bệnh viện. Vải bạt phủ bóng. Sơn xanh buồn tẻ, mùi thuốc sát trùng.

“Bây giờ cô ở đây rồi thì có thể em sẽ nhờ Reddy đổi buổi.”

“Reddy là ai?”

“Reddy Fox. Biệt hiệu lấy từ một cuốn sách. Em và Anabel mới bắt đầu gọi ông bác sĩ như thế.”

“Thế Anabel là ai?”

“Không ai biết đâu. Con bé chết rồi.”

“Ồ, cô xin lỗi.”

“Không phải lỗi của cô. Chuyện thường ở đây ấy mà. Năm nay em đang học trung học. Anabel chưa bao giờ tới trường cả. Khi em học ở trường công lập, Reddy xin cô giáo trên phố cho em ở nhà nhiều lần, để em ở nhà chơi với nó.”

Cô bé dừng lại trước một cánh cửa mở hé và huýt sáo.

“Hê. Em mang cô giáo lại đây.”

Giọng một người đàn ông vang lên, “Được rồi Mary. Một ngày em giúp ích nhiều thế là đủ rồi.”

“O.K. Em biết.”

1 Nguyên văn: Tan your hide. Ở đây chơi chữ đồng âm họ Hyde của cô giáo và chữ “hide” trong cụm từ này.

Nó nhảy lò cò ra khỏi phòng và để tôi đứng đối diện với một người đàn ông vóc người tầm thước, mái tóc đỏ cắt rất ngắn ánh lên trong ánh sáng nhân tạo từ hành lang.

“Thế là cô giáo đã gặp Mary,” ông ta bảo. “Con bé mà kể về mình thì khỏi chuyện. Nó không học lớp cô nên cô sẽ không phải nghe mỗi ngày đâu. Mọi người hoặc là thích nó hoặc là không thích.”

Ông ta làm tôi có cảm giác ông lớn hơn mình mười, mười lăm tuổi và thoạt đầu nói chuyện với tôi như kiểu một người vai trên. Một ông chủ tương lai bận rộn. Ông ta hỏi tôi về chuyến đi, hành lí chuyển tới thế nào rồi. Ông ta muốn biết làm sao tôi có thể sống trong rừng sau khi đã sống ở Toronto. Liệu ở đây một thời gian có chán lắm không.

Không hề, tôi đáp, và thêm rằng quang cảnh ở đây đẹp.

“Nó giống... nó giống như là trong một tiểu thuyết của Nga.”

Ông ta nhìn tôi chăm chú lần đầu tiên.

“Vậ hả? Cuốn tiểu thuyết Nga nào?”

Đôi mắt ông ta xanh trong, sáng. Lông mày nhướn lên một bên, như vành mũ lưỡi trai be bé.

Không phải là tôi chưa từng đọc tiểu thuyết Nga. Tôi đã đọc một vài, đọc hết hoặc ngưng giữa chừng. Nhưng trước hàng lông mày của ông ta, cách biểu lộ tuy lí thú nhưng có phần thử thách, tôi chẳng còn nhớ cái nhan đề truyện nào cả ngoài *Chiến Tranh và Hòa Bình*. Tôi không muốn nói cái tên ấy vì có vẻ như ai cũng nhớ được thế.

“Chiến Tranh và Hòa Bình.”

“Ồ, vậy thì chỉ có hòa bình ở đây thôi, tôi chắc thế. Nhưng nếu cô thích chiến tranh, tôi đề nghị cô tham gia đơn vị quân sự nữ nào đó rồi ra nước ngoài mà phục vụ.”

Tôi tức giận và cảm thấy bị tổn thương vì tôi không hề có ý khoe khoang. Hoặc ít ra đâu phải chỉ khoe khoang mà thôi. Tôi muốn nói là quang cảnh xinh đẹp nơi này đã ảnh hưởng đến tôi ra sao.

Ông ta rõ ràng là loại người có thể đặt những câu hỏi bấy người ta rơi vào.

“Tôi tưởng mình sẽ đón một cô giáo già kia,” ông ta nói, hơi có ý xin lỗi. “Kiểu người đứng tuổi, có trình độ ra đi làm trở lại trong thời buổi này ấy mà. Cô đâu có học để ra làm cô giáo, đúng thế không? Ý tôi hỏi là khi trước cô tính làm gì sau khi xong cử nhân?”

“Tôi muốn học lên thạc sĩ.” Tôi trả lời ngắn gọn.

“Vậy thì điều gì đã làm cô đổi ý?”

“Tôi nghĩ tôi cần ít tiền.”

“Có lí. Mặc dù tôi e rằng cô cũng chẳng kiếm được mấy tiền ở đây. Xin lỗi vì tôi tọc mạch. Tôi chỉ muốn biết chắc là cô sẽ không bất ngờ bỏ đi khiến chúng tôi lại lao đao. Chưa tính lập gia đình chứ?”

“Vâng.”

“Được rồi. Được rồi. Giờ cô được tự do. Tôi không làm cô ngán đấy chứ, có đến nỗi thế không?”

Tôi quay đầu đi.

“Không.”

“Đi dọc xuống hành lang tới chỗ văn phòng của Matron, cô ta sẽ nói thêm với cô nhiều việc cần biết. Cô sẽ dùng bữa với các cô y tá. Cô ấy sẽ chỉ chỗ ngủ cho cô. Đừng để bị cảm lạnh. Tôi nghĩ cô chưa có kinh nghiệm gì về bệnh lao phổi?”

“Ồ tôi có đọc qua...”

“Tôi biết. Tôi biết. Chắc là cô đã đọc cuốn *Núi Thần*.”

Một cái bẫy nữa giăng ra, xem ra ông ta lại bắt đầu. “Mọi việc có khá lên so với thời đó, tôi hy vọng thế. Đây, tôi có viết một số bài về trẻ con ở đây và về những điều tôi nghĩ cô có thể muốn áp dụng với chúng. Đôi khi tôi cảm thấy tốt nhất là thể hiện ý tưởng của mình bằng cách viết ra. Matron sẽ nói cho cô nghe những việc nội bộ cụ thể.”

Tôi ở đó chưa đến một tuần mà tất cả những sự kiện của ngày đầu tiên đã trở nên kì lạ, khó tin. Căn bếp, phòng để mũ áo của bếp nơi nhân viên treo áo quần và giấu những đồ ăn cấp, là những nơi tôi không thấy lại nữa và chắc cũng không có dịp vào lại. Văn phòng bác sĩ cũng vậy, không có ai tới, phòng của Matron thành ra chỗ để mọi người thối mắc, than phiền và thu xếp công việc thường ngày. Matron là một người đàn bà lùn, mập, mặt đỏ bừng, mang kính không gọng, thở nặng nhọc, ai hỏi đến bất cứ cái gì cũng làm chị ta ngạc nhiên, gây khó dễ, nhưng rồi cuối cùng chúng cũng được thu xếp cung cấp đầy đủ. Đôi

khi chị ta dùng bữa ở phòng ăn của y tá, ăn món súp đông đặc biệt và ấm cả phòng. Nhưng thường chị ta chỉ ngồi ở chỗ của mình.

Bên cạnh Matron còn có ba nữ y tá, nhưng không ai ở lứa tuổi ba mươi như tôi cả. Họ về hưu nhưng vẫn tới đây làm việc, thực hiện bốn phận trong thời chiến. Rồi có những người hộ lí, vào cỡ tuổi tôi hay trẻ hơn, hầu hết đều có gia đình, đã hứa hôn hay sắp hứa hôn, đa số có chồng hoặc hôn phu đi lính. Họ trò chuyện liên miện nếu Matron và các y tá không có mặt ở đó. Họ không để ý đến tôi. Họ chẳng cần biết Toronto là thành phố nào, mặc dù có một số biết người quen của họ tới đó để hưởng tuần trăng mật, và họ cũng không quan tâm mấy đến việc dạy học của tôi hay tôi đã làm gì trước khi đến nhận việc ở trại điều dưỡng này. Không phải vì họ bất lịch sự – họ vẫn chuyển cho tôi đĩa bơ (gọi là bơ nhưng thực ra là loại dầu thực vật lẫn những vệt màu cam, được nhuộm màu vàng bơ trong nhà bếp như là phương cách hợp pháp thời đó) và cũng nhắc tôi rằng coi chừng món bánh nhồi thịt có thịt sóc băm trong ấy. Chẳng qua vì đó là những việc xảy ra ở nơi chốn họ không biết, những người họ không hay, ở những khoảng thời gian họ không có mối liên hệ nào cả. Điều ấy làm họ bối rối, bực mình. Họ tắt máy thu thanh mỗi khi gặp chương trình tin tức và chỉ nghe ca nhạc thôi.

“Nhảy múa với một con búp bê xinh đẹp mang vớ có lỗ thủng...”

Cả y tá lẫn những hộ lí đều không thích đài C.B.C, từ nhỏ đến lớn tôi vẫn định ninh chương trình này mang lại

văn hóa cho những vùng sâu hẻo lánh. Họ có vẻ rất ngưỡng mộ bác sĩ Fox một phần vì ông đọc nhiều sách vở.

Họ cũng nói rằng chẳng có người nào chỉ trích người khác kinh hồn như ông bác sĩ khi tức giận.

Tôi không thể hình dung làm sao họ lại liên tưởng được giữa việc đọc nhiều sách vở và vụ chỉ trích âm ỉ kia.

Những khái niệm về giáo dục căn bản không áp dụng được ở đây. Một số trẻ sẽ trở lại với hệ thống giáo dục chung nhưng một số sẽ không bao giờ. Tốt nhất là đừng lo âu quá. Việc kiểm tra ghi nhớ xếp loại gì đó đều là chuyện vớ vẩn.

Hãy quên mọi hình thức xếp hạng đi. Trẻ nào cần thì sau này sẽ học đuổi cho kịp sau, hoặc cũng chẳng cần. Thật ra đó là những kĩ năng vô cùng đơn giản, các thông tin sự kiện này nọ, vân vân, cần thiết để Vào Đời. Thế những đứa trẻ được gọi là Thiên Tài thì sao? Cái từ đến là tầm. Nếu chúng là những đứa nổi trội trong lĩnh vực học thuật rất đáng nghi ngờ, tất chúng sẽ bắt kịp.

Hãy quên những con sông Nam Mỹ, hãy quên Magna Carta đi.

Vẽ Nhạc Kể chuyện được ưa thích hơn nhiều.

Các trò chơi cũng tốt nhưng hãy để ý đừng để bọn trẻ hào hứng hay tranh đua nhau quyết liệt quá.

Hãy cố gắng tạo sự cân bằng giữa căng thẳng áp lực và chán chường. Sự chán chường đưa đến bệnh tật.

Nếu cần món gì đó mà Matron không có thì có khi người quét dọn vệ sinh lại có sẵn ở đâu đó.

Thuận buồm xuôi gió nhé.

Số học sinh hiện diện thay đổi mỗi ngày. Mười lăm đứa, có khi xuống còn nửa tá. Chỉ học buổi sáng từ chín giờ đến trưa, kể cả giờ nghỉ ra chơi. Bọn trẻ không được tới trường nếu chúng bị sốt hoặc đang trong quá trình xét nghiệm. Nếu có mặt, chúng sẽ im lặng và dễ bảo, nhưng không tỏ ra hào hứng về chuyện gì. Chúng biết ngay rằng đây là một hình thức nhà trường giả tạo, nơi chúng chẳng phải học hành vất vả theo tiêu chuẩn nghiêm khắc vì không phải bám theo chương trình học và không phải học thuộc bài. Không khí tự do này không hề làm chúng tự cao hay chán chường bực bội gì, chỉ khiến chúng trở nên dễ bảo và mơ màng. Chúng khe khẽ hát. Chúng chơi ca rô. Cái bóng của sự thua thiệt phủ lên những lớp học không giáo án.

Tôi quyết định nghe theo lời khuyên của ông bác sĩ, hoặc là một vài trong số đó, chẳng hạn lúc ông ta nói về sự chán chường như một kẻ thù.

Trong căn phòng nhỏ của người dọn vệ sinh, tôi thấy quá địa cầu. Tôi đề nghị đem nó tới lớp. Tôi bắt đầu giảng bài về địa lí căn bản. Năm châu, bốn biển, khí hậu. Sao không nói luôn về gió và các dòng hải lưu? Các quốc gia và các thành phố? Các đường hạ chí tuyến và đông chí tuyến của đường xích đạo? Thế rồi các con sông của Nam Mỹ nữa?

Một số đứa đã từng học qua, nhưng chúng gần như quên cả. Thế giới phía sau mặt hồ và khu rừng đã bị quên đi mất. Tôi nghĩ chúng vui vẻ trở lại, như thể bắt tay làm bạn lần nữa, với những gì chúng đã từng trải qua. Tôi không đổ tất cả kiến thức vào chúng một lần, tất nhiên, và tôi

phải đi từng bước từ dễ đến khó, nhất là với những đứa chưa từng học những thứ này trước khi chúng mắc bệnh.

Mọi thứ có vẻ tốt lên. Làm như một trò chơi. Tôi chia học sinh ra từng đội, bắt chúng trả lời lớn tiếng khi tôi chỉ chỗ này chỗ kia với một cái thước kẻ. Tôi cẩn thận không để cho sự hào hứng của bọn trẻ kéo dài quá lâu. Nhưng một ngày kia ông bác sĩ đi tới, vừa xong một cuộc phẫu thuật ra, và tôi bị bắt gặp. Tôi không thể nào dừng lại trò chơi hào hứng, nhưng tôi cố kiềm chế sự ganh đua. Ông ta ngồi xuống vẻ hơi mệt mỏi, trầm lặng. Ông bác sĩ không phản đối. Một lúc sau ông ta bắt đầu tham gia vào trò chơi, hô to những câu trả lời kì quặc, những cái tên không phải vì nhầm lẫn mà do tưởng tượng ra. Rồi ông để cho giọng nói của mình trầm xuống nhỏ lại, nhỏ đi, nhỏ dần, mới đầu như tiếng lẩm bầm, rồi như một tiếng nói thầm, cho đến một lúc không còn ai nghe được nữa. Không nghe gì cả. Bằng cách này, thật kì lạ là ông ta điều khiển được cả căn phòng. Cả lớp học bỗng bắt chước ông ta nói thì thào, lẩm bầm, mắt chúng nhìn chăm chú lên môi ông bác sĩ.

Bỗng nhiên ông ta gào to một tiếng, làm cho bọn trẻ cười ngất.

“Tạo sao mọi người cứ nhìn tôi thế? Cô giáo có dạy các cháu làm thế không? Nhìn chăm chú vào một người không hề làm phiền ai cả à?”

Hầu hết bọn trẻ đều cười phá lên, nhưng một số vẫn

không thể ngừng nhìn ông ta chăm chăm. Bọn chúng chờ những trò hề vui vẻ hơn nữa.

“Tiếp tục đi. Đi chỗ khác mà hò hét với làm trò.”

Ông ta xin lỗi tôi vì đã chen ngang vào lớp học. Tôi bắt đầu giải thích cho ông ta những lí do vì sao tôi phải làm cho nó giống như một trường học thật.

“Mặc dù tôi đồng ý với bác sĩ về các xúc cảm lo âu căng thẳng...” Tôi nói hào hứng. “Tôi đồng ý với bác sĩ về nhưng điều ông viết trong bản hướng dẫn. Tôi chỉ nghĩ rằng...”

“Bản hướng dẫn nào?Ồ, đó là vài điều này nọ nảy ra trong đầu tôi thôi. Tôi không hề có ý tạc nó vào đá đâu.”

“Tôi muốn nói rằng những khi chúng không quá bệnh...”

“Tôi tin cô giáo đúng, tôi nghĩ chuyện đó không có vấn đề gì.”

“Nếu không chúng cứ ngồi lơ phờ vậy thôi.”

“Không cần phải viết hẳn bài hát hay nhảy múa về điều đó đâu,” ông bác sĩ bảo và bỏ đi.

Rồi tự nhiên thêm một câu tạm coi như lời xin lỗi cho qua.

“Hôm nào rồi ta sẽ nói về chuyện ấy nhé.”

Một hôm nào, tôi nghĩ, tức không bao giờ. Ông ta rõ ràng nghĩ tôi là một kẻ làm phiền hay một con mụ điên.

Vào buổi ăn trưa hôm đó, từ những người hộ lí, tôi biết rằng có một người bệnh đã chết trong phòng mổ. Nổi tức giận của tôi thành ra không hợp lí lắm và vì vậy tôi càng thấy mình đúng là hơi điên.

Mọi buổi chiều đều rảnh rỗi. Mắt tôi sụp xuống vì buồn ngủ và đôi khi tôi thấy cả người mình cũng vậy. Phòng của tôi lạnh – tất cả những phòng của tòa nhà đều lạnh, lạnh hơn nhiều so với căn chung cư ở Đại lộ, dù hồi đó ông bà tôi luôn giữ hệ thống sưởi ở mức thấp nhất, để tỏ lòng yêu nước. Chăn mền thì mỏng – chắc hẳn những người bị bệnh lao phổi phải cần những thứ dày dặn ấm áp hơn.

Tất nhiên tôi không bị bệnh lao. Có thể vì thế mà người ta hà tiện với những người như tôi.

Tôi thấy chóng mặt nhưng không ngủ được. Trên đầu râm rĩ tiếng giường bệnh được đẩy ra hành lang để hưởng không khí buổi chiều giá lạnh.

Tòa nhà, cây cối, mặt hồ, không bao giờ trông còn giống như ngày đầu tôi mới đến đây, khi tôi ngẩn người trước sức mạnh và sự thần bí của nó. Vào ngày hôm đó tôi đã tin rằng mình là kẻ vô hình. Giờ cảm giác ấy chừng như chưa từng có thật.

Cô giáo kia. Cô ta làm gì ở đó?

Cô ta đứng nhìn mặt hồ.

Để làm gì kia chứ?

Thì đâu có chuyện gì mà làm.

Chà, có người rảnh rỗi quá nhỉ.

—

Đôi khi tôi bỏ bữa ăn trưa, mặc dù khoản đó nằm trong tiền lương của tôi. Tôi tới Amundsen, ăn trưa trong một

quán cà phê. Cà phê Postum, bánh mì kẹp cá hồi đóng hộp là ngon nhất, nếu họ có. Một đĩa xà lách với thịt gà trông ngon lành có cả da và sụn. Dù sao tôi cũng thấy dễ chịu hơn nhiều ở đó. Vì chẳng ai biết tôi là ai.

Nhưng hình như tôi nhầm.

Quán cà phê không có phòng vệ sinh nữ, vì vậy khách phải dùng nhờ khách sạn kế bên, đi qua một lần cửa mở của tiệm bia, lúc nào cũng tối và ồn ào và bốc mùi bia và rượu whisky, khói thuốc lá và khói xì gà nồng nặc nghe muốn xỉu. Mặc dù vậy tôi vẫn cảm thấy thoải mái ở đó. Những người thợ xẻ ở trại cưa, không bao giờ cười rú lên khi thấy phụ nữ như cánh lính bộ và không quân ở Toronto đã làm với tôi. Họ say sưa trong thế giới đàn ông với những câu chuyện ồn ào của mình chứ không phải tới đây để tìm phụ nữ. Có thể còn thích được tách khỏi mối ràng buộc đó trong chốc lát hay mãi mãi.

Văn phòng của ông bác sĩ ở trên đường lộ chính khá nhỏ, chỉ có một tầng, nên ông phải sống ở nơi khác. Những người hộ lí bảo tôi ông không có vợ. Ở con đường phụ gần đó tôi thấy một căn nhà có vẻ như của ông ta – mặt ngoài trát vữa, trên cửa chính có cửa sổ mái, bệ cửa sổ bày đầy sách. Căn nhà có vẻ ảm đạm nhưng ngăn nắp, tiện nghi tối thiểu mà vừa đủ dùng, nơi mà một người đàn ông độc thân – một người cô độc, chẵn chu – thu xếp cho mình.

Trường học ở cuối khu phố dân cư duy nhất có hai tầng lầu. Tầng dưới dành cho học sinh từ lớp Tám trở xuống, tầng trên cho đến lớp Mười hai. Một buổi chiều tôi thấy

Mary ở đó chơi ném bóng tuyết. Đường như một bên là bọn nữ sinh, một bên nam sinh. Khi nhìn thấy tôi, Mary la lớn, “Ồ kìa, cô giáo,” ném bừa vốc tuyết đang cầm trên hai tay rồi thông thả băng qua đường. “Mai gặp chúng mày nhé.” Nó ngoái lại chào, một phần cũng để biết chắc không có ai đi theo sau nó.

“Cô đang đi về nhà phải không?” nó hỏi. “Em cũng vậy. Em thường đi xe với Reddy, nhưng hôm nay ông lại về muộn. Cô định sao, đi tàu điện hả?”

Tôi đáp phải, Mary nói, “Ồ, để em chỉ cho cô đường khác cho tiết kiệm tiền. Xuyên qua rừng cây bụi.”

Rồi nó dẫn tôi tới một con đường chật hẹp nhưng đi được, nhìn xuống phố, chạy xuyên qua rừng và trại cưa.

“Đường này Reddy hay đi,” nó nói. “Hơi dốc lên nhưng ngắn hơn khi cô rẽ xuống trại điều dưỡng.”

Chúng tôi đi qua trại cưa, bên dưới hiện ra một vài chỗ bị cắt xén loang lổ của khu rừng cùng vài căn lán tạm. Có nơi rõ ràng đang có người ở vì bên ngoài chất đống gỗ, dây phơi quần áo, khói lam chiều bay lên. Từ một căn lán, có con chó thật lớn xò ra nhe nanh sủa ồn ào.

“Cầm mồm đi,” Mary kêu lên. Không biết từ lúc nào nó có sẵn một quả bóng tuyết vo tròn trong tay ném phụp một cái trúng ngay giữa hai mắt của con vật. Con chó chạy vòng và con bé lại vo thêm một cục tuyết nữa trong tay, sẵn sàng ném tiếp. Một người đàn bà mang tạp dề trước bụng đi ra và la lên, “Mày giết nó mất.”

“Thì đuổi nó đi cho khuất mắt.”

“Tao sẽ bảo ông già nói chuyện với mày.”

“Xin mời. Ông ấy làm nên trò trống gì.”

Con chó đi theo chúng tôi, cách một quãng xa, giả vờ đe dọa.

“Em có thể trị tất cả bọn chó, cô đừng lo.” Mary bảo.

“Em nghĩ lỡ có gặp gấu em cũng chơi được.”

“Không phải giờ này bọn gấu đang ngủ đông hay sao?”

Tôi sợ con chó nhưng cố làm mặt tỉnh.

“Đúng vậy, nhưng khó nói lắm. Từng có một con gấu thức dậy rất sớm và mò tới đóng rác ở trại điều dưỡng rồi. Mẹ em mới quay đi chút đã thấy nó lù lù ở đó. Reddy chạy đi lấy khẩu súng và bắn chết nó.”

“Reddy thường hay chở em và Anabel đi chơi bằng xe trượt tuyết, đôi khi cả mấy đứa nhóc khác nữa, ông ấy có kiểu huyết đặc biệt khiến bọn gấu sợ hãi lánh xa. Nót cao lắm tai người không nghe được.”

“Thật à, em có thấy chưa?”

“Không phải dùng còi. Em muốn nói là ông ấy có thể huyết sáo bằng miệng kia.”

Tôi nghĩ tới màn trình diễn trong phòng học.

“Em không biết, có thể là để làm cho Anabel đừng quá sợ, ông ta bảo thế. Con bé không ngồi xe trượt nên ông ta phải kéo nó bằng ván trượt. Em chạy theo sau nó, đôi khi lén nhảy lên ván làm ông kêu lên cái quái quỷ gì vậy, sao bỗng nhiên nặng cả tấn. Thế rồi ông quay thật nhanh để

chụp lấy em nhưng chẳng bao giờ làm được. Rồi ông sẽ hỏi Anabel cái gì làm cho ván trượt nặng dữ vậy, có phải mày đã ăn sáng nhiều quá không, nhưng con bé không nói gì cả. Nếu có những đứa khác nữa thì em không làm vậy. Thú vị nhất là chỉ có mình em và Anabel. Nó là bạn thân nhất của em.”

“Còn những em gái khác ở trường thì sao? Các em ấy không phải là bạn của em à?”

“Em chỉ chơi với chúng khi không có ai cả. Bọn nó chán ốm.”

“Anabel và em có ngày sinh nhật trong cùng một tháng, Tháng Sáu. Hôm sinh nhật năm mười một tuổi, Reddy chèo thuyền chở bọn em ra hồ. Ông ấy dạy bọn em bơi. Thật ra chỉ có mình em. Lúc nào ông cũng phải giữ chặt lấy Anabel. Con bé không học bơi được. Có lúc ông bơi một mình ra xa, thế là hai đứa em lấy cát đổ vào giày của ông ấy. Còn hôm sinh nhật mười hai tuổi, chúng em không đi xa, nhưng được tới nhà ông ăn bánh. Con bé không ăn được miếng nào nên ông lấy xe hơi chở bọn em đi quanh, ném những miếng bánh qua cửa sổ cho chim hải âu. Chúng giành nhau kêu quang quác. Chúng em cười như điên làm ông phải ngừng xe mà ôm chặt lấy Anabel để cho nó khỏi bị ho ra máu.”

“Và sau đó,” nó nói tiếp, “sau đó thì em không được phép gặp Anabel lần nào nữa. Mẹ em không bao giờ muốn em đi chơi với những đứa bị lao. Nhưng Reddy nói chuyện

đầu đuôi với mẹ em, ông bảo ông sẽ ngừng chuyện đó nếu như phải thế. Rồi ông ấy ngừng thật và em lấy làm tức giận. Nhưng Anabel cũng không còn vui vẻ như trước nữa bởi vì nó bệnh quá. Em sẽ chỉ cho cô ngôi mộ của nó nhưng chẳng có gì mấy mà xem đâu. Reddy và em định làm một cái bia cho nó khi ông ấy có thì giờ. Nếu chúng ta đi thẳng chứ không rẽ xuống như vừa nãy, thì đã gặp nghĩa địa chỗ nó nằm. Đó là nơi dành cho những người không có thân nhân đưa về nhà.”

Lúc này chúng tôi đã đi xuống khu vực gần tới trại điều dưỡng.

Nó nói, “Ồ tí nữa em quên mất,” và lôi ra một nắm vé.

“Cho ngày lễ tình nhân Valentine. Chúng em đang chuẩn bị một vở kịch ở trường, tên là *Pinafore*. Đây là chỗ vé em mang đi bán và cô là người em mời mua đầu tiên đấy. Em cũng tham gia diễn nữa.”

Tôi đã đoán đúng về ngôi nhà ở thị trấn Amundsen, nơi cư ngụ của ông bác sĩ. Ông ta đã dẫn tôi về đó ăn tối. Lời mời đưa ra cách tự nhiên vào một lần chúng tôi gặp nhau ở hành lang. Có lẽ ông ta còn hơi áy náy về lời hẹn gặp nói chuyện với tôi về phương pháp giảng dạy ở đây.

Ngày ông bác sĩ mời dùng bữa tối trùng với ngày diễn kịch của Mary. Tôi kể cho ông nghe và ông bảo, “Thì tôi cũng mua như cô. Nhưng không nhất thiết chúng ta phải tới xem đâu.”

“Tôi có cảm giác như thể tôi đã hứa với nó rồi.”

“Ồ thế à, thế thì cô hủy lời hứa đó đi. Kịch không có gì hay đâu, tin tôi đi.”

Tôi nghe lời ông bác sĩ, mặc dù tôi không kịp gấp lại Mary để báo. Tôi đứng chờ chỗ ông hẹn, ngay hàng hiên trước cửa ra vào. Tôi mặc bộ đầm đẹp nhất màu xanh dương đậm với những chiếc cúc ngọc trai, cổ viền ren, chân mang giày da lộn cao gót bên trong ủng đi tuyết. Tôi đứng chờ qua giờ hẹn mà lo lắng, thoát tiên vì sợ rằng Matron sẽ bước ra khỏi văn phòng và nhìn thấy tôi, và kể đó là nỗi lo ông bác sĩ quên bằng cuộc hẹn rồi.

Nhưng rồi ông cũng đến, cúc áo choàng cài lên tận cổ, và xin lỗi.

“Lúc nào cũng có vài chuyện gì đó phải làm cho xong.” Ông nói, và dẫn tôi đi dưới bầu trời đầy sao sáng, vòng quanh tòa nhà, tới chỗ xe hơi. “Cô đi được chứ?” Ông hỏi và tôi đáp vâng – mặc dù tôi hơi lo trượt chân trên đôi giày da lộn – ông không hề đưa tay đỡ cho tôi.

Chiếc xe hơi của ông cũ và tồi tàn như hầu hết xe cộ vào thời đó. Không có máy sưởi trong xe. Khi ông bảo sẽ đưa tôi về nhà ông, tôi cảm thấy bớt lo lắng. Tôi không tưởng tượng được chúng tôi phải làm gì giữa đám khách đông ở khách sạn và cũng mong không phải ngồi ăn bánh mì kẹp ở tiệm cà phê.

Khi đã vào nhà, ông bảo tôi đừng cởi áo choàng ra vội để cho ấm chút đã. Ông bận rộn châm lửa lò sưởi đốt bằng củi.

“Tôi sẽ là người dọn dẹp kiêm đầu bếp kiêm người chạy bàn cho cô giáo,” ông ta bảo.

“Một lát nữa cô sẽ thấy thoải mái ở đây và không lâu nữa chúng ta sẽ ăn tối. Cô không phải giúp đỡ gì, tôi thích làm việc một mình. Cô giáo muốn ngồi ở đâu để chờ? Nếu muốn cô có thể ngồi coi sách ở phía phòng trước. Ở đó cũng không lạnh lắm nếu cô mặc nguyên áo choàng. Nhà này phòng nào cũng có lò sưởi nhưng tôi không sưởi những căn phòng không dùng tới. Công tắc đèn ở phía sau cửa. Xin phép cô, tôi muốn nghe tin tức trên đài phát thanh, đó là thói quen của tôi.”

Tôi bước vào phòng trước, hơi cảm thấy như bị ra lệnh, để cánh cửa bếp mở rộng. Ông ta bước tới khép cửa bếp lại và nói “để thế cho trong này ấm lên một chút đã,” và quay lại với giọng nói của phát thanh viên trên đài CBC, một giọng nói thánh thót, điêu luyện, đầy tính kịch, đọc bản tin về năm cuối cuộc chiến tranh. Tôi đã không nghe được giọng nói ấy từ khi tôi rời căn hộ của ông bà, tôi ước mình khi này mình cứ ở lại trong bếp. Nhưng ở đây quá có nhiều sách vở để coi. Không phải chỉ trên kệ sách mà cả trên bàn, trên ghế, trên cửa sổ, chất đầy trên sàn nhà. Sau khi lướt qua vài cuốn sách tôi có thể kết luận rằng ông thích mua sách theo bộ và chắc là có tham gia nhiều câu lạc bộ đọc sách. Bộ sách kinh điển Harvard. Bộ lịch sử của Will Durant – rất giống với những cuốn trên kệ sách của ông nội tôi ngày xưa. Tiểu thuyết và thơ ca có vẻ ít hơn, mặc dù đáng ngạc nhiên là có cả vài cuốn sách trẻ con dạng kinh điển.

Sách về nội chiến Mỹ, chiến tranh Nam Phi, các trận đánh của Napoleon, các cuộc chiến Hy Lạp cổ đại, sự nghiệp của Ceasar. *Thám hiểm Amazon và Bắc Băng dương, Shackleton bị kẹt trong băng, Sổ phạn của Franklin, Đoàn Donner và những bộ lạc mất tích, Những thành phố Trung Phi bị chôn vùi, Newton và thuật giả kim, Những bí mật của Hindu Kush.* Những cuốn sách cho thấy người đọc nóng lòng muốn tìm hiểu, muốn nắm một cách tổng quát những kiến thức rải khắp nhiều lĩnh vực khác nhau. Có lẽ không phải người có sở thích đọc chắc chắn và chính xác.

Vậy là khi ông ta hỏi tôi, “Cuốn tiểu thuyết Nga nào?” có lẽ ông không có vốn đọc vững chắc như tôi đã tưởng.

Khi ông bác sĩ gọi: “Sẵn sàng rồi,” và tôi mở cửa ra, tôi đã có một chút tự tin với phỏng đoán này.

Tôi hỏi: “Ông đồng ý với Naphta hay Settembrini?”

“Xin lỗi?”

“Đó là các nhân vật trong cuốn *Núi thần*. Ông thích Naphta hay Settembrini hơn?”

“Nói thật, tôi luôn luôn nghĩ rằng hai người đó nói quá nhiều. Còn cô?”

“Settembrini thì có vẻ nhân tính hơn nhưng Naphta thì lí thú hơn.”

“Người ta dạy cô điều ấy ở trường à?”

“Tôi chẳng bao giờ đọc mấy thứ đó ở trường.” Tôi trả lời một cách lạnh lùng.

Ông liếc nhanh về phía tôi, nhướn mày.

“Xin lỗi. Nếu có cuốn sách nào cô thấy thích, cứ tự nhiên tới đây đọc khi cô rảnh. Tôi có thể lắp một máy sưởi chạy điện, vì hẳn cô không quen dùng lò sưởi đốt củi. Thế được chứ? Tôi có thể làm thêm cho cô một chìa khóa riêng.”

“Cảm ơn bác sĩ.”

Bữa tối có sườn heo nướng, khoai tây nghiền, đậu hộp. Tráng miệng bằng bánh táo mua từ ở hiệu, hẳn còn ngon hơn nữa nếu ông ta nghĩ đến chuyện hâm nóng nó.

Ông hỏi tôi về đời sống ở Toronto, chương trình đại học, ông bà tôi. Ông bảo ông tưởng tôi được nuôi nấng dạy dỗ rất nghiêm ngặt chín chu.

“Ông nội tôi là một mục sư có đầu óc tự do theo kiểu Paul Tillich.”

“Còn cô? Có phải là một cô cháu gái theo Thiên chúa giáo với quan điểm tự do không?”

“Không.”

“Úi chà. Cô có nghĩ là tôi hỏi thế hơi bất nhã không?”

“Cũng còn tùy. Nếu ông đang hỏi tôi kiểu ông chủ phỏng vấn nhân viên, thì không.”

“Thế thì tôi sẽ tiếp tục. Cô có bạn trai không?”

“Thưa có.”

“Tôi đoán là trong quân đội.”

Tôi nói, ở hải quân. Đó là một chọn lựa khôn ngoan, như vậy có thể giải thích vì sao tôi chẳng biết anh ta ở đâu và chẳng nhận được thư từ gì ráo. Tôi cũng có thể nói bạn trai của tôi không được lên bờ nghỉ phép.

Ông bác sĩ đứng dậy và mang lại bình trà.

“Anh ta phục vụ trên chiến thuyền loại gì?”

“Hộ tống hạm.” Lại một chọn lựa khôn ngoan nữa. Sau này tôi có thể cho chiếc thuyền ấy bị ngư lôi bắn trúng, chuyện vẫn thường xảy ra với các chiến thuyền loại này.

“Một chiến sĩ dũng cảm. Cô muốn dùng sữa hay đường?”

“Cám ơn, tôi không dùng thứ nào cả.”

“Tốt quá, vì tôi chẳng có thứ nào. Cô biết không, khi nói dối mặt cô đỏ lên.”

Nếu trước đó tôi chưa đỏ mặt thì lúc này mặt tôi đỏ rần. Con nóng bừng chạy từ chân lên, mồ hôi ứa ra trong nách. Mong sao cho cái áo đầm không bị hỏng mất.

“Tôi lúc nào cũng đỏ mặt khi uống trà nóng.”

“Ồ vậy à.”

Mọi chuyện không thể nào tệ hại thêm nữa. Vì vậy tôi bình tĩnh lại để đối phó cho đảng hoàng. Tôi đối đề tài, hỏi ông ta mố bệnh nhân như thế nào. Có phải ông ta cắt bỏ phổi người ta như tôi từng nghe?

Ông ta có thể sẽ trả lời với một chút chế nhạo, một chút tự kiêu – có lẽ cái lối quyến rũ phụ nữ của ông là vậy – tôi tin rằng nếu ông làm thế thì tôi sẽ mặc áo choàng lên và bước ngày ra ngoài trong trời lạnh. Có lẽ ông ta cũng biết thế. Ông bắt đầu nói về việc chỉnh hình lồng ngực, giải thích việc ấy thế nào, mặc dù thật chẳng dễ dàng gì cho những bệnh nhân có phổi bị xẹp. Hippocrates mà biết đến kĩ thuật này hẳn cũng phải thấy hứng thú. Tất nhiên là

việc cắt bỏ một phần lá phổi ngày càng trở nên phổ biến gần đây.

“Bác sĩ có để mất nhiều bệnh nhân không?” Tôi nói.

Có lẽ ông ta nghĩ đây là lúc cần nói đùa một chút.

“Tất nhiên. Bỏ chạy và trốn trong bụi rậm, thật chẳng biết họ chạy đi đâu nữa, hay là nhảy xuống hồ không chừng. À hay ý cô hỏi là họ có chết không ấy à? Có những ca mổ không thành công. Đúng thế.”

Nhưng những tiến bộ y học đang đến gần, ông bảo. Loại phẫu thuật ông ta đang thực hành sắp trở thành lỗi thời, tương tự như phép trích máu để chữa bệnh. Một loại kháng sinh mới sắp được sử dụng có tên là Streptomycin. Đã được dùng trong một số nghiên cứu thử nghiệm. Vẫn còn vài vấn đề của nó, thật ra thuốc nào chẳng có. Có hại cho hệ thần kinh chẳng hạn. Nhưng cũng có cách để hạn chế tác dụng phụ.

“Khiến cho mấy thầy lang già như tôi đây bị mất việc.”

Ông rửa bát, tôi lau khô chúng. Ông quàng một cái khăn lau bát quanh thắt lưng tôi để khỏi ướt áo đầm. Khi mọi chuyện xong xuôi ông đặt một bàn tay lên lưng tôi. Mạnh mẽ, những ngón tay xò ra – như thể đang từ từ bóc tách từng phần cơ thể tôi một cách chuyên nghiệp. Khi lên giường ngủ vào tối hôm đó tôi vẫn còn cảm nhận được sức nặng từ bàn tay ấy. Tôi cảm giác được sức mạnh lan từ ngón út đến ngón cái. Tôi thích nó. Sự đụng chạm ấy còn đáng giá hơn nụ hôn được đặt lên trán tôi sau đó, lúc

tôi bước ra khỏi xe hơi của ông. Một nụ hôn khô, ngắn, nghiêm trang, áp xuống với quyền năng chóng vánh.

Chìa khóa của nhà ông được đặt lên sàn phòng tôi, luôn qua khe cửa khi tôi không ở đó. Nhưng cuối cùng tôi cũng không dùng tới. Nếu có một người nào khác cho tôi một cơ hội như thế tôi sẽ mừng rỡ bất lấy. Nhất là khi lại có cả một lò sưởi ấm. Nhưng trong trường hợp này sự hiện diện trước đó lẫn khả năng xuất hiện sau này của vị bác sĩ sẽ làm cho mọi tình huống trở nên không dễ chịu chút nào và làm cho sự thoải mái bình thường biến mất, thay vào đó là sự phấn khích khác, căng thẳng, mệt mỏi chứ không phải một niềm vui lan tỏa. Ngay cả khi trời không lạnh tôi vẫn sẽ không ngừng run lên, và khi ngồi giữa những cuốn sách của ông chắc tôi chẳng đọc được chữ nào.

Tôi cứ hình dung Mary một ngày nào đó sẽ xuất hiện, trách móc tôi đã không đi xem vở kịch của nó. Tôi định sẽ nói là mình không được khỏe. Bị cảm chẳng hạn. Nhưng tôi chợt nhớ rằng ở nơi đây bệnh cảm là một bệnh nguy hiểm, phải mang khẩu trang và tẩy trùng, cách li. Và rồi chỉ một thời gian ngắn sau tôi hiểu ra rằng không hy vọng gì giấu được chuyện viếng nhà ông bác sĩ kia. Đó không phải là chuyện bí mật với bất cứ ai ở đây, từ những người y tá không nói gì, hoặc vì họ quá sức kiêu kì và tể nhị hoặc vì những chuyện như thế từ lâu đã không làm họ quan tâm. Nhưng mấy cô hộ lí thì trừu ghẹo tôi.

“Bữa ăn tối hôm nọ có vui không?”

Giọng họ thân mật, ra vẻ tán đồng. Hình như vẻ kì quặc của tôi cũng phần nào thích hợp với cái kiểu quái lạ nhưng đã trở nên quen thuộc và được kiêng dè của ông bác sĩ, như thế cũng tốt thôi. Tôi có giá hẵn. Bây giờ bất kể tôi là cái thứ gì, rõ ràng ít ra tôi là một người phụ nữ có bạn trai.

Mary biến mất không thấy mặt đâu cả tuần lễ.



“Thứ Bảy tuần tới,” mấy chữ ấy buông ra trước khi đặt một nụ hôn lên trán tôi. Vậy là tôi lại đứng chờ lần nữa nơi hiên trước, lần này ông ta tới đúng giờ. Chúng tôi ngồi xe về nhà và tôi đi thẳng vào phòng trước trong khi ông đốt lò sưởi. Ngồi ở đó, tôi thấy có thêm cái máy sưởi chạy điện cũ rích.

“Cô không nhận lời mời của tôi nhỉ,” ông ta nói. “Có phải cô nghĩ rằng tôi chỉ nói cho vui vậy thôi? Tôi bao giờ cũng định tâm thực hiện điều mình nói.”

Tôi bảo ông rằng tôi không muốn xuống phố vì sợ gặp phải con bé Mary.

“Bởi vì tôi đã không tới dự buổi ca kịch của nó.”

“Sẽ là như thế nếu cô cứ phải thu xếp đời mình sao cho phù hợp với con bé Mary,” ông ta nói.

Thực đơn khá giống với lần trước. Sườn heo, khoai tây nghiền, bắp thay vì đậu. Lần này ông ta để tôi giúp việc trong bếp, thậm chí nhờ tôi dọn bàn cho bữa tối.

“Sẵn tiện cô làm quen với đồ đạc để đầu đó trong nhà. Thế cũng hợp lí hơn, tôi nghĩ vậy.”

Thế tức là tôi có thể ngắm ông ta làm việc bên bếp lò. Sự chăm chú mà vẫn thoải mái, những cử động vừa đủ, gây cho tôi cảm giác vừa hưng phấn vừa rùng cả mình.

Chúng tôi vừa bắt đầu ăn tối thì có tiếng gõ cửa. Ông đứng lên xoay nắm cửa và con bé Mary ào vào.

Con bé mang một hộp các tông, để lên bàn. Nó ném cái áo khoác xuống để lộ bộ đồ hóa trang màu đỏ và vàng.

“Chúc mừng ngày Valentine hơi trễ,” nó nói. “Các vị không đến coi em diễn trong buổi ca nhạc vì vậy em mang buổi ca nhạc lại đây. Một món quà trong hộp nữa.”

Nó khéo léo giữ cân bằng khi đứng một chân đá tung một chiếc ủng ra, rồi đến chiếc kia. Nó hát chúng ra cho khỏi vương đường rồi đi vòng quanh bàn, hát bằng một giọng mộc nhưng mạnh mẽ trẻ trung.

*“Tôi là bông Mao Lương nhỏ bé,
Bông Mao Lương đáng thương,
Dù chẳng bao giờ biết tại sao.
Tên tôi là là Mao Lương
Bông Mao lương bé nhỏ đáng thương
–Mao lương nhỏ xinh thân mến ơi, tôi...”*

Ông bác sĩ đứng dậy khi con bé bắt đầu hát. Ông đứng bên bếp, bận cạo món sườn lợn dính chặt trên chảo.

Tôi vỗ tay. Tôi nói: “Trang phục của em đẹp thế.”

Mà quả thế. Váy đỏ, váy lót vàng sáng, tạp dề trắng rung rinh, vạt áo thêu.

“Mẹ em may đấy.”

“Cả phần thêu sao?”

“Đúng vậy. Mẹ thức suốt đêm đến bốn giờ sáng mới xong đấy.”

Thêm một màn xoay tròn nhảy nhót nữa để khoe. Những cái đĩa kêu leng keng trên kệ. Tôi vỗ tay vài lần nữa. Cả hai chúng tôi chỉ muốn một điều. Chúng tôi muốn ông bác sĩ quay người lại và đừng tiếp tục bỏ mặc chúng tôi thế nữa. Nói một điều gì, dù là miễn cưỡng, một từ lịch sự.

“Đây nữa này,” Mary nói. “Cho ngày lễ Valentine.” Nó mở hộp các tông, những chiếc bánh qui Valentine, tất cả được cắt hình trái tim và được trang trí bằng lớp kem đỏ dày.

“Lộng lẫy thế,” tôi khen, và Mary lại tiếp tục nhảy nhót.

“Tôi là thuyền trưởng của Pinafore

Một thuyền trưởng tài ba

Tôi giỏi lắm giỏi lắm mong mọi người biết thế

Tôi chỉ huy một đoàn thủy thủ tuyệt vời.”

Cuối cùng ông bác sĩ cũng quay lại và con bé đưa tay chào.

“Được rồi,” ông nói. “Đủ rồi đấy.”

Con bé lờ đi.

“Thế thì xin vỗ tay ba lần, và một lần nữa,

Cho một thuyền trưởng tài ba của Pinafore...”

“Tôi nói đủ rồi đấy.”

“Cho thuyền trưởng hào hoa của Pinafore...”

“Mary. Chúng ta đang ăn bữa tối. Và em không được mời. Em có hiểu điều đó không? Không được mời.”

Con bé cuối cùng cũng im lặng. Nhưng chỉ một lát.

“Quý tha ma bắt ông đi. Ông không từ tế chút nào.”

“Và em cũng không cần mấy cái bánh bích qui đó nữa. Em nên ngừng ăn bánh ngay đi. Em đang bắt đầu mập ú ra như con lợn con rồi.”

Mặt Mary căng lên như sắp khóc nhưng vẫn cố nói: “Coi ai đang nói kìa.”

“Thôi đủ rồi.”

“Thì thôi.”

Ông bác sĩ lấy đôi ủng đặt ngay ngắn trước mặt nó.

“Mang vào đi.”

Con bé làm theo, chảy cả nước mắt nước mũi. Nó khịt mũi liên tục. Ông đưa cho nó chiếc áo khoác và chẳng giúp gì thêm khi nó lật bật mặc áo cài khuy.

“Được rồi. Bây giờ..., em tới đây bằng cách nào?”

Nó không trả lời.

“Đi bộ, phải không? Mẹ của em đâu?”

“Đang chơi bài.”

“Vậy thì tôi lái xe đưa em về nhà. Như vậy, em sẽ không còn cơ hội nào mà lợi trong tuyết rồi chết công vì tự thương thân.”

Tôi không nói một lời nào. Mary không hề nhìn tôi. Giây phút ấy quá sốc để còn nhớ nói lời tạm biệt.

Khi nghe tiếng động cơ xe hơi nổ tôi bắt đầu dọn dẹp bàn ăn. Chúng tôi không kịp ăn món tráng miệng, cũng lại là món bánh táo. Có lẽ ông không biết bất kì loại bánh nào khác, hoặc có lẽ tiệm bánh chỉ có mỗi món đó.

Tôi cầm lên một cái bánh bích qui có hình trái tim và ăn. Lớp kem màu trét trên bánh ngọt lạ lùng. Không có mùi dâu tây hay mùi hạnh đào, chỉ có đường và phẩm đỏ. Tôi ăn hết cái này đến ăn cái khác.

Tôi biết là lẽ ra tôi nên chào tạm biệt. Tôi nên nói cảm ơn nó. Nhưng những cái ấy chẳng quan trọng gì nữa. Tôi tự nhủ, chẳng hề quan trọng. Con bé diễn đâu phải cho tôi xem. Hoặc nếu có thì chỉ một phần nhỏ mà thôi.

Ông ấy thật thô bạo. Tôi sốc vì ông ấy lại thô bạo thế. Với một người đang cần mình đến vậy. Nhưng ông làm thế chỉ vì tôi, hiểu một cách nào đó. Để cho, thời gian của ông và tôi không bị lãng phí đi. Ý tưởng này quyến rũ tôi, tôi thấy thật xấu hổ là nó quyến rũ được mình. Tôi không biết phải nói gì khi ông trở lại.

Ông không muốn tôi nói gì nữa. Ông mang tôi lên giường. Tất cả những điều này có phải đã được tính toán trước hay ông cũng bất ngờ gần như tôi? Chuyện tôi còn trình ít nhất cũng không quá bất ngờ – ông lấy ra một cái khăn cùng với một cái bao cao su – và ông ta kiên nhẫn tiếp tục thật nhẹ nhàng. Sự cuồng nhiệt của tôi cũng làm

cho cả hai ngạc nhiên. Sự tưởng tượng, như người ta có thể thấy, cũng là một cách chuẩn bị tốt đẹp chẳng kém gì kinh nghiệm.

“Anh muốn lấy em làm vợ,” ông nói thế.

Trước khi đưa tôi về nhà, ông ném tất cả những cái bánh, tất cả những trái tim màu đỏ, ra ngoài trời tuyết cho những con chim mùa đông lao xuống.

Vậy là mọi chuyện đã định. Lễ đính hôn đột ngột của chúng tôi – anh có phần thận trọng khi dùng chữ ấy – là một chuyện riêng tư không thay đổi nữa. Tôi không viết một chữ nào cho ông bà tôi cả. Lễ cưới sẽ được tổ chức ngay khi nào anh ấy có được hai ngày nghỉ liên tục. Một đám cưới rất cơ bản thôi, anh bảo. Tôi hiểu rằng thế nghĩa là buổi lễ trước sự hiện diện của những người mà suy nghĩ của họ anh không mấy tôn trọng, lại thêm những kẻ không rúc rích cười thầm cũng điệu bộ nọ kia, là chuyện anh không tài nào chịu nổi.

Anh cũng không ưa gì nhẫn kim cương. Tôi nói với anh rằng tôi cũng thế, đó là sự thật, vì trước nay tôi chưa hề nghĩ tới món đó. Anh nói thế càng tốt, anh biết tôi không phải thuộc loại con gái ngốc nghếch thích theo thói thường mà.

Chúng tôi ngừng ăn bữa tối với nhau, không phải vì cuộc nói chuyện mà vì không đủ thịt cá cho hai người với một thẻ khẩu phần thức ăn. Thẻ thức ăn của tôi đã được giao cho nhà bếp – mẹ của Mary – từ khi tôi bắt đầu ăn ở trại điều dưỡng.

Tốt hơn cả là không làm cho người ta quá để ý đến mình.

Tất nhiên mọi người vẫn ngỡ ngợ có chuyện gì. Những người y tá già trở nên thân thiện và ngay cả Matron cũng nặn cho tôi nụ cười nhăn nhó. Tôi khép mình lại trong cái vỏ yên tĩnh nhẹ nhàng, mắt thường nhìn xuống. Cũng không hẳn là tôi cảm thấy những người phụ nữ lớn tuổi kia đang nhìn mình dò xét, xem thử mối quan hệ thân mật sẽ dẫn đến đâu để kịp thời đổi mặt nếu lỡ ra ông bác sĩ quyết định bỏ rơi tôi.

Chỉ có những người hộ lí là đứng về phía tôi thật tình, trêu ghẹo tôi rằng lá trà trong cốc tôi giống hình chuông đám cưới.

Tháng Ba nghiệt ngã và bận rộn phía sau những cánh cửa bệnh viện. Đó là tháng tệ hại nhất với bao nhiêu điều phiền phức, các hộ lí nói. Vì một lí do nào đó người ta mang trong đầu ý nghĩ sẽ chết vào thời điểm đó sau khi đã vượt qua bao cuộc tấn công của mùa đông năm trước. Nếu hôm nào có một đứa trẻ không tới lớp học, tôi không thể biết có phải bệnh nó trở nặng hay chỉ là cảm lạnh thông thường. Trước đây tôi viết tên tất cả học sinh quanh cạnh một tấm bảng đen loại di chuyển được. Giờ thậm chí tôi còn không phải tự tay xóa đi tên của những em vắng mặt dài ngày. Những đứa trẻ khác làm việc ấy cho tôi, chẳng nói lời nào. Chúng hiểu những qui ước mà tôi còn phải học hỏi.

Tuy vậy thời gian rảnh rang rồi cũng đến để bác sĩ thu xếp cho đám cưới. Anh nhét một miếng giấy nhỏ ở dưới cánh cửa phòng tôi, nói là hãy sẵn sàng trong tuần lễ đầu của tháng Tư. Trừ khi có biến cố lớn, còn không thể nào anh cũng có đôi ngày nghỉ phép.

Chúng tôi sẽ tới thành phố Huntsville.

Tới Huntsville – mật mã cho chuyện kết hôn.

Chúng tôi bắt đầu một ngày mà tôi chắc rằng mình sẽ nhớ mãi suốt đời. Tôi mang một bộ áo váy nhiều đã giặt khô, cuộn lại cẩn thận trong chiếc túi. Bà nội tôi đã từng dạy tôi cách cuộn chúng lại thay vì xếp nếp để tránh nhăn. Tôi định tranh thủ thay đồ trong phòng vệ sinh nữ khi có dịp. Tôi để ý xem đã có bụi hoa dại nào dọc đường để hái một bó hoa mang theo. Liệu anh ấy có đồng ý để tôi ôm một bó hoa? Nhưng tiết mùa này quá sớm, ngay cả với loài vị kim đất ẩm. Dọc theo đường hoang vắng ngoằn ngoèo chẳng có gì ngoài những cây vân sam vỏ đen gầy guộc, những đám lầy và cây bách xù rải rác. Và đột ngột ngang đường lô nhô những tảng đá đã trở nên quen thuộc với tôi – lốm đốm màu đỏ sẫm với vân xám nhạt.

Máy thu thanh trên xe chơi những điệu nhạc khải hoàn, vì quân đội Đồng minh đang tiến gần, ngày càng sát Berlin. Bác sĩ – Alister chứ – bảo rằng họ đang di chuyển chậm lại để cho người Nga vào thành phố trước. Anh bảo rồi họ sẽ hối hận vì điều này.

Bây giờ khi đã xa thị trấn Amundsen tôi nghĩ mình có thể gọi anh bằng tên riêng Alister. Đây là chuyến xe chung dài nhất bên nhau và tôi cảm thấy kích thích bởi vẻ thần nhiên phớt tỉnh rất đàn ông – mà giờ tôi biết rằng có thể đột ngột biến thành ngược lại – và bởi tài lái xe điêu nghệ của anh. Tôi thấy phấn khởi vì anh là một bác sĩ phẫu thuật dù rằng tôi chưa bao giờ thú nhận như thế. Lúc này đây tôi tin rằng mình có thể nằm xuống chiều anh ở bất cứ một đầm lầy hay hang hốc nào, hay chấp nhận xương sống cạ trên mặt đường đầy sỏi đá, nếu anh tự nhiên nổi hứng. Tôi cũng biết rằng tôi nên giữ cảm giác này cho riêng mình mà thôi.

Tôi nghĩ sang chuyện khác, nghĩ về tương lai. Khi chúng tôi đến thành phố Huntsville chúng tôi sẽ tìm được một mục sư, sẽ đứng bên nhau trong phòng khách, một nơi có vẻ khiêm tốn dịu dàng như căn hộ của ông bà tôi, kiểu phòng khách mà tôi quen thuộc trong suốt đời mình. Tôi nhớ lại những lần ông nội tôi được cậy nhờ việc cưới xin ngay cả khi ông đã về hưu. Bà nội tôi thoa một chút phấn hồng lên má, mang ra một chiếc áo choàng màu xanh sẫm vốn cất kĩ để mặc trong những dịp trang trọng thế này.

Nhưng tôi cũng phát hiện ra nhiều cách khác nữa để kết hôn, và mối ác cảm của vị hôn phu mà tôi chưa biết hết được. Anh chẳng muốn dính líu gì tới ông mục sư. Ở tòa thị chính Huntsville chúng tôi điền những mẫu đơn cam kết về tình trạng độc thân và đặt hẹn trong ngày để được làm thủ tục kết hôn bởi một vị thẩm phán hòa giải.

Đến giờ ăn trưa. Alister dừng lại trước cửa một quán ăn có vẻ giống anh em họ gần cửa tiệm cà phê ở Amundsen.

“Tiệm ăn này được không em?”

Nhưng nhìn vào mặt tôi anh đổi ý.

“Không à?” Anh nói. “Được rồi.”

Cuối cùng chúng tôi ăn trưa trong căn phòng phía trước có phần lạnh lẽo của một khách sạn quảng cáo có món gà. Dĩa thức ăn nguội tanh, không có thực khách nào khác, không cả âm nhạc trên đài, chỉ có tiếng lách cách của dao nĩa khi chúng tôi vát vả cắt thịt gà. Tôi chắc rằng anh đang nghĩ là chúng tôi có thể có một bữa ăn ngon hơn ở quán anh đề nghị trước đó.

Dù sao tôi cũng đủ can đảm để hỏi lối vào phòng vệ sinh nữ, và ở đó trong cái lạnh thậm chí còn buốt hơn cả phòng ăn phía trước, tôi giữ chiếc áo đầm xanh ra và mặc vào, tô son môi và sửa lại mái tóc.

Khi tôi bước ra Alister đứng dậy đón, bóp chặt bàn tay tôi và bảo, em thật đẹp.

Chúng tôi bước ra xe, người cứng lại vì lạnh, tay trong tay. Anh mở cửa xe cho tôi, đi vòng qua bên kia ngồi vào chỗ, quay chìa khóa xe cho nổ máy, rồi tắt.

Xe hơi đậu trước cửa một tiệm dụng cụ. Xăng xút tuyết bán giảm giá còn một nửa. Vẫn còn treo một cái bảng trên cửa sổ quảng cáo dịch vụ mài ván trượt băng.

Ở bên kia đường là một căn nhà gỗ sơn vàng. Cầu thang phía trước đã ọp ẹp, có hai thanh ván gỗ đóng lên tạo thành hình chữ X.

Chiếc xe tải đậu phía trước xe của Alister thuộc loại xe trước Thế chiến, có bậc bước lên xe và tám chấn bunn đã viền một lớp rỉ sét. Một người đàn ông bước ra từ tiệm dụng cụ và lên xe tải. Sau vài tiếng rú gầm gừ, lắc cắc, chiếc xe rung lên từng chập, rồi cũng chạy đi. Kế đến một chiếc xe tải chở hàng có tên của cửa tiệm chạy lại cố gắng len vào chỗ đậu xe vừa trống. Nhưng không đủ rộng. Người tài xế bước ra, tới gần và gõ lên cửa xe bên Alister. Alister ngạc nhiên – nếu anh ấy không mải mê trò chuyện thì đã nhận ra sự việc. Anh kéo cửa sổ xuống và người đàn ông kia hỏi rằng chúng tôi đậu ở đây có phải vì định mua món gì trong tiệm không. Nếu không phải thế làm ơn dời xe đi có được không?

“Chúng tôi đi đây.” Alister nói, người đàn ông ngồi bên cạnh tôi, người lẽ ra sắp cưới tôi làm vợ nhưng bây giờ sẽ không cưới tôi nữa. “Đi bây giờ đây.”

Chúng tôi. Anh ta nói chúng tôi. Trong một lúc tôi bị ám ảnh về chữ ấy. Rồi tôi nghĩ rằng đây là lần cuối cùng. Lần cuối cùng tôi được đưa vào hai chữ “chúng tôi” mà anh dùng.

Không phải là chữ “chúng tôi” có vấn đề, chữ ấy không nói lên sự thật. Mà chính là giọng nói giữa-dàn-ông-với-nhau mà anh ta dùng với người tài xế kia, lời xin lỗi trầm tĩnh và biết điều. Tôi ước gì có thể quay lại phút đầu tiên khi anh bắt đầu nói, khi anh không nhận ra chiếc xe tải đang tìm cách len vào. Điều anh nói thật là khủng khiếp nhưng hai bàn tay nắm chặt trên vô lăng, cái siết chặt và

sự mất tập trung và giọng nói của anh đều biểu lộ sự đau đớn. Không cần biết anh nói gì, có ý gì, lời ấy phát ra từ đáy lòng sâu thẳm, như anh đã từng nói khi chúng tôi nằm bên nhau, làm tình. Nhưng bây giờ không phải thế nữa, sau khi anh đã trò chuyện với người tài xế kia. Anh kéo cửa sổ lên và tập trung vào chiếc xe hơi, tìm cách đưa nó ra khỏi chỗ đậu khá chật hẹp mà không quẹt vào chiếc xe tải kia.

Và chỉ lát sau tôi thậm chí sẽ rất vui sướng nếu được trở lại thời điểm anh rướn cổ lên quay đầu nhìn đằng sau. Thế vẫn hơn là đang lái xe – như anh đang lái xe bây giờ – xuôi đường phố chính của Huntsville, như thể chẳng còn gì để nói hay cách gì để mà xoay chuyển nữa.

Anh không làm được chuyện này, anh đã nói thế.

Anh nói bảo anh không thể cáng đáng nổi chuyện này.

Anh cũng không thể giải thích.

Chẳng qua là sự nhầm lẫn.

Tôi nghĩ sau này tôi chẳng bao giờ có thể nhìn vào chữ S vòng vèo như chữ trên biển hiệu Mài Sắc Ván Trượt mà không nghe giọng nói của anh ta vang lên trong đầu. Hay khi thấy những tấm gỗ xù xì đóng thành chữ X như trên bậc cửa ngôi nhà màu vàng đối diện với tiệm dụng cụ.

“Anh sẽ chở em tới trạm xe buýt bây giờ. Anh sẽ mua vé cho em về Toronto. Anh chắc rằng sẽ có xe lửa chạy về Toronto vào chiều tối nay. Anh sẽ nghĩ ra một câu chuyện rất hợp lí và nhờ ai đó gói ghém đồ đạc cho em. Em cho anh địa chỉ ở Toronto vì anh không giữ. À, anh sẽ viết

cho em một cái thư giới thiệu nữa. Em đã làm việc rất tốt. Nhưng em chưa dạy hết học kì – anh chưa nói cho em nghe nhưng dù sao những đứa trẻ cũng sắp được đưa đi. Rất nhiều thay đổi lớn sắp xảy ra.”

Giọng nói của anh trở nên mới lạ, gần như hoạt bát vui vẻ. Làm như một gánh nặng đã được trút đi. Anh ta cố gắng ghìm lại không muốn vội vàng để lộ cái thở phào nhẹ nhõm cho đến khi tôi biến mất.

Tôi nhìn ra phố. Như thể tôi bị chờ đến đoạn đầu đài. Chưa. Chỉ gần đến thôi. Cũng chưa hẳn là lần cuối cùng tôi nghe giọng nói của anh. Chưa.

Anh không cần hỏi đường. Tôi hỏi anh lớn tiếng, liệu có cô gái nào trước đây đã bị anh đẩy lên xe lửa theo kiểu này chẳng.

“Đừng làm thế.” Anh nói.

Mỗi lần rẽ ngoặt là một lần xé rách những mảnh đời còn lại của tôi.

Có xe lửa về Toronto lúc năm giờ chiều. Anh bảo tôi chờ trong xe hơi trong khi tự mình đi vào nhà ga. Anh đi ra với tấm vé trên tay và đáng đi tôi thấy rõ là nhẹ nhõm hơn. Anh ta nhận ra điều này vì khi tới gần xe hơi thì tỏ ra kiêu chế hơn.

“Trong nhà ga ẩm áp dễ chịu lắm. Có phòng đợi đặc biệt dành cho phụ nữ.”

Anh mở cửa xe cho tôi.

“Hay là em muốn anh đợi tiễn em lên xe lửa? Kiểm chỗ

nào ăn miếng bánh thật ngon nhé. Bữa trưa chẳng ra làm sao cả.”

Câu nói của anh làm tôi phát cáu. Tôi bước ra khỏi xe đi thẳng tới nhà ga. Anh đưa tay chỉ phòng đợi của phụ nữ, nhướn mày lên nhìn tôi và cố gắng nói đùa một câu cuối cùng.

“Có thể ngày nào đó em sẽ nhận ra rằng đây là một trong những ngày may mắn nhất của cuộc đời em.”

Tôi chọn một băng ghế dài trong phòng đợi nhìn ra trước sân ga. Như thế tôi có thể nhìn thấy anh nếu anh trở lại. Anh sẽ nói đây là một chuyện đùa, hay là một phép thử, như trong các vở kịch thời xưa.

Hay có thể anh đổi ý. Lái xe trên đường cao tốc nhìn ánh sáng mặt trời mùa xuân xanh xám rơi trên những tảng đá mà chúng tôi vừa nhìn thấy cùng nhau. Sự tỉnh vì nhận ra sự điên rồ của mình anh vòng xe lại ngay trên đường và lao vun vút trở lại nhà ga.

Một giờ trôi qua trước khi xe lửa Toronto tới trạm, nhưng hình như thời gian thật ngắn. Và ngay cả vào phút cuối những giấc mộng hoang đường vẫn cứ lướt qua tâm trí tôi. Tôi bước lên xe mà như nghe tiếng gong xiêng lừng xèng trên cổ chân. Tôi áp mặt vào cửa sổ nhìn xuống mặt đường khi còi tàu vang lên từng chập chuẩn bị rời đi. Ngay cả bây giờ cũng không quá trễ nếu tôi muốn nhảy khỏi đoàn xe. Cứ nhảy đại và chạy xuyên qua nhà ga ra đường,

biết đâu anh đang đậu xe lại và chạy ngược lên các bậc tam cấp, thậm chí chưa quá trễ, cầu trời là chưa quá trễ.

Tôi cũng chạy về phía anh, chưa quá trễ.

Có tiếng om sòm, la hét, không phải một người mà cả một đám người chạy lăng xăng giữa những hàng ghế. Đám nữ sinh trung học, mặc áo quần thể thao, cười rú lên trước cảnh hỗn loạn chúng tạo ra. Người tài xế xe lửa tỏ vẻ bực mình và hối chúng mau ngồi vào chỗ.

Một trong những đứa ấy, có lẽ to tiếng nhất, chính là Mary.

Tôi quay đầu đi không nhìn chúng nữa.

Nhưng nó chẳng tha, kêu tên tôi rõ to và hỏi cô giáo đi đâu mất biệt thời gian qua.

Đi thăm một người bạn, tôi bảo nó.

Mary nhào tới bên tôi kể chúng vừa đấu bóng rổ với đội bóng của Huntsville. Hỗn loạn ghê lắm. Chúng bị thua.

“Tội mình thua, phải không?” nó la lớn, rõ ràng là vui vẻ, trong khi những đứa khác rên rĩ hoặc cười khúc khích. Nó bảo tỉ số quá sức đáng xấu hổ.

“Cô giáo mặc đồ diện quá,” nó nhận xét nhưng thực ra không chú ý lắm, lắng nghe lời giải thích của tôi với vẻ hững hờ.

Nó cũng không để tâm khi tôi nói mình đi về Toronto để thăm ông bà. Ngoại trừ nhận xét rằng chắc họ phải già lắm rồi. Không một chữ nào về Alister. Ngay cả một lời tò tẹ. Chắc nó không quên. Chỉ là dọn dẹp, thu cất, trong

ngăn tù của một cái tôi khác trong quá khứ. Hoặc con bé không mấy để tâm những tổn thương kiểu vậy.

Tôi thầm cảm ơn nó, ngay cả khi tôi chưa thể làm được thế. Tất cả mọi thứ dồn vào tôi, giờ tôi biết phải làm gì khi tới Amundsen? Nhảy khỏi đoàn tàu, xông tới nhà anh ta và hỏi cho ra lẽ, tại sao, tại sao. Thật là nỗi xấu hổ suốt đời. Khi đến ga, thời gian tàu dừng chỉ vừa đủ để cả đội bóng tập hợp, đập tay âm ỉ lên cửa sổ ra dấu cho người nhà đến đón, trong khi người soát vé không ngừng nhắc nếu chúng không mau mau ra khỏi tàu thì sẽ bị chở thẳng tới Toronto.

Trong nhiều năm, tôi vẫn muông tượng có ngày bỗng dưng chạm mặt anh ta. Tôi đã về sống và đến nay vẫn sống ở Toronto. Đối với tôi hình như ai rồi cũng có lúc đến ở thủ đô một thời gian. Tất nhiên điều đó không có nghĩa ta sẽ gặp lại người ấy, ngay cả khi muốn thế.

Nhưng cuối cùng dịp ấy cũng đến. Khi đang băng qua một con đường đông đúc đến nỗi không thể nào bước chậm lại. Đi ngược chiều nhau. Kinh ngạc, nhìn sững gương mặt đã phai tàn vì thời gian của nhau.

Anh ta la lớn, “Em có khỏe không?” và tôi trả lời, “Tốt lắm”. Rồi thêm mấy chữ cho chắc, “Rất hạnh phúc”.

Vào lúc ấy điều đó chỉ đúng một cách tổng quát mà thôi, chứ thực ra tôi đang có chuyện bực mình với chồng tôi, vì chuyện phải trả nợ giúp một trong những đứa con

riêng của anh ấy. Chiều hôm ấy tôi vừa đi xem một chương trình biểu diễn ở bảo tàng mỹ thuật để cảm thấy thanh thản hơn một chút.

Anh ta gọi với lại một lần nữa:

“Mừng cho em.”

Dường như chúng tôi vẫn có thể bằng cách nào đó dứt khỏi đám đông trong phút chốc, trở lại bên nhau như đôi tình nhân cũ. Nhưng cũng chắc chắn và hiển nhiên không kém là khả năng chúng tôi ai đi đường nấy. Và chúng tôi làm thế. Không lời than khóc nghẹn ngào, không một bàn tay trên vai nín thở lại khi tôi đặt chân lên vỉa hè bên kia, không niềm vui vỡ òa, những đụng chạm gần gũi, hay nụ hôn trên mái tóc. Chỉ là một chớp sáng mà tôi chợt thấy trong giây phút ấy, khi một con mắt của anh mở lớn hơn bên kia. Đó là mắt trái, lúc nào cũng mắt trái, như tôi hằng nhớ lại, để bắt lấy những điều xảy ra trong phút chốc. Một thoáng vui sướng bất ngờ, một hợp âm.

Cảm giác hết như lúc tôi rời bỏ Amundsen, chuyến tàu kéo tôi đi, bàng hoàng, ngỡ ngác, không thể nào tin được câu chuyện của đời mình.

Thật ra không có gì thay đổi, bản chất tình yêu của chúng ta.

Li hương

NGÀY trước, mỗi thị trấn có một rạp chiếu bóng. Ở Maverley cũng có một rạp như thế, tên là Thủ đỏ, cái tên thường gặp thời ấy. Morgan Holly là chủ rạp, cũng là người điều khiển máy chiếu phim. Ông không ưa giao dịch với công chúng – chỉ ưa ngồi ở tầng trên trong góc nhỏ để điều khiển câu chuyện trên màn hình – vì vậy ông lấy làm bực mình khi cô bé đứng thu vé vào cửa báo rằng cô sẽ nghỉ việc vì sắp có con. Thật ra ông có thể dự kiến điều này – vì cô lập gia đình đã nửa năm, và vào thuở đó phụ nữ có bầu nên biến mất trước ánh mắt người đời khi bụng bắt đầu to ra – nhưng ông chủ vốn không thích thay đổi và chỉ riêng ý tưởng về việc nhân viên có đời sống riêng tư cũng làm cho ông rất ngạc nhiên.

May thay, cô nhân viên sắp nghỉ việc kiếm được cho ông một người thay thế. Một cô gái sống cùng phố có lần nói rằng muốn có công việc buổi tối. Cô không thể làm ban ngày vì còn phải giúp mẹ coi em. Thông minh đủ để chu tất công việc, mặc dù đó là một cô bé hay xấu hổ.

Morgan bảo chuyện đó tốt thôi – ông không muốn thuê một người thu vé đứng tán dóc luyên thuyên với khách hàng.

Vậy cô bé đến. Tên là Leah, câu hỏi đầu tiên và cuối cùng ông chủ hỏi cô là cái tên ấy có nghĩa gì. Cô nói rằng tên cô từ Kinh Thánh. Ông chủ nhận thấy cô không hề trang điểm và mái tóc chải ép sát vào đầu, giữ bằng những cái kẹp. Ông thoáng lo lắng liệu cô có đủ mười sáu tuổi chưa và có thể làm việc hợp pháp không, nhưng quan sát kĩ ông nhận thấy nhiều khả năng cô nói thật. Ông bảo cô sẽ làm việc mỗi ngày một suất phim, bắt đầu từ lúc tám giờ vào mỗi đêm trong tuần và hai suất, bắt đầu từ bảy giờ, tất cả tối thứ Bảy. Sau khi đóng cửa, cô sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra tiền vé thu được và khóa cửa vào tủ.

Một vấn đề rắc rối còn lại: cô nói rằng cô có thể đi bộ về nhà vào những đêm ngày thường nhưng sẽ không được phép làm thế vào tối thứ Bảy và cha cô không thể tới đón cô, vì ông cũng có việc ban đêm ở nhà máy xay lúa mì.

Morgan bảo ông không biết chuyện gì khiến cô phải sợ hãi ở một nơi như thế này, suýt nữa đã cho cô nghỉ việc, rồi nhớ ra có một người canh sát làm việc về đêm thường

tranh thủ vài phút ghé rạp coi ké một đoạn phim. Có thể anh ta giúp được trong việc đưa Leah về nhà.

Cô bảo sẽ hỏi ý cha mình.

Cha cô đồng ý, nhưng kèm một vài điều kiện khác. Leah không được phép nhìn vô màn hình hay lắng nghe các đối thoại trong phim. Tôn giáo của gia đình không cho phép thế. Morgan liền bảo ông không thuê người đi thu vé để họ tự do coi phim. Còn đối với đoạn thoại trong phim, ông nói dối rằng rạp chiếu bóng có hệ thống cách âm.

Ray Elliot, cảnh sát, đã nhận làm ca đêm để rảnh tay giúp vợ một số việc ban ngày. Anh có thể ngủ bù khoảng năm giờ vào buổi sáng và chợp mắt một lát cuối chiều. Thường thời gian chợp mắt chẳng được là bao vì một số công việc phải làm hoặc vì anh và vợ anh, Isabel, cần trò chuyện. Họ không có con và thích trò chuyện với nhau về mọi thứ. Anh kể cho vợ nghe những tin tức của thị trấn, làm cô phá lên cười, và cô kể cho anh nghe những cuốn sách vừa đọc.

Ray tham gia chiến tranh vừa lúc mười tám tuổi. Anh chọn không quân, một binh chủng từng hứa hẹn, như người ta nói, về giấc mộng phiêu lưu và về cái chết mau lẹ. Anh là xạ thủ ở tháp trên – một vị trí mà Isabel không bao giờ tưởng tượng được rõ ràng – nhưng anh đã sống sót. Gần cuối chiến tranh anh được chuyển đến đơn vị mới, và chỉ trong vài tuần, phi hành đoàn cũ của anh, đồng đội mà

anh đã bay nhiều lần với họ, bị bắn hạ và mất tích. Anh trở về quê với ý tưởng khá mơ hồ về việc cần làm, sao cho chúng thật có ý nghĩa với khoảng đời còn lại dành cho anh như một định mệnh, may mắn đến kì lạ, nhưng anh chưa biết đó là việc gì.

Trước hết anh phải học xong bậc trung học. Ở thị trấn nơi anh lớn lên có một trường đặc biệt dành cho những cựu chiến binh cố gắng hoàn tất trung học để thi vào đại học, nhờ công lao đóng góp của những người dân địa phương muốn tỏ lòng biết ơn các chiến sĩ. Giáo sư dạy môn Ngôn ngữ và Văn học là Isabel. Cô ba mươi tuổi và đã có gia đình. Chồng cô cũng là một cựu chiến binh, nhưng có cấp bậc cao hơn hết thầy các học sinh trong lớp cô. Cô dự định đi dạy một năm ở trường này như một phương cách bày tỏ lòng yêu nước của mình, rồi sau đó xin nghỉ và vun vén cho tổ ấm gia đình. Cô kể công khai điều này với học sinh, bọn họ nói lên với nhau lúc cô vắng mặt rằng anh chàng đó có số quá may.

Ray không thích nghe mấy chuyện này, lí do vì anh đem lòng yêu cô. Và cô cũng yêu anh, chuyện này xem ra còn đáng ngạc nhiên hơn nữa. Đó là một điều vô lí đối với nhiều người, trừ chính họ. Cuộc li dị – một vụ tai tiếng đối với gia đình cô, vốn thân mật và gần gũi nhau, và là sự choáng váng đối với người chồng, vốn lúc nào cũng muốn lấy cô làm vợ từ khi họ hãy còn thơ ấu. Ray ở vào hoàn cảnh dễ dàng hơn cô, bởi vì anh không có nhiều người trong gia đình để trò chuyện, và những người mà anh đã

báo tin thì tự thấy mình khó sánh với anh vì nay anh đã lập gia đình với kẻ cao sang, và cũng không muốn vương đường anh trong tương lai. Nếu họ chờ ở anh một sự phủ nhận hay một lời bảo đảm cho điều ngược lại, thì điều chờ đợi ấy không đến. O.K thôi, Ray đáp trả đại loại như thế. Đã đến lúc cho một khởi đầu tươi mới. Isabel bảo cô sẽ tiếp tục dạy học cho đến khi Ray xong đại học và ổn định trong bất cứ công việc nào mà anh dự định làm.

Nhưng kế hoạch thay đổi. Cô mắc bệnh. Thoạt đầu họ nghĩ đó là do suy sụp tinh thần. Sự xáo trộn đời sống. Con điên rồ vừa qua.

Nhưng cơn đau đến. Đau bất cứ khi nào cô hít thở sâu. Đau dưới xương ức và bên vai trái. Cô lờ nó đi. Cô nói đùa về chuyện Chúa trừng phạt mình, về những phiêu lưu tình ái và rằng ngài chỉ mất thì giờ vì cô còn chẳng tin vào ngài.

Cô mắc một bệnh gọi là viêm màng ngoài tim. Đó là bệnh trọng nhưng cô cứ để mặc thế cho đến khi suy kiệt. Mặc dù bệnh ấy không thể chữa lành nhưng vẫn có thể kiểm soát được, dù khó khăn. Cô không đi dạy được nữa. Các bệnh lây nhiễm trùng đều nguy hiểm, và có chôn nào để lây lan hơn lớp học? Ray giờ trở thành người chăm sóc cô, anh nhận công việc làm cảnh sát ở trong thị trấn nhỏ này, Maverley, ngay gần ranh giới hạt Grey-Bruce. Anh không ngại làm việc này, và cô, sau một thời gian, cũng không ngại về cuộc đời trở thành nửa quỉ ẩn của mình.

Có một điều họ không đề cập bao giờ. Mỗi người đều tự hỏi liệu người kia có lo buồn không nếu họ không có con.

Ray cảm thấy sự thất vọng đó liên quan đến việc Isabel tỏ ra muốn biết tất cả về cô gái mà anh có nhiệm vụ đưa về nhà tối thứ Bảy.

“Chuyện đó thật đáng trách,” cô nói khi nghe về chuyện cấm đoán coi phim, và cô cảm thấy còn khó chịu hơn nữa khi anh bảo rằng cô gái kia bị buộc phải thôi học để ở nhà giúp cha mẹ.

“Anh bảo rằng con bé thông minh nhỉ.”

Ray thì không nhớ mình đã nói thế với vợ, anh có kể là cô bé hay ngượng ngùng đến lạ, vì vậy khi hai người đi bộ về nhà, anh phải nặn óc ra để tìm cách trò chuyện. Một vài câu anh nghĩ ra được tỏ vẻ không tác dụng. Chẳng hạn như cô bé thích học môn nào nhất ở trường? Chuyện ấy thành quá khứ rồi vì vậy cũng chẳng quan trọng chi chuyện lúc ấy cô bé có thích môn nào hay không. Hoặc, cô muốn làm gì khi lớn lên sau này? Cô đã lớn rồi thôi, thực tế là vậy, và công việc của cô cũng đã được thu xếp xong, dù cô thích hay không. Cũng thế với câu hỏi cô có thích thị trấn này không, và liệu sau này nếu đến một nơi nào khác cô có nhớ đến nó không – chẳng có ý nghĩa gì. Hai người cứ thế nói đến tận chi tiết về tên gọi và tuổi tác của những đứa em trong gia đình cô. Khi anh hỏi thêm tên bọn chó và mèo nếu có, cô nói rằng cô chẳng nuôi một con nào cả.

Cuối cùng cô cũng hỏi lại anh một câu. Cô hỏi khán giả cười cái gì khi họ coi phim trong rạp tối hôm ấy.

Anh nghĩ chẳng cần phải nhắc cô về việc cô không nên lắng nghe truyện phim. Nhưng anh không thể nào nhớ

được họ đã cười về chuyện gì. Vì vậy anh bảo chắc là tình tiết ngốc nghếch gì đó thôi – thật ra cũng khó mà biết được khán giả cười chuyện gì. Anh nói anh không quan tâm nhiều lắm đến các cuốn phim, chỉ coi để coi vậy thôi, đoạn này đoạn khác. Anh hiếm khi theo dõi cốt truyện.

“Cốt truyện,” cô lặp lại.

Anh phải giải thích cho cô cốt truyện nghĩa là gì – là cách những câu chuyện được kể lại. Từ hôm đó việc trò chuyện không còn khó khăn nữa. Anh cũng không cần phải nhắc nhở cô không nên kể lại những chuyện gì khi về nhà. Cô tự hiểu. Anh không cần phải kể những chuyện cụ thể lắm – mà anh cũng không làm được – chỉ cần giải thích những câu chuyện thường có nhân vật xấu xa và người vô tội, những kẻ xấu mới đầu rất khôn ngoan khi thực hiện hành vi phạm tội và lừa cho người ta đi hát trong các câu lạc bộ đêm (giống như các vũ trường) hoặc đôi khi, chỉ Chúa mới biết tại sao, hát trên những đỉnh núi hoặc trong những khung cảnh ngoài trời xa lạ và những hành động tiếp theo. Đôi khi phim có màu. Với những trang phục lộng lẫy nếu chuyện bối cảnh ngày xưa. Những diễn viên ăn mặc đẹp đóng trò giết người trên sân khấu. Nước mắt hóa học chảy dài trên gò má các nữ nhân vật. Những con thú trong rừng rậm được mượn từ sở thú, chắc là vậy, và bị chọc tức đến tức giận điên cuồng. Diễn viên ngồi dậy sau khi bị giết chết bằng nhiều cách khác nhau, lúc ống kính không chia về phía họ. Còn sống và khỏe mạnh, mặc

dù người ta vừa nhìn thấy họ bị bắn hạ hoặc chặt đầu trên tấm ván của đao phủ thủ, đầu lăn lông lốc.

“Anh nên nhẹ nhàng thôi,” vợ anh khuyên. “Anh làm cho con bé bị ác mộng mất.”

Ray bảo nếu thế thì anh sẽ ngạc nhiên. Và rõ ràng con bé có cách để hình dung ra vấn đề, hơn là chỉ được cảnh báo suông hay hoang mang không rõ. Ví dụ, cô chẳng bao giờ hỏi tấm ván của người đao phủ thủ trông ra sao hoặc tỏ ra ngạc nhiên về chuyện đầu người lăn trên đó. Cô bé có một cái gì đó, anh bảo vợ, một điều gì đó làm cho cô muốn hấp thu hết những điều anh kể, thay vì sợ hãi hoặc mê đắm hoang đường về những chuyện ấy. Một cách nào đó anh nghĩ cô bé đã hoàn toàn tự mình cách li khỏi gia đình. Không phải vì cô khinh họ hay không tử tế. Cô chỉ trầm tư suy nghĩ một cách sâu xa.

Rồi anh nói thêm về điều làm anh cảm thấy xót xa hơn nhưng không biết tại sao.

“Cô bé không có ước mơ gì cao xa, cách này hay cách khác.”

“Thế thì chúng ta sẽ bắt cóc nó đem đi,” Isabel bảo.

Anh cảnh cáo cô. Hãy nghiêm túc chứ em.

“Đừng bao giờ nghĩ đến chuyện ấy.”

Không lâu sau lễ Giáng sinh (dù trời chưa lạnh lắm), ông chủ rạp Morgan tới trạm cảnh sát vào lúc nửa đêm, một ngày giữa tuần, để báo hung tin Leah mất tích.

Hôm đó cô bán xong vé như thường lệ, đóng cửa sổ, đặt tiền vào nơi cần đặt, và rời chỗ làm việc về nhà, ông chỉ biết có thế. Chính ông cũng đã xong các việc của mình khi buổi chiều kết thúc, nhưng khi bước ra ngoài, một người đàn bà mà ông không hề biết bỗng xuất hiện hỏi chuyện gì đã xảy ra với Leah. Đó là người mẹ – mẹ của Leah. Người cha vẫn còn làm việc chỗ nhà máy xay, Morgan nghĩ hay là cô bé tới đó gặp cha mình. Người mẹ dường như không hiểu ông đang nói điều gì, vì vậy ông nói sẽ đưa bà đến chỗ nhà máy xay xem thử cô bé có ở đó không nhưng người mẹ khóc và xin ông đừng làm thế. Thế rồi Morgan lái xe đưa bà về nhà, mong cô bé bây giờ cũng đã trở về, nhưng thật không may, nên ông nghĩ tốt nhất mình đi tìm báo cho viên cảnh sát.

Morgan chẳng thích gì chuyện mang tin dữ tới cho người cha.

Ray bảo họ có thể cùng đi tới nhà máy xay – hy vọng mong manh sẽ gặp cô bé ở đó. Nhưng tất nhiên khi họ tìm được người cha, ông ta chẳng hề thấy cô đâu và còn tức điên lên về chuyện vợ mình ra khỏi nhà đi khơi khơi mà không có phép của ông.

Ray hỏi thử Leah có bạn bè gì không và không lấy làm ngạc nhiên khi nghe rằng cô bé chẳng hề có bạn. Anh để Morgan về nhà và tự mình tới nhà của cô nơi người mẹ trong tình trạng gần như mất trí, đúng như Morgan đã tả. Mấy đứa em đều còn thức, hay một số đứa, sưng sò câm lặng. Chúng run lên vì sợ hãi trước một người lạ tự

nhiên xuất hiện trong nhà và cả vì không khí ngày càng lạnh lẽo mà Ray nhận ra ngay, ngay cả khi đã vào nhà. Có thể người cha cũng đặt ra những qui định cho cả chuyện sưởi ấm trong gia đình.

Leah lúc đi mặc một cái áo choàng mùa đông – đó là tất cả những gì anh khai thác được từ gia đình. Anh biết cái áo choàng nâu cũ lụng thụng như cái túi vải đó và nghĩ là nó cũng làm cho cô bé ấm được một lúc. Từ lúc Morgan xuất hiện cho đến giờ này, tuyết đã bắt đầu rơi thêm, mỗi lúc một dày.

Khi giờ làm việc hết, Ray về nhà và kể cho vợ nghe chuyện xảy ra. Rồi anh lại ra ngoài nhưng cô không tìm cách ngăn cản anh.

Một giờ sau Ray trở về, không có kết quả gì, có tin các xa lộ sắp bị đóng do một cơn bão tuyết lớn.

Sáng hôm sau, quả nhiên có bão tuyết; cả thành phố lần đầu trong năm bị đông cứng lại, con đường chính là nơi duy nhất được dùng xe ủi tuyết mở đường. Tất cả cửa tiệm đều đóng cửa, khu vực nhà của Leah bị mất điện mà thời tiết này không sao sửa được. Gió thổi quật oằn những thân cây, như thể chúng đang tìm cách quét dọn sạch sẽ mặt đất.

Viên cảnh sát trực ca ngày nghĩ ra một việc mà Ray không nghĩ tới. Anh ta là thành viên Hội Thánh nên biết – hoặc vợ anh ta biết – rằng Leah đến ủi áo quần hàng tuần cho

vợ ông mục sư. Anh và Ray tới nhà thờ để hỏi thăm tin tức về cô bé, nhưng không có tin tức gì, và sau giây phút bùng lên ngăn ngui của hy vọng, mọi chuyện dường như đen tối hơn.

Ray hơi ngạc nhiên vì cô bé làm một công việc khác mà cô không hề nhắc tới. Mặc dù vậy, so sánh với việc ở rạp chiếu bóng, công việc ấy cũng không có vẻ gì li kì đặc biệt.

Anh gắng ngủ một lúc vào buổi chiều và quả thật đã ngủ được chừng một giờ. Isabel cố gắng trò chuyện khi họ ăn tối nhưng chuyện trò không đi đến đâu. Ray vẫn nhắc đi nhắc lại cuộc gặp vị mục sư, rằng người vợ thật lo âu, tìm mọi cách giúp đỡ, trong khi ông ta – ông mục sư – thì cư xử không thích đáng như Ray hằng nghĩ. Ông ta mở cửa một cách khó chịu như thể bị làm phiền trong khi đang viết một bài giảng hay làm một việc gì tương tự. Ông gọi người vợ và khi đến bà đã phải nhắc ông cô gái được hỏi tới là ai. Cố nhớ ra một cô gái đã từng tới nhà hàng tuần để ủi đồ? Tên Leah à? Rồi vị mục sư nói rằng ông hy vọng sẽ có tin tức sớm trong khi cố xoay xở gài lại cánh cửa bị gió đẩy ra.

“Vậy chứ ông ta phải làm sao bây giờ?” Isabel nói “Cầu nguyện sao?”

Ray nghĩ cách đó cũng không phải là dở.

“Điều đó chỉ khiến mọi người bối rối và chúng tỏ sự vô vọng,” người vợ nói. Rồi cô nói thêm rằng ông mục sư kia có lẽ là người tân tiến chú trọng đến ý nghĩa biểu tượng của vấn đề.

Một cuộc tìm kiếm cô bé được tổ chức, bất chấp thời tiết xấu. Khu nhà kho sau nhà, một chuồng ngựa cũ không dùng nhiều năm bị mở toang ra tìm kiếm lỗ khi cô bé ẩn mình trong đó. Không có gì mới. Đài phát thanh địa phương thông báo và truyền đi bản mô tả về cô bé mất tích.

Nếu Leah đón xe dọc đường, Ray nghĩ cô có thể lên xe trước khi bão tuyết tới, chuyện ấy có thể tốt mà cũng có thể xấu.

Bản tin phát thanh tả cô vóc người hơi thấp – Ray thì nghĩ ngược lại – và mái tóc thẳng màu nâu. Anh cho là tóc cô bé màu nâu đậm, gần như đen.

Cha cô bé không tham dự vào cuộc tìm kiếm; mấy đứa em trai cũng thế. Tất nhiên mấy cậu em nhỏ tuổi hơn cô và chẳng bao giờ ra khỏi nhà nếu không được cha đồng ý. Khi Ray đi vòng quanh nhà rồi bước qua cửa, cánh cửa chỉ mở hé vừa đủ cho anh, người cha cũng không phí thì giờ mà nói luôn là đứa con gái chắc đã cố ý bỏ nhà ra đi. Sự trừng phạt dành cho đứa con gái đã vượt khỏi tay người cha và giờ nằm trong tay Chúa. Không ai mời Ray vào nhà để sưởi ấm một lát. Mà có lẽ trong nhà lúc ấy cũng vẫn không dùng lò sưởi.

Cơn bão dịu đi, vào khoảng trưa ngày hôm sau những chiếc xe ủi tuyết bắt đầu dọn dẹp đường xá trong thị trấn. Xe ủi tuyết của hạt lo dọn đường cao tốc. Những người lái xe ủi được khuyên là nên coi chừng vì họ có thể gặp một xác chết lạnh giá vùi trong tuyết.

Ngày hôm sau nữa, chiếc xe tải chở thư mang tới một

bức thư. Bên ngoài không đề gởi cho bất cứ ai trong gia đình Leah mà cho vị mục sư và người vợ. Thư của Leah, tường trình rằng cô vừa lập gia đình. Chàng rể chính là con trai của vị mục sư, tay kèn saxophone trong một ban nhạc jazz. Anh ta viết thêm vài chữ “Ngạc nhiên chưa!” vào cuối bức thư. Đó là theo lời người ta kể, mặc dù Isabel thắc mắc là làm sao mọi người đều biết chuyện ấy, trừ khi người ở đây có thói quen bóc thư ra coi trước ở bưu điện.

Chàng thổi kèn không sống ở thị trấn này khi nhỏ. Lúc ấy cha anh làm việc tại một giáo phận khác. Và anh cũng ít khi về thăm. Không ai kể được nhân dáng anh ra sao. Anh không khi nào dự lễ ở nhà thờ. Đã từng đưa phụ nữ về nhà cách đây vài năm. Rất điệu dàng ăn diện. Người ta bảo cô kia là vợ anh, nhưng rõ ràng không phải thế.

Cô bé đã tới nhà ông mục sư bao nhiêu lần rồi, ủi quần áo khi chàng lãng tử thổi kèn kia cũng ở đó? Một số người tò mò tìm hiểu thêm. Có vẻ chỉ mỗi một lần thôi. Đó là điều Ray nghe kể ở trạm cảnh sát, nơi những lời đồn đại nở như pháo rang giữa những bụi đàn bà.

Isabel nghĩ đó là chuyện thú vị. Và không phải lỗi ở kẻ trốn nhà đi. Họ cũng đâu phải là nguyên nhân khiến trời giáng cơn bão tuyết.

Hóa ra chính cô cũng biết vài điều về chàng nhạc sĩ thổi kèn. Cô đã gặp anh tình cờ ở bưu điện một lần, khi anh về thăm nhà và cô hôm ấy khỏe lên, muốn ra khỏi nhà. Cô đặt hàng mua băng nhạc nhưng nó không đến. Anh hỏi cô đặt

thứ gì và cô đáp lời. Cô không nhớ được rõ ràng. Anh kể cho cô nghe về sở thích chơi nhạc của anh. Một điều làm cho cô biết chắc rằng chàng thanh niên không phải người địa phương này. Cái cách mà anh nghiêng người vào cô và thở ra toàn mùi kẹo cao su thơm ngát hương trái cây. Anh không hề nhắc đến nhà mục sư, nhưng ai đó đã kể cho cô nghe về mối liên hệ, sau khi anh chào tạm biệt và chúc cô may mắn.

Hơi đẩy đưa tán tỉnh, hay đó là cách chào hỏi của anh ta. Thật kì quặc nếu thật sự để chàng trai lạ tới nhà cùng nghe băng nhạc khi nó được gọi tới. Cô hy vọng anh hiểu đó chỉ câu đùa.

Cô treu Ray, nói rằng liệu có phải việc anh mô tả thế giới rộng lớn qua các cuốn phim đã khiến cho cô bé kia có ý tưởng bỏ nhà ra đi hay không.

Ray không trả lời và cũng không ngờ mình lại rơi vào tâm trạng rối bời, buồn bã đến thế vào thời gian cô bé ấy mất tích. Tất nhiên anh cảm thấy an ủi nhiều khi biết chuyện gì xảy ra cho Leah.

Mặc dù thế, cô bé đã biến mất. Không phải theo cách bất thường hay vô vọng, chỉ là cô ta không còn ở đây nữa. Điều lố bịch là anh thấy mình bị xúc phạm. Như thế cô bé đã trưng ra hình ảnh mơ hồ về một mặt đời sống khác của cô.

Cha mẹ và mấy đứa em cô cũng biến mất, chẳng ai biết họ đi về đâu.

Vị mục sư kia và bà vợ không đi đâu cả, khi ông về hưu.

Họ vẫn được giữ lại căn nhà, nơi ấy vẫn gọi là nhà mục sư, mặc dù thật ra không còn đúng nữa. Người vợ trẻ của ông mục sư mới đến có lần than phiền về nhà cửa, và ban quản trị nhà thờ thay vì sửa chữa nó, đã quyết định xây hẳn một căn nhà mới để cô ta khỏi than phiền nữa. Ngôi nhà cũ sau đó được bán với giá thật rẻ cho vị mục sư về hưu. Nhà có phòng dành riêng cho người con trai chơi nhạc và vợ anh ta khi họ trở về thăm gia đình với những đứa con tay bế tay bồng.

Hai đứa nhỏ, tên chúng xuất hiện trên cột “Tin mừng” trên báo khi mới sinh. Một đứa con trai rồi đến đứa con gái. Thỉnh thoảng chúng về thăm, thường chỉ đi với Leah, vì người cha còn mãi bận rộn với các cuộc khiêu vũ hay những thứ khác. Ray hoặc Isabel cũng chưa bao giờ gặp họ cả.

Isabel khỏe lên; cô gần như trở lại bình thường. Cô nấu ăn thật ngon miệng khiến hai vợ chồng tăng cân mau chóng, đến một lúc cô phải dừng lại, hoặc ít nhất cũng giảm bớt những bữa bày biện thịnh soạn. Cô gặp gỡ những người phụ nữ khác trong thị trấn để đọc sách và thảo luận những cuốn trong bộ Đại danh tác. Một số người không thực sự hiểu lắm sở thích này và bỏ cuộc, nhưng nói chung đó là một thành công vang dội. Isabel cười phá lên về cảnh tượng hỗn loạn ở Thiên đường khi họ đọc đến tác phẩm của ông già Dante khổn khổ.

Rồi có những lần cô bị ngắt, hay là người đi, nhưng vẫn không chịu đi khám bệnh cho đến khi Ray nổi giận với vợ và cô đổ lỗi rằng vì tính khí khó chịu của chồng mà cô bị bệnh. Cô xin lỗi anh và họ lại làm lành, nhưng tim cô mỗi ngày một suy sụp và họ phải thuê một phụ nữ, một y tá thực hành, để ở lại nhà với cô khi Ray đi làm việc. May mắn, họ có thêm ít tiền – từ việc thừa kế gia sản của cô và tiền lương tăng lên của anh – nên mọi chuyện không đến nỗi, mặc dù vậy anh vẫn tiếp tục làm ca đêm.

Một buổi sáng mùa hè trên đường về nhà, anh dừng lại ở bưu điện xem có thư hay không. Đôi khi vào lúc ấy họ đã phân loại xong thư từ, nhưng có khi không. Buổi sáng ấy họ chưa làm xong.

Lúc đó trên hè phố, đi ngược chiều với anh trong ánh sáng chói lọi của buổi sớm, là Leah. Cô đẩy chiếc xe trẻ con với một đứa bé gái khoảng hai tuổi bên trong, nó cứ đá chân vào tám dựa kim loại. Một đứa khác tỏ ra chín chắn hơn, bám lấy váy mẹ. Hay thật ra là chiếc quần dài ống rộng màu cam. Phía trên, cô mặc một cái áo màu trắng hơi rộng, nom tựa tựa áo không tay mặc trong. Mái tóc cô sáng màu hơn ngày xưa, và nụ cười của cô nữa, một nụ cười anh chưa thấy bao giờ, rực rỡ tươi tắn phủ trùm gương mặt với niềm vui.

Cô ấy có thể trở thành một trong những người bạn mới của Isabel, những người thường trẻ tuổi hơn hoặc vừa mới tới thị trấn, mặc dù cũng có một số lớn tuổi hơn, một thời là những cư dân sống e dè kín kẽ, những người bị loại ra

dần khỏi thời kì sôi động rực rỡ này của lịch sử, nơi những quan điểm xưa cũ biến mất, ngôn ngữ bị thay đổi, trở nên thô ráp và giòn tan.

Anh từng cảm thấy thất vọng vì không tìm thấy một tờ tạp chí mới nào ở bưu điện. Chuyện ấy cũng không còn quan trọng với Isabel nữa. Cô có thời sống vì những tờ tạp chí đặt mua, đa số đều nghiêm túc và đòi hỏi động não, nhưng cũng có nhiều bức tranh hài hước khiến cô cười phá lên. Ngay cả những bức tranh quảng cáo về hàng lông thú và đồ nữ trang vàng bạc cũng khiến cô vui cười, và anh hy vọng chúng làm cô hồi phục. Lúc này ít ra anh cũng có chuyện khác để kể với vợ mình. Leah.

Leah chào anh với giọng nói khác xưa và giả vờ lấy làm vui mừng rằng anh cũng nhận ra cô, vì cô đã lớn rồi – như cô nói – trở thành một phụ nữ già dặn. Cô giới thiệu đứa bé gái, con bé không ngẩng nhìn lên và vẫn đá chân như trước, đứa con trai nhìn mãi ra xa và lẩm bẩm chào. Có treu cậu con lớn thế mà cứ bám váy mẹ.

“Chúng ta băng qua đường thôi, các con.”

Tên đứa con trai là David và con gái là Shelley. Ray không nhớ được những cái tên đăng trên báo hồi chúng mới sinh. Anh biết những cái tên này đang được mọi người ưa chuộng.

Cô bảo mấy mẹ con đang ở với gia đình bên chồng.

Không phải là thăm viếng mà là ở chung. Ray không nghĩ nhiều về chuyện ấy mãi đến sau này, nhưng cũng có thể chẳng có ý nghĩa gì.

“Chúng tôi đang trên đường tới bưu điện.”

Anh nói với cô rằng anh cũng vừa từ đó ra, nhưng họ chưa phân loại thư xong.

“Ồ, tệ quá. Thế mà các cháu hy vọng rằng sẽ có một bức thư từ cha chúng, phải không David?”

Thằng bé lại túm lấy quần cô.

“Chờ cho đến khi họ phân loại xong,” cô bảo. “Có lẽ sẽ có thư.” Có cảm giác như Leah chưa muốn từ biệt anh, mà Ray cũng không muốn thế, nhưng khó mà nghĩ ra được chuyện gì để đứng lại bên nhau một lúc nữa.

“Tôi sắp đi đến tiệm thuốc tây.” Anh bảo.

“Ồ thế à.”

“Tôi phải đi mua thuốc cho vợ tôi.”

“Mong là chị nhà chóng khỏe.”

Rồi cảm thấy như có chút gì như phụ bạc, anh bảo, ngắn gọn. “Không, không tiến triển nhiều.”

Leah nhìn qua vai của Ray và chào một người nào đó cũng với giọng điệu vui vẻ như cô đã chào anh vừa nãy.

Đó là vị mục sư của nhà thờ, người chần chiên mới, tương đối mới, chính bà vợ ông này đã đòi có một ngôi nhà hẳn hoi hơn.

Leah hỏi liệu hai người đàn ông có quen biết nhau không và họ nói có, họ biết nhau. Cả hai đều nói bằng một giọng chứng tỏ là họ không biết nhau rõ lắm, khá hài lòng vì quan hệ chỉ ở chừng mức đó. Ray để ý ông mục sư không mang cổ còn trắng.

“Không đến nỗi phạm pháp mà,” vị mục sư nói, có lẽ tin rằng nên đùa vui một chút. Ông bắt tay Ray.

“Thật may quá,” Leah nói. “Tôi đang muốn hỏi mục sư vài chuyện thì gặp được ông ở đây.”

“Tôi nghe đây.” Mục sư nói.

“Tôi muốn hỏi về lớp học ngày Chủ nhật,” Leah nói. “Không biết là... Tôi có hai đứa nhỏ, không biết khi nào nên cho chúng đi học, phải làm thủ tục gì và tất cả mọi thứ liên quan.”

“À việc đó.” Ông mục sư nói.

Ray thấy rõ là ông này không thích người khác nói về công việc nhà thờ ở nơi công cộng. Không muốn ai đề cập đến chuyện ấy khi gặp nhau ngoài đường. Nhưng vị mục sư biết cách che đậy sự khó chịu của mình, mà cũng có thể ông thấy đáng công khi nói chuyện với một cô gái có vẻ ngoài như Leah.

“Chúng ta nên bàn thêm về chuyện ấy,” ông bảo. “Cứ hẹn tôi bất cứ lúc nào.”

Ray bảo anh phải đi rồi.

“Rất vui được gặp lại cô,” anh nói với Leah và gật đầu chào người đàn ông mặc áo tu sĩ.

Anh bước đi, có thêm hai thông tin mới. Cô ta sẽ ở đây khá lâu, một khi định thu xếp lớp học vào ngày Chủ nhật cho con. Và cô chưa loại bỏ khỏi thế giới của mình cái tín ngưỡng mà cô từng lớn lên và đắm mình trong đó.

Anh trông đợi sẽ gặp lại Leah một lần nữa, nhưng điều đó không xảy ra.

Khi về nhà anh kể cho Isabel về chuyện cô gái đã thay đổi thế nào và cô bảo anh tất cả những thứ ấy đều có vẻ thông tục tầm thường, không có gì đặc biệt.

Isabel tỏ ra hơi bức mình, có lẽ vì cô phải chờ anh khá lâu để mang cà phê cho mình. Người giúp việc chỉ đến sau chín giờ và cô bị cấm tự mình làm việc nhà, sau một lần bị bỏng.

Tình hình ngày càng xấu đi, nhiều lần thót tim cho đến trước mùa Giáng sinh năm ấy, đến nỗi Ray phải xin phép nghỉ một thời gian. Họ rời thị trấn để tới thành phố lớn, có bác sĩ chuyên khoa. Isabel được nhập viện ngay tức khắc và Ray kiếm được một căn phòng tạm trú dành cho người thân của bệnh nhân ngoại tỉnh. Bỗng nhiên anh không còn trách nhiệm gì nữa ngoài việc đến thăm Isabel nhiều giờ mỗi ngày và ghi lại những phản ứng của cô đối với các phương pháp điều trị. Thoạt tiên anh cố làm cho cô quên bệnh tật đi bằng cách nói về chuyện xưa của họ, những nhận xét của anh về bệnh viện và những bệnh nhân khác. Anh đi bộ mỗi ngày bất chấp thời tiết và kể cho vợ nghe về chuyện trên đường. Anh mang báo tới đọc tin tức cho cô nghe. Cuối cùng cô bảo, “Anh tốt quá, anh yêu à, nhưng em đã vượt qua chuyện ấy rồi.” “Vượt qua cái gì?” Anh hỏi lại, nhưng cô nói, “Thôi xin anh đấy”, và sau lần ấy anh chỉ đọc thầm những cuốn sách mượn từ thư viện. Cô bảo, “Anh đừng lo nếu em nhắm mắt lại. Em biết anh đang ngồi ở đó.”

Isabel đã được chuyển từ phòng săn sóc cấp cứu vào một phòng có bốn người đàn bà bệnh tình tương tự như cô, một người thỉnh thoảng cứ ngồi dậy la lớn về phía Ray, “Hôn chúng em đi.”

Thế rồi một ngày kia anh bước vào và thấy một người đàn bà khác nằm trên giường của Isabel. Trong một lúc anh thoáng nghĩ hay là vợ mình đã chết mà chẳng ai báo tin cho anh. Nhưng người bệnh nhân liến thoắng ngồi ở góc giường kêu lên, “Trên lầu đó.” Với vẻ không rõ là vui sướng hay đắc thắng.

Và chuyện là như thế. Isabel không thức dậy vào buổi sáng nên được chuyển tới một khu vực khác, có vẻ dành cho những người bệnh không có cơ hội hồi phục – ít cơ hội hơn những người nằm ở chỗ cũ – nhưng cũng không qua đời dễ dàng.

“Anh nên về nhà đi.” người ta bảo Ray. Họ nói họ sẽ thông báo cho anh biết nếu tình hình thay đổi.

Như thế cũng phải. Trước hết vì anh đã ở quá lâu trong khu vực dành cho thân nhân người bệnh, anh cũng đã nghỉ làm quá lâu ở sở cảnh sát ở Maverly. Mọi dấu hiệu đều trở hướng anh nên trở về đó.

Thay vì vậy anh quyết định ở lại thành phố. Anh xin được việc làm trong đội bảo trì của bệnh viện, chuyên dọn dẹp, lau chùi. Anh tìm được một căn hộ có sẵn ít đồ đạc, không quá xa vợ.

Anh về nhà cũ, nhưng chỉ một thời gian ngắn. Ngay khi về tới, anh lập tức thu xếp việc bán nhà và tất cả đồ

đặc trong ấy. Anh giao hết cho người môi giới mọi việc và rút đi càng nhanh càng tốt, anh cũng không giải thích gì nhiều cho ai cả. Anh chẳng quan tâm đến chuyện xảy ra ở nơi chốn ấy. Những năm tháng đã từng trải qua ở thị trấn, những điều anh biết về nó, dường như trôi tuột qua tay không để lại gì.

Anh có nghe lời đồn đại về người mục sư của Hội Thánh, cố tìm cách li dị vợ bằng cách phạm tội thông dâm. Ngoại tình với một người trong họ đạo đã là điều xấu xa, nhưng dường như vị mục sư kia thay vì giữ chuyện càng im lặng càng tốt và lánh đến những nơi tu thân sửa mình hay phục vụ trong những xứ đạo xa xôi, thì lại chọn đối mặt tất cả từ bục nhà thờ. Ông ta đi xa hơn lời thú tội đơn thuần. Mọi thứ đều là đóng kịch, ông ta bảo. Những lời giảng của ông về kinh Phúc âm và những điều răn mà ông không hề tin tưởng, và tất cả những lời giảng đạo về tình yêu và tình dục, những lời khuyên mục thước, đúng lẽ thói, e dè và lảng tránh: thấy đều giả tạo. Ông ta bây giờ trở thành một người hoàn toàn tự do, tự do để nói với mọi người rằng thật sung sướng được ca tụng thân xác lẫn tinh thần. Người đàn bà đã làm nên điều thay đổi lớn lao này cho ông ta, dường như thế, chính là Leah. Chồng cô ta, chàng nhạc sĩ, Ray nghe kể vậy, đã từng tìm cách quay lại với cô nhưng Leah không muốn thế nữa. Anh ta đổ trách nhiệm lên người mục sư, nhưng anh ta vốn là một chàng say sưa rượu chè – anh chồng của Leah ấy – khiến chẳng ai biết được có nên tin ở lời nói của anh ta hay không. Mẹ của

anh thì chắc chắn là tin ở anh, bởi vì bà đã đuổi cổ Leah ra khỏi nhà và giữ những đứa cháu lại.

Đối với Ray đó chẳng qua là những chuyện ngồi lê đáng tởm. Trò thông dâm, thói say sưa nghiện ngập và những vụ tai tiếng – ai biết được ai đúng ai sai? Ai mà quan tâm? Cô bé ấy đã lớn, biết làm dáng và biết trả giá cũng như tất cả những kẻ khác. Lãng phí thời gian, lãng phí đời sống bởi những người mò mẫm lảng quăng đi tìm sự vui thú mà không để ý đến một điều gì quan trọng trên đời.

Tất nhiên, hồi anh còn có dịp trò chuyện với Isabel, mọi chuyện khác hẳn. Không phải vì Isabel đi tìm những câu trả lời – mà vì thật ra cô đã làm anh có cảm giác rằng trong câu chuyện có nhiều khía cạnh mà anh chưa nghĩ tới. Thế rồi cô thường kết thúc bằng cách cười phá lên.

Ở chỗ làm mọi chuyện đều yên ổn. Người ta hỏi anh có muốn tham gia vào đội bowling không và anh cảm ơn họ nhưng bảo anh không có thì giờ. Thật ra anh có rất nhiều thì giờ, nhưng muốn dành tất cả cho Isabel. Để ý đến mọi chuyển biến, mọi sự giải thích của bác sĩ. Không bỏ lỡ điều gì.

“Tên cô ấy là Isabel”, anh thường nhắc các y tá đến giúp như vậy mỗi khi họ nói với vợ anh, “Nào, thưa bà,” hoặc, “Được rồi, tiểu thư ơi, ta bắt đầu nhé.”

Rồi từ từ anh cũng làm quen với cách nói của họ. Rồi cũng có những thay đổi. Nếu không phải ở Isabel thì là ở chính anh.

Mới đầu anh gặp cô mỗi ngày một lần.

Thế rồi hai ngày một lần. Rồi hai lần mỗi tuần.

Bốn năm. Anh nghĩ cũng là một kỉ lục. Anh hỏi những người săn sóc cô có phải thế không và họ đều nói, “Phải rồi, cũng gần rồi.” Họ có thói quen trả lời mơ hồ về bất cứ chuyện gì.

Anh đã không còn ám ảnh về chuyện cô có suy nghĩ hay không khi nằm đó. Anh cũng không còn ngồi chờ cô mở mắt ra. Chỉ là vì anh không thể nào bỏ đi và để cô lại một mình ở một nơi héo tàn cô quạnh.

Cô đã thay đổi từ một người đàn bà rất gầy, không phải thành một đứa trẻ, mà là một bộ xương cách trí lùng nhùng, với chòm tóc như chùm lông chim sấn sàng rụng đi mỗi phút với nhịp thở rời rạc của cô.

Có những phòng rộng lớn dùng để luyện tập và thể dục nối với bệnh viện. Anh thường chỉ thấy chúng vào những giờ vắng người, khi tất cả dụng cụ được dọn dẹp và phòng tắt đèn. Nhưng một đêm kia khi ra về, anh đi qua một con đường khác xuyên qua tòa nhà vì một lí do nào đó và chợt thấy đèn còn sáng.

Và khi ghé vào để xem thử, anh nhìn thấy một người vẫn còn ở đó. Một người đàn bà. Cô ta ngồi xoạc chân trên một quả bóng tập được bơm căng, nghỉ ngơi, hoặc có lẽ đang cố nhớ lại xem cô ta cần làm gì tiếp theo.

Đó là Leah. Mới đầu anh không nhận ra cô, nhưng

anh nhìn lại một lần nữa và quả đúng là Leah. Có thể anh đã không vào, có lẽ thế, nếu như anh kịp nhận ra đó là ai, nhưng bây giờ thì đã muộn, anh đã đi một nửa đoạn đường, định tới tắt đèn. Cô ta nhìn thấy anh.

Cô trượt xuống khỏi quả bóng. Cô mặc bộ đồ thể thao và lên cân thấy rõ.

“Em đã nghĩ rằng có lúc em sẽ gặp lại anh,” cô nói. “Isabel thế nào?”

Có một chút ngạc nhiên khi nghe cô ta gọi Isabel bằng tên, hoặc cái cách nói chuyện về vợ anh như thể cô ta gần gũi lắm.

Anh kể cho Leah nghe vắn tắt về Isabel. Không có cách nào khác ngoài việc nói thật ngắn gọn.

“Thế anh có nói chuyện được với cô ấy không?” Cô ta nói.

“Không nói được nhiều đâu.”

“Ồ anh phải nói chứ. Anh không được ngừng nói chuyện với những bệnh nhân như thế.”

Làm sao cô ta lại nghĩ mình có thể biết nhiều thứ như thế?

“Anh không ngạc nhiên khi gặp em chứ, phải thế không? Chắc anh nghe chuyện rồi?”

Anh không biết trả lời ra sao.

“Ờ,” anh nói.

“Cũng đã lâu em nghe nói rằng anh ở đây, thế rồi em đoán là anh cũng biết em tới đây.”

Anh nói không.

“Em hướng dẫn tập tành chút đỉnh,” cô bảo anh. “Cho những bệnh nhân bị ung thư. Nếu như họ đủ khỏe.”

Anh nói anh nghĩ đó là việc tốt.

“Tốt lắm chứ. Cả đối với em nữa. Em rất yên ổn, nhưng đôi khi có chuyện này chuyện nọ đến tai mình. Nhất là trong bữa ăn tối. Khi đó không khí thành ra kì quặc.”

Bây giờ cô nhận ra là anh không biết rõ cô nói về chuyện gì và cô bắt đầu giải thích, với một chút hào hứng.

“Em muốn nói là em ở đây không có bọn trẻ, anh không biết là cha chúng nhận quyền nuôi con sao?”

“Không,” anh nói.

“Ồ vậy à. Bởi vì tòa nghĩ rằng mẹ của anh ta có thể coi sóc chúng. Anh ấy là thành viên của hội cai nghiện rượu, không có bà ta thì tòa đã không xử thế.”

Cô khịt khịt mũi và lấy tay quạt bừa nước mắt.

“Đừng bực mình anh nhé – mọi chuyện không tệ lắm đâu. Em chỉ bỗng dưng khóc thế thôi. Khóc cũng không phải là chuyện quá xấu đâu, miễn là đừng có lúc nào cũng sụt sùi.”

Anh chồng đang cai nghiện kia chắc phải là anh chàng chơi saxophone. Nhưng thế thì ông mục sư kia và những chuyện lùm xùm ở thị trấn thì sao?

Như thế anh hỏi thành tiếng, cô tiếp luôn, “À, chuyện sau đó. Carl. Chuyện đó có thời ồn ào lên phải thế không? Em đến phải đi khám cái đầu của mình mới được.”

“Carl lập gia đình lần nữa,” cô ta tiếp tục. “Chuyện ấy làm cho anh ta thấy dễ chịu hơn. Bởi vì anh ta đã phần nào vượt qua những chuyện đã làm với em. Chuyện cưới

hỏi đó nghĩ cũng hài hước. Anh ta cứ thế mà cưới một nữ mục sư. Chắc anh biết bây giờ người ta để phụ nữ làm mục sư rồi chứ. Vậy thì cô ta là một trong số đó. Thế rồi anh chàng kia trở thành giống như là vợ của một mục sư vậy. Em nghĩ chuyện đó thật là quái gở.”

Mắt ráo hoảnh, miệng cười. Ray biết rằng còn có nhiều chuyện khác nữa, nhưng anh không đoán được.

“Anh chắc ở đây lâu rồi. Anh có chỗ ở riêng của mình chứ?”

“Vâng.”

“Anh tự nấu ăn và làm tất cả mọi thứ à?”

Anh đáp đúng vậy.

“Em có thể làm giúp mấy việc ấy cho anh, thỉnh thoảng. Nghe được không?”

Mắt cô ta sáng lên nhìn vào mắt anh.

Anh nói chuyện đó có thể, nhưng nói thật là chỗ anh ở không đủ chỗ cho thêm một người nữa cùng đi lại xoay xở đâu.

Rồi anh bảo anh đã không gặp Isabel mấy ngày nay nên muốn đi gặp vợ ngay.

Cô gật đầu ra vẻ hơi đồng ý. Cô không tỏ vẻ bực mình hay khó chịu gì cả.

“Hẹn gặp lại anh nhé.”

“Sẽ gặp lại.”

Nãy giờ người ta đi tìm anh khắp nơi. Isabel cuối cùng đã ra đi. Họ nói chữ “ra đi”, như thể cô vừa ngồi dậy và bỏ đi đâu đó. Khi người ta kiểm tra cô một giờ trước đó cô vẫn như thế mà bây giờ cô đã đi rồi.

Anh thường tự hỏi có gì khác nhau giữa hai trạng thái ấy.

Nhưng sự trống vắng ở chỗ nằm của cô thật sùng sờ.

Anh nhìn người y tá với vẻ bàng hoàng. Người y tá tưởng rằng anh muốn hỏi cô cần phải làm gì tiếp theo và cô bắt đầu chỉ dẫn cho anh. Mọi thủ tục cần biết. Anh hiểu người ấy nói gì, nhưng vẫn bàng hoàng ngỡ ngác.

Anh tưởng kết thúc đã xảy đến từ lâu với Isabel nhưng không phải thế. Cho đến bây giờ.

Isabel vẫn cầm cự cho đến nay, nhưng bây giờ cô không tồn tại nữa. Không hiện hữu, như thể chưa từng. Mọi người lãng xăng vội vã, như thể sự kiện khủng khiếp này có thể bị đảo ngược bằng cách dàn xếp này nọ. Và anh nữa, tuân theo những thủ tục, kí vào những nơi anh được yêu cầu phải kí, thu xếp cho những gì còn lại của người đã mất.

Thật là cách diễn đạt toàn hảo – “những gì còn lại”. Như thể một thứ gì để lại chờ khô đi trong lớp bụi bồ hóng trên nóc tủ.

Rồi mãi sau anh nhận ra bản thân cũng đã bước ra ngoài, giả vờ như mình là người đang có một bốn phần bình thường và chính đáng như mọi người, cứ thế đặt chân này lên trước chân kia.

Điều anh mang đi, tất cả những gì anh mang theo mình, là sự thiếu vắng, một điều gì như sự thiếu khí, phổi anh hít thở không phải cách, một sự khó thở mà anh nghĩ là mình sẽ chịu đựng mãi mãi.

Cô gái mà anh đã từng trò chuyện, đã từng quen biết -- cô ta nói về con cái của mình. Việc cô để mất những đứa trẻ ấy. Rồi làm quen với điều ấy. Chuyện bực mình trong bữa ăn tối.

Một chuyên gia về mất mát, cô ta có thể được gọi như thế -- còn anh chỉ là một tay mơ khi đem so sánh với cô. Mà bây giờ anh cũng quên luôn tên cô ấy. Trôi mất tên cô, mặc dù anh đã từng biết nó quá rành rẽ. Đang mất, đã mất. Nghe như chuyện đùa, nếu có ai muốn nghe.

Anh bước nhanh lên khi cái tên ấy bỗng trở lại với mình.
Leah.

Một cảm giác nhẹ nhõm lạc điệu, khi nhớ ra cô.

Sỏi đá

THƯỞNG ấy chúng tôi sống gần một hố sỏi đá. Đó không phải là vực được đào bởi máy móc khổng lồ, chỉ là cái hố nhỏ do một nông dân nào đó đào bán lấy tiền nhiều năm về trước. Thực ra nó cũng khá cạn, khiến người ta có thể nhằm nó được dùng vào mục đích khác, như làm móng nhà, dù ngôi nhà ấy chưa bao giờ được xây lên.

Mẹ tôi luôn nhắc mọi người nhớ đến nó. “Chúng tôi sống bên cạnh một cái hố sỏi cũ gần con đường trước trạm xăng”, bà bảo, rồi cười, bởi vì bà rất hài lòng đã rũ bỏ mọi thứ liên quan đến ngôi nhà ấy, con đường nọ – người chồng kia – cuộc đời bà trước đây.

Tôi thì chẳng mấy khi nhớ đến cuộc đời trước đây. Đúng ra tôi nhớ vài đoạn nhưng không mạch lạc nên khó

dựng nên một bức tranh hoàn hảo. Tất cả những gì còn lại trong tâm trí tôi về ngôi nhà là giấy dán tường với hình những chú gấu nhồi bông trong phòng cũ của tôi. Còn trong nhà mới, thực ra là một cái nhà kéo di động, tôi và chị tôi, Caro, có một cái giường tầng nhỏ hẹp. Thoạt tiên khi mới dọn về, chị Caro trò chuyện nhiều với tôi về ngôi nhà cũ, cố gắng làm cho tôi nhớ chuyện này chuyện kia. Chị Caro thường nói chuyện khi chúng tôi lên giường ngủ, câu chuyện kết thúc mỗi khi tôi chẳng thể nào nhớ lại khiến chị phát bực. Đôi khi cũng có chuyện tôi nhớ, nhưng để chống đối chị hoặc sợ nhớ sai tôi liền giả vờ quên tất tật.

Chúng tôi rời nhà cũ tới cái nhà di động kia vào một mùa hè. Mang theo con chó. Blitzee. “Con Blitzee thích sống ở đây,” mẹ tôi nói thế, mà cũng đúng. Làm sao một con chó lại không cảm thấy thích được sống ở nơi thôn dã rộng mở hơn là phố thị, ngay cả khi có những sân cỏ lớn và những ngôi nhà to bự? Nó sủa ăng ẳng khi thấy một chiếc xe chạy qua như thể nó làm chủ con đường, thỉnh thoảng tha về nhà một con sóc hay một con nhím giết được. Mới đầu Caro rất bực chuyện này, và chú Neal phải bỏ thời gian trò chuyện với chị ấy, giải thích về bản tính tự nhiên của loài chó và về chuỗi sự sống, trong đó tất phải có một con vật này ăn thịt con vật kia.

“Nhưng nó có thức ăn của chó rồi,” Caro cãi, chú Neal trả lời, “Thế lỡ nó không có thì sao? Nếu một ngày kia tất cả chúng ta biến mất và con chó phải tự chăm lo lấy mình?”

“Con sẽ không bao giờ biến đi đâu cả,” Caro nói. “Con sẽ không biến mất, lúc nào con cũng sẵn sóc nó kia mà.”

“Con nghĩ vậy à?” chú Neal nói và mẹ tôi liền xen vào để lái câu chuyện theo hướng khác. Neal lúc nào cũng thích nói chuyện về người Mỹ và bom nguyên tử, nhưng mẹ nghĩ rằng chúng tôi chưa sẵn sàng cho mấy đề tài ấy. Bà không biết rằng khi chú đề cập tới chuyện ấy tôi lại tưởng là chú đang nói về ổ bánh mì nguyên tử nào đó. Tôi biết là có gì đó rất sai lầm trong cách diễn dịch của mình, nhưng tôi không dại gì đặt câu hỏi để bị người khác cười cho vào mũi.

Chú Neal là một kịch sĩ. Trong thị trấn có một nhà hát mùa hè chuyên nghiệp, thứ rất mới vào thời ấy, khiến cho một số người phấn khích và một số khác lấy làm lo lắng, sợ rằng nhà hát sẽ đem lại cho cuộc sống ở thị trấn sự xáo trộn và những trò lăng nhăng khác. Mẹ và cha tôi ở trong số những người thích thú, nhưng mẹ tôi hưởng ứng tích cực hơn, vì bà có nhiều thì giờ. Cha tôi là nhân viên bảo hiểm và do công việc ông phải đi lại nhiều. Mẹ tôi trở nên bận rộn với những chương trình gây quỹ khác nhau cho nhà hát và tình nguyện làm những việc không công như soát vé và hướng dẫn chỗ ngồi cho khách. Mẹ tôi xinh đẹp và khá trẻ khiến người ta nhầm bà cũng là một nữ nghệ sĩ. Bà bắt đầu mặc áo quần như một nghệ sĩ thật, với khăn voan, váy đầm dài, những dây chuyền lủng lẳng ở cổ. Bà để tóc rũ tự nhiên và thôi không trang điểm như trước. Tất nhiên vào lúc đó tôi chẳng hiểu gì, thậm

chí không để ý đến những thay đổi ấy. Mẹ vẫn là mẹ thôi. Nhưng chị Caro để ý. Và cha tôi cũng vậy. Mặc dù thế, tôi biết tính cách của ông và cảm xúc mà ông dành cho vợ, tôi nghĩ chắc ông cảm thấy tự hào vì vợ mình trông xinh đẹp với kiểu ăn mặc mới khiến bà trở nên thật hòa hợp với những người khác trong rạp hát. Sau này khi có dịp nhắc lại thời kì ấy, ông vẫn nói rằng ông luôn ủng hộ các hoạt động nghệ thuật. Tôi có thể hình dung mẹ tôi bối rối đến mức nào mỗi khi cha tôi tuyên bố điều này trước những người bạn từ nhà hát, bà ngượng và cười để che giấu ngượng ngập.

Thế rồi điều gì phải tới đã tới, ai cũng thấy, trừ cha tôi. Tôi không biết liệu chuyện ấy có xảy ra với những người tình nguyện khác không. Tôi biết, mặc dù tôi không nhớ chắc rằng cha tôi đã khóc và suốt ngày đi sau lưng mẹ tôi, lẩn quẩn trong nhà, không rời mắt khỏi bà và không thể nào tin được chuyện mẹ tôi vừa kể. Và thay vì nói một câu nào đó khiến ông cảm thấy an ủi, bà lại kể một chuyện gì đó làm ông đau khổ hơn.

Mẹ nói với cha rằng đứa bé trong bụng là con của chú Neal.

Thế em có chắc không?

Chắc. Mẹ có ghi xuống ngày tháng.

Thế rồi chuyện gì xảy ra?

Cha tôi không khóc nữa. Ông phải trở lại làm việc. Mẹ tôi dọn đồ đạc và đưa chúng tôi đến ở với chú Neal trong cái nhà di động mà chú tìm được ở vùng ngoại ô. Sau đó

mẹ tôi nói rằng mẹ cũng khóc. Nhưng bà nói thêm bà cảm thấy được sống lại. Có thể là lần đầu tiên trong đời mình, bà thực sự sống. Cảm thấy được trao cho một cơ hội, bà bắt đầu làm lại cuộc đời. Bà bước ra khỏi nhà, đi lướt qua những món đồ bạc, đồ sứ, những vật trang trí, khu vườn đầy hoa và những cuốn sách trên kệ của mình. Bây giờ bà mới thực sự sống, chứ không phải chỉ đọc trong sách. Bà để lại những bộ quần áo treo lủng lẳng trong tủ áo và những đôi giày cao gót nằm im lìm trên giá treo giày. Chiếc nhẫn kim cương và nhẫn cưới nằm ngay ngắn trong hộp bàn. Áo đầm mặc ngủ bằng tơ lụa nằm trong ngăn tủ. Bà dự định sẽ hoàn toàn khóa thân đi lòng vòng quanh xóm ít nhất vài lần, khi thời tiết còn ấm áp.

Kế hoạch ấy không thực hiện được, bởi vì khi bà định làm thế, Caro liền bỏ chạy và núp trong cái giường cũ của mình, ngay cả Neal cũng nói rằng chú không hào hứng gì về chuyện ấy cả.

Thế chú nghĩ sao về tất cả mọi chuyện? Neal. Cái triết lí của chú, như chú nói sau này, là hãy hoan nghênh bất cứ điều gì xảy ra với mình. Mọi thứ đều là món quà. Chúng ta cho đi và chúng ta nhận lại.

Tôi cảm thấy nghi ngờ những người trò chuyện kiểu ấy, nhưng tôi biết rằng tôi không có quyền nghi thế.

Chú Neal thực ra không phải là một diễn viên chuyên nghiệp. Chú đã có dịp đóng kịch, chú bảo, như là một

kiểu thể nghiệm. Để tìm xem chú có thể biết được điều gì về khả năng của mình. Ở trường đại học trước khi bỏ học, chú Neal đã từng diễn một vai trong vở nhạc kịch Vua Oedipus. Chú cảm thấy thích – cảm giác được cho đi, được hòa quyện với người khác. Rồi một ngày kia trên đường phố Toronto, chú tình cờ gặp một người bạn đang trên đường đi thử việc làm hề tại một công ty nhà hát ở thị trấn nhỏ. Chú liền đi theo, vì chẳng có việc gì khác để làm, và cuối cùng được nhận việc trong khi người bạn kia phải về. Chú đóng vai Banquo. Đôi khi người ta để cho nhân vật hồn ma Banquo xuất hiện, đôi khi không. Lần ấy họ muốn hồn ma xuất hiện và chú Neal vào vai rất hợp. Vóc dáng vừa vặn. Một con ma có hình có vóc rõ ràng.

Chú nghĩ đến việc trải qua mùa đông ở thị trấn này, trước cả khi mẹ tôi thông báo cái tin bất ngờ kia. Trước đó chú đã chấm cái nhà di động. Chú có đủ kinh nghiệm làm thợ mộc để chọn công việc sửa chữa cho nhà hát, công việc ấy sẽ kéo dài cho đến mùa xuân năm sau. Chú cũng chỉ muốn tính xa đến thế là cùng.

Caro cũng không cần phải đối trường. Chị đứng đợi xe buýt ở cuối con đường ngắn chạy vòng qua cái hồ sỏi. Caro phải kết bạn với những đứa trẻ quê, và có lẽ đã phải giải thích chút đỉnh với những đứa trẻ ở thị trấn mà chị ấy kết bạn năm trước đó nữa, nhưng nếu Caro có gặp khó khăn gì về chuyện ấy thì tôi cũng chưa hề nghe chị nói ra.

Con chó Blitzee lúc nào cũng đứng chờ chị tôi bên đường khi chị đi học về nhà.

Tôi không đi nhà trẻ bởi mẹ tôi không có xe hơi. Nhưng tôi chẳng lấy làm buồn vì không có bạn. Chị Caro, mỗi khi về nhà, là quá đủ cho tôi. Mẹ tôi lúc nào cũng vui cười. Mùa đông năm ấy khi tuyết bắt đầu rơi, mẹ tôi và tôi liền đắp một người bằng tuyết và bà hỏi, “Chúng ta sẽ gọi người tuyết này là Neal chứ?” Tôi bảo cũng được và trang trí lên nó nhiều thứ hoa hòe làm người tuyết trông thật vui nhộn. Rồi hai mẹ con định là tôi sẽ chạy ủa ra khỏi nhà khi xe chú vừa tới đầu ngõ và kêu lên, “Chú Neal về rồi, chú Neal về rồi”, nhưng lại đưa tay chỉ về phía người tuyết. Tôi làm đúng như vậy, thế mà chú Neal liền nháy ra khỏi xe hơi, nới khóa và la lên rằng suýt thì đâm xe vào tôi rồi.

Đó là một trong vài lần hiếm hoi mà tôi thấy chú có cử chỉ như một người cha thực sự.

Những ngày mùa đông ngắn ngủi thật lạ lùng đối với tôi – trong thị trấn, ánh điện bùng lên lúc chiều tối. Nhưng trẻ con dễ quen với những thay đổi. Đôi khi tôi tự hỏi căn nhà cũ thế nào rồi. Thật ra tôi cũng không hẳn là nhớ nhung hay muốn về sống lại trong ngôi nhà ấy – tôi chỉ tự hỏi nó bây giờ ra sao.

Thời gian hạnh phúc của mẹ tôi với chú Neal trải dài từ ban ngày sang đêm tối. Nếu tôi bỗng thức giấc và muốn đi vệ sinh, tôi liền gọi mẹ. Bà vui vẻ tới ngay, nhưng chẳng có vẻ gì vội vã, quần áo hay khăn quàng quần vớ quanh người – cùng với mùi thơm làm tôi liên tưởng đến ánh nến và âm nhạc. Và tình yêu.

Có chuyện khác xảy ra, không an lành được thế, nhưng tôi chẳng chú ý lắm để tìm hiểu. Con chó Blitzee, vốn không lớn, nhưng cũng không quá nhỏ để nằm gọn trong áo khoác của chị Caro. Thế mà Caro cũng làm được việc ấy, tôi chẳng biết bằng cách nào. Không chỉ một lần mà hai lần. Chị giấu con chó trong áo khoác của mình khi ngồi trên xe buýt tới trường, và rồi thay vì tới trường, Caro mang con chó trở lại ngôi nhà cũ của chúng tôi, thật ra cũng chỉ cách đó một dãy phố. Đó là nơi cha tôi tìm thấy con chó nhỏ, nằm trên hàng hiên mùa đông vốn không khóa lại, khi ông về nhà sau bữa ăn trưa một mình. Thật ngạc nhiên thấy con chó nằm ở đó, tìm thấy đường về nhà như trong truyện. Caro làm âm lên, nói là không hề thấy con chó suốt cả buổi sáng. Thế rồi chị phạm sai lầm khi lặp lại việc ấy một lần nữa, một tuần sau, và lần này mặc dù không ai trên xe buýt hoặc ở trường để ý gì về Caro, chính mẹ tôi bắt đầu nghi ngờ.

Tôi không nhớ có phải cha tôi đã mang con chó trả lại cho chúng tôi hay không. Tôi không thể nào hình dung ông vào bên trong căn nhà di động của chúng tôi, hay đứng ở cửa, hay ngay cả trên con đường dẫn vào nhà. Cũng có thể chú Neal đã trở về ngôi nhà cũ của chúng tôi và mang con chó đi. Thật khó mà hình dung.

Nếu câu chuyện nói trên gây cảm giác Caro là đứa con gái đau khổ, hay bày mưu tính kế tối ngày, thì không đúng đâu. Như tôi kể, chị đã từng cố gắng làm cho tôi nói nhiều hơn, khi đi ngủ buổi tối, nhưng chị cũng không hay than

thở buồn rầu. Tính Caro không hay hờn dỗi. Chị cũng không tìm cách gây cảm tình ở người khác. Chị thích những người nào thích chị, chị thích làm không khí sôi nổi lên bằng vẻ tươi vui. Chỉ là chị thường nghĩ về chuyện ấy hơn tôi.

Bây giờ nghĩ lại, hẳn Caro là người để tâm đến mẹ tôi nhất.

Chắc chắn chị đã bị tra hỏi về việc đã làm gì với con chó. Tôi có nhớ chút ít.

“Con làm thế để chơi thôi.”

“Thế con có muốn qua sống với cha con không?”

Tôi chắc là có người đã hỏi chị thế và Caro đã trả lời là không.

Tôi chẳng hỏi Caro gì cả. Điều chị ấy làm đối với tôi cũng không có gì kỳ lạ. Có lẽ bọn trẻ nít như tôi hay thấy vậy – không có gì mà những đứa trẻ lớn tuổi hơn làm khiến chúng tôi phải cảm thấy ngạc nhiên.

Gia đình có một hộp thư bằng thiếc gắn trên cọc ngoài sân, gần đường. Mẹ tôi và tôi ra đó mỗi ngày, trừ những ngày mưa bão lớn, để xem có gì gửi cho chúng tôi không. Hai mẹ con làm việc ấy sau khi tôi ngủ trưa dậy. Đôi khi đó là thời gian duy nhất trong ngày mà chúng tôi ra khỏi nhà. Buổi sáng chúng tôi coi ti vi chương trình trẻ con – hoặc mẹ đọc sách trong khi tôi coi. (Mẹ vẫn không thôi đọc sách suốt một thời gian dài.) Chúng tôi hâm nóng những hộp súp làm thức ăn buổi trưa, rồi tôi đi ngủ trong

khi mẹ đọc sách tiếp. Bụng mẹ ngày càng lớn, và đứa bé đập lung tung khiến tôi cũng có thể cảm thấy được. Tên của nó đã định là Brandy, bất kể trai hay gái.

Một ngày kia chúng tôi đi lấy thư và trước khi tới hộp thư, không xa, mẹ tôi bỗng dừng lại và đứng sững người im lặng.

“Im,” mẹ tôi bảo, mặc dù tôi chẳng nói gì cả mà cũng không hề lấy đôi ủng hát nghịch tuyết như mọi khi.

“Thì con vẫn im lặng mà,” tôi nói.

“Suyt. Quay người lại.”

“Nhưng mình chưa lấy thư.”

“Không cần. Cứ đi đi.”

Và tôi lập tức nhận ra con Blitzee, lúc nào cũng chạy theo chúng tôi, khi thì ngay phía trước, khi thì ngay phía sau, không còn ở đó nữa. Một con chó khác, đang đứng bên kia đường, cách hộp thư vài mét.

Mẹ tôi gọi điện thoại cho nhà hát khi vào trong nhà và để cho con chó Blitzee chạy tuột vào nhà, lúc ấy nó đang đứng chờ chúng tôi bên cửa. Không ai trả lời điện thoại. Mẹ lại gọi nhà trường và nhờ một người nào đó yêu cầu người lái xe buýt chở Caro về tận nhà. Không thể làm thế được, vì tuyết xuống nhiều quá từ lần cuối chú Neal xúc tuyết trên lối vào, nhưng người tài xế vẫn ngồi quan sát Caro cho đến khi chị ấy bước hẳn vào trong. Không ai thấy một con chó sói nào cả.

Chú Neal cho rằng chẳng hề có chó sói ở vùng này. Và

nếu có, chú bảo, thì chúng sẽ không làm hại ai, chúng rất yếu như những con thú đang ngủ đông.

Caro nói chó sói không phải là loài ngủ đông. “Tụi con học về chuyện ấy ở trường.”

Mẹ muốn chú Neal mua một khẩu súng.

“Em nghĩ là anh sẽ đi mua một khẩu súng, vào rừng và bắn chết con chó sói mẹ, có lẽ đang có một bầy con núp trong bụi rậm và nó đang tìm cách bảo vệ chúng, như cách mà em đang bảo vệ các con của em chẳng?” Chú Neal dịu dàng bảo vậy.

Caro nói, “Chỉ có hai. Sói chỉ sinh nhiều nhất hai con một lúc thôi.”

“Được rồi, được rồi, chú đang nói chuyện với mẹ con.”

“Anh thật không biết gì cả,” mẹ tôi nói. “Lỡ cái đám sói con kia đang đòi ăn thì sao.”

Tôi không bao giờ nghĩ là mẹ tôi lại nói với chú bằng lời lẽ như thế.

Chú nói, “Từ từ. Bình tĩnh nào. Hãy suy nghĩ một lát xem. Súng là thứ nguy hiểm. Nếu anh đi mua một khẩu súng, anh có thể nói gì đây? Nói là chiến tranh Việt Nam cũng tốt thôi? Hay là chính anh cũng phải đi đánh nhau ở Việt Nam?”

“Nhưng anh đâu phải là công dân Mỹ.”

“Em không chọc tức được anh đâu.”

Đại khái hai bên nói qua nói lại như vậy và cuối cùng chú Neal cũng không mua súng. Chúng tôi không bao

giờ thấy lại con chó sói nữa, nếu quả thật có một con như vậy. Tôi nghĩ là mẹ tôi từ đó không ra lấy thư nữa, nhưng cũng vì bụng bà quá lớn đi lại khó khăn.

Tuyết tan mau. Cành cây trụi hết lá và mẹ tôi bắt chị Caro phải mặc áo khoác vào buổi sáng, nhưng buổi chiều khi về nhà chị kéo lê cái áo sau lưng. Mẹ bảo trong bụng bà chắc có đến hai đứa sinh đôi, nhưng bác sĩ bảo chỉ có một.

“Tuyết,” chú Neal nói, thích thú cái ý tưởng có con song sinh. “Bác sĩ mà biết cái gì.”

Cái hồ sỏi đã đầy lên vì tuyết tan ra và cả nước mưa. Vì vậy Caro phải đi sát bờ nước trên đường tới chỗ chị chờ xe buýt. Nơi đó trở thành một cái hồ nhỏ, yên tĩnh và đẹp lạ lùng dưới bầu trời trong sáng. Caro mặc dù chẳng hy vọng nhiều cũng hỏi rằng liệu hai chị em có thể chơi ở đó không.

Mẹ tôi bảo đừng có điên. “Cái hồ ấy phải sâu đến bốn, năm mét.”

Chú Neal nói, “Có khi đến mười mét đấy.”

Caro nói, “Ngay gần bờ thì không sâu thế đâu.”

Mẹ nói, sâu lắm. “Nó sâu tận sát bờ, chứ không phải giống như ở bờ biển thoải thoải cát đâu. Quỷ tha ma bắt, phải tránh cho xa chứ.”

Gần đây mẹ tôi bắt đầu nói những chữ thô tục ngày càng nhiều, nhiều hơn cả chú Neal, và nói với giọng rất bức bối.

“Chúng ta cũng đừng để cho con chó chạy tới gần đó chứ?” bà hỏi.

Chú Neal bảo cái đó không phải lo. “Chó bơi được mà.”

Một ngày thứ Bảy. Caro xem cuốn phim *Kẻ khổng lồ thân thiện* cùng với tôi, khen chê lung tung làm hỏng cả cuộc coi phim. Chú Neal nằm trên ghế bành, kéo ra thành chiếc giường cho chú và mẹ tôi. Chú hút thuốc lá, vì chú không thể hút ở chỗ làm việc cho nên vào cuối tuần chú hút nhiều lên. Đôi khi Caro làm phiền, tôi xin thử một hơi. Có một lần chú cũng để cho chị ấy hút thử nhưng bảo đừng nói cho mẹ biết.

Tôi cũng ở đó nên chú cũng bảo tôi thế.

“Anh biết là ông ấy có thể mang các con ra khỏi đây ngay lập tức,” mẹ tôi bảo, “Đừng bao giờ làm lại chuyện đó nữa.”

“Không bao giờ nữa,” chú Neal cũng đồng ý thế. “Thế nếu ông ấy lại đầu độc chúng bằng cách toàn cho ăn mấy thức ăn khô đóng gói sẵn thì sao?”

Mới đầu chúng tôi không gặp cha mình. Thế rồi sau lễ Giáng sinh một kế hoạch gặp gỡ mỗi thứ Bảy được hai bên đồng ý. Sau mỗi lần thăm viếng bao giờ mẹ cũng hỏi chúng tôi có vui không. Khi nào tôi cũng trả lời có và cảm thấy thế thật, bởi vì tôi nghĩ là nếu được đi coi phim hay ra bờ hồ ngắm cảnh hay được ăn hiệu thì vui chứ. Chị Caro cũng nói có, nhưng giọng của chị ấy tỏ ra rằng chuyện ấy chẳng liên quan tới mẹ. Thế rồi cha tôi đi nghỉ đông ở Cuba (mẹ tôi kể chuyện này với chút ngạc nhiên nhưng có lẽ cũng tán đồng) và cha trở về với triệu chứng cảm cúm chưa khỏi hẳn nên những cuộc gặp gỡ tạm hoãn. Định là sẽ nối lại vào mùa xuân, nhưng giờ thì không.

Sau khi truyền hình đã tắt, chị Caro và tôi ra ngoài chạy chơi, như mẹ nói, để thở hít một chút khí trời mát mẻ. Chúng tôi mang con chó theo.

Khi chúng tôi ra ngoài, việc đầu tiên là cởi và kéo lê cái khăn mẹ quàng vào cổ mỗi đứa. (Sự thực là, dù chúng tôi không xâu chuỗi hai việc này lại với nhau, nhưng quả là bụng mẹ càng to thì mẹ càng cư xử giống một người mẹ bình thường trở lại, như là choàng khăn cho chúng tôi dù không cần thiết hay chuẩn bị bữa ăn đều đặn. Đáng vẻ hoang dại hồi mùa thu chẳng còn sót lại bao nhiêu.) Caro hỏi tôi muốn làm gì và tôi trả lời không biết. Chị hỏi cho có thể thôi nhưng tôi trả lời thành thật. Chúng tôi để con chó dẫn đường và con Blitzee bao giờ cũng chạy ra phía cái hầm sỏi nhìn xuống. Gió thổi khiến nước dựng lên thành những con sóng nhỏ, chúng tôi cảm thấy lạnh, lại quàng khăn trở lại. Tôi không nhớ chúng tôi đứng đó bao lâu, khi đi bộ dọc theo hầm sỏi, chỉ biết là người đứng ở nhà không thể nhìn thấy chúng tôi. Sau một lát, tôi nhận ra mình đã được dặn về chuyện này.

Nghĩa là tôi sẽ trở về nhà và báo với chú Neal và mẹ tôi một điều.

Rằng con chó đã rơi xuống nước.

Con chó rơi xuống nước và Caro sợ là nó sẽ chìm mất. Blitzee. Chết đuối.

Chết đuối.

Nhưng con Blitzee không ở dưới nước.

Cũng có thể nó nhảy. Và chị Caro cũng có thể nhảy xuống nước để cứu nó.

Tôi nhớ là tôi cãi chị rằng con chó đâu có nhảy, chị tôi cũng không hề nhảy theo, chuyện ấy có thể xảy ra nhưng nó đâu đã xảy ra. Tôi cũng nhớ chú Neal đã nói là chó không thể chết đuối được.

Caro vẫn muốn tôi làm đúng những điều chị ấy căn dặn kĩ càng.

Tại sao?

Có thể tôi đã hỏi chị như thế, cũng có thể tôi đã đúng đó không vâng lời và cố ý tìm cách cãi lại chị.

Trong tâm trí mình tôi thấy chị Caro bỗng con chó nhỏ lên đẩy nó ra xa, mặc dù con chó cố bám lấy cái áo khoác của chị. Thế rồi chị nhảy lùi lại. Caro nhảy lùi lại để lấy đà chạy về phía bờ nước. Chạy, nhảy, ùm một cái xuống nước. Nhưng tôi không thể nào nhớ được tiếng bơm của nước khi chị ấy nhảy xuống, và con chó nữa, lần lượt. Không hề nghe tiếng “bơm” hay tiếng “tùm” lớn hơn. Có lẽ vào lúc ấy tôi đã chạy về nhà chẳng – chắc là vậy.

Khi tôi nằm mơ thấy chuyện này, lúc nào tôi cũng chạy. Và trong giấc mơ tôi chạy không phải về phía căn nhà mà ngược lại, về phía cái hồ sỏi. Tôi có thể nhìn thấy con Blitzee trôi lên ngụp xuống và Caro bơi về phía nó, bơi một cách mạnh mẽ, lao tới để cứu con chó lên. Tôi có thể nhìn thấy chiếc áo choàng ca rô nâu nhạt của chị ấy, cái khăn quàng cổ, khuôn mặt tự hào vì thành công, mái tóc đỏ thắm lại ở đuôi tóc quăn ngấm nước. Tất cả những

điều tôi có thể làm là nhìn ngắm và hạnh phúc – chẳng ai cần đến tôi vào lúc ấy.

Thật ra điều tôi làm hôm đó là trèo lên đoạn dốc thấp về phía căn nhà. Và khi vào nhà rồi tôi ngồi xuống, như người ta vẫn ngồi dưới mái hiên hay trên băng ghế dài trong khi thật ra nhà di động không hề có cả hai. Tôi ngồi xuống và chờ đợi điều sắp xảy ra.

Tôi biết như thế vì đó là một thực tế đã xảy ra. Dù vậy tôi không biết tôi định làm gì hay suy nghĩ ra sao. Tôi cứ chờ đợi, có lẽ thế, một màn mới trong vở kịch của Caro, hay trong vở kịch của con chó.

Tôi không nhớ tôi đã ngồi đó bao lâu, năm phút, hay nhiều hơn? Hay ít hơn? Trời không lạnh lắm.

Tôi đã từng đi gặp một chuyên gia tâm lý vì chuyện này và bà ấy thuyết phục tôi rằng có lẽ tôi đã tìm cách để mở cánh cửa của căn nhà di động nhưng nó bị khóa lại. Cửa khóa bởi vì mẹ tôi và chú Neal đang nằm ngủ với nhau và khóa cửa để khỏi bị làm phiền. Nếu lúc đó tôi gõ lên cánh cửa thì chắc họ sẽ giận lắm. Vị chuyên gia đó lấy làm hài lòng đã đưa tôi đến kết luận này, và tôi cũng yên tâm. Trong một lúc. Nhưng rồi tôi nghĩ chuyện không thực sự là vậy. Tôi nghĩ họ không khóa cửa khi đó, bởi vì tôi biết từng có một lần họ không khóa cửa, khi chị Caro tình cờ bước vào trông thấy cảnh ấy, họ cười phá lên trước vẻ mặt chị Caro.

Có thể tôi nhớ rằng chú Neal từng nói chó thì không bị chết đuối, nghĩa là chị Caro tìm cách cứu con Blitzee

là không cần thiết. Thế nên chuyện của chị ấy tạo ra trò chơi kia không thể tồn tại. Bao nhiêu là trò chơi mà Caro nghĩ ra.

Liệu khi xưa tôi có nghĩ rằng chị ấy biết bơi? Trẻ chín tuổi nhiều đứa cũng biết bơi. Thực tế là Caro đã từng đi học bơi vào mùa hè năm trước, và rồi chúng tôi rời nhà đến cái nhà di động nên chị ấy chẳng còn được học nữa. Hay là Caro nghĩ rằng chị ấy bơi khá rồi. Mà tôi luôn tưởng rằng chị ấy có thể làm được bất cứ điều gì chị muốn.

Người cố vấn tâm lí không cho rằng tôi cảm thấy khó chịu khi phải tuân theo những lời chỉ dẫn của Caro nhưng cũng có lúc tôi nghĩ thế. Điều đấy có vẻ không đúng lắm. Nếu tôi đã lớn hơn nữa thì có thể. Vào lúc ấy tôi vẫn còn thần tượng chị Caro lắm và tin rằng chị ấy là cả thế giới của mình.

Tôi ngồi đó bao lâu? Chắc không lâu lắm. Và tôi cũng đã gõ cửa. Sau một lúc. Sau một phút hay hai phút. Dù thế nào mẹ tôi cũng đã mở cửa, không biết vì sao. Như có một linh cảm dị thường.

Kể đó, tôi vào trong nhà. Mẹ tôi gào thét và cố để làm cho chú Neal hiểu chuyện gì xảy ra. Chú ấy đứng dậy cố gắng trò chuyện với mẹ tôi, chạm tay vào người bà, với một vẻ nhẹ nhàng, dịu dàng và cảm thông. Nhưng đó không phải là chuyện mẹ tôi muốn chút nào, bà giằng tay chú ra và chạy vọt ra khỏi cửa. Chú lắc đầu và nhìn xuống đôi bàn chân trần của mình, với những ngón chân to bất lực.

Tôi nghĩ là chú có nói một điều gì đó với tôi bằng cái giọng buồn rầu như hát. Kì lạ thật.

Tôi không còn nhớ một chi tiết nào khác nữa.

Mẹ tôi không nhảy ùm xuống nước. Bà cũng không vì vậy mà bị sinh non. Đứa em trai của tôi Brent, sinh ra sau đó chừng một tuần hay mười ngày sau lễ an táng, đủ ngày đủ tháng. Trong thời gian đợi sinh, mẹ tôi ở đâu thì tôi không nhớ. Có thể bà được giữ lại trong bệnh viện và được cho thuốc an thần liều tối đa có thể.

Tôi nhớ ngày đám tang rất rõ ràng. Một người đàn bà vui vẻ và thoải mái vô cùng mà tôi không biết tên là Josie – dẫn tôi đi chơi. Chúng tôi đi thăm nơi này nơi nọ, một vài tòa nhà búp bê khá lớn, đủ để tôi chui vào, rồi cho tôi ăn vào buổi trưa với những món ăn mà tôi thích nhưng không quá nhiều khiến tôi phải đau bụng. Josie là người mà sau này tôi biết rõ. Cô là bạn của cha tôi, hai người quen nhau ở Cuba, và sau khi cha mẹ tôi li dị, cô trở thành mẹ kế của tôi, người vợ thứ hai của cha tôi.

Mẹ tôi từ từ bình phục. Bà phải thế thôi. Bà cần coi sóc Brent vừa mới sinh và đa phần là chăm sóc tôi. Tôi nghĩ là tôi đã ở bên nhà của cha tôi và dì Josie khi mẹ tôi bận ổn định các thứ trong căn nhà nơi bà dự định ở suốt đời. Tôi không nhớ đã từng tới thăm Brent ở đó cho đến khi nó đủ lớn để ngồi trên chiếc ghế cao của trẻ con.

Mẹ tôi trở lại công việc ở nhà hát. Mới đầu mẹ làm kiểu

tình nguyện như ngày xưa, nhưng vào thời gian tôi đi học, bà có một công việc ăn lương thực sự, và có việc quanh năm. Bà là người quản lí kinh doanh của rạp hát. Cái rạp hát vẫn tồn tại được, việc kinh doanh khi lên khi xuống, nhưng đến giờ vẫn còn.

Chú Neal không tin tưởng vào các cuộc lễ tang, vì vậy chú đã không đến dự tang lễ của chị Caro. Chú cũng chưa bao giờ nhìn thấy mặt Brent. Chú viết một bức thư – tôi biết điều này rất lâu về sau – nói rằng bởi vì chú không có ý định làm cha, vì vậy tốt nhất là ra khỏi cuộc đời của mẹ tôi ngay từ đầu. Tôi cũng không bao giờ nhắc đến chú với đứa em trai của tôi, bởi vì tôi nghĩ điều đó có thể làm cho mẹ tôi khó chịu, cũng vì Brent không có tí gì giống với chú Neal cả, mà trong khi đó lại có vẻ giống cha tôi khiến tôi đôi lúc cũng tự hỏi chuyện gì đã xảy ra vào thời gian mẹ tôi thụ thai. Cha tôi chẳng bao giờ nói gì về điều đó và sẽ không bao giờ. Cha tôi đối xử với Brent cũng như đối với tôi nhưng vì ông thuộc loại người dù thế nào cũng sẽ cư xử như thế.

Cha tôi và dì Josie không có con với nhau nhưng họ chẳng lấy làm phiền chi. Dì Josie là người duy nhất nhắc nhở về Caro, mặc dù không thường xuyên lắm. Dì nói rằng cha tôi không đổ lỗi cho mẹ tôi. Ông cũng nói rằng ông quá bận rộn khi mẹ tôi muốn có một chút hạnh phúc thoải mái. Ông cần phải có người nhắc nhở và ông đã nhận được sự nhắc nhở ấy, không có gì phải đau khổ hối hận về chuyện đó. Nếu không có sự kiện đó thì chẳng bao giờ

ông tìm thấy di Josie và hai người chẳng bao giờ có thể hạnh phúc như bây giờ.

“Hai người nào?” Tôi hỏi thế chỉ để ngắt lời ông và ông trả lời đầy chắc chắn, “Josie. Josie, tất nhiên.”

Mẹ tôi không thể nào nhớ lại quãng thời gian ấy, mà tôi cũng không muốn nhắc nhở làm chi. Tôi biết rằng mẹ tôi đã từng lái xe tới chỗ chúng tôi ở, và thấy mọi chuyện đều thay đổi, như những ngôi nhà hợp thời ta thấy bây giờ, trên nền đất hoang ngày xưa. Bà nói mấy ngôi nhà làm bà khó chịu. Tôi cũng đi lại con đường ngày xưa nhưng chẳng nói với ai. Tất cả những điều bị tước đi trong các gia đình thời nay đối với tôi đều như một lỗi lầm.

Ngay cả hố sỏi bây giờ cũng biến thành căn nhà, nền đất phía dưới đã được đắp cao lên.

Tôi có một đứa bạn cùng phòng, Ruthann, trẻ hơn tôi nhưng tôi nghĩ, khôn ngoan hơn. Hoặc tối thiểu là lạc quan hơn về chuyện mà nó gọi là trục xuất tà ma trong lòng tôi. Tôi sẽ không bao giờ có dịp gặp chú Neal nữa nếu như cô bạn không thúc giục tôi. Tất nhiên đã lâu lắm tôi chẳng hề nghĩ tới mà cũng chẳng có cách nào liên lạc trở lại. Chính chú ấy cuối cùng viết thư cho tôi trước. Mấy dòng ngắn ngủi để chúc mừng, chú viết thế, sau khi nhìn thấy bức hình của tôi trên tờ *Alumni Gazette*. Sao chú tự nhiên lại đọc tạp chí ấy thì tôi không rõ. Tôi đã nhận được một tấm bằng danh dự thật ra chỉ có giá trị trong một phạm vi hẹp, ngoài ra không có ý nghĩa gì nhiều.

Chú Neal sống đâu khoảng năm mươi dặm cách chỗ tôi đang dạy học, cũng là ngôi trường tôi từng học đại học. Tự hỏi liệu thời gian tôi còn là sinh viên, chú ấy có ở đó không. Rất gần. Hay chú ấy trở thành một học giả chẳng?

Mới đầu tôi không có ý trả lời bức thư này, nhưng khi kể cho Ruthann, nó bảo tôi nên trả lời. Thế là tôi gửi e-mail cho chú, hai bên sắp xếp gặp nhau. Tôi gặp chú ở cái thị trấn chú ở, trong không khí không có vẻ gì là đe dọa tại một quán cà phê trong trường đại học. Tôi tự dặn mình nếu chú ấy trông thể chịu nổi – tôi không biết rõ tôi có ý gì khi nghĩ đến chữ ấy – tôi sẽ bước ra thẳng.

Chú Neal trông có vẻ thấp hơn hồi trước, như cảm giác khi đã lớn chúng ta nhớ lại người quen thời nhỏ tuổi. Tóc thưa và cắt ngắn đến sát da đầu. Chú mời tôi một tách trà. Chú cũng uống trà.

Chú làm gì để sống?

Chú bảo chú dạy kèm học sinh để chuẩn bị các kì thi. Cũng giúp đỡ chúng viết tiểu luận. Đôi khi chú còn viết hộ luận án. Tất nhiên chú lấy tiền.

“Không phải nhờ thế mà có thể trở thành triệu phú được đâu,” chú nói.

Chú Neal sống trong một khu nhà tồi tàn. Hay khá hơn mức tồi tàn một chút. Chú thích thế. Tìm mua quần áo ở mấy tiệm rẻ tiền. Thế cũng được.

“Hợp với những nguyên tắc của chú.”

Tôi không chúc mừng chú về mấy chuyện ấy nhưng,

nói thật lòng, tôi không nghĩ là chú chờ đợi một lời chúc mừng nào từ tôi cả.

“Dù sao, chú không nghĩ là đời sống của mình có gì hay ho. Chú nghĩ là cháu muốn biết thêm về chuyện đã xảy ra.”

Tôi lắng nghe, không biết trả lời thế nào.

“Chú phê thuốc,” chú Neal bảo. “Thêm nữa chú không biết bơi. Thời mới lớn chú không có một cái hồ bơi nào để tập cả. Chú đã từng suýt chết đuối rồi. Đó có phải là điều mà cháu muốn biết không?”

Tôi trả lời rằng tôi không phải thắc mắc chuyện ấy.

Thế là chú biến thành nhân vật thứ ba. Khi ấy tôi liền hỏi, “Chú nghĩ khi ấy chị Caro tính làm chuyện gì?”

Người chuyên viên tâm lý đã bảo rằng ta không thể nào biết được. “Có thể là chính chị Caro cũng không biết chị muốn gì, sự quan tâm của người khác chẳng? Tôi không nghĩ là chị ấy thực sự có ý định tự tử bằng cách chết đuối. Chỉ cần người thân quan tâm chị ấy buồn bã đến thế nào hay sao?”

Cô bạn Ruthann từng đoán, “Để làm cho mẹ bạn làm điều Caro muốn chẳng? Làm cho bà tỉnh ra và trở lại với cha bạn chẳng?”

Chú Neal nói, “Chuyện ấy chẳng có chi quan trọng nữa. Có thể Caro tưởng là mình bơi giỏi hơn khả năng thực. Có thể nó không biết là áo choàng mùa đông nặng đến thế hay có thể không có người nào đi qua đó để cứu nó.”

Chú nói thêm, “Đừng mất thời gian nữa. Đừng có nghĩ

giá mà mình chạy vội hơn và kịp báo tin cho mọi người, né? Đừng cố vờ lỗi về phía mình chứ?”

Tôi trả lời là tôi cũng có suy nghĩ đến những thứ mà chú nói, nhưng không phải thế.

“Điều cần thiết là phải sống hạnh phúc,” chú Neal bảo. “Bất kể chuyện gì đã xảy ra, tập sống thế đi. Cháu có thể làm được. Mọi chuyện sẽ trở nên ngày càng dễ dàng hơn. Không liên quan gì đến hoàn cảnh xung quanh cả. Cháu sẽ thấy mọi chuyện tốt lạ lòng. Chấp nhận tất cả và rồi những bi kịch biến mất. Hoặc là những bi kịch con người bắt đầu sáng sửa lên, cách này hay cách khác, và cháu cứ thế sống hoàn thuận để chịu với cuộc đời.”

Bây giờ thì tạm biệt.

Tôi hiểu điều chú Neal muốn nói. Thực ra đó là điều cần phải làm. Thế nhưng, trong tâm trí tôi, chị Caro vẫn mãi mãi chạy dọc theo bờ nước và lao mình xuống đó, như một người thẳng trợn, còn tôi vẫn đứng im trên bờ, mong chờ ở chị một lời giải thích, và chờ nghe tiếng nước vỗ tung tóe từ mặt hồ yên tĩnh kia.

Tổ ấm

TẤT cả chuyện này xảy ra vào những năm bảy mươi, mặc dù trong thị trấn ấy và những nơi chốn tương tự, những năm bảy mươi không giống như hình ảnh mà chúng ta thường có trong tâm trí, cũng không giống như Vancouver cùng thời, như tôi từng biết. Tóc của bọn con trai để dài, nhưng không đến mức buông xõa tận lưng, vào thời ấy cũng không có nhiều tự do và sự nổi loạn như chúng ta vẫn tưởng.

Dượng tôi vẫn thường trêu ghẹo tôi về chuyện đọc kinh cầu nguyện. Hay không đọc kinh. Tôi lên mười ba tuổi, sống với dượng và dì tôi vào năm cha mẹ tôi đi châu Phi. Trước đó tôi chưa bao giờ biết cúi đầu cầu nguyện trước một đĩa thức ăn.

“Chúa ban thức ăn này cho chúng ta và chúng ta phụng sự ngài,” dưỡng Jasper nói, trong khi tôi cầm cái nĩa đưa lên trời và cố gắng dùng lại không nhai miếng thịt hay khoai tây đã nằm sẵn trong miệng tôi rồi.

“Cháu ngạc nhiên hả?” dưỡng hỏi, sau câu “vì Thiên Chúa lòng lành. Amen.” Dưỡng muốn biết cha mẹ tôi có đọc kinh kiểu khác không, sau bữa ăn chẳng hạn.

“Cha mẹ cháu chẳng nói chi cả,” tôi bảo.

“Họ không cầu nguyện à?” Những câu này được nói ra với vẻ vui vẻ giả tạo. “Không phải chứ? Những người không cầu nguyện Chúa lại bay qua tận châu Phi để làm công việc chăm sóc kẻ ngoại đạo – nghĩ mà xem!”

Ở Ghana, nơi cha mẹ tôi dạy học, dường như họ chẳng gặp kẻ ngoại đạo nào cả. Thiên Chúa giáo phát triển khắp nơi, ngay cả trên những dấu hiệu vẽ sau đuôi xe buýt.

“Cha mẹ cháu theo thuyết Nhất thể,” tôi nói, vì một lý do nào đó tôi không gộp chung cả mình vào.

Dưỡng Jasper lắc đầu và yêu cầu tôi giải thích. Như vậy họ không phải là những người tin vào Thượng đế của đấng Moses? Hay là Thượng đế của Abraham? Chắc chắn họ là những người Do Thái. Không phải à? Không phải tin theo Muhammad đấy chứ?

“Cháu tin rằng mỗi người có một ý tưởng riêng về Thượng đế,” tôi nói, có lẽ cứng rắn hơn là dưỡng tôi tưởng. Tôi có hai người anh trai ở trường đại học và xem ra họ sẽ không trở thành những người Thiên Chúa Nhất

thể, nên tôi vẫn thường quen với những cuộc tranh luận tôn giáo gay gắt – lẫn những cuộc tranh luận chẳng liên quan gì đến thánh thần – trong những bữa ăn tối.

“Nhưng họ tin vào việc siêng năng làm lụng và sống một đời sống tử tế,” tôi nói thêm.

Sai lầm. Không phải chỉ là sự biểu hiện bất ngờ trên khuôn mặt của dượng tôi – lông mày nhướng lên, cái gật đầu lạ lùng – mà những chữ ấy từ miệng tôi cũng làm tôi ngạc nhiên, nghe khoa trương và thiếu thuyết phục.

Tôi không hề tán đồng chuyện cha mẹ tôi đến Phi châu. Tôi phản đối việc bị ném lại – chữ của tôi – cho dì và dượng tôi. Thậm chí tôi đã từng nói với cha mẹ tôi rằng công việc tốt đẹp của họ thực ra chỉ là chuyện vô nghĩa. Trong gia đình, bọn trẻ chúng tôi được phép bày tỏ ý kiến của mình một cách thoải mái. Dù rằng tôi không nghĩ cha mẹ tôi đã từng dùng những chữ như “công việc tốt đẹp” hay “làm việc tốt.”

Dượng tôi hài lòng được một lúc. Dượng nói rằng chúng tôi phải ngưng chủ đề này ở đây thôi, vì dượng bạn phải quay trở lại với công việc tốt đẹp của dượng vào lúc một giờ.

Vào lúc ấy dì tôi mới bắt đầu cầm nĩa lên và ăn. Dì phải chờ cho đến khi mọi chuyện lắng xuống đã. Đó chỉ là thói quen chứ không phải do phản ứng của tôi. Dì tôi thường kiềm chế không nói gì cho đến khi biết chắc là dượng tôi đã nói hết mọi ý của mình. Ngay cả khi tôi nói chuyện với dì, bà cũng im lặng lắng nghe chờ đợi, nhìn chồng xem thử ông ấy có nói gì không đã. Dì tôi khi nào cũng nói

chuyện vui vẻ và mỉm cười khi cảm thấy thích hợp, và cũng khó mà nghĩ rằng một người như vậy lại bị chồng lấn áp. Cũng khó mà tin một người như dì lại là em của mẹ tôi, vì bà trông quá trẻ, tươi tắn, gọn gàng hơn mẹ tôi nhiều, với nụ cười tỏa sáng.

Nếu là mẹ tôi bà sẽ nói thẳng với cha tôi nếu bà có suy nghĩ gì, và thường thì bao giờ cũng vậy. Máy ông anh của tôi, ngay cả một người nói rằng anh ấy sẽ cải đạo theo đạo Hồi để cho có thể sau này có quyền đánh đập phụ nữ, cũng luôn luôn lắng nghe bà với thái độ bình đẳng.

“Cuộc đời của dì Dawn dành hết cho ông chồng mình rồi,” mẹ tôi thường nói thế, cố gắng giữ vẻ trung dung. Hay lạnh lùng hơn, “Cuộc đời của dì ấy xoay quanh người đàn ông đó.”

Người ta hay nói thế vào thời điểm ấy và nó không có nghĩa hoàn toàn là chê trách. Nhưng tôi chưa gặp một người đàn bà nào trước đây lại đúng với câu nhận xét ấy như dì Dawn.

Tất nhiên trường hợp của dì có thể khác đi, mẹ tôi nói nếu họ có con.

Cứ thử tưởng tượng xem. Trẻ con. Chạy quần chân dượng Jasper, kêu khóc để đòi mẹ chú ý. Bọn trẻ bị bệnh làm rối lên, bày bừa bãi, đòi ăn những thức ăn mà dượng không thích.

Không thể được. Ngôi nhà này là của ông ấy, quyền chọn lựa thực đơn bữa ăn là của ông ấy, máy phát thanh và

chương trình truyền hình là dành riêng cho ông ấy. Ngay cả khi dương đang làm việc ở bên cạnh hay đi ra ngoài vì công chuyện, mọi việc đều phải sẵn sàng chờ được dương đồng ý, bất kì lúc nào.

Tôi nhận ra một cách chậm chạp rằng một chế độ như vậy cũng khá hòa hợp trong gia đình. Những cái muống và những cái nĩa sáng ngời, sàn nhà bóng loáng, những tấm khăn trải bàn êm dịu – tất cả những thứ lấp lánh trong gia đình ấy đều được chăm sóc dưới bàn tay của dì tôi và của Bernice, người hầu gái. Bernice lo hết chuyện nấu ăn, giặt ủi khăn ăn. Tất cả những bác sĩ trong thị trấn đều đưa khăn trải đến cho một tiệm giặt ủi người Tàu, trong khi Bernice và dì Dawn treo chúng lên trên dây phơi ngoài vườn. Trắng bóc vì ánh sáng mặt trời. Tươi mới vì mùi gió, các thứ khăn bàn tấm trải đều sạch bong và có mùi thơm ngọt ngào. Có lần chú tôi nhận xét rằng mấy ông Tàu hồ vải quá tay.

“Người Trung Hoa ấy mà,” dì tôi nói với giọng nhẹ nhàng dễ chịu như thể bà phải xin lỗi cho cả dương tôi lẫn những người giặt ủi.

“Dân Tàu,” dương tôi nói, vẻ bực bội.

Bernice là người duy nhất có thể nói chuyện đó một cách tự nhiên.

Dần dần tôi bớt cảm giác gắn bó với nhà mình, với tính trang nghiêm trí thức và sự lộn xộn trong cách xếp đặt. Tất nhiên cần tất cả năng lượng của một người đàn bà mới giữ cho nơi ở được ngăn nắp như một tổ ấm thế này. Ở đây

không thể ngồi đánh máy một bản tuyên ngôn của người theo thuyết Nhất thể hay cứ thể chạy đi châu Phi. (Thoạt tiên tôi bảo: “Cha mẹ cháu tới *làm việc* ở châu Phi,” khi có ai trong nhà dì nói về chuyện cha mẹ tôi bỏ ra đi như thế. Sau đó tôi phát chán không buồn giải thích nữa.)

“Tổ ấm”, chính thế. “Công việc quan trọng nhất của một người phụ nữ là tạo ra tổ ấm cho người đàn ông của mình.”

Có phải dì Dawn thực sự đã nói câu ấy? Tôi không nghĩ thế. Tính dì không hay ra tuyên ngôn. Có lẽ tôi đọc nó ở trong một tờ tạp chí nào đó tìm thấy trong nhà dì. Câu nói như thế có thể làm cho mẹ tôi buồn nôn.

Đầu tiên tôi đi tìm hiểu cái thị trấn này. Tôi tìm thấy một chiếc xe đạp cũ rất nặng ở góc sau cùng của nhà để xe, mang ra đạp mà không hề nghĩ đến chuyện xin phép. Lúc đổ dốc đồi trên một con đường mới lát sỏi ở phía sau bến tàu, tôi bỗng mất thăng bằng. Một đầu gối của tôi bị trầy xước rất đau, và tôi phải đến gặp dưỡng tôi ở phòng mạch ngay sát ngôi nhà. Dưỡng chữa trị cho tôi một cách khéo léo. Lúc ấy dưỡng hoàn toàn là một người làm việc vì công việc, thực tế, rất chuyên nghiệp. Không đùa giỡn. Dưỡng nói ông không còn nhớ chiếc xe ấy từ đâu ra – xe cũ quá rồi nên nếu tôi muốn đạp xe thật dưỡng sẽ tìm cách để kiếm một chiếc xe đạp tử tế hơn. Khi tôi đã làm quen với trường học mới và với những luật lệ dành riêng cho các cô gái đến tuổi dậy thì, tôi không thiết đạp xe nữa, nên cũng

không cần xe mới. Điều ngạc nhiên đối với tôi là dưỡng tôi lại không đặt vấn đề những cô gái dậy thì nên làm hay không nên làm gì. Trong phòng mạch của mình, dưỡng quên mất những chuyện ấy, rằng tôi là một người cần phải được dạy dỗ uốn nắn về nhiều thứ, đặc biệt là trong những bữa ăn tối, để bắt chước làm theo cách cư xử của dì Dawn.

“Cháu đạp xe một mình à?” là câu hỏi của dì khi biết tôi bị té. “Cháu đi tìm cái gì? Đừng lo, trước sau cháu sẽ có bạn thôi mà.”

Dì nói đúng cả về chuyện tôi có nhiều bạn mới và những giới hạn với chuyện tôi được làm.

Dưỡng Jasper không phải chỉ là một bác sĩ, dưỡng là vị bác sĩ *ai cũng biết*. Dưỡng là một người đã vận động để xây bệnh viện của thị trấn và đã phản đối đề nghị lấy tên ông đặt cho bệnh viện ấy. Thời nhỏ dưỡng là học sinh nghèo nhưng thông minh, phải đi dạy học trước khi có đủ tiền học y khoa. Dưỡng đã từng đỡ đẻ cho nhiều đứa bé và tiến hành phẫu thuật mổ ruột thừa trong những nhà bếp ở nông trại sau khi lái xe tới đó giữa cơn bão tuyết. Trong những năm năm mươi và sáu mươi, những chuyện như thế đã xảy ra. Dưỡng không bao giờ bỏ cuộc, đã chiến đấu chống lại bệnh nhiễm độc máu và bệnh viêm phổi, cứu sống rất nhiều bệnh nhân trong thời kì mà những thuốc men tiên tiến chưa được biết tới.

Thế nhưng ở nơi làm việc dưỡng lại có vẻ rất thoải mái, dễ tính, nếu so sánh với lối cư xử ở nhà. Như thế ở nhà lúc nào cũng phải để ý thì ở phòng mạch dưỡng thấy

không cần thiết, mặc dù bạn có thể cho là ngược lại mới phải. Người nữ y tá làm việc ở phòng mạch thậm chí cũng không đối xử với dưỡng với sự tuân phục đặc biệt giống như dì Dawn. Bà ta thò đầu qua cửa nơi dưỡng đang chữa trị vết thương của tôi và bảo rằng mình phải về nhà sớm.

“Bác sĩ phải gọi điện thoại nhé, cho bác sĩ Cassel. Nhớ nhé, tôi có nói rồi.”

“Mmm-hmm,” dưỡng ậm ừ.

Tất nhiên bà y tá thì lớn tuổi rồi, trên năm mươi, và phụ nữ vào tuổi ấy thường cư xử với vẻ có quyền lực.

Nhưng tôi không tưởng tượng được rằng dì Dawn lại có thái độ ấy. Dì trông lúc nào cũng trẻ trung tươi mát. Thời gian tôi ở nhà họ, mới đầu khi tôi cứ ngỡ mình có quyền xộc vào đâu cũng được, tôi đã vào phòng ngủ của dì dưỡng, thấy tấm hình của dì trên bàn cạnh giường.

Tới giờ dì vẫn giữ được mái tóc đen mềm mại lượn sóng như trước. Chỉ khác là trong hình dì đội cái mũ màu đỏ rất nổi che một phần mái tóc và mặc áo khoác màu tím. Khi tôi xuống nhà dưới và hỏi về bộ trang phục, dì nói: “Trang phục nào? Ồ. Đó là y phục thời dì đi học y tá.”

“Thế dì là y tá à?”

“Ồ không.” Dì cười phá lên như thể chuyện ấy là một điều ngao ngược đến phi lí. “Dì bỏ học,” bà nói.

“Có phải hồi ấy dì quen dưỡng Jasper không?”

“Ồ không. Ông ấy đã là bác sĩ nhiều năm trước đó. Dì gặp dưỡng khi bị vỡ ruột thừa. Dì đang ở nhà một người

bạn gần đây thì thấy đau lắm nhưng không biết là bị gì. Ông ấy khám rồi lấy cái ruột thừa ra”. Khi nói thế dì hơi đỏ mặt, dặn thêm rằng tôi đừng nên vào phòng ngủ trừ khi xin phép trước thì hơn. Tôi biết rằng điều đó nghĩa là không bao giờ.

“Thế bạn của dì còn ở đây không?”

“Cháu biết đấy. Cưới chồng rồi thì bạn bè cũng ít qua lại được như xưa.”

Vào thời gian tôi hiếu kì chúm mũi vào mấy chuyện này tôi cũng phát hiện ra rằng dường Jasper không hẳn là không có người thân như tôi nghĩ. Dượng ấy có một người chị, bà cũng rất thành công, ít nhất là tôi nghĩ thế. Bà là nhạc sĩ vĩ cầm, tên là Mona. Hoặc đó là tên mà người ta thường gọi, mặc dù tên chính thức của bà là Maud. Mona Cassel. Tôi bắt đầu biết đến bà khi tôi sống ở thị trấn được nửa năm học. Khi từ trường về nhà một ngày kia, tôi thấy tờ quảng cáo dán ở trên cửa sổ của một tòa soạn báo, về một buổi hòa nhạc ở tòa thị chính trong vài tuần lễ tới. Có ba nhạc sĩ sẽ đến từ Toronto, Mona Cassel là người phụ nữ đáng cao, tóc trắng cầm đàn vĩ cầm. Khi về nhà tôi kể với dì về chuyện tình cờ giống nhau giữa hai cái tên, dì liền bảo: “Ồ đúng rồi. Chắc đó là chị gái của dượng của con đấy.”

Rồi dì nói thêm, “Đừng có nói gì về chuyện ấy ở đây cả.”

Sau một lúc có vẻ dì thấy cần phải kể thêm đôi chút.

“Dượng cháu không thích đi nghe loại nhạc ấy, cháu biết rồi. Nhạc hòa tấu.”

Và thêm một vài điều nữa.

Dì nói rằng bà chị nhạc sĩ kia lớn hơn đương Jasper vài tuổi, và có chuyện gì đó xảy ra khi hai chị em còn trẻ. Vài người bà con đã từng nghĩ rằng cô bé kia cần phải được mang đi xa cho học nhạc vì nó quá năng khiếu. Vì vậy bà ta được dạy dỗ theo kiểu khác và hai chị em không có gì giống nhau cả, đó là tất cả những gì mà dì Dawn được biết. Dì cũng không nói là đương sẽ không thích nếu tôi biết nhiều như thế.

“Té ra đương không thích nhạc à?” Tôi hỏi. “Đương thích loại nhạc gì vậy?”

“Nhạc xưa,” dì tôi bảo. “Nhưng không phải nhạc cổ điển đâu.”

“Nhạc của nhóm Beatles à?”

“Ồ không phải.”

“Lawrence Welk?”

“Thôi dì cháu mình bàn chuyện này làm gì, phải không? Dì sẽ không nói thêm nữa đâu.”

Tôi không chú ý đến lời nhắc nhở của dì. Tôi hỏi tiếp.

“Thế dì thì thích nhạc gì?”

“Dì thích tất cả các thứ.”

“Dì phải thích một thứ gì nhiều hơn thứ khác chứ?”

Dì Dawn không nói gì thêm nữa, chỉ cười. Đó là một cái cười có chút lo lắng, hơi căng thẳng hơn cái cười của dì lúc hỏi đương Jasper có thích mấy món trong bữa tối không. Gần như lúc nào đương cũng vừa lòng, nhưng với một vẻ cân nhắc phải chăng. Được rồi em à, nhưng món

ấy hơi cay hoặc hơi nhạt. Có lẽ nấu chín quá hoặc là nấu chưa chín. Có một lần, dưỡng bảo, “Anh không thích,” và từ chối nói thêm nữa, nụ cười liền biến mất trên môi của dì, thay vào đó là vẻ tự kiểm chế dửng dưng.

Bữa tối ấy có món gì nhỉ? Cà ri chẳng, có thể cha tôi cũng không thích cà ri, nhưng ông không đến nỗi làm ầm lên về chuyện ấy. Còn dưỡng tôi thì đứng lên và tự mình làm một cái bánh mì kẹp bơ đậu phộng, và cách cư xử ấy làm cho chuyện trở nên nặng nề. Bất cứ món gì mà dì tôi nấu ra cũng không được cố tình gây kích thích khó chịu. Dù chỉ là món hơi lạ và trông có vẻ ngon lành trên tạp chí. Và như tôi nhớ lại, dưỡng tôi đã ăn hết đĩa trước khi kết luận món ấy là thứ rất dở. Dưỡng ăn hết không phải vì đói mà vì nhu cầu muốn tuyên bố về sự không hài lòng của mình một cách rõ ràng và mạnh mẽ.

Đối với tôi, có thể dưỡng như thế vì hôm ấy bệnh viện có chuyện không vui. Một bệnh nhân đã chết một cách bất ngờ chẳng hạn – có thể là vấn đề không liên quan gì đến thức ăn cả. Nhưng tôi không nghĩ dì Dawn cảm thấy thế – hoặc là nếu có, dì cũng không để lộ điều ấy. Dì tỏ ra ân hận về mọi chuyện.

Vào dạo ấy, dì Dawn của tôi có một vấn đề khác, một vấn đề mà tôi không hiểu được cho mãi đến sau này. Dì băn khoăn về cặp vợ chồng ở nhà bên cạnh. Họ dọn nhà vào cùng lúc tôi đến ở nhà dì dưỡng. Người chồng là thanh

tra các trường học trong hạt, bà vợ là cô giáo dạy nhạc. Họ vào cỡ tuổi của dì Dawn và trẻ hơn dượng Jasper. Nhà ấy cũng không có con, vì vậy có nhiều thời gian cho việc giao tế kết bạn. Và đang ở trong thời kì muốn xây dựng mối giao kết ở nơi chốn mới, khi mọi việc đều có vẻ dễ dàng và sáng sủa. Vì vậy họ đã mời dì Dawn và dượng Jasper đi uống một vài li rượu và trò chuyện. Quan hệ bên ngoài của dì dượng tôi rất hạn hẹp, và mọi người cũng biết thế, khiến cho dì tôi không có kinh nghiệm từ chối lời mời. Thế rồi dì dượng cũng sang thăm, gắp gờ uống vài li, tán chuyện, và tôi hình dung được rằng dượng Jasper cảm thấy khá hài lòng vui vẻ, mặc dù cũng chưa hẳn tha thứ cho dì tôi về cái tội tự ý nhận lời mời kia.

Bây giờ dì đang ở thế khó xử. Dì hiểu rằng khi người ta mời mình tới nhà và mình tới thật, thì mình cũng nên mời lại họ. Rượu thì mời rượu, cà phê thì mời cà phê. Không cần phải có bữa ăn tối. Nhưng ngay cả thế, những việc nhỏ ấy, dì cũng không có kinh nghiệm. Dượng tôi chẳng thấy ái ngại gì với hàng xóm – ông chỉ đơn giản là không thích người lạ tới nhà, có thể thôi.

Thế rồi cái tin mà tôi mang lại làm lóe lên một khả năng giải quyết. Ba người nhạc sĩ đến từ Toronto – tất nhiên có cả cô Mona – sẽ hòa tấu nhạc ở tòa thị chính chỉ một buổi tối mà thôi. Và đó cũng là buổi tối mà dượng Jasper phải đi ra khỏi nhà đến khuya mới về. Bữa đó có cuộc họp và ăn tối thường niên của Y đoàn toàn hạt chứ không phải dạ tiệc thường, vì vậy vợ của các bác sĩ không được mời.

Đôi vợ chồng hàng xóm dự định sẽ đi nghe hòa nhạc. Họ phải thế, phần vì nghề nghiệp của người vợ. Nhưng họ cũng đồng ý ghé lại nhà của dì tôi một lát khi buổi hòa nhạc xong, để uống một li và phê và ăn thứ bánh trái gì đó. Và để gặp gỡ – đây là chuyện dì tôi đã vượt qua chính mình mà thực hiện – người chị nhạc sĩ kia, nhóm tam tấu cũng sẽ ghé ngang nhà một lát.

Tôi không biết dì tôi đã nói bao nhiêu với người hàng xóm về mối quan hệ của gia đình với nhạc sĩ vĩ cầm Mona Cassel. Nếu dì tôi có ý tứ, mối quan hệ ấy là không có gì. Và ý tứ thì dì tôi không thiếu, trong nhiều trường hợp. Dì đã giải thích rằng ông chồng bác sĩ không thể có mặt ở nhà vào buổi tối, nhưng dì lại không thể nói nhiều hơn với họ rằng buổi gặp gỡ ấy không nên để cho ông chồng biết, và cũng phải bí mật cả với cô hầu gái Bernice, người đã về nhà trước buổi tối và tất nhiên là biết trong nhà đang chuẩn bị chuyện gì đó. Tôi không rõ lắm. Và, quan trọng hơn cả là, tôi không biết làm sao mà dì Dawn gửi được lời mời đến cho những người nhạc sĩ kia. Liệu dì có liên lạc với nhạc sĩ Mona suốt thời gian qua không? Tôi thật không biết. Chắc là dì không có một liên hệ nào, điều ấy gần như là một sự lừa dối đối với dương tôi, xét về lâu dài.

Tôi tưởng tượng dì tôi trong một lúc bốc đồng bỗng viết một lá thư ngắn, rồi đem nó tới khách sạn nơi ba người nhạc sĩ kia đang trọ. Dì không thể có được địa chỉ của họ ở Toronto.

Ngay cả việc tới khách sạn kia, chắc dì tôi cũng phải tự

hỏi liệu có ai nhìn theo không, và thầm cầu mong rằng dì sẽ không gặp phải ông quản lí khách sạn, người biết rõ chồng mình, mà sẽ gặp cô tiếp tân trẻ hơn, xa lạ với người ở đây, và có lẽ chẳng biết dì là vợ của ông bác sĩ.

Chắc là dì tôi phải nói rõ với những người nhạc sĩ kia rằng họ chỉ đến nhà một lát thôi, dì không dám giữ họ lâu hơn. Buổi hòa nhạc hẳn khá mệt mỏi và họ cần phải lên đường sớm để tới một thị trấn khác sáng hôm sau.

Tại sao dì lại mạo hiểm như vậy? Tại sao không thể từ ngôi tiếp chuyện những người bạn hàng xóm? Thật khó nghĩ. Có thể vì dì không tin là tự nói chuyện được một mình. Hay là dì muốn khoe khoang một chút trước mặt những người hàng xóm. Hoặc – mặc dù tôi không tin tưởng lắm – dì muốn biểu lộ tình thân ái hoặc sự tiếp nhận nào đó đối với người chị chồng kia, người mà dì chưa bao giờ gặp.

Có lẽ dì đã phải cảm thấy choáng váng với ngay cả sự mạo hiểm có chút bất cẩn của mình. Ngoài vô số lúc dì bắt chéo ngón tay và làm dấu cầu may mắn, cử chỉ phổ biến thời ấy, thì rất có khả năng là dựng Jasper sẽ tình cờ biết được bí mật ấy. Một hôm ông gặp người giáo viên dạy nhạc kia trên đường phố, chẳng hạn thế, và được bà ta rối rít cảm ơn và những lời kết giao này nọ.

Những người nhạc sĩ không lấy làm mệt mỏi lắm sau buổi hòa nhạc như vẫn tưởng. Hoặc là họ lấy làm thất vọng vì số lượng thính giả đến xem, thật ra cũng không có gì bất ngờ.

Sự nhiệt tình của những người khách hàng xóm, không khí ấm áp của phòng khách (vì phòng hòa nhạc khá lạnh lẽo), cũng như sự lóng lánh của những màn che cửa bằng nhung màu hồng đào, ban ngày chúng có màu sẫm như màu hạt dẻ, nhưng về đêm thì tỏa bóng rạng ngời – tất cả những thứ ấy làm cho tinh thần họ đầm ra phấn khởi. Cảnh vật ngoài trời tối tăm ủ rũ càng tạo ra sự đối nghịch và cà phê thơm ngát làm ấm lòng những người khách xa lạ nhưng cùng nỗi ngán ngẩm thời tiết lạnh lẽo. Đó là chưa nói đến những cốc rượu dâu sau cà phê. Rượu dâu trong những chiếc li sóng sánh, hợp với kích thước và hình dáng, một ít bánh ngọt phủ dừa nạo, những cái bánh mì nhỏ hình liềm hoặc lục giác, bánh kẹp sô cô la. Tôi cũng chưa bao giờ thấy những thứ bánh này. Ba mẹ tôi khi tổ chức tiệc tùng chỉ đãi ăn kiểu món cay dọn thẳng trong nồi đất.

Dì Dawn mặc một chiếc áo đầm được cắt cúp nhẹ nhàng, làm bằng vải voan mảnh. Đó là loại áo đầm phụ nữ đứng tuổi hơn dì nếu mặc thì trông cũng thích hợp dù hơi cầu kì, nhưng dì tôi khi mặc vào lại trông như đang đi dự một buổi tiệc có phần táo bạo. Vợ người hàng xóm cũng mặc đồ sang trọng, hơi quá lên một chút so với buổi gặp có phần thoải mái này. Người đàn ông thấp đầy đặn chơi đàn cello mặc một bộ vét đen sẫm với một cái nơ khiến cho anh ta bớt đi cái vẻ của một viên chức lục sự, và người chơi dương cầm, tức là vợ của ông ấy, mặc bộ đầm đen có chút màu mè so với dáng điệu của bà ta. Nhưng Mona Cassel thì chói sáng như mặt trăng, trong chiếc áo dài cắt

sát người, bằng loại vải lông lánh bạc. Cô người cao to, mũi hơi lớn, giống như em trai của mình.

Di Dawn có thể đã cho người lên dây đàn dương cầm trước đó, hoặc ít ra họ cũng không gặp trở ngại gì với nó. (Nếu có ai thấy kì quặc vì có một cây đàn dương cầm ở trong nhà, trong khi đã biết quan điểm của dương tòi về âm nhạc, thì tôi chỉ có thể nói rằng vào thời ấy, mỗi ngôi nhà kiểu ấy đều có một cây đàn.)

Vợ người hàng xóm đề nghị được nghe bản *Eine Kleine Nachtmusik*, và tôi ủng hộ ý kiến ấy, có chút khoe khoang. Thực ra là tôi không hề biết chi về nhạc mà chỉ biết nhan đề của bài đó, vì tôi có học tiếng Đức hồi ở trường cũ.

Người chồng hàng xóm đề nghị thêm một bài, và đàn dương cầm lại tấu lên, khi bản nhạc xong, ông ấy liền xin lỗi di Dawn vì đã quá vội vàng, không chờ cho người chủ nhà có cơ hội để đề nghị một bản nhạc mà mình thích.

Di Dawn nói, Ồ không, đừng lo chi chuyện ấy, vì di thích tất cả mọi thứ. Rồi di biến mất, mặt đỏ lên tới tận mang tai. Tôi không biết di có thích âm nhạc không, nhưng rõ ràng là có một điều gì đó làm di rất hứng thú. Hay việc di trở thành người sửa soạn cho những giây phút này làm cho di sung sướng thế?

Có thể nào di tôi đã quên – có thể nào quên được? Cuộc họp của đoàn y sĩ địa phương, bữa ăn tối hàng năm và cuộc bầu cử ban lãnh đạo y sĩ đoàn thường kết thúc vào lúc mười giờ ba mươi. Bây giờ đã là mười một giờ đêm.

Trễ quá, trễ quá rồi, cả hai chúng tôi đều bắt đầu nhận ra điều ấy.

Cánh cửa ngăn gió bên ngoài bật mở, rồi cửa đi vào lối chính, không hề có khoảng dừng thường lệ để cởi ủng và áo khoác ngoài hay khăn quàng cổ ra, dựng tôi bước thẳng vào phòng khách.

Những người chơi nhạc, đang chơi giữa chừng, không dừng lại. Hai vợ chồng hàng xóm chào dựng tôi một cách vui vẻ nhưng nhỏ giọng lại để khỏi làm phiền bản nhạc đang chơi. Dựng trông to lớn gấp đôi với cái áo khoác mùa đông chưa cởi nút, khăn quàng cổ lông thong và đôi ủng đang còn mang. Ông nhìn quanh, nhưng không nhìn ai cụ thể, cũng không nhìn cả vợ mình.

Và người vợ cũng không nhìn chồng. Dì tôi bắt đầu dọn dẹp những cái đĩa trên bàn bên cạnh, chồng cái này lên cái kia, cũng không để ý rằng trên một số đĩa vẫn còn bánh kem, làm cho chúng dính vào nhau từng miếng một.

Không vội vàng mà cũng không dừng lại, dựng tôi bước ngang qua phòng khách, đi xuyên qua phòng ăn và đi qua cánh cửa xoay vào thẳng nhà bếp.

Người nhạc sĩ dương cầm đặt tay lên những phím đàn lặng lẽ, và người chơi đàn cello đã dừng lại. Người chơi vĩ cầm tiếp tục chơi một mình. Tôi không bao giờ biết, ngay cả bây giờ, có phải đó là cách mà bản nhạc tất nhiên phải được chơi như thế hay vì người chơi nhạc muốn tỏ vẻ khinh thị đối với dựng tôi. Cô không bao giờ nhìn

lên cả, nhưng tôi vẫn còn nhớ, để nhìn vào mặt người đàn ông cau có kia. Cái đầu với mái tóc trắng bạch kim, tương tự như người em trai nhưng đầu dài gió sương hơn, run lên một lát, nhưng cũng có thể đã run lên từ thật lâu rồi, tôi không biết.

Dượng tôi quay trở lại, với một đĩa đầy thịt heo và đậu. Chắc là ông đã mở một hộp thịt và đổ tất cả xuống cái đĩa, vẫn còn lạnh. Dương tôi cũng không thèm cởi cái áo khoác ngoài ra. Và cũng không nhìn ai cả, nhưng chọc nĩa cộc cạch ồn ào khi ăn, ăn như thể chỉ có một mình, tỏ vẻ đói. Nhìn ông như thể trong buổi họp của các bác sĩ và tiệc tối người ta chẳng dọn gì ra để ăn cả.

Tôi chưa bao giờ thấy dương tôi ăn uống như thế cả. Cách ngồi vào bàn ăn của dương lúc nào cũng có vẻ kiêu kì nhưng luôn lịch thiệp, tinh tế.

Bản nhạc mà người chị của ông chơi đã đến hồi chấm dứt. Có lẽ vừa đúng lúc. Hơi sớm hơn việc kết thúc đĩa ăn của dương tôi với thịt lợn và đậu. Những người hàng xóm đã ra đến cửa và đã mặc đồ ấm xong để chuẩn bị ra ngoài, ló đầu vào một lần nữa để nói lời cảm ơn rồi rút, trong khi chỉ muốn chạy ra khỏi nơi đây.

Tới bây giờ đến lượt những người nhạc sĩ ra về, nhưng không hề có chút vội vàng. Các nhạc cụ được gói lại bằng hoàng chính xác; không thể ném bừa chúng vào hộp được. Những người nhạc sĩ thu xếp đúng thói thường, nghĩa là rất có phương pháp, rồi cũng biến mất sau cánh cửa. Tôi không nhớ có ai đã nói điều gì, hay là dì Dawn có đủ sức

để đứng lên nói lời cảm ơn với họ hay tiễn họ ra cửa hay không. Tôi không thể chú ý đến ai khác vì dương Jasper là người nói, giọng rất lớn, và người được dương nói tới lại là tôi. Tôi nhớ rằng người nữ nhạc sĩ vĩ cầm đã đưa mắt nhìn ông ấy một lần, khi ông vừa bắt đầu nói. Một cái nhìn mà dương tôi hoàn toàn không để ý hoặc không hề thấy. Đó không phải là một cái nhìn giận dữ, như bạn có thể tưởng tượng, hay thậm chí kinh ngạc. Cô chỉ tỏ ra hoàn toàn mệt mỏi, kiệt sức, và khuôn mặt cô trắng bệch ra hơn cả bất cứ thứ gì mà bạn có thể nghĩ được.

“Bây giờ, cháu hãy nói cho ta nghe,” dương tôi bắt đầu nói, hướng về phía tôi, như thể xung quanh không có ai cả. “Hãy nói cho ta nghe cha mẹ của cháu có đi nghe những loại nhạc như thế này không? Tức là đúng cái thứ nhạc này? Các buổi hòa nhạc và những thứ tương tự? Họ có khi nào trả tiền vé và ngồi xuống một vài giờ đồng hồ và mài rạc đúng quần để lắng nghe một thứ mà họ chẳng còn nhận ra chỉ sau nửa ngày? Trả tiền để phạm cái tội lừa mị đấy ư? Cháu có khi nào thấy cha mẹ mình làm thế không chứ?”

Tôi trả lời rằng không, mà sự thực là thế. Tôi chưa bao giờ thấy cha mẹ tôi đi dự một buổi hòa nhạc, dù nói chung họ ủng hộ hoạt động này.

“Thấy chưa? Họ thật là khôn ngoan, cha mẹ cháu đấy. Quá sức thông minh nên mới không đi kết đàn với những người tào lao, vỗ tay và làm những trò tương tự như thế họ đang đứng trước những kì quan thế giới. Cháu có biết loại người đó là ai không? Đó là bọn nói dối. Đồ phân ngựa.

Họ chỉ muốn tỏ ra là ta đây thành phần quý tộc. Hay là cố làm ra vẻ như thế để hài lòng các bà vợ muốn trèo cao của họ. Hãy nhớ điều này khi cháu lớn lên ra đời. Được chứ?”

Tôi đồng ý là sẽ ghi nhớ lời ông. Tôi không có gì ngạc nhiên lắm về những điều dưỡng tôi vừa nói. Thật ra nhiều người cũng nghĩ như thế về nghệ thuật, đặc biệt là giới đàn ông. Có hàng ngàn thứ trên đời mà cánh đàn ông căm ghét. Hoặc chẳng có ích gì, như họ thường nói. Và quả nhiên thế thật. Họ không biết dùng chúng vào việc gì. Vì vậy họ ghét chúng. Biết đâu chuyện ấy cũng tương tự như cách mà tôi nghĩ về môn học đại số – tôi quả có nghi ngờ rất nhiều lần rằng liệu có khi nào tôi cần đến chúng hay không.

Nhưng không phải vì thế mà tôi đi xa đến mức muốn môn số học bị loại khỏi trái đất vì lí do ấy.

Khi tôi xuống nhà dưới sáng hôm sau, dưỡng Jasper đã đi làm. Cô hầu Bernice đang rửa chén bát và dì Dawn đang sắp lại những chiếc li pha lê trong tủ sứ. Dì tôi mỉm cười với tôi, nhưng tay dì cầm li không vững, khiến cho những cái li va vào nhau lách cách.

“Nhà của một người đàn ông là cái lâu đài của ông ta,” dì tôi nói.

“A, dì chơi chữ nhé”, tôi nói, cố làm cho dì vui lên. “Cassel.”¹

1 Nguyên tác tiếng Anh: Castle (lâu đài), phát âm tương tự như tên Cassel. – ND

Dì tôi mỉm cười lần nữa, nhưng tôi không chắc dì biết tôi muốn nói gì.

“Khi cháu viết thư cho mẹ cháu ở Ghana...” dì nói, “Đừng nói gì về những chuyện ấy cả – dì muốn nói là cháu không nên nhắc gì về một chút bực bội tối hôm qua. Khi mẹ cháu đang gặp quá nhiều chuyện rắc rối, và thấy những người chết đói ở châu Phi, hay tương tự như thế, những thứ bực bội ở đây rất nhỏ bé và có vẻ vớ vẩn.”

Tôi hiểu. Tôi cũng không muốn nói rằng thật ra cho đến lúc ấy chưa hề có chuyện chết đói xảy ra ở Ghana.

Chỉ là ngay từ tháng đầu tiên, tôi đã gởi cho cha mẹ tôi những bức thư toàn những lời kể lể cay chua và những lời than phiền rồi. Mọi việc bây giờ lại trở nên rối bời hơn nữa khiến tôi chẳng thể giải thích được.

Sau cuộc trò chuyện về âm nhạc, sự quan tâm của dương Jasper đối với tôi đã có phần tôn trọng hơn, dương lắng nghe những ý kiến của tôi về y tế, như thể đó là ý kiến riêng của tôi chứ không phải từ cha mẹ tôi. Có lần ông nói là hết sức vui vì có một người thông minh để trò chuyện trong bữa ăn. Dì tôi cũng bảo đúng thế. Dì nói thế để cho mọi chuyện được vui vẻ, và khi dương tôi cười phá lên đầy ẩn ý, dì ngượng đỏ cả mặt. Mọi chuyện trở nên khó khăn đối với dì nhưng đến ngày lễ Tình nhân, người vợ lại được chồng tha thứ, nhận được món quà là một mặt dây chuyền hồng ngọc khiến dì mỉm cười quay đi, trên má lặn vài giọt nước mắt an ủi.

Về mặt tái xanh của cô Mona, gò má nhọn, ngay cả chiếc áo đầm lông lảnh bạc cũng không đủ sức xóa đi dấu vết của bệnh tật. Cái chết của cô được loan báo trên một tờ báo địa phương vào mùa xuân ấy, cùng lúc với tin về buổi hòa nhạc ở tòa thị chính. Một bài điều văn trích từ một tờ báo ở Toronto được in kèm tiểu sử ngắn về nghề nghiệp, đủ để ca ngợi xứng tầm người nữ nhạc sĩ, nếu không nói là sáng chói. Dượng Jasper tỏ ra ngạc nhiên – không phải về cái chết của chị mình mà về việc bà sẽ không được chôn cất ở Toronto. Việc tang lễ và chôn cất được tổ chức tại nhà thờ ở thị trấn Hosannas, chỉ cách vài dặm về phía Bắc từ nơi chúng tôi ở, thuộc vùng quê. Đó là nhà thờ của gia đình nơi dượng Jasper và cô Mona thời nhỏ từng đến dự lễ và đó là một nhà thờ Anh giáo. Dượng Jasper và dì Dawn bây giờ đi ở nhà thờ Hội thánh Hiệp nhất, nơi mà những người khá giả thường đi. Những người theo Hội thánh Hiệp nhất rất có lòng tin Chúa nhưng cho rằng không cần phải đi lễ vào mỗi ngày Chủ nhật, và không tin rằng Chúa cấm người ta uống bia rượu vào lúc này lúc khác. (Bernice người hầu gái, đi một nhà thờ khác, và chơi đàn organ ở đó. Họ đạo ở đó khá nhỏ và rất kì lạ – họ in những tờ rơi nhỏ thả trên khắp các phố, ghi tên những người sẽ xuống địa ngục. Không phải người địa phương mà là những người nổi tiếng như thủ tướng Pierre Trudeau.)

“Nhà thờ Hosannas đâu còn mở cửa làm lễ nữa,” dượng Jasper nói. “Tại sao lại mang chị ấy tới đây? Tôi không nghĩ rằng chuyện ấy được phép đâu.”

Nhưng rồi hóa ra nhà thờ ấy vẫn mở cửa đều đặn. Những người từng dự lễ nhà thờ thời nhỏ vẫn tiếp tục dùng nó cho các buổi tang lễ và đôi khi con cái họ cũng tổ chức lễ cưới ở đây. Bên trong nhà thờ được chăm sóc kĩ, nhờ có một tài sản được thừa kế, và hệ thống sưởi hiện đại.

Dì Dawn và tôi lái xe tới đó. Dượng Jasper bận rộn cho đến phút cuối.

Tôi chưa bao giờ dự tang lễ. Cha mẹ tôi không bao giờ nghĩ một đứa bé nên dự những buổi lễ ấy. Mặc dù rằng trong mối quan hệ của họ, như tôi nhớ lại, tang lễ được xem là một sự ca ngợi đối với đời sống.

Dì Dawn không mặc áo đầm màu đen như tôi tưởng. Dì mặc một bộ đồ màu hồng sẫm và một cái áo khoác bằng da cừu Ba Tư, kèm một cái mũ da cừu Ba Tư rất hợp. Dì trông thật xinh đẹp, tỏ ra hài lòng, tươi tắn.

Một cái gai nhọn đã được nhổ đi. Một cái gai nhọn đằng nhà dượng Jasper đã được nhổ đi, và thế là dì không thể nào không lấy làm sung sướng.

Một số tư tưởng trong đầu tôi đã thay đổi từ ngày tôi sống với dì dượng. Chẳng hạn, tôi không còn giữ thái độ trung dung với những người tương tự như cô Mona nữa. Hay về chính cô Mona, âm nhạc của cô, nghề nghiệp của cô. Tôi không tin rằng cô là một người giả dối, nhưng tôi có thể hiểu vì sao một số người lại nghĩ thế. Không phải là chuyện cô có dáng người to quá khổ, cái mũi quá lớn

và trắng, cây đàn vĩ cầm và cái cách người ta cầm cây đàn ấy trông kì quặc – mà chính là âm nhạc và sự hy sinh tất cả của cô cho âm nhạc. Hy sinh tất cả cho một thứ gì, nếu bạn là một người đàn bà, làm bạn trở nên quái gở.

Tôi không có ý nói rằng tất cả quan điểm của dương Jasper đã chinh phục tôi – chỉ có điều quan điểm ấy không còn xa lạ với tôi. Đi qua phòng ngủ của dì dương tôi, cửa đóng, một buổi sáng Chủ nhật, khi đang đi tìm ăn một cái bánh nướng quế mà dì Dawn làm mỗi tối thứ Bảy, tôi nghe những tiếng động mà tôi chưa bao giờ nghe từ phòng ngủ của cha mẹ tôi – tiếng nói thì thảo, tiếng rên rỉ khoái lạc, mà sự hòa điệu và phóng túng của nó làm tôi bực bội và không chịu nổi.

“Em không nghĩ rằng có nhiều người từ Toronto lái xe về tận đây đâu,” dì Dawn nói. “Vợ chồng Gibson chắc cũng sẽ không đến được. Anh chồng bạn họp còn chị vợ thì không thể đối lịch dạy được.”

Nhà Gibson là gia đình hàng xóm. Tình bạn giữa hai bên vẫn còn tiếp tục, nhưng khá trầm lắng, hai bên không sang nhà nhau chơi nữa.

Một đứa bạn tôi ở trường đã có lần nói với tôi, “Cứ chờ cho đến khi họ cho phép bạn nhìn mặt người đã khuất lần cuối. Mình đã nhìn bà mình và ngắt xiủ luôn.”

Tôi chưa hề nghe về chuyện nhìn mặt người chết lần cuối. Nhưng tôi có thể hình dung được. Tôi quyết định sẽ hí mắt và giả đồ nhìn thôi.

“Miễn là cái nhà thờ ấy không bốc mùi mốc meo,” dì Dawn nói. “Khiến cho dưỡng cháu bị xông lên tới óc.”

Không có mùi mốc. Không có vị ẩm ướt bốc lên từ các bức tường bằng đá và sàn nhà. Có người từ sớm đã mở sẵn các máy sưởi lên.

Những băng ghế dài đầy người.

“Một số bệnh nhân của dưỡng cũng tới đây,” dì Dawn hạ giọng nói. “Hay quá. Không có một bác sĩ nào ở quanh đây được người ta kính mến như dưỡng con.”

Người chơi đàn organ của nhà thờ đang chơi một bản nhạc mà tôi biết. Một đứa bạn gái của tôi ở Vancouver đã từng chơi bài ấy cho dịp hòa nhạc lễ Phục sinh. Bài *Chúa Jesus, niềm vui của Người*.

Người chơi đàn organ chính là nữ nhạc sĩ đã từng chơi bản nhạc dương cầm dở dang ở nhà dì tôi đêm ấy. Người chơi đàn cello ngồi nơi hàng ghế của dàn đồng ca gần đó. Có lẽ ông ấy sẽ trình diễn sau.

Sau khi mọi người đã yên vị, thấy có tiếng xì xào ở phía sau thánh đường. Tôi không quay người lại vì tôi vừa nhận ra cái hộp bằng gỗ đen bóng phía dưới khu vực bàn thờ. Quan tài. Có người gọi nó là áo quan¹. Nắp đóng kín. Trừ khi người ta mở nó ra, nếu không tôi không phải lo lắng về chuyện phải tới nhìn mặt người quá cố. Mặc dù vậy tôi tưởng tượng ra khuôn mặt của cô Mona nằm trong ấy. Cái mũi lớn xương xẩu của cô nhon lên, các thớ thịt trĩu

1 Nguyên tác tiếng Anh: Casket.

xuống, mắt nhắm lại. Tôi khiến cho hình ảnh ấy hiển hiện thật rõ ràng trong đầu tôi, cho đến khi tôi cảm thấy cho mình đủ mạnh mẽ để không bị nó làm cho phát ốm lên.

Dì Dawn, giống như tôi, cũng không quay đầu lại để nhìn xem chuyện gì xảy ra đằng sau.

Nguyên cớ của việc lộn xộn nhỏ kia đang đi giữa hai hàng ghế, thì ra là duợng Jasper. Duợng không dừng lại ở hàng ghế nơi dì Dawn và tôi đã dành sẵn một chỗ trống. Duợng đi thẳng, dáng đi trịnh trọng nhưng thuần túy công việc, với một người khác.

Người hầu gái, Bernice. Cô mặc trang phục nghi lễ. Một cái áo xanh nước biển, mũ đội đầu với một chùm hoa cài. Cô không nhìn ai, mặt đỏ lên, môi mím lại.

Dì Dawn cũng không nhìn ai cả. Dì đang bận rộn lật giở từng trang cuốn sách thánh ca mà dì lấy ra từ cái túi ở phía sau chỗ ngồi trước mặt.

Duợng Jasper không dừng lại ở quan tài; duợng dẫn đường cho Bernice tới chỗ cái đàn organ. Tiếng đàn đang trỗi nảy một tiếng lạ đầy ngạc nhiên. Rồi một tiếng trầm dài, sự mất mát, nỗi im lặng, trừ những người ngồi ở các hàng ghế dài thì thảo xô đẩy, rướn người lên để xem chuyện gì xảy ra.

Bây giờ người nhạc sĩ dương cầm ngồi ở cây đàn organ và người chơi đàn cello đã biến mất. Chắc phải có một cái cửa bên hông để họ lánh đi. Duợng Jasper đưa Bernice ngồi xuống chỗ của người nữ nhạc sĩ kia.

Khi Bernice bắt đầu chơi nhạc, dương tời tiến về phía trước, như ra dấu cho giáo đoàn. Đứng lên và hát, dáng điệu của dương tời nói thể, và một vài người đứng lên. Thêm nhiều người nữa. Rồi tất cả.

Mọi người sột soạt tìm sách thánh ca, nhưng phần lớn đều có thể bắt đầu hát ngay trước khi tìm ra đúng bài, bài hát *Chiếc thánh giá cũ xù xì*.

Công việc của dương Jasper đã xong. Ông ấy quay lại chỗ chúng tời dành cho ông.

Ngoại trừ một vấn đề. Một điều mà dương không lưu ý.

Đây là nhà thờ Anh giáo. Trong nhà thờ Nhất thể nơi dương Jasper thường quen tới dự, các thành viên của ca đoàn đi vào qua một cánh cửa đằng sau bục giảng, và yên vị trước khi vị linh mục xuất hiện, nhờ vậy họ có thể nhìn thấy rõ thánh giá ở phía dưới như để thông báo chúng-tời-đã-có-mặt-đây khiến tất cả đều thoải mái sẵn sàng. Rồi vị linh mục xuất hiện, một dấu hiệu chứng tỏ mọi chuyện có thể bắt đầu. Nhưng ở nhà thờ Anh giáo, các thành viên ca đoàn bước xuống lối đi giữa từ phía sau của nhà thờ, hát và trình diễn một cách nghiêm trang nhưng vô danh. Họ chỉ ngược mặt lên từ các trang sách nhạc để nhìn bàn thờ và cách họ xuất hiện có một chút khác thường, thoát ra khỏi hình ảnh thường ngày của họ, coi như không nhận biết người thân, hàng xóm hay bất kì một ai khác đang ngồi nghe họ trong thánh đường.

Bây giờ họ đang bước tới như thế trên lối đi, hát bài *Chiếc thánh giá cũ xù xì*, như những người khác – chắc chắn dương

Jasper đã nói trước với họ trước khi mọi chuyện bắt đầu. Có thể dựng đã làm thế để tưởng nhớ người đã khuất.

Vấn đề nảy sinh từ vị trí. Khi dàn đồng ca đã đứng ở lối đi, không cách gì dựng Jasper có thể quay lại chỗ chúng tôi để ngồi. Dựng bị kẹt cứng.

Có một việc cần phải làm liền và làm nhanh, vì vậy dựng đã làm. Ban thánh ca chưa tới được chỗ đứng phía trước của họ, vì vậy dựng tranh thủ lách mình qua giữa những người ấy. Mọi người tỏ ra ngạc nhiên nhưng vẫn né người để cho dựng đi qua. Họ chỉ có thể chừa ra được một khoảng nhỏ. Tình cờ đó là những người rất cao lớn và dựng cũng là một người cao lớn, mặc dù gầy.

Tôi ngồi ca chiếc thánh giá xù xì

Cho đến khi giành chiến lợi phẩm kia.

Tôi sẽ ôm cây thánh giá xù xì

Đổi một ngày kia vương miện lưu li.

Dựng tôi hát, nồng nhiệt hết mức từ vị trí của ông đang đứng ở giữa dàn thánh ca. Ông không thể quay mặt về phía ban thờ mà phải quay mặt ra phía bên của dàn thánh ca ấy. Dù cố gắng nhưng ai cũng thấy là dựng bị mắc kẹt ở vị trí ấy. Mọi thứ đều có vẻ êm ả, nhưng không thể nào được như ý của dựng. Ngay sau khi bài hát đã kết thúc, dựng vẫn còn đứng ở chỗ ấy, rồi ngồi xuống, chật cứng giữa những người khác chung quanh. Có thể dựng nghĩ là thật là kì quặc lúc ấy còn đứng lên và đi về phía chúng tôi.

Dì Dawn không tham gia hát, vì dì không tìm được đúng bài trong cuốn thánh ca. Xem ra dì còn không thể lẫn nhảm theo mọi người như tôi được.

Hay có thể vì dì đã bắt được vẻ thất vọng trên mặt của dượng Jasper trước khi chính dượng ấy cảm thấy điều ấy.

Hay có lẽ lần đầu tiên dì nhận ra rằng dì không quan tâm. Cả cuộc đời mình, dì cũng không thể quan tâm.

“Chúng ta hãy cùng cầu nguyện,” vị linh mục nói.

Lòng kiêu hãnh

MỘT số người làm việc gì cũng hỏng. Biết giải thích ra sao? Tôi muốn nói, có những người mà mọi thứ đều bất lợi với họ – ba lần trượt trặc, hai chục lần trượt trặc, cứ thế – rồi cuối cùng họ lại chẳng hề hấn gì. Phạm lỗi lầm rất sớm – bính trong quân lúc học lớp hai chẳng hạn – rồi sống hết cuộc đời mình trong một thị trấn như chỗ chúng tôi ở, nơi chẳng chuyện gì bị lãng quên (mà bất cứ thị trấn nào chẳng thế) vậy mà họ vẫn tiếp tục sống bình thường, lúc nào cũng tỏ ra nồng nhiệt và vui vẻ, sẵn sàng tuyên bố với mọi người và thành thật tin rằng họ chẳng muốn đánh đổi một nơi nào trên thế giới với cố thổ của họ bây giờ.

Có những người khác lại không như vậy. Họ chẳng đi đâu cả nhưng ta ước gì họ đã đi xa. Chỉ vì lợi ích của họ thôi. Họ hì hục đào lỗ chôn mình thời còn trẻ dại – mặc

dù không rõ ràng bằng những kẻ làm ướt quần trong lớp học kia – và họ vẫn tiếp tục đào mồi, thậm chí còn cố tình phô ra nếu có lúc người ta không để ý đến nó.

Nhưng mọi chuyện thay đổi, tất nhiên. Luôn có những người sẵn sàng cố vấn cho ta, lúc nào cũng tử tế và hiểu biết. Đối với một số người, cuộc sống có thể khó khăn hơn, ta vẫn nghe vậy. Không phải lỗi tại những người đó, ngay cả sự bất hạnh cũng chỉ do tưởng tượng thôi. Điều quan trọng là người đón nhận cú đánh của số phận ấy cảm nhận ra sao.

Bất cứ chuyện gì cũng sẽ có khía cạnh tốt, miễn là ta sẵn lòng tìm kiếm.

Oneida không đi học chung với chúng tôi. Chẳng có gì chuẩn bị cho cô bé vào đời. Cô học trường nữ, một trường tư thục mà tôi không nhớ tên, nếu giả như tôi từng biết nó. Ngay trong mùa hè nó cũng ít khi ở đây. Đâu như gia đình Oneida có một căn nhà cạnh hồ Simcoe. Họ có nhiều tiền – rất nhiều. Không thể xếp họ vào bất kì nhóm người nào trong thị trấn, kể cả dân có máu mặt ở đây.

Oneida là cái tên không phổ biến – đến bây giờ cũng thế – nghe xa lạ với văn hóa ở đây. Đó là cái tên của người da đỏ, sau này tôi mới biết. Có thể đó là sự chọn lựa của mẹ nó. Người mẹ qua đời khi Oneida còn đương tuổi dậy thì. Tôi nhớ cha nó gọi nó bằng tên khác, Ida.

Tôi từng có tất cả giấy tờ, một đồng giấy má về lịch

sử thị trấn mà tôi bỏ công sắp xếp. Nhưng vẫn có những khoảng trống. Không có những giải thích đầy đủ tại sao tiền bạc lại đi đâu mất. Mặc dù vậy chuyện ấy cũng không cần thiết. Những lời đồn đại có thể giải thích mọi chuyện lúc ấy. Ngay những lời đồn đại cũng theo gió bay đi, sau một thời gian.

Cha Ida là giám đốc ngân hàng. Vào thời ấy những người đứng đầu ngân hàng cứ đến và đi, có lẽ để họ không trở nên quá thân mật với khách hàng. Nhưng gia đình Jantzen đã sống trong thị trấn quá lâu nên không cần bận tâm cái lệ ấy, ít ra bề ngoài có vẻ như vậy. Ông Horace Jantzen có vẻ ngoài của người sinh ra đã có quyền lực. Một bộ râu trắng rất dày, mặc dù dựa theo các hình ảnh hồi thời trước Thế chiến Thứ nhất thì để râu không phải là một cái mốt, thêm vóc người cao lớn, bụng đầy đà và dáng đi nặng nề.

Trong những năm ba mươi khó khăn, người ta vẫn sinh ra những ý tưởng táo bạo. Nhà tù mọc lên khắp nơi để giam những kẻ sống đu theo đường tàu xe lửa, nhưng ngay cả trong bọn họ, bạn biết chắc, vẫn có kẻ đang nuôi dưỡng những ý tưởng táo bạo để thành triệu phú một ngày kia.

Một triệu đô la vào thời ấy đúng là một triệu đô la.

Người tới nhà băng trò chuyện với ông Horace Jantzen không phải là một gã lang thang sống bám đường tàu. Chẳng ai biết hẳn hành động một mình hay có đồng mưu. Trông hẳn như một người lạ hoặc bạn của một người bạn mình. Ăn mặc chỉnh tề, vẻ ngoài dễ nhìn, chắc chắn như thế. Horace nhận xét người khác bằng bề ngoài và không

phải là kẻ ngốc, ấy vậy mà không nhận ra đủ nhanh mùi của một con chuột chù.

Ý tưởng gã trình bày là tái tạo một chiếc xe chạy bằng hơi nước, như thường thấy vào đầu thế kỉ hai mươi. Horace Jantzen có thể từng có một chiếc như vậy và lấy làm thích thú lắm. Kiểu xe ấy có thể được cải tiến, tất nhiên, và giúp tiết kiệm được năng lượng thực sự chứ không phải chỉ phô trương làm cảnh.

Tôi không rõ lắm về các chi tiết, vì thời ấy tôi đang bận rộn ở trường trung học. Nhưng tôi hình dung những lời đồn đại, sự hào hứng lẫn nhạo báng, rồi có tin là những doanh nhân ở Toronto, Windsor hay Kitchener đang chuẩn bị lập cơ sở tại địa phương. Máy tay lão luyện, người ta nói thế. Có người cũng thắc mắc bọn họ có ai chống lưng cho không.

Họ quả có sự ủng hộ, ngân hàng đã đồng ý cho vay tiền. Đây là quyết định của ông Jantzen và người ta không rõ lắm có phải ông đã bỏ tiền túi của mình ra hay không. Ông có thể đã làm thế, nhưng cũng có nhúng tay vào quỹ của ngân hàng một cách phi pháp, hoàn toàn tự tin rằng ông ta có khả năng kín đáo trả lại tiền mà không ai hay biết. Có thể vào thời ấy luật pháp không chặt chẽ như bây giờ. Người ta thực sự bắt đầu thuê nhân công và cho dọn dẹp một khu chuồng trại trống trải để hoạt động. Nhưng khi cố nhớ thêm nữa thì kí ức của tôi bắt đầu lộn xộn, vì lúc ấy tôi vừa tốt nghiệp trung học, và chỉ nghĩ tới chuyện đi làm kiếm tiền nếu được. Nhược điểm của tôi, cho dù có

cố giữ miệng, cũng không cho phép tôi làm nghề phải trò chuyện nhiều, vì vậy tôi chọn ghi chép sổ sách kế toán, thế là phải rời thị trấn để thực tập ở một hãng nợ tận Goderich. Khi tôi về nhà, câu chuyện về chiếc xe chạy máy hơi nước đã trở thành đầu đề chế nhạo của nhiều người, còn những người từng ủng hộ nó thì biến đâu mất cả. Những vị khách đến thị trấn vì dự án này cũng biến mất.

Ngân hàng mất rất nhiều tiền.

Người ta nói đó là do quản lý tồi chứ không phải bị lừa. Có người cần phải bị trừng phạt. Nếu là giám đốc ngân hàng nào khác thì hẳn đã bị mất việc ngay rồi, nhưng với Horace Jantzen thì khác. Việc xảy ra đối với ông còn tệ hơn thế. Ông bị chuyển tới làm quản lý chi nhánh ngân hàng nhỏ tại một làng thuộc Hawksburg, cách đường cao tốc sáu dặm. Trước đó chi nhánh ở đó không có người quản lý, vì không thiết. Chỉ có một thu ngân trưởng và một giao dịch viên, cả hai là phụ nữ.

Tất nhiên ông có thể từ chối, nhưng lòng kiêu hãnh, như người ta từng nghĩ, đã chọn cách khác. Lòng kiêu hãnh khiến ông đi xe mỗi sáng sáu dặm đường, tới ngồi sau một bức tường ngăn bằng những tấm ván rẻ tiền ghép lại, không có văn phòng hẳn hoi. Ông ngồi như thế, chẳng làm gì cả, cho đến giờ ra về.

Người lái xe chở ông chính là con gái ông. Vào một lúc nào đó trong những năm lái xe đi đi về về, tên cô từ Ida biến thành Oneida. Cuối cùng cô cũng có việc mà làm. Cô không phải săn sóc nhà cửa, bởi vì họ không để cho bà giúp

việc Birch ra đi. Đó là một cách nói. Thực ra cũng có thể chưa bao giờ họ trả tiền lương đầy đủ cho bà gia nhân, để bà có khoản tiền kha khá để khỏi phải vào nhà tế bần sau khi nghỉ việc, nếu quả thật có lúc người ta muốn để bà đi.

Nếu phải hình dung Oneida và cha cô trên chặng đường từ nhà đến chỗ làm mới, tôi nghĩ ông ngồi ở băng sau và con gái ngồi trước như tài xế chuyên nghiệp. Có thể vì ông to lớn quá không ngồi ghế trước cùng cô được. Hoặc bởi vì bộ râu cũng cần chỗ cho nó. Tôi không hình dung Oneida thấy bị ép bức hay đau khổ, và cha cô cũng không buồn bã gì. Ông có được phẩm giá thanh cao, và có rất nhiều. Cô con gái thì có điều khác. Khi cô tới tiệm tạp hóa hay đi trên đường, lúc nào cũng có một khoảng trống quanh cô, để cô sẵn sàng đổi hướng hay chào hỏi người khác. Oneida bối rối nhưng vẫn tỏ ra duyên dáng lịch thiệp, sẵn sàng cười nhạo đôi chút về chính mình hay hoàn cảnh mà cô lỡ lâm vào. Tất nhiên cô có dáng khá ái, vẻ ngoài sáng láng, tóc và da mượt mà. Thế nên hình như hơi kì lạ khi tôi cảm thấy tội nghiệp cho cô, trong cái cách mà cô hành xử hoàn toàn dựa trên bề nổi như vậy, với lòng tin tưởng.

Vậy mà tôi, thương vay khóc mượn.

Chiến tranh bắt đầu và tiếp diễn, và mọi thứ thay đổi qua một đêm. Những kẻ lang thang không còn chạy theo những đoàn tàu hỏa. Công việc bộn bề, những chàng trai trẻ không còn phải đi kiếm việc hay đứng chờ quá giang

xe mà xuất hiện khắp nơi trong những bộ đồng phục Kaki hay màu xanh nhạt. Mẹ tôi bảo tôi thế mà may, tôi tin bà nói đúng nhưng khuyên mẹ đừng nên nói thế khi ra ngoài. Sau thời gian tập sự tôi trở về nhà, kiếm được ngay chân giữ sổ sách kế toán ở siêu thị Krebs. Tất nhiên có thể nói rằng tôi tìm được việc khá dễ vì mẹ tôi cũng làm việc ở đó, ngành hàng khô; nhưng cũng nhờ tình cờ, Kenny Krebs, người quản lí trẻ tuổi, gia nhập không quân và hy sinh trong một chuyến bay tập luyện.

Đó là một thời gian đầy những điều choáng váng tương tự nhưng đồng thời năng lượng dồi dào tràn ngập khắp nơi, người ta kiếm được tiền đầy trong túi. Tôi cảm thấy xa cách với những chàng trai cùng lứa tuổi nhưng cảm giác ấy không mới. Cũng còn những kẻ đồng hội đồng thuyền khác. Con trai của những các chủ nông trại được miễn quân dịch, ở nhà coi sóc mùa màng và gia súc. Tôi biết vài người cũng nhận giấy miễn quân dịch mặc dù họ thuê nhân công giúp việc. Tôi biết nếu ai hỏi tôi tại sao tôi không gia nhập quân ngũ, thì đó chỉ là một lời nói đùa. Và tôi sẵn sàng trả lời rằng tôi phải lo trông coi sổ sách. Sổ sách của siêu thị Krebs và những tiệm khác nữa. Phải có người trông coi những con số chứ. Thời đó phụ nữ chưa được phép làm công việc ấy. Ngay cả vào lúc sắp kết thúc chiến tranh, khi phụ nữ bắt đầu làm một vài việc vốn dành cho đàn ông. Đối với công việc cần nhiều chính xác và tin cậy, mọi người vẫn tin đàn ông hơn.

Đôi khi tôi cũng tự hỏi, tại sao một người bị tật sứt

môi, nhưng đã được vá lại rất khéo nếu không muốn nói là nghệ thuật, và một giọng nói tuy có chút quái lạ nhưng hoàn toàn hiểu được, lại được miễn quân dịch? Cũng có thể tôi cũng đã nhận giấy gọi nhập ngũ, rồi đến bác sĩ để xin giấy miễn dịch. Không nhớ được. Hay vì tôi đã quá quen với việc được miễn một số công việc này nọ, thành thói quen, và tự nhiên nghĩ như thế?

Có thể tôi từng dặn mẹ tôi đừng nói gì về mấy chuyện ấy, nhưng những điều bà nói cũng chẳng có nhiều trọng lượng với tôi. Lúc nào mẹ tôi cũng nhìn về phía tốt đẹp. Tôi biết những chuyện khác nhưng không phải do mẹ nói ra. Tôi biết bởi vì dị tật bẩm sinh của tôi mà mẹ không dám có một đứa con nào nữa, và đã để mất một người đàn ông, người phải lòng bà, khi mẹ tôi bảo ông ta rằng bà không muốn có con nữa. Nhưng tôi không cảm thấy hối tiếc gì về chuyện ấy cho cả hai mẹ con. Tôi không thể cảm thấy thương tiếc một người cha đã chết trước khi tôi biết mặt ông, hoặc thương tiếc một tình nhân mà tôi có thể có nếu sở hữu bộ mặt khác, hay về hiên ngang ngăn ngủi của một chàng trai bước vào chiến tranh.

Mẹ tôi và tôi có những thức ăn yêu thích cho bữa tối, chương trình phát thanh ưa nghe, và lúc nào cũng mở đài BBC nước ngoài nghe tin tức trước khi ngủ. Mất mẹ tôi sáng lên khi nghe đức vua hay thủ tướng Winston Churchill phát biểu. Tôi đưa bà đi xem bộ phim *Bà Miniver*, và bà hết sức cảm động. Những sự kiện kịch tính, làm phong phú cuộc đời chúng tôi, những thú hư cấu và những thú có

thật. Cuộc rút lui từ Dunkirk, cách hành xử anh hùng của gia đình hoàng tộc Anh, những cuộc dội bom ở London đêm này qua đêm khác và đồng hồ lớn Big Ben vẫn còn rung lên những hồi chuông giống giả báo tin buồn. Những chiếc tàu chiến bị đánh đắm ngoài khơi xa và thê thảm hơn nữa, một chiếc tàu dân sự, một chiếc phà, bị chìm ngay giữa Canada và Newfoundland, rất gần bờ biển chúng tôi.

Đêm ấy tôi không ngủ được và đi dọc những đường phố của thị trấn. Tôi nghĩ về những người bị chết chìm nơi đáy biển. Những người phụ nữ già cả như mẹ tôi, đang ngồi đan may. Một đứa trẻ lè nhè quấy khóc do đau răng. Những người khác trải qua nửa giờ cuối cùng của đời họ để than phiền về chúng say sòng. Tôi có một cảm giác lạ lùng nửa hoảng sợ và nửa kia – nếu tôi có thể diễn tả được gần giống – một thứ phấn chấn rộn người. Tất cả đều biến mất, bình đẳng – tôi phải nói thế – sự bình đẳng, đột ngột, của những người như tôi và còn bất hạnh hơn tôi, và những người tương tự thế.

Tất nhiên cảm giác này biến mất khi tôi bắt đầu làm quen dần với nhiều thứ khác trong suốt cuộc chiến tranh. Những cặp mông khỏe mạnh trần truồng, những cặp mông già gầy nheo gầy nhách, tất cả họ đều bị lừa vào những phòng hơi ngạt.

Hoặc nếu nó không biến mất, thì tôi đã học được cách đè nén xuống.

Tôi hẳn đã gặp lại Oneida trong những năm đó và để tâm đến hành trạng của cô. Chắc tôi đã làm thế. Cha cô qua đời ngay trước ngày kết thúc Đệ nhị thế chiến, khiến tang lễ nhuộm niềm vui mừng chiến thắng và hòa bình, có vẻ kì quặc. Cũng tương tự với mẹ tôi, chỉ một năm sau, bà đi vào mùa hè, khi mọi người bắt đầu nghe đến bom nguyên tử. Mẹ tôi chết bất ngờ giữa mọi người, ngay tại chỗ làm việc, chỉ sau khi bà vừa nói dứt câu, “Tôi phải ngồi xuống nghỉ một lát đã.”

Cha của Oneida sống lặng lẽ, không ai thấy hoặc nghe tin tức gì về ông trong những năm cuối đời. Cái thời vò vĩnh sấm vai ở làng Hawksburg đã qua, nhưng Oneida xem ra còn bận rộn hơn nữa. Hoặc có lẽ ta dễ có cảm giác mọi người đều bận rộn, khi phải theo dõi sổ sách ghi chép khẩu phần và gửi nhận thư từ giữa hậu phương và tiền tuyến.

Với Oneida, cô còn phải coi sóc cả một ngôi nhà rộng lớn một mình.

Cô chặn tôi giữa đường một ngày kia, bảo cô muốn nhờ tôi cho lời khuyên về việc bán nó đi. Cái nhà. Tôi nói rằng tôi không phải người mà cô nên hỏi ý kiến. Cô bảo có lẽ thế thật,, nhưng vì cô biết tôi. Tất nhiên cô không biết gì về tôi nhiều hơn những người trong thị trấn, nhưng cô năn nỉ mãi, còn tới nhà tôi để trò chuyện kĩ hơn. Cô lấy làm ngưỡng mộ việc tôi tự sơn lấy nhà, cách sắp xếp bàn ghế trong nhà, và nhận xét rằng những thay đổi như thế có lẽ đã giúp an ủi tôi trong niềm thương tiếc mẹ.

Sự thật là thế, nhưng người ta không ai lại kết luận và nói ngay ra thế như Oneida.

Tôi không quen đài đẳng giao tế, vì vậy tôi không mời cô được món gì, chỉ đưa ra những lời khuyên nghiêm túc và cẩn trọng về việc bán nhà, không ngớt nhắc cô rằng tôi chẳng phải là chuyên gia gì cả.

Rồi cô làm ngay và gác ngoài tai mọi thứ tôi khuyên. Cô bán ngôi nhà với cái giá chào mua đầu tiên và bán nó vì người mua nhà thổ lộ tâm sự rằng ông ta yêu nơi chốn ấy và rất muốn xây đắp tổ ấm gia đình ở đó. Ông ta là người cuối cùng ở trong thị trấn mà tôi có thể đặt lòng tin, dù ông có con hay không, và giá nhà thì bị trả rẻ đến mức tội nghiệp. Tôi phải nói ngay với cô ấy thế. Tôi bảo rằng trẻ con sẽ biến cái nhà thành một đồng hồ hỗn độn, và Oneida nói rằng trẻ con là thế mà. Tất cả đều chạy lòng vòng phá phách, trái ngược với tuổi thơ của chính cô. Thực tế là, bọn trẻ chẳng có cơ hội nào làm thế, bởi vì gã mua nhà kia đã kéo sập ngôi nhà xuống và xây lên đó một tòa chung cư, bốn tầng, với cầu thang máy, và biến cái sân thành bãi đậu xe. Một tòa nhà cao tầng đầu tiên trong thị trấn này. Oneida đến gặp tôi trong trạng thái kinh hoàng khi mọi chuyện đang bắt đầu và hỏi xem liệu cô có thể làm điều gì về chuyện này không – tuyên bố rằng tòa nhà ấy thuộc dạng Gia cư Di sản, hoặc kiện người mua nhà ra tòa vì đã thất hứa về một lời hứa chưa bao giờ được viết xuống giấy. Cô lấy làm kinh ngạc rằng một con người có thể làm như thế. Một người đi lễ nhà thờ đều đặn.

“Tôi sẽ không làm thế,” cô ta bảo, “vậy mà tôi là người chỉ đi lễ nhà thờ ngày Giáng sinh.”

Rồi cô lắc đầu và cười phá lên.

“Ngốc thật,” cô nói. “Lẽ ra tôi phải lắng nghe lời khuyên của anh, đúng không?”

Cô sống trong một nửa cái nhà thuê khá xinh xắn vào thời gian ấy nhưng than phiền rằng lúc nào cô cũng chỉ nhìn thấy mỗi căn nhà bên kia đường.

Thì mọi người ai mà chẳng thấy thế, nhưng tôi không nói gì.

Thế rồi khi tất cả những căn chung cư đều đã được xây xong, điều cô làm là quay lại ở trong một trong những căn hộ ấy, tầng trên cùng. Tôi biết cô không được giảm giá gì cả, mà hình như cô cũng không đề nghị giảm giá. Cô đã xóa ác cảm đối với người chủ mới và hết lời ca tụng quang cảnh đẹp và phòng giặt đồ ở tầng hầm nơi cô phải trả bằng tiền các mỗi lần giặt quần áo.

“Tôi đang học cách để tiết kiệm,” cô nói. “Thay vì cứ hễ có đồ bẩn là tiện tay ném vào máy.”

“Nói cho cùng, những người như ông ta mới làm cho thế giới thay đổi,” cô nói về gã chủ nhân vô lương tâm kia. Cô mời tôi tới nhà và nhìn ngắm quang cảnh mới, nhưng tôi cáo lỗi không đến.

Đó là khởi đầu của thời kì chúng tôi gặp nhau nhiều hơn. Cô có thói quen tạt qua than thở về chuyện nhà cửa nhức đầu, những quyết định của mình, và tiếp tục như thế

ngay cả khi đã thỏa mãn về chuyện ấy rồi. Tôi mua một cái vô tuyến truyền hình – thứ mà cô không có, vì cô bảo rằng không muốn đâm ghiền coi truyền hình.

Tôi chẳng lo chi chuyện ấy, vì suốt ngày bận đi làm việc. Mà có nhiều chương trình thật hay vào những năm ấy. Sở thích của cô trùng hợp với sở thích riêng của tôi. Chúng tôi thích coi kênh Truyền hình Công cộng và đặc biệt những hài kịch của Anh. Một số chương trình chúng tôi cứ coi đi coi lại. Hài kịch tình huống hấp dẫn chúng tôi hơn là kể chuyện hài đơn thuần. Mới đầu tôi ngượng ngùng về tính phớt tỉnh của người Ăng Lê, thậm chí có phần tục tĩu, nhưng Oneida rất thích. Chúng tôi than vãn khi truyền hình chiếu lại chương trình từ đầu nhưng rồi lúc nào cũng dính mắt vào màn hình và coi tới hết. Chúng tôi cũng coi cả khoảnh khắc màu sắc trên màn hình nhạt dần đi. Bây giờ thỉnh thoảng tôi cũng bắt gặp chương trình cũ ấy, chúng được chỉnh sửa sáng rõ như mới, tôi lập tức đổi kênh truyền hình, nhưng thế cũng đủ làm tôi buồn bã.

Tôi sớm học được cách nấu ăn thật điệu nghệ và vì chương trình hay nhất trên truyền hình thường chiếu sau bữa ăn tối, tôi cũng nấu ăn cho cô và ngược lại cô mang tới các món tráng miệng từ tiệm bánh. Tôi tìm mua hai cái bàn gấp và chúng tôi ăn, coi tin tức, coi các chương trình cùng thích. Mẹ tôi thường nhắc nhở ngồi ăn ở bàn mới là đúng mực nhất, nhưng Oneida không có một cảm kị nào về chuyện ấy.

Có khi sau mười giờ tối cô mới về. Cô không ngại đi

bộ một mình, nhưng tôi không ưa chuyện ấy, vì vậy tôi phải lấy xe chở cô về. Cô không muốn mua một chiếc xe nào khác sau khi đã bán chiếc xe cũ cô dùng để chở cha mình đi làm. Cô chẳng lấy làm phiền lòng bị người khác trong thị trấn nhìn ngó cười cợt khi cô đi bộ đây đó. Đó là thời kì trước khi mọi người xem đi bộ và tập thể dục là món tân tiến.

Chúng tôi chưa bao giờ cùng nhau đi đâu cả. Có lúc tôi không gặp cô vì cô ra khỏi thị trấn, hoặc không đi xa đâu cả mà bạn tiếp đón một số người nơi khác tới thăm. Tôi chưa từng gặp họ.

Chưa hề. Nói thế nghe có vẻ như tôi thấy bị hắt hủi. Không phải thế. Gặp gỡ người mới quen là cực hình đối với tôi, và cô cũng hiểu thế. Thói quen ăn cùng nhau, ngồi suốt buổi tối trước màn hình – sự dễ dàng thoải mái của những việc ấy xem ra không có gì khó khăn. Rất nhiều người biết chuyện ấy, nhưng vì nhân vật chính là tôi nên chẳng ai để ý. Người ta biết rằng tôi khai thuế giúp cô nữa, tại sao không? Đó là việc tôi rành và mọi người không ai nghĩ cô phải biết mấy thứ ấy.

Tôi không rõ liệu có ai biết là cô chẳng bao giờ trả tiền cho tôi. Tôi có thể đề nghị được trả một số tiền nhỏ cho phải phép, nhưng chuyện ấy chưa bao giờ được nhắc tới. Không phải vì cô gặp khó khăn tiền bạc. Cô chỉ hoàn toàn không nghĩ tới chuyện đó mà thôi.

Nếu có khi nào cần nhắc tên cô, tôi dùng tên Ida. Cô sẽ chọc ghẹo tôi một tí, nếu lúc đó có mặt. Rằng tôi luôn

gọi người khác bằng biệt danh hồi đi học mỗi khi có dịp. Tôi thì không để ý đến chuyện ấy.

“Chẳng ai để tâm đâu,” cô nói. “Anh quen thế thôi mà.”

Điều đó làm tôi hơi bực mình, mặc dù tôi cố hết sức che giấu cảm giác ấy. Cô có quyền gì đâu mà nhận xét về chuyện người khác nghĩ sao về việc tôi làm hay không làm? Ngụ ý rằng tôi thích sống mãi trong tuổi thơ của mình, lúc nào cũng ở đó, còn làm cho mọi người đều phải tới ở chung với mình trong chốn ấy.

Nói thế thì đơn giản quá. Tất cả những năm tháng trong nhà trường – như tôi cảm thấy – đều là để làm quen với vẻ ngoài của tôi – khuôn mặt của tôi – và phản ứng của mọi người với tôi. Tôi nghĩ đó là một thứ thành công nho nhỏ khi tôi vượt qua được, khi biết rằng tôi đã sống sót tại nơi đây, tự tạo lập cuộc đời mình và không phải khi nào cũng phải làm quen với người mới. Nhưng muốn lôi kéo mọi người trở lại với thời lớp Bốn ấy à, ồ không, cảm ơn.

Mà Oneida là ai mà đưa ra ý kiến như vậy chứ? Đối với tôi cô ta cũng không có gì ổn định cả. Giờ đây cái nhà lớn đã không còn, rất nhiều thứ của cô cũng đi theo nó. Thị trấn đã thay đổi, vị trí của cô ở đây cũng đang thay đổi mà cô chẳng biết gì. Tất nhiên lúc nào mà chẳng có thay đổi, nhưng vào thời trước chiến tranh, thay đổi là khi người ta li hương để tìm công việc tốt hơn ở nơi khác. Trong những năm 50, 60 và 70 sự thay đổi đến từ những người mới dọn tới. Bạn có thể nghĩ Oneida cảm thấy rõ những đổi thay khi cô dọn vào ngôi nhà chung cư mới. Nhưng

cô chẳng biết gì. Có một cảm giác lưỡng lự lạ lùng và sự nhẹ nhõm vô tư ở cô, như thể một người đang chờ đợi cuộc đời sắp đến.

Cô cũng đi du lịch đó đây, và có lẽ cô nghĩ cuộc sống mới sẽ bắt đầu ở những nơi chốn ấy. Nhưng làm gì có may mắn kiểu đó.

Vào thời ấy có một khu thương mại lớn được xây ở phía Nam của thị trấn, và siêu thị Krebs đẹp tiêm (cũng chẳng sao, tôi tiết kiệm cũng đủ để tự lo cho mình), dường như có ngày càng nhiều người trong trấn đi nghỉ đông; họ đến Mexico hay là West Indies hoặc một nơi nào đó chúng tôi chẳng biết. Theo tôi thấy thì chỉ tổ mang lại những căn bệnh mà chúng tôi chưa hề biết. Có một thời kì chuyện đó đã xảy ra thật. Có một căn bệnh được kêu là Bệnh của năm, với một cái tên đặc biệt. Chứng bệnh ấy có lẽ vẫn còn đâu đó nhưng giờ không ai chú ý nữa. Hoặc là vào tuổi mình, tôi không lưu tâm mấy nữa. Cứ yên tâm là bạn sẽ không còn mắc những bệnh như thế.

Một tối nọ, sau khi hết một chương trình truyền hình, tôi đứng dậy pha trà cho cả hai trước khi Oneida về nhà. Tôi đang bước về căn bếp thì đột nhiên cảm thấy thật khủng khiếp. Tôi loạng choạng quỵ xuống trên hai đầu gối, rồi ngã xuống trên sàn nhà. Oneida vực tôi dậy ngồi lên ghế và con choáng qua đi. Tôi kể cho cô ấy rằng đôi khi tôi có những cơn như vậy, không cần lo lắng chi. Tôi nói dối,

không biết tại sao, nhưng cô không tin. Cô dẫn tôi xuống nhà dưới nơi tôi ngủ và cởi giày tôi ra. Thế rồi chẳng biết làm sao, mặc dù tôi có phản đối một chút, cùng cởi áo quần của tôi ra và mặc bộ đồ ngủ. Tôi chỉ nhận thức được mọi chuyện qua những thoáng tỉnh táo đứt quãng. Tôi bảo cô gọi taxi mà về nhưng cô không chịu nghe.

Đêm đó cô ngủ trên chiếc ghế sofa ở phòng khách và hôm sau, đi coi ngó khắp nhà xong, cô ở lại trong phòng ngủ của mẹ tôi. Có lẽ cô đã trở về căn hộ chung cư của mình vào ban ngày để lấy vài món đồ, hoặc là tới siêu thị mua sắm gì đó. Cô trò chuyện với bác sĩ và đem về mấy thứ thuốc từ hiệu thuốc tây. Tôi nuốt hết những thứ cô bỏ vào miệng mình.

Tôi chấp chờn khi tỉnh khi mê, đau yếu, lên cơn sốt trong vài ngày liền. Đôi khi tôi bảo cô tôi đã khỏe lại rồi, có thể tự xoay sở được, nhưng nghe chẳng thuyết phục chút nào. Nói chung tôi nghe lời cô và đến mức nương tựa vào cô một cách tự nhiên như thể bạn dựa vào một người y tá khi ở bệnh viện. Cô không giỏi giang được như y tá khi chăm sóc kẻ bị sốt và đôi khi tôi cũng lâu bàu như đứa trẻ lên sáu tuổi, nếu tôi còn hơi sức chút đỉnh. Lúc ấy cô xin lỗi và chẳng lấy đó làm điều. Giữa những lần tôi bảo rằng mình đã bớt bệnh rồi và cô có thể trở về nhà, tôi cũng có khi ích kỉ, lâu lâu lại gọi tên cô một lần, chẳng có lí do gì nhưng để an tâm cô vẫn ở đó.

Rồi tôi bắt đầu bình phục và lo lắng về chuyện nhớ cô lại lây bệnh của tôi, dù đó là chứng bệnh gì.

“Cô nên mang khẩu trang vào.”

“Đừng lo,” cô nói. “Nếu tôi lây bệnh thì đến bây giờ đã bệnh rồi.”

Khi bắt đầu thấy khỏe lại thật, tôi đã trở nên quá lười biếng để thừa nhận rằng tôi thực có những cơn cảm xúc như trẻ con.

Tất nhiên Oneida không phải là mẹ tôi, một buổi sáng kia tôi thức dậy và nhận ra điều ấy. Tôi nghĩ tới tất cả mọi chuyện mà cô đã làm cho tôi, và thực bối rối. Bất cứ người đàn ông nào cũng có thể nghĩ thế, nhưng tôi càng ái ngại hơn khi nhớ mình đã có bộ dạng ra sao trong ngày đau ốm. Thật ra tôi cũng đã quên phần nào quãng thời gian ấy, nhưng bây giờ tôi nhớ lại rằng cô chẳng hề ngại ngùng, làm hết mọi việc theo kiểu cần-phải-làm-thế-thôi, bởi tôi chỉ là một anh chàng nam không ra nam nữ không ra nữ, hay là một đứa trẻ tội nghiệp trong mắt cô.

Giờ tôi đã biết lịch thiệp hơn và tìm cách nói cho cô hay, xen kẽ giữa những lời cảm ơn, rằng tôi ao ước một cách thành thật là cô nên trở về nhà.

Cô nhận ra ý ấy, và không lấy đó làm phiền. Cô cũng đã rất mệt do những đêm mất ngủ và việc săn sóc người bệnh vốn không quen. Cô đi chợ một lần nữa, mua những món cần dùng cho tôi, đo nhiệt độ lần cuối, và bỏ đi, trong trạng thái hài lòng của một người hoàn tất bốn phận của mình, tôi nghĩ thế. Trước khi ra về, cô đứng chờ ở trước phòng tôi để xem tôi có thể tự mặc áo quần được không, và tỏ vẻ vừa ý rằng tôi có thể. Rồi cô gần như không ra

khỏi nhà mình, còn tôi bắt đầu lấy sổ sách ra và làm vài việc đang dang dở vào ngày đầu nhuộm bệnh.

Tâm trí tôi trở nên chậm hơn nhưng chính xác, và điều đó làm tôi rất an tâm.

Cô không trở lại nữa, để tôi một mình cho đến một ngày – một buổi tối thì đúng hơn – mà chúng tôi thường hẹn cùng coi truyền hình với nhau. Hôm ấy cô xuất hiện với một hộp canh. Không đủ cho một bữa ăn trọn vẹn, không phải do cô tự nấu lấy, nhưng dù sao cũng là một đóng góp vào bữa tối. Cô tới sớm để kịp ăn tối. Cô mở hộp canh ra, cũng không hỏi gì tôi cả. Cô đã quen gian bếp. Cô đun nóng món đồ ăn lên, lấy mấy cái bát và chúng tôi cùng ngồi ăn. Lối cư xử của cô dường như để nhắc rằng tôi vừa mới bị bệnh và cần ăn đầy đủ. Mà nghĩ thế cũng phải. Hôm đó buổi trưa tôi còn yếu đến mức tay run không mở được hộp thức ăn ra.

Hôm ấy chúng tôi định coi hai chương trình kế tiếp nhau. Nhưng đêm ấy chúng tôi không coi được chương trình thứ hai. Cô không thể chờ đến chương trình thứ hai mới mở lời nói một chuyện làm tôi hết sức bối rối.

Điểm chính là cô có ý định dọn đến ở với tôi.

Lí do đầu tiên là, cô bảo, cô không thấy vui khi ở trong căn chung cư kia. Đó là một sai lầm lớn của cô. Cô chỉ thích ở nhà dưới đất thôi. Điều đó không có nghĩa là cô hối hận vì đã rời bỏ căn nhà cô sinh ra ở đó. Trong nhà ấy cô phát khùng lên vì ở một mình. Nhảm lẫn là ở chỗ cô tưởng căn hộ chung cư là giải pháp. Cô chưa bao giờ

hạnh phúc ở đó và sẽ không bao giờ. Điều làm cô nhận ra chuyện ấy là lúc cô ở trong nhà tôi. Lúc tôi đang bệnh. Lẽ ra cô có thể nhận ra điều ấy từ lâu. Khi còn là một cô bé và nhìn ngắm những ngôi nhà biệt lập, cô từng ao ước được sống ở đó.

Thứ hai nữa, cô bảo, cả hai chúng tôi không ai có thể tự chăm sóc mình. Điều gì xảy ra nếu tôi bị ốm và không có ai bên cạnh? Sẽ ra sao nếu sự cố lặp lại lần nữa? Hay xảy ra cho chính cô?

Chúng mình cũng có tình cảm với nhau, cô nói. Đầu chỉ đơn thuần như người dung. Chúng ta nên sống gần nhau như anh chị em và săn sóc nhau như anh chị em, chuyện đó tự nhiên nhất đời. Mọi người sẽ chấp nhận thế. Làm sao khác được?

Trong suốt thời gian cô nói, tôi cảm thấy kinh hoàng. Tức giận, sợ hãi, hoảng hốt. Điều tệ nhất còn chờ tôi ở cuối cuộc nói chuyện, khi cô bảo rằng sẽ không có ai nghĩ gì về chuyện ấy đâu. Cùng lúc tôi cảm nhận được điều cô nói và có lẽ cũng đồng ý rằng mọi người rồi sẽ quen đi thôi. Một vài lời chế giễu nhạo báng có khi cũng không đến được tai chúng tôi.

Có thể cô đúng. Điều ấy có khi lại có lí.

Thế mà lúc ấy tôi cảm thấy như bị ném sập xuống một căn phòng tối, đầu đập xuống sàn nhà.

Tôi không thể nào để cô biết được cảm giác ấy.

Tôi bảo chuyện ấy nghe cũng có lí, nhưng có một điều làm cho nó không thể thực hiện được.

Điều chi vậy?

Tôi quên không nói cho cô nghe. Vì bệnh tật, mệt mỏi bạn rộn và đủ chuyện khác. Nhưng tôi đã rao bán căn nhà này rồi. Căn nhà đã được bán xong.

Ồ.Ồ.

Sao tôi lại không nói cho cô nghe chuyện này?

Tôi đâu có biết, tôi nói, mà thực sự là thế. Tôi không hề nghĩ dù chỉ thoáng qua rằng cô lại có kế hoạch dọn vào ở chung như thế.

“Thì do ý tưởng ấy đã không đến với mình sớm hơn,” cô nói. “Cũng giống như nhiều thứ khác trong đời. Có một điều gì không ổn đối với cuộc đời mình. Mình không kịp suy nghĩ thấu đáo về mọi chuyện. Lúc nào mình cũng nghĩ mình còn thời gian.”

Tôi thoát hiểm trong gang tấc nhưng không phải là không trả giá nó. Tôi đã phải rao bán nhà – chính là căn nhà này – và bán liền tay. Cũng một cách như cô đã bán căn nhà cũ của mình.

Và tôi đã bán nó thật nhanh, mặc dù không đến nỗi bị buộc chấp nhận giá rẻ mạt như cô đã từng. Và rồi tôi lại phải lo dọn dẹp những thứ dồn lại từ thời cha mẹ tôi dọn vào, thuê tuần trắng mạt của họ, nhưng không đủ tiền cho một chuyến đi xa.

Những người hàng xóm quá ngạc nhiên. Họ không phải là hàng xóm lâu đời, cũng không biết mẹ tôi, nhưng họ bảo họ đã quen với lối sinh hoạt đi đi về về của tôi, nhịp sống đều đặn của tôi.

Họ muốn biết tôi định làm gì, kế hoạch ra sao, và tôi nhận ra rằng mình chẳng có kế hoạch chi cả. Đằng sau công việc thường làm mà tôi đã giảm bớt gần đây, tôi nghĩ tới một tuổi già ổn định về an sinh.

Tôi bắt đầu đi nghiêng ngó khắp thị trấn để tìm chỗ ở mới, và nhận ra rằng trong tất cả những nơi chốn có thể thích hợp chỉ có một nơi còn chỗ trống. Và đó chính là căn hộ ở trong tòa nhà chung cư xây trên mảnh đất của Oneida. Không phải ở lầu trên cùng, với quang cảnh đẹp như cô ta đang có, mà ở tầng trệt. Tôi cũng không quan trọng lắm chuyện quang cảnh nên đã chấp nhận căn hộ ấy. Mà cũng không thể làm gì khác hơn.

Tất nhiên tôi định kể cô nghe. Nhưng trước khi tôi mở miệng thì mọi người đã biết rồi. Cô đã có kế hoạch riêng. Khi đó là mùa hè và các chương trình truyền hình chúng tôi ưa thích tạm ngưng. Chúng tôi không thường xuyên gặp nhau nữa và tôi cũng không nghĩ rằng, khi các chương trình chiếu lại, tôi phải nói lời xin lỗi hay xin phép cô ta. Khi tôi đến xem chỗ ở mới và kí giấy tờ thuê nhà, tôi không thấy cô ở đó.

Có một chuyện mà tôi dần hiểu ra trong lần ấy, hoặc khi tôi nhớ lại chuyện ấy sau này. Một người tôi không quen biết lắm trò chuyện với tôi và chỉ sau phút chốc, tôi nhận ra anh ta là người tôi biết nhiều năm nay và luôn chào nhau trên đường suốt cả nửa cuộc đời. Nếu gặp anh ta trong hoàn cảnh quen thuộc thì chắc tôi đã nhận ra

ngay, bất kể trí nhớ bị xóa mòn bởi thời gian. Nhưng gặp nhau ở đây thì tôi không nhận ra anh, chúng tôi cười phá lên về chuyện ấy, và anh ta muốn biết có phải là tôi chuẩn bị dọn vào khu “nhà mồ” này không.

Tôi bảo tôi không biết là người ta gọi chung cư này như thế, nhưng đúng, tôi sắp dọn vào.

Rồi anh hỏi tôi biết chơi bài Euchre không, tôi nói có, tạm tạm.

“Vậy thì tốt,” anh ta nói.

Khi đó tôi nghĩ, chỉ cần sống thật lâu là khắc loại đi được biết bao điều rắc rối. Hãy tham dự một câu lạc bộ nào đó. Chẳng cần biết bạn khiếm khuyết ra sao, chỉ cần sống lâu đến mức có thể gạt bỏ những điều ấy ra, rồi cũng tốt cả. Ai rồi cũng sẽ đau khổ, chẳng riêng gì bạn.

Điều đó làm tôi nghĩ đến Oneida. Về mặt cô khi trò chuyện với tôi về việc dọn vào ở chung. Cô không còn vẻ mảnh khảnh khả ái như trước, mà mệt mỏi, hốc hác, không còn nghi ngờ gì nữa, do những đêm thức trắng vì tôi, nhưng dấu hiệu của tuổi tác cũng bắt đầu hiện ra. Nhan sắc dịu dàng của cô từng tỏa rạng thật lâu. Một phụ nữ tóc vàng với dáng người thon thả, sự phối hợp lạ lùng giữa nét mặt như lúc nào cũng xin lỗi thế gian và sự tự tin của người tầng lớp trên, khi cô mở lời cầu hôn với tôi, làm cô trong mắt tôi tự nhiên có vẻ lạ thường.

Tất nhiên nếu có quyền được chọn lựa, thì với chiều cao của mình, tôi hẳn nhiên sẽ chọn một cô gái nhỏ người hơn. Chẳng hạn cô gái sinh viên đại học, tóc đen và để

thương, có bà con với nhà Krebs và đã từng làm việc ở siêu thị suốt mùa hè.

Một ngày nọ cô gái ấy đã từng nói với tôi một cách thân mật rằng tôi có thể sửa cho mặt mũi mình trông khá hơn nhiều, vào thời buổi này. Tôi sẽ rất ấn tượng đấy, cô ta bảo thế. Mà chẳng tốn kém gì, chỉ cần có thể bảo hiểm y tế là được mà.

Cô ấy nói đúng. Nhưng làm sao tôi có thể giải thích rằng chuyện đó vượt quá khả năng của tôi, tự dung bước vào phòng mạch bác sĩ và bảo rằng tôi muốn làm cho mặt mình đẹp hơn sao?

Oneida trông khá hơn trước khi xuất hiện trở lại, giữa những đồ đạc linh kinh còn đóng gói hay phải ném đi của tôi. Cô mới làm tóc, màu có thay đổi, nâu hơn.

“Anh không thể ném tất cả mọi thứ đi như thế chứ,” cô nói. “Anh đã sưu tầm cả lịch sử của thị trấn này rồi.”

Tôi bảo rằng tôi sẽ giữ lại có chọn lựa, mặc dù điều đó không đúng sự thật lắm. Đường như đối với tôi, cả hai chúng tôi đều có vẻ giả vờ quan tâm đến mọi chuyện đã xảy ra, hơn là những gì tự mình trải nghiệm. Khi ngẫm lại lịch sử thị trấn nhỏ lúc bấy giờ, chừng như thị trấn nào cũng hao hao giống nhau thôi.

Tôi không hề nói chuyện mình sắp tới ở trong chung cư. Như thể chuyện ấy đã được bàn định thu xếp xong xuôi từ lâu.

Cô bảo rằng cô sẽ đi du lịch một chuyến và lần này cô nói rõ tên điểm đến. Đảo Savary, như thế vậy là đủ.

Tôi hỏi một cách lịch sự rằng hòn đảo ấy nằm ở đâu và cô nói, “Ồ nằm ngoài biển.”

Như thế đó là câu trả lời đầy đủ rồi.

“Nơi một người bạn cũ của tôi đang sống,” cô nói.

Tất nhiên có thể có thực như thế.

“Cô ấy gửi email cho tôi. Bảo tôi chuẩn bị những gì. Tôi không hào hứng là mấy. Phải không?”

“Thì cũng phải thử mới biết được chứ.”

Tôi cảm thấy là sau câu nói ấy tôi nên nói thêm một điều gì nữa. Như hỏi về thời tiết, đến đảo rồi cô định đi chơi đâu. Nhưng trước khi tôi kịp nghĩ ra một chuyện gì để nói, cô bỗng buột ra một tiếng rú hay la khê, che tay lên miệng và bước thận trọng tới bên cửa sổ của tôi.

“Cẩn thận, cẩn thận nhé,” cô nói. “Nhìn xem, nhìn kìa.”

Cô cười to lên nhưng gần như không có tiếng, một kiểu cười chúng tôi cô đang cố nhịn. Cô đưa một tay ra sau lưng suyt tôi im lặng trong khi tôi bước đến xem có chuyện gì.

Ở sân sau của nhà tôi có một cái bồn tắm cho chim. Tôi đặt ở đó nhiều năm về trước để mẹ tôi có thể ngắm chim chóc bay về. Mẹ tôi rất thích và có thể nhận ra chúng qua tiếng hót hoặc hình dáng. Tôi bỏ bể cái bồn khá lâu, sáng hôm đó mới đổ nước đầy trở lại.

Bây giờ thì sao?

Đầy những chim. Đen và trắng, lao xuống như một cơn bão.

Nhưng không phải chim. Con gì đó lớn hơn chích chòe, nhỏ hơn quạ.

Cô nói, “Chồn hôi đấy. Những con chồn hôi nhỏ. Lông trắng nhiều hơn đen.”

Nhưng thật đẹp. Chúng thoăn thoắt nhảy nhót nhưng không bao giờ đụng vào nhau, vì vậy không đếm được có bao nhiêu con cả thấy, rồi con nào bắt đầu nhảy nhót hay dừng lại.

Trong khi chúng tôi đứng ngắm, chúng lần lượt trèo ra khỏi mặt nước, bắt đầu bò xuyên qua khoảng sân, di chuyển nhanh nhưng theo một đường chéo thẳng tắp. Như thể chúng tự hào về mình một cách kín đáo. Năm con tất cả.

“Lạy Chúa tôi,” Oneida nói. “Ngay trong thị trấn này.”

Mặt cô lộ vẻ kinh ngạc.

“Anh có khi nào thấy cảnh ấy chưa?”

Tôi nói không. Chưa bao giờ.

Tôi nghĩ cô sẽ nói thêm một điều gì khác, và làm hỏng phút giây này mất, nhưng không, hai chúng tôi không ai nói gì cả.

Chúng tôi vui vẻ trong mức mình có thể.

Người tình

“**T**HẬT không hay khi dồn hết tiền bạc vào một gia đình, như cách chúng ta làm ở đây bây giờ,” ông Carlton nói. “Tôi muốn nói là, với những cô nàng như Corrie con gái tôi đây. Thí dụ thôi nhé. Không tốt. Đâu phải ai cũng ngang nhau.”

Corrie ngồi ngay bên kia bàn, nhìn người khách, chẳng tỏ vẻ e dè sợ sệt gì. Có lẽ cô nghĩ đó là chuyện vui.

“Nó sẽ lấy ai làm chồng đây chứ?” cha cô tiếp tục. “Nó đã hai mươi lăm tuổi rồi đấy.”

Corrie nhướn lông mày lên, nhăn mặt.

“Cha quên tính một năm,” cô nói. “Hai mươi sáu tuổi mới đúng.”

“Cho con nói nữa đi,” người cha bảo. “Cứ cười đi.”

Corrie cười phá lên, và thực sự là, cô ta có thể làm gì khác nữa? Người khách tự nhủ. Tên anh là Howard Ritchie, chỉ lớn hơn Corrie vài tuổi thôi nhưng đã có vợ và gia đình hẳn hoi, như cha cô đã biết được ngay.

Vẻ mặt của Corrie thay đổi rất mau. Cô có hàm răng trắng bóng, mái tóc ngắn dợn sóng, sẫm màu gần như đen. Gò má nhô cao ánh lên dưới ánh đèn. Không phải là dạng phụ nữ mềm mại, có da có thịt, người cha lại nói thêm. Howard Ritchie nghĩ cô này chắc thuộc loại phụ nữ suốt ngày chơi gôn và quần vợt. Mặc dù cô có miệng lưỡi nhanh nhẩu, anh vẫn mong rằng tư tưởng của cô thuần thực cổ truyền.

Anh là một kiến trúc sư, cũng vừa mới bắt đầu sự nghiệp gần đây. Ông Carlton lúc nào cũng nhấn mạnh rằng ông là một kiến trúc sư chuyên về nhà thờ, vì vào lúc ấy ông đang coi sóc việc phục dựng cái tháp chuông của nhà thờ Anh giáo trong thị trấn. Cái tháp chuông sắp đổ đến nơi và ông Carlton vừa lúc cứu kịp nó. Ông không phải là một người Anh giáo – ông nói rõ điều đó nhiều lần. Ông theo Hội thánh Tin Lành Giám lý, và là một tín hữu Giám lý đến tận xương tủy, vì vậy ông không hề trử rượu trong nhà. Nhưng một nhà thờ có kiến trúc xinh đẹp như nhà thờ Anh giáo kia không nên để sụp đổ. Không thể hy vọng gì vào những người Anh giáo – họ là giai cấp nghèo khổ của nhánh Tin Lành Ái Nhĩ Lan, chỉ biết nhăm nhe phá cái tháp chuông kia đi và dựng lên ở đó một thứ gì làm hỏng cả mỹ quan chung. Họ không có tiền, tất nhiên, và

họ cũng không hiểu tại sao lại cần một kiến trúc sư thay vì một người thợ mộc. Lại là một kiến trúc sư chuyên về nhà thờ.

Phòng ăn nhìn xấu tệ, ít nhất là trong mắt Howard. Được xây dựng từ những năm năm mươi, nhưng mọi thứ trông như từ tận đầu thế kỉ. Thức ăn thì chỉ tạm tạm vậy thôi. Người ngồi ở đầu bàn nói chuyện luôn mồm. Để nghĩ là cô con gái sẽ cảm thấy mệt mỏi lắm, nhưng trông cô lúc nào cũng như chọc phá ra cười. Trước khi kết thúc món tráng miệng, cô châm điếu thuốc. Cô đưa mời Howard một điếu, rồi nói khá lớn, “Đừng phiền cha tôi nhé.” Anh nhận lấy điếu thuốc, nhưng không vì thế mà nghĩ tốt hơn về cô.

Một cô tiểu thư nhà giàu bị nuông chiều quá sức. Chẳng biết cư xử.

Rồi đột nhiên, cô gái hỏi anh nghĩ sao về thủ hiến bang Saskatchewan, ông Tommy Douglas.

Anh nói vợ mình ủng hộ vị thủ hiến. Thực ra vợ anh không tin rằng ông Douglas kia có lập trường thiên tả đủ mạnh, nhưng anh không muốn nói quá sâu về mấy chuyện chính trị.

“Cha tôi yêu thích ông thủ hiến ấy. Ông là một người Cộng sản mà.”

Câu nói ấy khiến người cha khịt mũi nhưng không làm cô dừng lại.

“Hế ông ấy làm trò thì cha đều cười còn gì,” cô bảo cha.

Sau đó, cô gái đưa Howard ra ngoài tham quan khu đất. Ngôi nhà nằm ở bên đường đối diện với hăng làm

giày cho công nhân và ủng cho đàn ông. Được một điều là đằng sau ngôi nhà có thảm cỏ rộng và dòng sông uốn quanh bao bọc thị trấn. Có một con đường mòn đi xuống bờ sông. Cô đi trước, và anh thấy được điều mà khi này không chắc lắm. Cô đi cà nhắc một bên chân.

“Leo lên lại liệu có dốc quá không?” Anh hỏi.

“Tôi không phải là kẻ tàn tật.”

“Tôi biết, cô có cả một cái thuyền chèo kia đấy,” anh nói, ngụ ý xin lỗi.

“Tôi sẽ đưa anh đi chơi nhưng không phải bây giờ. Bây giờ phải ngắm cảnh mặt trời lặn đã.” Cô chỉ tay về một cái ghế cũ dùng trong bếp mà cô nói là dùng để ngồi ngắm mặt trời lặn, và yêu cầu anh ngồi xuống đó. Còn cô thì ngồi trên cỏ. Suýt nữa anh đã hỏi liệu cô có đứng dậy được không đấy, nhưng nghĩ sao lại thôi.

“Tôi bị mắc bệnh bại liệt từ nhỏ,” cô nói. “Chuyện là thế. Mẹ tôi cũng mắc bệnh ấy, bà mất rồi.”

“Thật đáng buồn.”

“Chắc vậy. Giờ tôi không thể nhớ được mẹ tôi nữa. Tuần tới tôi đi Ai Cập. Tôi từng rất thích đến đó, nhưng bây giờ tôi lại không muốn lắm nữa. Anh có nghĩ là chuyến đi vui không?”

“Tôi phải làm việc để sống đã.”

Anh lấy làm thích về điều mình vừa nói, và tất nhiên nó làm cô bật cười khúc khích.

“Ý tôi nói chung chung vậy thôi,” cô nói một cách nghiêm chỉnh khi tròng cười đã tắt.

“Tôi cũng thế,” anh bảo.

Hắn có kẻ đào mỏ ghê tởm nào đó từng muốn vồ lấy cô, dân Ai Cập hay bất kì ai. Cô tỏ ra vừa dửng dưng vừa trẻ con. Mới đầu, đàn ông có thể bị cô làm cho nổi tính hiếu kì, nhưng rồi tính thẳng thắn của cô, tính tự mãn của cô, nếu quả thật đó là những tính cách thật, sẽ làm kẻ ấy mệt mỏi. Tất nhiên, cô có tiền bạc, và với một số anh chàng, tiền thì không bao giờ mệt mỏi.

“Anh không được nói gì về cái chân của tôi trước mặt cha tôi đấy nhé, nếu không ông sẽ nổi đóa,” cô bảo. “Có lần ông đã đuổi việc không phải chỉ thằng bé trêu ghẹo tôi mà cả người nhà nó. Tức là cả những đứa anh em họ của nó.”

Từ Ai Cập có những bưu thiếp lạ lùng được gửi tới, theo địa chỉ công ty, chứ không phải nhà riêng. Tất nhiên, vì làm sao cô có thể biết địa chỉ nhà riêng của anh được?

Không có hình kim tự tháp. Không cả hình đầu nhân sư.

Thay vào đó là một tấm bưu thiếp chụp hình núi Gibraltar với dòng ghi chú ví nó như một kim tự tháp điêu tàn. Một tấm bưu thiếp khác có hình một cánh đồng bằng phẳng màu nâu sẫm, chỉ có Chúa biết ở đâu, và mấy chữ, “Biển U sầu.” Có một lời nhắn khác được viết bằng chữ in rất nhỏ, “Kính lúp có thể mua được, xin gửi tiền.” May thay không phải người khác trong văn phòng nhận mấy tấm bưu thiếp này.

Anh không có ý định trả lời, nhưng rồi cũng viết lại, “Kính lúp bị hỏng, làm ơn trả tiền lại.”

Anh lái xe tới thị trấn của cô để xem xét một cách không cần thiết cái gác chuông nhà thờ, biết chắc rằng cô đã trở về từ vùng đất kim tự tháp, nhưng không biết cô có ở nhà hay đi ra ngoài chơi đâu đó.

Cô ở nhà, và có lẽ sẽ ở lâu. Cha cô bị xuất huyết não.

Không có nhiều việc lắm để cô làm. Một người y tá cứ hai ngày đến một lần. Một cô bé tên Lillian Wolfe thì chuyên trông coi lò sưởi, lúc nào Howard tới cũng thấy lò đỏ lửa. Dĩ nhiên nó cũng làm những việc lật vật khác nữa. Corrie không biết cách để giữ lò sưởi cháy suốt hay chuẩn bị bữa ăn cho tử tế; không biết đánh máy chữ, không biết lái xe ngay cả khi mang một đôi giày đặc biệt chế riêng cho cô. Howard làm mọi thứ khi anh tới. Anh coi sóc ngọn lửa, xem xét trong ngoài ngôi nhà, và được dẫn tới thăm cha của Corrie, nếu ông có thể tiếp anh.

Lúc chưa vào cuộc, anh không chắc nên xoay xở thế nào với cái chân cô, trên giường. Nhưng rồi nói cách nào đó, chính cái chân ấy trông lại hấp dẫn, độc đáo hơn tất cả những phần khác của cô.

Cô nói với anh rằng cô không còn là trinh nữ, nhưng rồi điều đó trở thành một thứ nửa-sự-thật phức tạp, bởi chuyện do ông giáo dạy dương cầm khi cô lên mười lăm tuổi. Cô đã nghe theo lời của ông thầy dạy nhạc, làm tất cả những gì ông ta muốn, vì cô cảm thấy tội nghiệp cho những người thèm khát kinh khủng một điều gì.

“Anh đừng lấy đó làm điều,” cô nói, giải thích rằng cô

đã không còn tiếp tục cảm thấy tội nghiệp cho người khác theo kiểu đó nữa.

“Anh cũng hy vọng thế.”

Rồi anh có những chuyện cũng muốn kể cho cô nghe về mình. Anh biết dùng bao cao su không có nghĩa là anh chuyên đi săn gái. Thật ra cô là người thứ hai mà anh quan hệ, người thứ nhất là vợ anh. Anh lớn lên trong một gia đình cực kì sùng đạo và đến nay vẫn tin ở Chúa, ở một mức độ nào đó. Anh ta giữ điều đó như bí mật riêng mình không cho vợ biết, người lúc nào cũng chế giễu niềm tin ấy, vì cô vốn thiên tả cực kì.

Corrie nói cô cảm thấy vui vì chuyện họ đang làm – chuyện họ vừa mới làm xong thì phải hơn – đã không làm anh bối rối, bất chấp tín ngưỡng của anh. Cô nói rằng cô không có một phút nào dành cho Đấng tối cao, bởi vì cha cô đã đủ để cô phải lo lắng rồi.

Hai bên qua lại không có gì trở ngại. Công việc của Howard thường buộc anh phải đi đây đó, một cuộc xem xét hiện trường vào ban ngày hay gặp gỡ khách hàng. Lái xe từ Kitchener tới nơi cô ở cũng không xa lắm. Và giờ đây Corrie ở nhà một mình. Cha cô đã chết, và con bé gái trước đây làm việc cho cô nay đã ra thành phố tìm việc. Corrie đã cho phép nó đi, còn cho thêm tiền để học lớp đánh máy, mong nó có một đời sống tốt đẹp hơn.

“Em thông minh thế này, làm việc dọn dẹp trong nhà thì uống quá,” cô bảo con bé. “Chị muốn coi em làm việc có khá hơn ở nơi khác không.”

Liệu con bé Lillian có dùng tiền để đi học các lớp đánh máy hay dùng vào việc khác thì không ai biết, nhưng nó vẫn đi giúp việc cho nhà khác. Họ phát hiện ra điều ấy khi Howard và vợ anh được mời đi ăn tối với những người khác nữa ở nhà một trong những nhân vật quan trọng ở Kitchener. Lillian đứng đó ngay trước bàn ăn, mặt đối mặt với người đàn ông mà nó đã gặp trong nhà của Corrie. Người đàn ông mà nó thấy choàng tay qua lưng Corrie khi nó bước vào phòng để lấy chén đĩa hay để khơi củi lò sưởi. Những cuộc trò chuyện chứng tỏ rõ ràng rằng người phụ nữ lạ đi cùng anh chính là vợ anh. Và cũng quá rõ ràng đạo này ít thấy người vợ xuất hiện. Thời gian dành cho cô trùng với thời gian dành cho Corrie.

Howard không nói cho Corrie biết về bữa tiệc tối, hy vọng rằng không thành to chuyện. Vợ chồng người chủ nhà hôm đái tiệc không phải là bạn bè thân thiết gì của vợ chồng Howard. Chắc chắn không thân với vợ anh, vì sau đó cô cười giễu mãi lập trường chính trị của người chủ nhà sau đó. Bữa tiệc chỉ là dịp gặp gỡ có tính giao tế công việc thôi. Và nếp nhà ấy cũng không phải nơi kẻ ăn người ở đi tán chuyện tầm phào với bà chủ.

Đúng là không phải. Lillian bảo nó cũng chẳng ngồi lê đôi mách chuyện ấy với ai. Con bé nói thế trong một bức thư. Mà có nói cũng không nói với bà chủ nhà làm gì. Vấn đề là vợ anh kìa. Chị ta có muốn biết thông tin này không nhỉ? Nó đặt vấn đề kiểu thế. Bức thư được gọi

tới địa chỉ văn phòng của anh, một địa chỉ mà con bé đủ thông minh để tìm ra. Nhưng nó cũng biết cả địa chỉ nhà riêng của anh nữa. Nó đã lần mò ra được. Nó nói rõ như thế và cũng nhắc đến chiếc áo choàng của vợ anh với cái cổ bằng lông cáo bạc lóng lánh. Cái áo choàng làm vợ anh có phần bức bối, bởi cô phải nhận rằng cô thừa kế cái áo ấy chứ không phải mua nó. Dù đó là sự thực. Nhưng cô vẫn thích mặc nó trong một vài dịp như dạ tiệc, để ra vẻ, ngay cả với những người rồi cô cũng chẳng quan hệ gì nữa.

“Tôi không thích làm tan vỡ trái tim của một người đàn bà đáng yêu với cái áo khoác cổ lông chồn bạc như thế,” con bé Lillian viết thêm.

“Làm thế nào mà con Lillian biết được về vụ cái cổ áo lông chồn bạc?” Corrie nói, khi anh cảm thấy cần phải đem chuyện này nói lại với cô. “Anh có chắc là nó nói thế không?”

“Anh chắc chắn.”

Anh đã đốt cái thư đi lập tức sau khi xem nó, cảm thấy như mình bị lây bệnh từ trang giấy.

“Vậy là con bé đã học khôn ra nhiều,” Corrie nói. “Lúc nào em cũng nghĩ nó ranh lắm mà. Hay là giết quách nó cho xong?”

Anh không mỉm cười trước lời bông đùa, vì vậy cô đổi giọng nghiêm trang, “Em chỉ đùa thôi mà.”

Dạo ấy vào tháng Tư, nhưng trời còn khá lạnh đến nỗi

thèm hơi lửa sưởi. Cô đã định nhờ anh làm việc ấy, suốt cả bữa tối, nhưng đáng vẻ lạ lùng, sầu muộn của anh ngăn cô lại.

Anh bảo cô rằng vợ anh thật ra không muốn tới dự bữa tiệc ấy. “Đó chẳng qua là một sự xui xẻo khôn nạn.”

“Lẽ ra anh nên nghe lời khuyên của cô ấy,” Corrie nói.

“Thế mới nói,” anh bảo. “Đó là điều tệ hại nhất.”

Cả hai bây giờ nhìn đắm đắm vào khung lò sưởi đen ngòm. Anh chỉ chạm tay vào người cô có một lần, lúc chào nhau khi mới tới.

“Ồ, không phải,” Corrie nói. “Chưa phải là điều tệ hại nhất. Không.”

“Không à?”

“Không,” cô nói. “Chúng ta có thể rút tiền cho nó. Chắc không nhiều lắm đâu.”

“Anh không có...”

“Không phải anh. Em có tiền mà.”

“Ồ, không được đâu.”

“Được chứ anh.”

Cô đã gắng nói chuyện rất nhẹ nhàng, nhưng lòng cô bỗng nhiên lạnh giá. Nếu anh vẫn nói không thì sao? Không, anh không thể để em làm thế. Không, đó là một dấu hiệu chứng tỏ chúng ta phải dừng lại ở đây. Cô biết chắc rằng có một điều gì đó trong giọng nói của anh, và trên khuôn mặt ấy. Tất cả những tội lỗi xưa nay. Tội lỗi.

“Không đáng gì với em,” cô nói. “Và ngay cả khi anh

có thể giải quyết được, anh cũng không thể làm. Anh sẽ thấy mình đang lấy đi một khoản tiền khỏi ngân khoản của gia đình – sao anh có thể làm vậy được?”

Gia đình. Cô lẽ ra không nên nói ra điều ấy. Không bao giờ nên nói ra chữ ấy.

Nhưng gương mặt của anh rõ ràng đã sáng hẳn ra. Anh vẫn nói, Không, không, nhưng giọng đã có ý chuyển. Và rồi cô nhận ra rằng mọi chuyện sẽ êm xuôi. Lát sau, anh đã có thể bàn tính mấy chuyện thực tế và nhớ thêm một điều khác nữa từ bức thư. Phải là tiền mặt, anh bảo. Con bé không chịu nhận chi phiếu.

Anh nói, không ngẩng đầu lên, như đang nói về một công việc kinh doanh. Tiền mặt cũng tốt với Corrie. Chúng không để vết tích khiến cô phải dấn dáp vào vụ này.

“Tốt thôi,” cô bảo. “Đó không phải là khoản tiền quá sức lớn, dù sao đi nữa.”

“Nhưng con bé không nên biết về chuyện chúng ta không xem đó là món tiền lớn,” anh cảnh giác.

Một hộp thư được đăng kí bằng tên của Lillian. Những xấp tiền giấy đặt trong một phong bì, bên ngoài ghi rõ gửi cho nó, đặt ở đó hai lần một năm. Ngày tháng do con bé định. Nếu không, như nó nói, nó sẽ bắt đầu lấy làm lo lắng.

Anh cũng không chạm tới người Corrie, trừ lúc tạm biệt đầy vẻ biết ơn, thậm chí có phần nghiêm trang. Chuyện này phải hoàn toàn tách ra khỏi mối quan hệ riêng tư giữa hai chúng ta, dường như anh muốn nói rõ như thế. Chúng ta sẽ bắt đầu mới mẻ lại từ đầu. Chúng ta sẽ lại cảm thấy

như thế chúng ta không làm ai tổn thương. Chẳng làm chi sai cả. Đó là điều anh muốn diễn tả trong một thứ ngôn ngữ không thể nói ra. Trong ngôn ngữ riêng của mình, cô lại muốn tỏ ra hơi hài hước, nhưng cố gắng ấy không đi tới đâu.

“Như vậy là chúng ta đã góp phần giáo dục cho con bé Lillian – trước đây nó không bao giờ khôn ngoan như vậy.”

“Thôi nó khôn ranh thế đủ rồi, hơn nữa thì nó lại đòi nhiều tiền hơn.”

“Đã lên lưng cạp rồi thì phải tiếp tục thôi. Mặt khác chúng ta có thể dọa nó rằng sẽ đi báo cảnh sát. Ngay cả bây giờ.”

“Nhưng như thế thì sẽ chấm dứt mọi chuyện giữa anh và em,” anh nói. Anh đã chào tạm biệt nhưng ngoảnh đầu lại. Họ đang đứng dưới cổng vòm rì rào gió thổi.

Anh nói, “Anh không thể chấp nhận được việc chấm dứt chuyện của hai chúng ta.”

“Nghe anh nói thế em thật lấy làm vui,” Corrie nói.

—

Kì hạn tiếp theo tới thật nhanh ngay cả khi họ chẳng nói gì về nó. Cô trao tiền cho anh, đã bỏ sẵn vào phong bì. Anh kêu lên một tiếng nhỏ ra vẻ ghê tởm, nhưng sau đó nó lại biến thành một tiếng thở dài cam chịu, như thể đang bị ai nhắc nhở về một việc vặt phải làm.

“Sao mà thời gian đi nhanh thế.”

“Chẳng phải vốn là vậy sao?”

“Món tiền phi pháp của con Lillian,” Corrie nói thế, và mặc dù lúc đầu anh không quan tâm lắm đến cách bày tỏ bằng lời, giờ chính anh cũng nói vậy. Thời gian đầu cô còn hỏi rằng liệu anh có gặp lại con Lillian hay không, nếu như lại có những bữa dạ tiệc khác.

“Họ không phải là thứ bạn bè thân thiết kiểu ấy,” anh nhắc nhở cô. Anh cũng không mấy khi gặp lại những người bạn ấy nữa, không biết liệu Lillian có còn làm ở đấy không.

Corrie cũng không gặp lại con bé. Những người thân của nó sống ở quê, và nếu Lillian tới thăm họ thì cũng không mấy khi dẫn nhau đi mua sắm trong thị trấn này, nơi mọi thứ xuống dốc nhanh chóng. Chẳng có mua bán gì trên đường phố chính, ngoại trừ một tiệm tạp hóa mở cửa suốt ngày, nơi người ta tới để mua những tấm vé số và những đồ dùng thông thường; một tiệm bán đồ gỗ, những chiếc bàn và ghế sô pha đứng nguyên bên cửa sổ suốt năm này qua năm khác, cửa tiệm hầu như chẳng bao giờ được mở ra – và có thể sẽ chẳng bao giờ mở ra cả cho đến khi người chủ tiệm qua đời ở Florida xa xôi.

Sau khi cha của Corrie mất, tiệm bán giày đã được mua lại bởi một công ty lớn, công ty này có hứa – như cô tin – sẽ giữ tiệm hoạt động. Thế nhưng chỉ trong một năm, tòa nhà trở nên hoang vắng, những dụng cụ bị đem tới một thị trấn khác, trong tiệm chẳng còn gì, trừ một vài đồ dùng lật vật cũ rách ngày trước dùng để làm ủng và giày. Corrie đã từng có dự định thành lập một bảo tàng nhỏ, độc đáo

để trưng bày những thứ ấy. Cô có thể sắp xếp tổ chức và là người hướng dẫn du khách, mô tả những dụng cụ đã được dùng. Thật ngạc nhiên là cô đã trở nên rất hiểu biết, nhờ vào những bức ảnh mà cha cô để lại, những bức ảnh dùng để minh họa cho cuộc nói chuyện nào đó mà có lẽ ông đã trình bày – được đánh máy sai be sai bét – cho Học viện Phụ nữ khi họ học về nền công nghiệp địa phương. Vào cuối mùa hè Corrie đã hướng dẫn được cho vài người khách từ xa. Cô chắc rằng mọi thứ sẽ bắt đầu khá lên trong năm tới, sau khi cô đã cắm một tấm bảng hiệu ở trên xa lộ và viết một đoạn giới thiệu trong tờ quảng cáo du lịch bỏ túi.

Vào đầu mùa xuân, một buổi sáng cô ngồi nhìn qua cửa sổ và thấy một số người lạ mặt tới kéo sập ngôi nhà xuống. Thì ra bản kế ước mà cô nghĩ là cô có thể dùng tòa nhà lâu bao nhiêu cũng được, miễn là tiền thuê nhà được trả, đã không cho phép cô được trưng bày tất cả những vật dụng mình tìm thấy, bất kể chúng được xem là vô giá trị thế nào. Không nghi ngờ gì nữa những thứ dụng cụ cổ xưa này là tài sản của cô, và trong thực tế cô rất may mắn mới không bị lôi ra tòa, một khi công ty mua nhà – một thời xem ra đầy thiện ý giúp đỡ – phát hiện ra chuyện cô đang làm kia.

Nếu Howard không đưa gia đình đi châu Âu mùa hè trước, lúc cô bắt đầu dính líu vào dự án này, anh có thể xem qua bản hợp đồng cho cô và cô đã khỏi phải trải qua nhiều rắc rối như bây giờ.

Thôi đừng bực mình nữa, cô tự nhủ thế khi đã bình

tĩnh lại, và chẳng bao lâu sau lại tìm ra được niềm hứng thú khác.

Bắt đầu với việc cô cảm thấy chán ốm trong căn nhà to trống hoác – cô muốn ra ngoài, thế là cô đi đến thư viện công cộng cuối phố.

Đó là một tòa nhà bằng gạch đỏ xinh xắn, dễ trông coi, và là một thư viện Carnegie¹ nên không dễ gì đóng cửa, mặc dù rất ít người còn sử dụng nó – không đủ để trả lương cho một quản thủ thư viện.

Corrie tới đó mỗi tuần hai lần, mở khóa và tới ngồi sau cái bàn của người thủ thư. Cô quét bụi những giá sách nếu cảm thấy thích, bắt điện thoại gọi một vài người có tên trong danh sách đã mượn sách của thư viện hàng nhiều năm rồi chưa trả. Đôi khi những người cô gọi tới bảo rằng họ chưa bao giờ nghe tới tên của cuốn sách – có lẽ đã được mượn bởi một bà dì hay bà ngoại có lần đọc chúng và đã chết rồi. Cô liền nói về tài sản thuộc sở hữu của thư viện và đôi khi cuốn sách bỗng dung xuất hiện trong hộp đựng sách đem trả lại.

Chỉ có một điều không được dễ chịu lắm khi ngồi trong thư viện là tiếng ồn. Do Jimmy Cousins, người cất cò quanh tòa nhà thư viện, cứ mỗi lần cất giáp bãi cò là gần như ngay lập tức bắt đầu trở lại vì anh ta chẳng có việc gì khác để làm. Vì vậy cô thuê anh cất cò ở nhà riêng – một

1 Thư viện Carnegie là một hệ thống thư viện được xây dựng bởi sự đóng góp tiền bạc của nhà đại tư bản hảo tâm Andrew Carnegie, được xây dựng từ năm 1883 đến 1929. Thư viện như vậy có ở Mỹ, Anh, Canada và một số nước khác.

việc cô thường tự làm lấy coi như tập thể dục, nhưng thật ra dáng vóc cô không cần việc ấy và cái chân vụng về cũng khiến chuyện cắt cỏ chẳng bao giờ kết thúc.

Howard lấy làm phiền muộn với những thay đổi của cô. Anh ít tới hơn, nhưng mỗi khi tới lại ở lâu hơn. Anh sống ở Toronto, mặc dù vẫn làm việc tại công ty cũ. Mấy đứa con anh đều đã lớn, trong tuổi thiếu niên hay đã vào đại học, mấy đứa con gái học giỏi, nhưng bọn con trai thì không được khá lắm như anh ao ước, dù sao con trai đều thế cả. Vợ anh làm việc toàn thời gian và đôi khi nhiều hơn nữa trong văn phòng một chính khách của tỉnh. Lương của cô thấp đến mức gần như không có gì nhưng cô hài lòng. Hài lòng hơn suốt thời gian trước.

Mùa xuân vừa rồi anh dẫn cô đi du lịch Tây Ban Nha, như món quà sinh nhật bất ngờ cho vợ. Corrie không nhận được tin gì của anh trong khoảng thời gian ấy. Có lẽ anh chẳng thú vị gì việc gởi thư cho cô trong kì nghỉ – quà sinh nhật này. Anh không thích và cô cũng không muốn anh làm thế.

“Anh cứ nghĩ rằng chỗ của em là nhà tù đường đầy nhứ,” Corrie nói sau khi anh trở về, và anh bảo, “Đúng thế.” Anh thích mọi thứ trong những căn phòng lớn rộng, trần nhà trang trí và những gờ tường tối, ẩm đậm. Những thứ ấy chứa đựng sự trái ngang khôn tả. Nhưng anh có thể nhìn ra rằng với cô thì khác, rằng thi thoảng cô phải ra khỏi nơi đây. Họ bắt đầu thực hiện những chuyến đi ngắn, rồi những chuyến đi dài hơn, ngủ lại qua đêm trong những lữ

điểm – mặc dù không bao giờ quá một đêm – và ăn trong những tiệm ăn tương đối sang trọng.

Họ không bao giờ gặp phải những người quen biết. Mặc dù cũng có khả năng rơi vào tình huống ấy – họ biết chắc thế. Giờ đây mọi thứ đã khác, dù chẳng biết tại sao. Có phải vì họ không còn phải lo cái rủi ro ấy nữa, ngay khi nó thực sự xảy ra? Những người quen có thể chạm mặt họ, dù chưa từng như thế, không hề nghi ngờ họ là cặp tình nhân tội lỗi dù đúng như thế. Anh có thể đã giới thiệu cô như một người chị em bà con, cố không để lại ấn tượng sâu xa gì – kiểu quan hệ mờ nhạt mà thỉnh thoảng anh mới đáo qua thăm. Anh có những người bà con mà vợ anh chẳng bao giờ muốn biết. Và ai lại đi hẹn hò với một cô nàng tuổi bắt đầu xé bóng với một bàn chân khập khiễng? Không ai lưu giữ kí ức gì về chuyện ấy để phun nó ra vào giây phút nguy hiểm. Mình có gặp Howard ở bờ biển với cô em gái, phải thế không? Anh ta trông khỏe mạnh. Cô em bà con, hình như thế. Đi cà nhắc?

Mấy chuyện ấy hoàn toàn không đủ để tạo rắc rối.

Họ vẫn tiếp tục làm tình, tất nhiên. Đôi khi phải thận trọng, tránh một bả vai đau, một đầu gối cọ xát. Lúc nào họ cũng nhớ những qui ước ngầm như thế, và vẫn tiếp tục như thế, thỏa mãn vì chẳng cần đến những kích thích màu mè làm chi. Đó chỉ là việc dành cho những cặp vợ chồng chính thức.

Đôi khi Corrie ứa nước mắt, giấu mặt vào ngực người yêu.

“Đó là vì chúng ta quá may mắn,” cô nói thế.

Cô chưa bao giờ hỏi liệu anh có hạnh phúc không, nhưng anh có lần ám chỉ rằng anh cảm thấy thế. Anh bảo trong chỗ làm bây giờ anh suy tính thận trọng dè dặt hơn, hoặc có thể chỉ là ít hy vọng hơn. (Cô tự nghĩ thầm thật ra lúc nào anh chẳng thận trọng dè dặt.) Anh học dương cầm, trước sự ngạc nhiên của vợ con. Có một sở thích riêng kiểu ấy khi đã có vợ là một điều tốt thôi.

“Em chắc thế,” Corrie nói.

“Anh không có ý nói rằng...”

“Em biết mà.”

Một ngày nọ – tháng Chín – Jimmy Cousins bước vào thư viện bảo cô rằng anh ta không thể cắt cỏ ngày hôm ấy. Anh phải tới nghĩa địa và đào huyệt. Cho một người nào đó từng sống quanh đây, Jimmy bảo.

Corrie, một ngón tay còn đặt giữa trang sách của cuốn *Gatsby vĩ đại*, hỏi tên của người nọ. Cô bảo cũng đáng ngẫm khi mà bao nhiêu người trở về đây – hoặc đúng hơn là xác thân còn lại họ – với yêu cầu cuối cùng này và nỗi muộn phiền cho họ hàng. Họ có thể đã sống suốt đời ở một thành phố khác, gần hoặc xa nơi đây và rõ ràng hài lòng với những nơi chốn ấy. Thế mà khi nằm xuống lại không thích ở đó nữa. Những người già đều suy nghĩ kiểu vậy.

Jimmy bảo rằng người này chưa già. Họ là Wolfe. Tên thì anh không nhớ.

“Không phải là Lillian chứ? Không phải là Lillian Wolfe chứ?”

Nhưng anh bảo đúng thế.

Và cuối cùng tên nó được tìm thấy, trong một tờ báo địa phương lưu trong thư viện, mà Corrie chưa bao giờ đọc. Lillian đã chết ở Kitchener vào tuổi bốn mươi sáu. Cô ta sẽ được làm lễ ở Nhà thờ Môn đồ thụ phép Dầu, tang lễ tổ chức lúc hai giờ chiều.

Ồ.

Đó là một trong hai ngày thư viện mở cửa. Corrie không thể đi được.

Nhà thờ Môn đồ thụ phép Dầu là một nhà thờ mới trong thị trấn. Chẳng có gì phát triển ở đây ngoại trừ những thứ mà cha cô đã từng gọi là thứ “tôn giáo kì dị”. Cô có thể nhìn thấy nhà thờ ấy từ cửa sổ thư viện.

Cô đứng ở cửa sổ lúc hai giờ, trông thấy một đám người khá đông lần lượt đi vào.

Thời bây giờ xem ra người ta không phải đội mũ khi vào dự lễ, dù đàn ông hay đàn bà.

Làm sao để kể cho anh? Một lá thư gửi tới văn phòng, chắc phải vậy. Cô có thể gọi điện thoại, nhưng như thế phản ứng của anh sẽ rất thận trọng, mà như thế thì niềm vui trút được gánh nặng mất nửa rồi còn đâu.

Cô trở lại với cuốn tiểu thuyết *Gatsby*, nhưng thật ra chỉ thấy chữ lướt qua mắt thế thôi, vì trong lòng xáo trộn quá. Cô đóng cửa thư viện và bước ra phố.

Người ta luôn nói rằng thị trấn này trông như đám ma, nhưng khi có một đám ma thực sự, thị trấn bỗng trở nên sống động hơn. Cô được nhắc nhở về thực tế ấy, khi đứng nhìn quang cảnh cách một dãy phố, những người đưa tang đi ra từ cánh cửa nhà thờ, dừng lại để trò chuyện, thoải mái hơn sau nghi lễ nghiêm trang. Và rồi, trước sự ngạc nhiên của cô, nhiều người đi vòng quanh, qua lối cửa bên để vào lại nhà thờ.

Tất nhiên. Cô đã quên rồi. Sau buổi lễ, sau khi chiếc quan tài đã đóng nắp lại được đặt lên xe tang, trừ những người thân đi theo chứng kiến cảnh đặt người chết xuống huyệt mộ, những người khác đều tiến về chỗ bày món đãi sau đám. Phòng đãi ăn chính là phòng cho lớp học ngày Chủ nhật, cũng trong khuôn viên nhà thờ và có một cái bếp phục vụ khách.

Cô chẳng thấy lí do nào mà không dự vào đám khách này.

Thế rồi đến phút cuối cô lại đổi ý và bước qua khỏi khu vực ấy.

Quá trễ. Một người đàn bà gọi tên cô rất lớn – hoàn toàn chẳng có vẻ gì là đang ở trong một đám tang – từ một cánh cửa nơi những người khác vừa lọt vào.

Người đàn bà ấy nói với cô, tiến lại gần, “Chúng tôi không thấy cô ở trong buổi lễ.”

Corrie không hề nhận ra người đàn bà kia là ai. Cô nói rằng cô lấy làm tiếc không thể dự tang lễ vì cô phải mở cửa thư viện.

“Ồ, tất nhiên rồi,” người đàn bà nói, quay đi hỏi ý một người khác đang mang một chiếc bánh ngọt.

“Có đủ chỗ trong tủ lạnh cho cái bánh không?”

“Không biết nữa, cung à, em phải tới xem thử thôi.”

Nhìn cái áo đầm in hoa của người chào mình khi nấy, Corrie cứ ngỡ những phụ nữ dự lễ khác đều ăn mặc tương tự. Chắc là bộ cánh đẹp nhất dành cho ngày Chủ nhật nếu không phải là bộ cánh đẹp nhất để đi dự đám. Nhưng cũng có thể chuyện diện đẹp ngày Chủ nhật đã thành ra lỗi thời. Một số phụ nữ ở đây mặc quần tây, cũng như cô.

Một người đàn bà khác mang cho cô một miếng bánh ngọt trên cái đĩa bằng nhựa.

“Chắc chị đã đói lắm rồi,” bà ta nói. “Mọi người cũng thế.”

Một người phụ nữ trước đây đã từng là thợ cắt tóc của Corrie bảo, “Tôi có nói với mọi người là thế nào cô cũng tới. Tôi bảo họ là cô không thể tới sớm được trước khi đóng cửa thư viện. Tôi cũng nói thật là đáng tiếc nếu cô không tới dự tang lễ được. Tôi bảo thế mà.”

“Một buổi lễ tuyệt diệu,” một người đàn bà khác nói. “Chị phải có một tách trà sau khi ăn bánh ngọt xong.”

Và cứ thế. Cô không thể nhớ được tên của bất cứ ai. Nhà thờ của phái Nhất thể và Giáo hội Trưởng lão mới tạm đóng cửa; nhà thờ Anh giáo đã đóng cửa từ lâu. Có phải đây là nơi mọi người tụ về dự lễ không?

Chỉ có một người phụ nữ ở chỗ tiếp tân là tỏ ra quan

tâm như Corrie, và cũng mặc đồ tang lễ đúng như Corrie hình dung từ trước. Một cái áo dài màu tử đinh hương xám yêu kiều và một cái mũ đội mùa hè màu xám dịu.

Cô ta được dẫn tới để gặp Corrie. Một chuỗi ngọc trai thật khiêm tốn lấp lánh quanh cổ.

“Ồ, vâng.” Cô ta nói với một giọng nhỏ nhẹ, vui vẻ ở mức mà buổi tang lễ cho phép. “Chắc chị phải là Corrie. Tôi đã nghe tiếng từ lâu. Mặc dù chúng ta chưa hề gặp, tôi cảm thấy như tôi đã biết chị rồi. Nhưng chị thì có thể thắc mắc không biết tôi là ai.” Cô ta nói một cái tên chẳng có nghĩa gì với Corrie. Rồi lắc đầu cười ra ý ân hận.

“Lillian làm việc cho chúng tôi từ lúc cô ta tới Kitchener,” người đàn bà bảo. “Mấy đứa trẻ yêu mến cô ta lắm. Rồi những đứa cháu của chúng tôi nữa. Bọn chúng đều yêu mến Lillian. Lạy Chúa. Ngày nào cô nghĩ việc tôi liền biến thành một người giúp việc thay thế cho cô ấy rất vụng về. Tất cả chúng tôi đều thương mến cô, thực sự là thế.”

Cô ta nói thế một cách bối rối nhưng vui vẻ. Đó là cái cách mà một người phụ nữ như cô phải tỏ ra, tự chế nhạo mình một cách duyên dáng. Có thể cô coi Corrie là người duy nhất trong phòng có thể nói cùng một ngôn ngữ và không chỉ dừng lại ở lời xã giao bề ngoài.

Corrie bảo, “Tôi không hề biết rằng Lillian đã mang bệnh.”

“Lillian nhuộm bệnh rất mau,” người đàn bà đang cảm ấm trà nói, định rót thêm trà vào li của người phụ nữ mang chuỗi ngọc, người này xin phép từ chối.

“Bệnh tiến triển quá nhanh, hơn cả với người già,” người đàn bà với ấm trà nói. “Cô ta ở trong bệnh viện bao lâu?” Cô hỏi một cách hơi gay gắt.

“Tôi cố nghĩ xem. Mười ngày thì phải?”

“Ngắn hơn thế nữa, tôi nghe vậy. Chẳng có mấy thời gian để tìm báo tin cho người nhà cô.”

“Lillian kín tiếng lắm.” Đó là câu từ bà chủ nhà, vẫn nói giọng dịu dàng nhưng giữ nguyên ý kiến của mình. “Cô ấy không phải là người hay làm phiền người khác đâu.”

“Đúng là như vậy,” Corrie nói.

Vào lúc ấy, một người phụ nữ trẻ, đầy đà, miệng mỉm cười, đi tới và tự giới thiệu là nữ mục sư của nhà thờ.

“Có phải mọi người đang trò chuyện về Lillian không?” Mục sư hỏi. Cô lắc đầu tấm tắc. “Lillian được Chúa thương. Lillian là một người rất hiếm có.”

Mọi người đồng ý. Kể cả Corrie.

“Em rất nghi ngờ bà mục sư gián điệp¹ kia,” Corrie viết thư cho Howard, trong một bức thư dài cô sắp xếp sẵn trong đầu trên đường về nhà.

Tối hôm ấy cô ngồi xuống và khởi thảo bức thư, mặc dù không thể gửi đi ngay – Howard đi chơi hai tuần lễ trong nhà nghỉ mùa hè ở Muskoka cùng với gia đình. Mọi người

1 Nguyên văn *Milady the Minister*, có thể là một lối chơi chữ về *Milady de Winter*, thường gọi là *Milady*, một nhân vật trong tiểu thuyết *Ba chàng lính ngự lâm* của Alexandre Dumas cha.

đều có vẻ bực bội, như anh lường trước và kể với cô – vợ anh phải ở chỗ không có chính trị, anh phải ở chỗ không có đàn dương cầm – nhưng lại không sẵn lòng từ bỏ thói quen đi nghỉ hằng năm của mình.

“Tất nhiên, thật là phi lí khi nghĩ rằng số tiền bất chính mà Lillian tích góp được từ chúng ta đủ xây cả một nhà thờ,” Corrie viết trong thư. “Nhưng em đảm bảo rằng cô ta đã góp xây tháp chuông. Một tháp chuông rất lố bịch. Em chưa bao giờ hình dung lại có kiểu tháp chuông như cây kem nón chúc ngược. Mất lòng tin ở Chúa chính từ đó chứ đâu, phải thế không anh? Họ không biết nhưng hành động lại bày tỏ ra như thế.”

Cô vò bức thư đi và viết lại, với lối hành văn vui vẻ hơn.

“Những ngày Tống tiền đã qua. Tiếng chim cúc cù cu đã gáy vang trên xứ sở chúng ta.”

Cô chưa bao giờ nhận ra gánh nặng đặt lên vai cô, cô viết trong thư, nhưng giờ đây cô nhận ra rồi. Không phải chuyện tiền bạc – anh quá biết rồi. Cô không quan tâm mấy đến tiền bạc và dù sao số tiền ngày càng mất giá theo thời gian, dù Lillian có vẻ không nhận ra điều ấy. Cái chính là cảm giác bực bội, không bao giờ thấy an toàn, gánh nặng trên tình yêu lâu dài của họ làm cô không được hạnh phúc. Cô có cảm giác ấy mỗi lần đi ngang qua hộp thư ở bưu điện.

Cô tự hỏi có khi nào anh biết tin này trước khi thư của cô đến. Khó có thể. Anh chưa đến tuổi quan tâm đến mục tin buồn trên báo hàng ngày.

Cứ đến tháng Hai và một lần nữa vào tháng Tám, mỗi năm, cô bỏ những tờ giấy bạc dành riêng vào trong phong bì và anh nhét cái phong bì vào túi áo. Sau đó anh ngồi đếm lại những tờ giấy bạc và đánh máy tên của Lillian lên phong bì trước khi bỏ nó vào hộp thư của cô ta.

Câu hỏi là liệu có khi nào anh nhìn vào hộp thư để biết là số tiền gửi vào mùa hè đã được lấy đi rồi không? Lillian vẫn còn sống cho tới khi Corrie chuyển tiền nhưng chắc chắn không cách nào mò tới hộp thư được. Chắc chắn là không.

Chỉ một thời gian ngắn trước khi Howard đi nghỉ hè, Corrie gặp anh lần cuối và việc chuyển tiền được thực hiện. Cô cố ngồi hình dung chính xác chuyện đã xảy ra. Liệu anh có đủ thì giờ để coi kĩ hộp thư trước khi bỏ phong bì vào hay là anh đi nghỉ ngay mà chẳng để tâm. Đôi khi trong thời gian đi nghỉ ở nhà nghỉ mùa hè, anh tranh thủ được thời giờ viết một bức thư cho Corrie. Nhưng không phải lần này.

Corrie vào giường nằm ngủ khi bức thư vẫn chưa viết xong.

Và thức dậy sớm, khi bầu trời đã rạng sáng, dù mặt trời chưa lên.

Luôn có một buổi sáng ta nhận ra chim chóc bay đâu hết cả.

Cô biết một điều gì đó. Cô phát hiện ra chuyện ấy trong giấc ngủ của mình.

Không có tin gì để báo cho anh cả. Không tin tức, bởi vì chưa bao giờ có.

Không có tin tức gì về Lillian bởi vì Lillian không còn là mối bận tâm nữa và cô ta chưa bao giờ là mối bận tâm của ai cả. Không có hộp thư ở bưu điện, bởi vì tiền bạc vào thẳng một trương mục nào đó hoặc đơn giản là vào một cái ví tiền. Những món chi tiêu thông thường. Một món để dành be bé. Một cuộc du lịch tới Tây Ban Nha. Ai mà biết? Những người có gia đình, có nhà nghỉ mùa hè, có con phải dạy dỗ, có hóa đơn phải trả nợ – họ không phải suy nghĩ nhiều về chuyện làm sao để tiêu hết số tiền ấy. Thậm chí cũng không cần giả đồ gọi là món trúng xổ số. Không cần phải giải thích.

Corrie thức dậy mặc áo quần thật nhanh và đi qua các phòng, kể với từng bức tường, từng món nội thất về ý nghĩ mới của mình. Những khoảng trống rộng ở khắp nơi, sâu nhất là trong lồng ngực của cô. Cô pha cà phê nhưng không uống. Cô lại vào ngồi trong phòng ngủ của mình, nhận ra phải cố nắm bắt cái hiện thực mới mẻ này lần nữa.

Một lá thư không thể ngắn hơn.

“Lillian chết rồi, chôn hôm qua.”

Cô gửi thẳng tới văn phòng anh, chẳng sao.

Thư chuyển phát đặc biệt, ai mà đi tò mò?

Cô ngắt điện thoại để không bị nổi mong chờ giày vò. Im ắng. Có thể chẳng khi nào còn tin gì từ anh nữa. Nhưng chẳng bao lâu có thư trả lời, ngắn gọn không kém.

“Ồn rồi, vui lên. Gặp lại sớm.”

Vậy là họ sẽ gạt qua chuyện này như thế. Đã quá trễ để chọn cách hành xử khác. Có thể tồi tệ hơn nhiều, rất nhiều.

Xe lửa

ĐÂY vốn là chuyến tàu chậm, khi qua khúc quanh lại càng chậm hơn nữa. Jackson là người khách cuối cùng trên tàu, trạm kế tiếp, Clover, khoảng hai mươi dặm phía trước. Sau đó là Ripley, Kincardine và cái hồ. Anh may mắn, không thể đánh mất cơ hội được. Anh đã xé cái vé ra khỏi cuống phía trên.

Anh liệng cái túi của mình và nhìn nó rơi xuống ngoạo mục, giữa hai đường ray. Không có chọn lựa nào khác – xe lửa sẽ không chạy chậm hơn thế này nữa.

Phải bắt lấy cơ hội này. Anh là chàng thanh niên mạnh khỏe, nhanh nhẹn. Nhưng cú nhảy, cú đáp đất, làm anh thất vọng. Người anh cứng nhắc hơn là anh tưởng, cú dừng đột ngột làm anh lăn về phía trước, lòng bàn tay xát mạnh lên lớp sỏi đá giữa thanh đường ray, da bong ra. Thót tim.

Chuyến tàu đã khuất khỏi tầm mắt, anh nghe tiếng nó tăng tốc, biến mất sau khúc quanh. Anh nhổ nước bọt vào hai bàn tay đau nhức, phúi mấy mẩu đá vụn ra khỏi tay. Rồi nhặt cái túi lên và bắt đầu đi ngược hướng xe lửa. Nếu anh đi theo hướng nó anh sẽ tới ga khi tối muộn. Anh có thể than phiền rằng anh buồn ngủ, ngủ gật và thức dậy, lẫn lộn, nghĩ rằng anh đã ngủ quên khi tàu chạy qua ga. Hoảng hốt nhảy khỏi tàu, rồi lại phải đi bộ.

Người ta sẽ tin câu chuyện của anh. Về nhà từ một nơi xa, về nhà từ Cuộc Chiến ấy, đầu óc lẫn lộn là phải thôi. Chưa phải là quá trễ, anh có thể tới nơi mà anh định tới trước lúc nửa đêm.

Nhưng trong khi nghĩ ngợi như thế, anh vẫn tiếp tục bước đi về phía ngược lại.

Anh không biết tên của nhiều loại cây. Cây phong, ai cũng biết. Cây tùng. Không có nhiều cây khác. Anh cứ tưởng nơi anh nhảy khỏi tàu là một khu rừng, nhưng không phải. Cây mọc dọc theo đường tàu, mọc dày hơn quanh bờ đắp cao, nhưng anh vẫn thấy được thấp thoáng cánh đồng phía sau. Những cánh đồng màu xanh hoặc màu vàng hoặc màu héo úa. Đồng cỏ, mùa màng, gốc rạ. Anh chỉ biết thế. Bấy giờ vẫn đang là tháng Tám.

Và khi tiếng động của xe lửa đã tắt hẳn, anh nhận ra rằng không hoàn toàn chỉ có im lặng quanh đây. Rất nhiều tiếng động khác đây đó, tiếng lạo xạo của lá khô tháng Tám, không phải do gió gây nên, tiếng lũ chim chóc trách móc anh.

Nhảy khỏi xe lửa có thể xem là một thứ triết tiêu. Bạn rướn người lên, đầu gối co lại, nhảy vào một khối không khí khác hẳn. Bạn nhìn về hư không. Và bạn nhận được điều gì kia chứ? Cả bầy cả lũ những thứ trong môi trường mới lập tức ập vào, kêu gọi sự chú ý của bạn theo cách mà chúng chưa bao giờ làm khi bạn đang ngồi trên xe lửa, nhàn nhã nhìn qua cửa sổ toa tàu. Ông bạn làm gì ở đây? Đi về đâu? Cảm giác bị quan sát bởi những sinh vật bạn không biết. Tự thấy mình như một sự rắc rối. Sự sống chung quanh âm thầm nhận xét về bạn từ những điểm có lợi thế hơn mà bạn không nhìn thấy.

Những người mà anh gặp trong vài năm qua có chiều hướng cho rằng hễ không phải dân thành phố thì hẳn là dân quê thôi. Không đúng. Thật ra cuộc sống người ta ở cùng một nơi cũng ít tương tự hay hòa lẫn vào nhau như họ tưởng. Jackson là con của một người thợ sửa ống nước. Anh chưa bao giờ đứng trong một cái chuồng ngựa, chuồng bò, dẫn trâu bò ăn cỏ hay đi gặt lúa. Anh đi bước thấp bước cao dọc theo đường tàu, đường như không còn mục đích chuyên chở người và hàng hóa, mà trở thành khu vực của những cây táo dại, những bụi dâu đầy gai, những dây nho chằng chịt và đàn quạ – ít nhất anh cũng biết loại chim này – kêu léo nhéo từ trên cành cây anh không thấy được. Bây giờ lại có một con rắn lượn qua giữa hai đường tàu, tự tin rằng Jackson không đủ nhanh để giẫm lên nó hay giết chết nó. Anh cũng không đủ kiến thức để biết nó có

thuộc loại nguy hiểm hay không, nhưng về tự tin của nó làm anh bị chọc tức.

Một con bò nhỏ, tên Margaret Rose luôn luôn có mặt ở cửa chuồng để được vắt sữa hai ngày một lần, sáng và chiều. Belle thường không cần phải gọi nó. Nhưng sáng hôm nay con bò cảm thấy thích thú về một chuyện gì đó ở dưới đồng cỏ, hay trong đám cây tỏa bóng xuống đường ray phía bên kia hàng rào. Nó nghe tiếng huýt sáo của Belle, tiếng gọi tên nó và phản ứng một cách miễn cưỡng. Nhưng rồi nó lại quay đi nhìn thứ đang thu hút nó lần nữa.

Belle đặt cái xô và cái ghế xuống, bước chân lên đám cỏ còn ướt những giọt sương mai.

Cô cất tiếng kêu, nửa dụ khi, nửa trách mắng¹.

Có một cái gì động đậy trong đám cây. Tiếng một người đàn ông gọi với ra rằng không sao đâu, ổn cả thôi.

Tất nhiên mọi chuyện vẫn ổn. Vậy chứ anh nghĩ rằng cô sợ anh ta chăng? Tốt nhất là anh nên coi chừng con bò của tôi với cặp sừng nhọn trên đầu.

Trèo qua hàng rào, anh vẫy tay, ra ý thân thiện.

Thế là quá nhiều đối với Margaret Rose, con bò liền nhảy cẫng lên. Nhảy một bước, bước nữa, hất sừng. Không dữ dằn lắm, nhưng giống bò Jerseys này có khi không hề dễ chịu với sự nhanh nhẹn và tính bốc đồng của chúng. Belle gọi lớn, mắng con bò và trấn an anh.

1 Nguyên văn: "So-boss" là tiếng kêu đàn bò để dẫn đường hay để gọi khi chuẩn bị vắt sữa, làm con bò đứng yên (ND)

“Nó không húc anh đâu. Đứng yên. Tính nó thế.”

Bây giờ Belle để ý cái túi mà anh xách, đó chính là nguyên nhân gây ra chuyện rắc rối. Cô tưởng anh chỉ đi dạo quanh thế thôi, nhưng rõ là anh đang định đi đâu đó.

“Con bò khó chịu với cái túi của anh đấy. Anh chịu khó bỏ xuống một lát. Tôi phải dẫn nó vào chuồng để vắt sữa cho nó đấy.”

Anh làm theo lời cô, đứng nhìn, không động đậy một phân.

Belle dẫn con bò quay lại chỗ vắt sữa, phía bên chuồng.

“Bây giờ anh nhặt cái túi lên được rồi,” cô kêu lớn và nói với vẻ thân mật khi anh tiến tới gần. “Miễn là anh không vung vẩy cái túi trước mặt nó. Anh là lính, phải không nào. Nếu anh chờ được đến khi tôi vắt sữa xong, tôi sẽ làm bữa ăn sáng cho anh. Cái tên con bò đến là gốc gác. Margaret Rose.”

Cô là một người đàn bà cứng cáp, thấp người, tóc thẳng, màu xám tro óng ánh, tóc mái cắt ngang có vẻ trẻ con.

“Tôi trông coi nó,” cô nói khi đã yên vị trên ghế vắt sữa. “Tôi là một người bảo hoàng. Hoặc trước đây là thế. Tôi có món cháo đặc ở lò bếp phía sau. Vắt sữa nhanh lắm. Nếu anh không ngại thì đi vòng ra sau chuồng mà đợi, chỗ nào nó không thấy anh là được. Rủi quá không mời anh được cái trứng. Trước đây chúng tôi cũng nuôi gà đẻ trứng nhưng bọn cáo ăn sạch chúng nên ai cũng chán không muốn nuôi nữa.”

Chúng tôi. Trước đây chúng tôi nuôi gà. Có nghĩa là cô còn có một người đàn ông ở quanh đây.

“Có cháo đặc mà ăn thì hay quá rồi. Tôi sẽ trả tiền cho cô.”

“Không cần đâu. Chỉ cần tránh đi một lúc. Con bò chú ý đến anh quá thì sẽ không thể tiết sữa được.”

Anh ta liền thả bộ đi vòng ra sau chuồng bò. Khung cảnh tồi tàn. Anh ghé mắt nhìn qua khe ván, xem cô đi xe hơi loại gì, nhưng anh chỉ thấy một chiếc xe ngựa kéo cũ kĩ và vài thứ máy móc hư hỏng.

Nơi này trông có vẻ khá gọn gàng, nhưng không hẳn đạt tới qui mô công nghiệp. Trên vách tường, sơn đã loang lổ hết và ngả màu xám chì. Một cửa sổ đóng ván, hẳn do kính đã vỡ. Chuồng gia cầm đồ nát, chỗ cô kể cáo lên vào bắt gà. Những tấm ván ốp tường chất thành đống.

Nếu có một người đàn ông nào sống ở đây, ắt hẳn đó là một tay vô dụng hoặc lười chây thây.

Con đường đất chạy ngang qua cánh đồng nhỏ có hàng rào bao bọc phía trước nhà. Trên cánh đồng một con ngựa lông đốm xám đứng gặm cỏ một cách thanh nhàn. Nuôi bò thì anh có thể hiểu được, nhưng nuôi ngựa để làm gì? Ngay cả trước chiến tranh nông dân cũng ít nuôi chúng, vì xe kéo máy đã phổ biến. Và cô ấy trông không phải là loại người thích cưỡi ngựa đi chơi.

Rồi anh chợt nhận ra. Chiếc xe ngựa kéo khi nãy. Đó không phải di tích từ dĩ vãng, đó là tất cả những gì cô ấy có.

Chợt anh nghe được tiếng động lạ kì. Con đường chạy từ trên đồi vắng xuống tiếng lóc cóc, lọc cọc. Cùng với tiếng ấy là tiếng huýt sáo hoặc leng keng.

Bây giờ. Trên ngọn đồi một cái hộp lớn đặt trên những bánh xe, được kéo bởi hai chú ngựa nhỏ. Nhỏ hơn con ngựa đang đứng trên đồng cỏ nhưng trong hoạt động hơn nhiều. Và trong cái hộp có nửa tá những cậu chàng bé nhỏ ngồi. Tất cả đều mặc áo quần màu đen, với những chiếc mũ đen hộp tông đội trên đầu.

Thứ âm thanh vừa rời từ các cậu. Tiếng hát. Những giọng hát nhỏ cao vút, rành rẽ, riêng biệt, hết sức ngọt ngào. Tất cả chẳng hề liếc nhìn anh khi chạy ngang qua.

Anh lạnh người. Chiếc xe ngựa kéo trong nông trại và con ngựa trên cánh đồng kia chẳng là gì nếu so với cảnh tượng này.

Anh vẫn đứng đó nhìn bên này ngó bên kia khi nghe tiếng cô gọi, “Xong hết rồi.” Cô đang đứng cạnh ngôi nhà.

“Lối đi ra đi vào đây,” cô chỉ về phía cửa sau. “Cửa trước bị kẹt cứng từ mùa đông năm ngoái, không cách gì mở ra được, cứ như tới giờ vẫn còn bị đóng băng.”

Họ đi trên những tấm ván lát trên nền nhà đất nện lồi lõm, tối mờ mờ vì cửa sổ đã bị đóng ván. Trong nhà mà lạnh lẽo như trong hố cá nhân nơi anh nằm ngủ. Anh đã thức dậy hết lần này đến lần khác, cố hết sức co quắp người lại cho đủ ấm. Ở đây thì người đàn bà không rét run lên nữa – cô ấy tỏa ra một mùi mạnh khỏe xông xáo tựa như mùi da bò.

Cô đổ sữa tươi vào một cái chậu và đập nó lại bằng mảnh vải mỏng để sắn, rồi dẫn anh vào gian chính ngôi nhà. Các cửa sổ đều không có màn, vì vậy ánh sáng tràn vào tự do. Có một lò sưởi đốt củi. Bồn rửa với cần bơm nước bằng tay, một cái bàn với tấm khăn trải ở trên đã mòn đến mức vài chỗ rách tua ra, và một chiếc ghế bành dài phía trên phủ một tấm chăn đan dệt nhiều màu.

Còn có một cái gối với những lỗ rách lồi lõng vù.

Có vẻ không tệ quá, mặc dù cũ và xuềnh xoàng. Đồ vật nào trong nhà cũng đã từng được dùng tới, như có thể thấy ngay. Nhưng khi ngược mắt nhìn lên trên những kệ tủ, anh thấy những chồng báo cũ, tạp chí hay sách vở gì đó chất cao đến tận trần nhà.

Anh hỏi cô, “Cô không sợ cháy nhà sao? Cái lò sưởi đun củi ngay gần kia.”

“Ồ, lúc nào tôi cũng ở đây mà. Ý là tôi ngủ ở đây. Có nơi nào khô ráo nữa đâu. Tôi lúc nào cũng cẩn thận đề phòng. Cũng không đốt lò sưởi có ống khói. Có vài lần nó quá nóng làm tôi phải đổ bột nở lên đó. Chẳng có gì đâu.”

“Mẹ tôi đã từng phải nằm trong phòng này,” cô nói. “Chẳng có nơi nào tiện nghi hơn cho bà. Tôi đặt giường của bà ở đây. Trông coi canh chừng mọi thứ. Tôi đã từng nghĩ tới chuyện dời tất cả thứ giấy má kia tới phòng phía trước nhưng ở đó ẩm ướt quá, tất cả sẽ bị hư hại thôi.”

Rồi cô giải thích thêm cho anh hiểu. “Mẹ mất rồi. Bà mất vào tháng Năm. Ngay vừa lúc thời tiết bắt đầu ấm lên. Mẹ đã sống cho đến ngày nghe được trên đài phát thanh

cuộc chiến tranh đã chấm dứt. Bà nghe được rất rõ, hiểu hết. Bà không nói được nữa nhưng vẫn hiểu. Tôi đã quen với việc mẹ không thể nói đến mức có đôi khi vẫn tin mẹ ở đây, nhưng tất nhiên không phải thế.”

Jackson cảm thấy mình phải nói một lời chia buồn.

“Ồ. Việc đời có lúc. Cũng may là bà không đi trong mùa đông lạnh giá.”

Cô múc món cháo yến mạch cho anh và rót trà ra.

“Không đặc quá chứ? Trà?”

Miệng đầy thức ăn, anh lắc đầu.

“Tôi chẳng bao giờ tiết kiệm với món trà cả. Nếu pha loãng quá thì thôi uống nước đun sôi còn hơn. Ở đây ngay cả thứ ấy cũng hết khi trời quá xấu như mùa đông vừa rồi. Điện tắt, đài phát thanh không bắt được, mà trà cũng hết. Tôi đã phải dùng một cái dây cột vào cửa sau để bám lấy khi ra ngoài vắt sữa. Tôi định để con bò Margaret Rose vào trong bếp phía sau nhưng khi bão tới nó chướng quá, chẳng cách nào giữ được. Nhưng rồi nó cũng sống sót, tất cả mọi thứ ở đây rồi cũng sống sót.”

Tìm được dịp để nói chen vào, anh liền hỏi liệu có một nhóm người lùn nào ở khu vực làng mạc quanh đây không.

“Tôi chưa hề thấy.”

“Họ ngồi trong một chiếc xe nhỏ?”

“Ồ. Có phải họ ca hát không? Nếu thế thì là những cậu bé thuộc giáo phái Mennonite. Họ đi xe ngựa tới nhà thờ và hát suốt. Mấy đứa con gái thì phải đi cùng cha mẹ, nhưng mấy cậu trai thì được tự đi.”

“Họ làm vẻ như không thấy tôi.”

“Thế đấy. Tôi từng nói với mẹ là mình ở đúng nơi rồi, vì cũng chẳng khác gì mấy người theo đạo Mennonite. Cũng dùng xe ngựa kéo và uống sữa chưa khử trùng, chỉ có điều là không biết hát thôi.”

“Khi mẹ tôi chết họ mang lại nhiều thức ăn khiến tôi phải ăn mấy tuần lễ mới hết. Có lẽ họ nghĩ rằng ở đây có tục lệ ngồi thức canh người chết hay tương tự. Thật là may có họ đến. Nhưng rồi tôi nghĩ họ cũng may mắn vậy. Bởi vì họ là những người đi làm việc thiện và mình ở sát ngay cửa nhà họ, thế là một cơ hội cho người ta làm việc thiện chứ còn gì nữa.”

Khi ăn xong anh ngỏ lời muốn trả tiền nhưng cô phẩy tay gạt đi.

Nhưng có một việc nhờ anh, cô nói. Nếu trước khi đi anh sửa giúp được cái máng ngựa ăn thì tốt quá.

Hóa ra không phải sửa mà cần làm hẳn một cái máng mới, và muốn làm thế anh phải đi lòng vòng kiếm vật liệu với dụng cụ. Cũng mất một ngày, cô đãi anh bánh kẹo ăn kèm si rô của cây phong. Cô bảo nếu anh tới đây sau một tuần cô có thể cho anh ăn loại mứt trái cây mới làm. Cô hái các loại dâu dại mọc dọc theo đường ray xe lửa.

Hai người ngồi trên những cái ghế đẩu ngoài cửa sau cho đến khi mặt trời lặn xuống. Cô nói với anh về chuyện cô đến đây thế nào, anh lắng nghe nhưng không chú ý vì bận nhìn quanh và nghĩ đến vùng đất này, một vùng xa

hoang vắng nhưng không hẳn tuyệt vọng, cho người nào muốn dừng lại ổn định cuộc sống, sửa sang này nọ đời mình. Tất nhiên cần một số tiền đầu tư, nhưng nhiều hơn là thời gian và công sức bỏ ra. Chắc hẳn là thử thách. Anh cũng nghĩ cả đến việc sau này anh sẽ hối hận về chuyện ấy.

Một lí do nữa mà anh không chú tâm lắng nghe Belle – tên của cô – là vì cô cứ nói với anh về cuộc sống của cô, là chuyện mà anh chẳng hình dung ra được.

Cha cô, cô gọi một cách thân mật là Ba – đã mua mảnh đất này ban đầu để dùng vào dịp hè, rồi cuối cùng ông quyết định ở đây suốt cả năm. Ông có thể làm việc ở đâu cũng được, vì ông sống bằng cách viết cho tờ *Bưu điện Toronto*. Người phát thư mang đi những tờ giấy ông viết kín chữ và gửi theo xe lửa. Ông viết về tất cả mọi thứ xảy ra ở đây. Ông đưa cả cô bé Belle vào những trang viết của mình, đặt cho cô cái tên Pussycat. Đôi khi cũng nhắc đến mẹ của Belle nữa nhưng lại gọi bà là công chúa Casamassima, một cái tên trong sách, giờ chẳng quan trọng nữa. Mẹ của cô có thể là lí do khiến họ ở lại đây quanh năm. Bà bị mắc bệnh cúm khủng khiếp hồi năm 1918, thời đó nhiều người đã chết và khi bà sống sót, bà trở nên quái lạ. Không hẳn là bị câm, vì bà vẫn nói được nhưng đã để lạc hầu hết ngôn từ. Hoặc cha con cô đã lạc mất bà. Mẹ cô phải học lại từ đầu, từ chuyện ăn uống cho đến chuyện vệ sinh. Bên cạnh ngôn ngữ, bà phải học cách để nguyên áo quần trên người trong ngày nóng nực. Vì vậy không thể để bà đi lang thang bên ngoài và trở thành một thú trò cười cho thiên hạ trên phố.

Vào mùa đông, Belle tới trường. Trường có tên là trường Giám mục Strachan và khi anh bảo anh chưa hề nghe tên ấy, cô ngạc nhiên. Cô đánh vần tên. Nó ở ngay Toronto và toàn nữ sinh nhà giàu, nhưng cũng có cả những cô gái như cô nữa, nhờ tiền họ hàng hay di chúc để lại mà được học ở đó. Nó dạy cô trở nên hơi kiêu kì, cô nói thế. Nó chẳng hề cho cô một ý tưởng nào về việc cô phải làm gì để sống sau này.

Nhưng rồi mọi chuyện chuyển qua bước mới vì một tai nạn. Khi đi bộ dọc theo đường ray xe lửa, như ông vẫn thường làm trong những chiều hè, cha cô bị xe lửa tông. Mẹ cô và cô đã lên giường đi ngủ trước khi chuyện ấy xảy ra, và Belle nghĩ chắc là con vật nào ở nông trại bị đâm phải, nhưng mẹ cô rên rỉ đau đớn quá dường như bà nhận ra tai nạn ấy trước tiên.

Đôi khi một cô bạn mà cô quen biết ở trường viết thư hỏi rằng tại sao cô lại tới nơi khỉ ho cò gáy kia mà sống, nhưng họ chẳng biết gì về cô cả. Phải vắt sữa bò, nấu ăn, săn sóc mẹ cô, và cả cái chuồng gà vào lúc ấy nữa. Cô phải học cách cắt khoai tây ra từng mảnh, mỗi mảnh có mắt khoai, trồng chúng xuống và đào chúng lên vào mùa hè năm sau. Cô không kịp học lái xe, và khi chiến tranh xảy ra cô liền bán cái xe hơi của cha mình. Những người Mennonite cho cô con ngựa chẳng còn dùng được vào việc gì trong nông trại, và một người trong số họ chỉ cho cô cách buộc yên ngựa và tập cưỡi nó.

Một trong những người bạn cũ tên Robin, đã từng tới thăm cô và nghĩ cách sống của cô ở đây thực là trò cười. Cô ta ngờ ý muốn Belle trở lại Toronto, nhưng mẹ cô thì sao? Mẹ cô ngày càng trở nên lặng lẽ, giờ đã nhớ mặc quần áo, rất thích nghe đài phát thanh, nhạc kịch vào chiều thứ Bảy. Tất nhiên bà có thể làm những việc như vậy ở Toronto, nhưng Belle không muốn làm mẹ phải trải qua quá nhiều thay đổi. Robin liền bảo bạn Belle đang nói về mình thì đúng hơn, chính cô là người sợ phải thay đổi chứ không phải mẹ cô. Robin bỏ đi và sau này gia nhập cái gọi là đội quân phụ nữ.

Điều đầu tiên mà anh phải làm là dựng những căn phòng khác ngoài căn bếp để có thể ngủ được, khi trời lạnh dần. Phải xua bọn chuột các loại ngày một tới nhiều vì thời tiết lạnh. Anh hỏi cô sao cô chưa bao giờ nuôi một con mèo và nghe cô lí giải dài dòng về lí do. Cô nói cái giống ấy suốt ngày giết chóc rồi tha tới cho cô nhìn, thật cô không muốn. Anh liền kiếm một cái bẫy, hết sức lắng nghe mọi tiếng động, và tìm cách liệng con chuột sập bẫy đi trước khi cô biết. Rồi anh nói với cô về những chồng sách báo chất chồng trên bếp, nguy cơ cháy nhà, và cô cũng đồng ý dời chúng ra nếu phòng trước không quá ẩm thấp. Đó lại là việc của anh. Anh phải mua một cái máy sưởi, sửa chữa cả bức tường và thuyết phục cô dành thời gian gần cả tháng trèo lên khiêng báo xuống, đọc lại chúng, sắp xếp

thứ tự và sắp chúng gọn gàng vào những kệ sách mà anh mới dựng lên.

Cô bảo anh trong những giấy má ấy có một cuốn sách của cha mình. Đôi khi cô gọi nó là cuốn tiểu thuyết. Anh nghĩ không nên hỏi một câu nào về chuyện ấy, nhưng một ngày cô nói cuốn tiểu thuyết ấy nói về hai người tên Matilda và Stephen. Một cuốn tiểu thuyết lịch sử.

“Anh có nhớ môn lịch sử ngày xưa học không?”

Anh đã học xong năm năm trung học với điểm số cao, rất giỏi về môn lượng giác và địa lí nhưng chẳng nhớ gì nhiều các bài học lịch sử. Vào năm học cuối, dù sao tất cả mọi chuyện lứa anh thời ấy nghĩ tới cũng chỉ là sắp phải đi lính.

Vì vậy anh bảo, “Chẳng nhớ gì cả.”

“Anh sẽ nhớ tất cả nếu hỏi ấy anh đi học ở trường Giám mục Strachan. Người ta sẽ nhồi nhét vào đầu anh các thứ. Đặc biệt là lịch sử nước Anh.”

Cô bảo Stephen là một anh hùng. Một người của danh dự, tốt đẹp đến mức khó tin trong thời buổi này. Anh ta là loại người hiếm hoi không hề nghĩ đến quyền lợi của mình hay tìm cách để phũ lời hứa khi có dịp thuận tiện. Chính vì vậy, cuối cùng anh là kẻ thất bại.

Rồi đến Matilda. Cô thuộc dòng trực hệ của William Kẻ Chinh Phục, tính tình hung bạo kiêu kì đúng như ta đoán. Mặc dù cũng có những người ngu ngốc đến nỗi tìm cách biện hộ cho cô ta vì cô là một người đàn bà.

“Nếu cha tôi có thể viết xong cuốn sách thì đó sẽ là một tiểu thuyết tuyệt vời.”

Tất nhiên Jackson biết những cuốn sách tồn tại vì có người ngồi xuống và viết ra chúng. Không phải từ trên trời rơi xuống. Nhưng tại sao họ viết lại là một câu hỏi. Đã có nhiều sách quá rồi, biết bao nhiêu là cuốn. Có hai cuốn anh phải học ở trường ngày trước. *Câu chuyện của hai thành phố*¹ và *Huckleberry Finn*, mỗi cuốn với một thứ ngôn ngữ làm anh tê tái cả lòng mặc dù theo những cách khác nhau. Cái đó thì anh hiểu được. Chúng được viết đã lâu lắm rồi.

Điều làm anh kinh ngạc là, mặc dù anh không để lộ ra, tại sao lại có người lúc này chịu ngồi xuống và viết một cuốn khác nữa. Vào lúc này.

Một bi kịch, Belle nói một cách quả quyết, và Jackson không biết cô ám chỉ cha cô hay những nhân vật nào đó trong cuốn sách chưa hoàn tất kia.

Dù sao khi căn nhà trở nên một nơi sống được thì đầu óc anh lại bận rộn với mái nhà. Chẳng ích gì nếu sửa sang bên trong mà để cho cái mái dột nát làm nó lại hư hỏng trong một hai năm nữa. Anh đã lợp lại các chỗ dột, có thể chịu đựng thêm một hai mùa đông, nhưng anh không chắc chúng cầm cự lâu hơn. Và anh vẫn còn giữ ý định ra đi trên con đường thiên lí của mình vào dịp Giáng sinh.

Những gia đình Mennonite ở trang trại bên do những cô gái lớn coi sóc, trong khi những cậu trai nhỏ hơn chưa đủ mạnh để làm các thứ công việc nặng nhọc. Jackson thu xếp

1 Nguyên tác tiếng Anh: *The tale of two cities*.

đi làm công cho họ trong mùa gặt hái. Anh được đưa vào nhà ăn chung với những người khác và anh ngạc nhiên phát hiện những cô gái kia rất xúc động bởi rồi khi họ mang thức ăn tới cho anh, và họ chẳng hề cảm như anh tưởng. Những người mẹ giám sát các cô gái, anh nhận thấy thế, trong khi những người cha để mắt tới anh. Anh cảm thấy hài lòng đã làm cho các bậc phụ huynh vừa ý. Họ nhận ra không có gì quá mực nơi anh. Rất an toàn.

Và tất nhiên với Belle càng chẳng cần phải đề cập tới. Cô ta – theo anh biết được – lớn hơn anh mười sáu tuổi. Nhắc tới điều đó, thậm chí nói đùa, cũng làm cho mọi thứ hồng hét. Cô là một phụ nữ, anh là một người đàn ông, thế thôi.

Thị trấn nơi họ đến sắm sửa khi cần tên là Oriole. Nó nằm ngược hướng với thị trấn nơi anh lớn lên. Anh cột con ngựa vào kho sau nhà thờ, bởi vì tất nhiên không có một cái cọc buộc ngựa nào trên đường chính cả. Đầu tiên anh có phần ngờ vực chỗ bán dụng cụ và hiệu cắt tóc, nhưng rồi anh nhận ra một điều ở những thị trấn nhỏ, một điều lẽ ra anh phải biết, vì đã từng lớn lên trong một thị trấn như thế. Người ta chẳng có mấy thứ mà làm với nhau, ngoại trừ nhiệt tình dành cho các trận đấu bóng chày hoặc khúc côn cầu, khi các phe vờ cuồng nhiệt đối đầu nhau. Khi phải mua sắm những thứ mà tiệm quán trong thị trấn mình không có, họ tới các thành phố lớn. Cũng thế khi

muốn gặp bác sĩ khác để tham vấn, ngoài những bác sĩ tại chỗ. Anh không gặp một người quen biết nào, chẳng ai tò mò về anh, mặc dù khi thấy con ngựa thường người ta liếc nhìn lần nữa. Trong những tháng mùa đông, họ còn không thèm nhìn lại vì những con đường sau nhà không hề được xúc tuyết, những người mang sữa tới các xưởng chế biến sữa hay mang trứng tới bán ở các tiệm tạp hóa cũng phải đi ngựa cũng như anh và Belle.

Belle lúc nào cũng dừng lại để coi rạp đang chiếu phim gì dù cô không có ý định mua vé. Kiến thức của cô về phim ảnh và các diễn viên màn bạc rất phong phú nhưng đã lỗi thời nhiều năm trước đó, xưa chẳng kém Matilda và Stephen. Chẳng hạn cô kể diễn viên Clark Gable ngoài đời đã kết hôn với cô nàng nào trước khi thủ vai Rhett Butler.

Chẳng bao lâu sau Jackson cũng phải đi ra ngoài để cắt tóc khi tóc quá dài và mua thuốc lá khi anh hết thuốc. Bây giờ anh hút thuốc như một người nông dân, tự quán lấy và không bao giờ đốt thuốc khi ở trong nhà.

Trong một thời gian, không ai bán xe hơi cũ, nhưng khi chúng được rao bán, những kiểu xe đời mới nhất cũng vừa xuất hiện. Những người nông dân kiếm được tiền trong thời chiến tranh sẵn sàng bán xe cũ, và anh đem chuyện mua xe ra bàn với Belle. Con ngựa Freckles đã già lắm, có trời biết bao nhiêu tuổi, trở nên bướng bỉnh khi lên dốc.

Anh nhận ra rằng người bán xe hơi cũng để ý đến con ngựa mặc dù không ai nói gì trong một lần gặp nhau.

“Lúc nào tôi cũng tưởng anh và em gái anh là người Mennonite nhưng thuộc nhóm mặc trang phục khác,” người bán xe nói.

Câu nói ấy làm Jackson giật mình, nhưng còn đỡ hơn khi ông ta nhắc đến quan hệ hai người. Nó làm anh nhận ra rằng anh đã già đi biết bao và thay đổi biết bao qua năm tháng, người đàn ông đã nhảy khỏi xe lửa, người lính gầy gò mệt mỏi sau chiến tranh kia đã biến đổi biết bao trong hình dạng của gã đàn ông bây giờ. Trong khi Belle, như anh thấy, đã dừng chân tại một điểm nào đó trong đời, và vẫn mãi là một đứa trẻ lớn mà thôi. Và cách trò chuyện của cô càng làm cho ấn tượng này thêm sâu đậm, đắm vào trong quá khứ rồi thoát ra như thể cô chẳng hề phân biệt giữa chuyến lên thị trấn gần đây của họ và cuốn phim cuối cùng mà cô đã đi coi cùng với mẹ và cha, hay là dịp vui xưa xưa khi con bò Margaret Rose – bây giờ đã chết – một ngày nọ hất sừng vào chàng trai trẻ Jackson về mặt lo âu.

Chiếc xe hơi thứ hai mà họ có, một chiếc xe cũ, tất nhiên, đã đưa họ tới Toronto mùa hè năm 1962. Đó là một cuộc đi mà họ không dự định trước, xảy ra vào một thời điểm hơi treó ngoe đối với Jackson. Anh đang phải xây chuồng ngựa cho những người Mennonite, lúc này họ đang bận rộn với mùa màng gặt hái, và anh cũng phải thu gặt vườn rau của mình mà anh đã bán trước cho tiệm tạp hóa ở Oriole. Nhưng Belle có một khối u mà cuối cùng anh cũng

thuyết phục được rằng cô nên để tâm tới nó, giờ lịch mớ cho cô đã định.

Thay đổi biết bao nhiêu, Belle cứ nhắc đi nhắc lại. Anh có chắc là chúng ta còn ở Canada không đấy?

Đó là trước khi họ vượt qua thị trấn Kitchener. Khi họ đã vào được xa lộ cao tốc, cô đâm ra hết sức cảnh giác, van nài anh tìm một đường nhỏ để đi hay là quay ngược đầu xe chạy về nhà cho xong. Anh trả lời có phần gắt gỏng – giao thông trên đường cũng làm chính anh kinh ngạc. Cô liền im lặng suốt cả buổi sau đó, và anh không biết việc cô nhấm mắt lại là vì cô đã đầu hàng hay vì đang cầu nguyện. Anh chưa bao giờ thấy cô cầu nguyện cả.

Ngay cả sáng nay cô cũng còn muốn làm anh đổi ý kiến ra đi. Cô bảo khối u đang nhỏ lại chứ đâu không phải lớn ra. Bởi vì bảo hiểm y tế bây giờ sẵn quá, cô nói, nên chẳng ai chịu suy nghĩ gì cả mà cứ chạy tới khám bác sĩ mỗi khi có chuyện lo lắng, và làm cho đời sống của họ trở thành một chuỗi dài những ngày nằm bệnh viện, mổ xẻ, những thứ chẳng ích gì hơn là kéo dài quãng thời gian phiền muộn cuối đời.

Rồi cô trấn tĩnh lại và vui vẻ lên khi họ rẽ khỏi đường cao tốc và chạy vào thành phố. Họ thấy mình đang chạy dọc con đường đại lộ, và mặc dù tất cả những lời ca thán về chuyện mọi sự đã thay đổi, cô vẫn còn đủ sức nhận ra ở mỗi góc đường những cảnh vật mà cô đã từng biết. Đây là căn hộ tập thể mà một trong những thầy giáo dạy ở trường Strachan từng sống. Ở tầng hầm của nó có một quán tạp

hóa bán sữa và thuốc lá và báo chí các loại. Không kì lạ sao, cô nói, nếu mình vào đó và tìm được một tờ báo *Điện tín*, không chỉ có tên của cha cô mà còn cả bức hình vàng ố, chụp khi tóc ông còn xanh?

Cô bật tiếng kêu nhỏ, cuối con đường cắt ngang cô nhìn thấy nhà thờ – cô thề rằng đó chính là cái nhà thờ ấy – nơi cha mẹ cô đã làm lễ kết hôn. Họ đã từng đưa cô đến đó cho biết, mặc dù đó không phải là nhà thờ mà gia đình cô thường đi lễ. Thật ra họ cũng chẳng đi lễ bao giờ. Chỉ là trò đùa thôi. Cha cô bảo họ đã làm lễ kết hôn ở dưới tầng hầm nhưng mẹ cô nói, hôn lễ diễn ra ở phòng áo lễ.

Đó là thời mẹ cô còn nói năng dễ dàng lưu loát, như mọi người.

Có lẽ lúc ấy có một thứ đạo luật rằng phải làm hôn lễ trong nhà thờ, nếu không là không hợp pháp.

Ở Eglinton cô nhìn thấy một bảng hiệu của xe điện ngầm.

“Nghĩ mà xem, em chưa bao giờ đi xe điện ngầm.”

Cô nói thế với một vẻ lẫn lộn giữa xót xa và tự hào.

“Vẫn còn ngờ ngác thế đấy.”

Người ta đã sẵn sàng mọi thứ cho cô ở bệnh viện. Cô tiếp tục trò chuyện một cách vui vẻ với họ về nỗi hoảng sợ của cô khi chạy trên đường xa lộ, về những thay đổi trong thành phố. Cô tự hỏi liệu còn có những màn trình diễn vào ngày lễ Giáng sinh ở khu thương xá Eaton nữa hay không. Và có còn ai đọc tờ nhật trình *Điện tín* nữa hay không?

“Chị nên lái xe đi qua khu phố Tàu,” một y tá bảo cô.

“Bây giờ đó là một khu rất lí thú.”

“Khi trở về nhà tôi sẽ đi qua đó để coi.” Cô cười và bảo, “nếu tôi còn có cơ hội về nhà.”

“Ồ, chị đừng có nói nhảm.”

Một người y tá khác nói chuyện với Jackson, hỏi anh đậu xe ở đâu, hướng dẫn anh dời xe để khỏi bị phạt. Người này cũng chỉ cho anh phòng trọ dành cho thân nhân người bệnh ngoại thành, rẻ hơn nhiều so với khách sạn.

Họ bảo anh, lúc này cô Belle được đưa vào giường nghỉ. Một vị bác sĩ sẽ tới khám cho cô, lát nữa Jackson có thể vào chúc cô ngủ ngon. Anh có lẽ sẽ thấy cô hơi lừ đừ vào lúc ấy.

Cô nghe được, và bảo rằng thật ra lúc nào cô cũng lừ đừ, thế nên anh chẳng có gì phải ngạc nhiên, không khi vui vẻ lên một lúc. Người y tá dẫn anh tới để kí một thứ giấy tờ gì đó trước khi anh ra ngoài. Trước câu hỏi về mối quan hệ với cô, anh lưỡng lự. Rồi anh viết: “Bạn.”

Khi anh trở lại vào buổi chiều anh nhận ra sự thay đổi, mặc dù không thể nói là Belle lừ đừ. Họ đã mặc cho cô thứ áo choàng giống như một cái túi màu xanh lá cây, khiến cổ và hai cánh tay lộ ra. Anh rất ít khi nhìn thấy cô ăn mặc như thế, cũng không để ý sợi gân thô ráp kéo dài từ xương quai xanh lên cằm cô.

Cô bực tức vì miệng trở nên khô ngắt.

“Họ không cho ăn uống gì cả ngoài một chút xíu nước nhấp miệng thôi.”

Cô muốn anh ra ngoài kiếm một chai Coke, thứ mà cô chưa hề uống trong đời như anh được biết.

“Có một cái máy bán nước ở cuối hành lang – thế nào cũng có. Em thấy mọi người đi ngang tay cầm chai nước, càng khiến em khát nữa.”

Anh bảo cô anh không dám cãi lệnh y tá.

Nước mắt trào ra trên má cô và cô quay mặt đi hờn dỗi.

“Em muốn về nhà.”

“Em sẽ về sớm thôi.”

“Anh có thể tìm được áo quần cho em mà.”

“Không, anh không tìm thấy.”

“Nếu anh không tìm được thì em sẽ tìm. Em sẽ tới nhà ga một mình.”

“Không còn xe lửa chở khách chạy tới chỗ chúng mình nữa đâu.”

Bỗng nhiên dường như cô bỏ ý định chạy trốn. Trong giây lát cô bắt đầu nhớ đến căn nhà và tất cả những công việc sửa chữa tân trang mà họ – hầu hết là anh – đã làm. Màu sơn trắng óng ánh bao phủ căn nhà, và ngay cả căn bếp đằng sau cũng được sơn trắng và lót ván sàn. Mái nhà được lợp lại và các cửa sổ được phục dựng lại theo kiểu xưa mộc mạc, thú vị nhất là hệ thống ống nước suối, thật là một niềm vui trong những ngày đông lạnh giá.

“Nếu ngày trước anh không tới chỗ của em, chẳng mấy chốc thì em đã phải sống trong một cái ổ chuột.”

Anh không nói ra ý kiến của mình vì cô đã nói rồi.

“Khi em rời khỏi bệnh viện này em sẽ làm một tờ đi

chúc,” cô nói. “Tất cả là của anh. Để cho những ngày anh bỏ công sức ra không phải là lãng phí.”

Tất nhiên anh cũng nghĩ tới chuyện đó nữa, và hẳn cũng hài lòng trước viễn cảnh được sở hữu một tài sản, dù thường anh sẽ bày tỏ một cách thân thiết và thành thực niềm hy vọng rằng đừng có điều gì bất ngờ xảy đến trong tương lai gần thì hơn. Nhưng lần này anh nhãng đi. Làm như câu cô nói chẳng dính dáng gì tới anh, vốn đang ở nơi nào xa lắc.

Cô bỗng trở nên bực bội trở lại.

“Trời ơi, ước gì em đang ở nhà chứ không phải ở đây.”

“Em sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nhiều khi em thức dậy sau cuộc giải phẫu.”

Mặc dù từ tất cả những điều anh nghe được, đó thực ra là một lời nói dối trắng trợn.

Bỗng nhiên anh cảm thấy thật mệt mỏi.

Thật ra anh đã nói gần đúng sự thực hơn là anh tưởng. Hai ngày sau cuộc giải phẫu để lấy khối u ra, Belle đã ngồi dậy được, trong một phòng khác, mong ngóng được gặp anh và chẳng hề lấy làm phiền lòng với tiếng rên rỉ của người đàn bà nằm giường bên, chỉ cách một bức màn. Cô ta cũng giống với Belle ngày hôm qua khi anh cố mấy cũng không làm cô mở mắt ra được hay nhận biết anh chút nào.

“Đừng để ý đến chị ấy, Belle nói. “Chị ta hoàn toàn không tự chủ. Có lẽ cũng chẳng cảm nhận được gì. Thế

nhưng đến ngày mai lại tươi rói như đồng bạc mới thôi. Mà cũng có thể trái lại.”

Một nét gì nhuốm vẻ thỏa mãn, quyền uy lộ ra, kiểu cựu chiến binh từng trải chai sạn. Cô ngồi trên giường uống một thứ nước màu cam gắt qua cái ống hút gấp cong lại. Cô trông trẻ hơn nhiều so với người đàn bà mà anh đã chở tới bệnh viện chỉ một thời gian ngắn trước đây.

Cô muốn biết anh có ngủ đủ giấc không, có tìm được nơi nào ăn uống cho vừa ý không, thời tiết có nóng lắm không khi anh đi bộ, liệu anh có thời giờ đi viếng thăm viện bảo tàng Hoàng Gia Ontario hay không, vì cô nhớ đã từng khuyên anh làm thế.

Nhưng cô không thể tập trung lắng nghe câu trả lời của anh. Đường như cô đang phấn khích. Một sự sung sướng giữ được chừng mực.

“Ồ em phải kể anh nghe chuyện này,” cô ngắt ngang ngay lúc anh tìm cách giải thích vì sao anh chưa tới viện bảo tàng. “Ồ, anh đừng căng thẳng thế. Anh làm em muốn cười phá lên với vẻ mặt như vậy, làm chỗ mổ của em đau lắm. Mà làm sao em lại nghĩ tới chuyện cười cợt được nhỉ? Chuyện em định kể hết sức buồn rầu. Một bi kịch. Anh biết cha em chứ, em đã nói với anh về cha em...”

Anh để ý thấy cô gọi là “cha” chứ không gọi thân mật là ba hay bố nữa.

Cha em và mẹ em.

Có vẻ cô đang sắp xếp ý nghĩ và bắt đầu kể.

“Căn nhà hồi ấy thật ra đẹp hơn là lúc anh mới đến. Coi nào, đúng vậy. Mọi người dùng cái phòng ở phía trên cầu thang làm phòng vệ sinh. Tất nhiên phải khiêng nước lên xuống. Chỉ sau này, khi anh tới, em mới dùng nhà vệ sinh dưới lầu. Có cái kệ trong đó, anh nhớ không, hồi xưa dùng để chén bát ấy?”

Sao cô lại không nhớ rằng chính anh là người đã dọn cái kệ ra và khiêng vào phòng tắm?

“Thế à? Có gì quan trọng đâu?” Cô bảo, như thể đang dôi theo ý nghĩ của anh. “Thế là hồi xưa em đun nóng nước và khiêng lên tầng trên để tắm rửa kì cọ. Và cởi hết áo quần ra. Hẳn phải thế. Có một cái gương lớn ở trên bồn tắm nhé, nhà tắm có bồn hẳn hoi, chỉ có điều là khi xong rồi thì phải tháo cái nút ra cho nước bắn chảy lại vào xô khi mình tắm xong. Bồn cầu thì nằm chỗ khác. Thế rồi em tắm rửa, trần trụi, tất nhiên rồi. Lúc đó vào khoảng chín giờ tối nên trời vẫn còn sáng. Mùa hè mà, em kể chi tiết đó chưa nhỉ? Rằng căn phòng nhỏ ấy hướng về phía Tây?”

Thế rồi em nghe tiếng bước chân và tất nhiên đó là ba. Cha em. Chắc ông vừa mới đặt mẹ em vào giường. Em nghe tiếng bước chân lên cầu thang và để ý chúng có vẻ nặng nề. Có một cái gì không bình thường. Rất cân nhắc. Hoặc có thể đó chỉ là ấn tượng của em sau đó thôi. Người ta có khuynh hướng kịch tính hóa mọi chuyện sau đó. Tiếng bước chân dừng lại ngay trước cửa phòng tắm và

nếu khi đó em có nghĩ gì, thì đại loại là, ồ ông ấy chắc là mệt lắm. Em không cài then cửa vì đơn giản là không có. Bất cứ người nào cũng hiểu rằng đang có một người khác ở bên trong nếu cửa đang đóng kín lại.

Thế rồi ông ấy đứng đó phía ngoài cánh cửa và em không nghĩ tới bất cứ chuyện gì. Rồi ông ta mở cánh cửa ra và đứng đó nhìn em. Thế là em phải nói điều em nghĩ. Nhìn sững vào em, không phải nhìn mặt. Mặt em nhìn vào gương và ông ấy nhìn vào em ở trong gương và nhìn vào một cái gì đằng sau em mà em không thấy. Đó không thể là một cái nhìn bình thường.

Em phải nói cho anh nghe điều em nghĩ khi đó. Em nghĩ, ông ta bị mộng du. Em không biết phải làm gì vì không được làm người đang mộng du giật mình mà.

Nhưng rồi ông ấy nói, 'Xin lỗi,' và em biết là ông không phải đang ngủ. Nhưng ông nói với một giọng rất buồn cười, em muốn nói là một giọng rất lạ, như thể đang cảm thấy căm ghét em. Hoặc đang tức giận em, không rõ. Rồi ông để cửa mở như thế và bước thẳng xuống nhà. Em lau khô người, mặc áo ngủ vào, lên giường và ngủ ngay. Khi em thức dậy buổi sáng, trong bồn còn nguyên nước em chưa tháo ra, em không muốn tới gần chỗ nước đó nữa, nhưng rồi cũng phải dọn.

Nhưng mọi chuyện có vẻ bình thường trở lại, cha em đã thức dậy và ngồi đánh máy. Ông la lớn chào buổi sáng và hỏi em cách đánh vần một vài chữ. Ông thường hay

hỏi thế, vì em vốn đánh vắn rất giỏi. Em giúp ông và nói ông nên học cách đánh vắn cho giỏi nếu muốn là một nhà vắn, nếu không thì chẳng hy vọng gì. Nhưng đến một lúc nào đó về cuối ngày khi em đang rửa chén bát, ông tới đứng sau lưng làm em cứng người lại. Rồi ông nói, 'Belle, xin lỗi con.' Và em liền nghĩ, ước gì cha em đừng nói thế. Lời nói ấy làm em sợ hãi. Em biết quả thực rằng ông cảm thấy có lỗi nhưng ông đã nói điều ấy một cách công khai đến mức em không thể giả lơ được. Lúc đó em chỉ nói, 'Không sao,' nhưng em không ép mình nói một cách nhẹ nhàng tự nhiên hoặc ra vẻ rằng mọi chuyện không sao thật.

Đúng là em không thể. Em phải nói cho cha em biết rằng ông ta đã làm thay đổi tất cả. Em đi đổ nước rửa chén bát rồi quay lại với công việc của mình, không nói thêm gì cả. Sau đó em giúp mẹ ngồi dậy sau giấc nghỉ trưa, chuẩn bị bữa ăn tối và gọi cha em nhưng ông không lại. Em báo với mẹ rằng chắc là cha đi bộ một lát. Ông thường làm thế khi đang viết mà bị bế tắc. Em giúp mẹ cất thức ăn, nhưng không thôi nghĩ về những chuyện xấu xa. Về những tiếng động mà thỉnh thoảng em vẫn nghe vọng lại từ phòng họ và em phải bịt tai lại để khỏi nghe. Giờ đây em tự hỏi khi mẹ em ngồi đó ăn tối, rằng bà nghĩ gì về chuyện ấy hay có biết gì không.

Em không biết cha em đi đâu. Em đưa mẹ vào giường ngủ mặc dù đó là việc của ông. Thế rồi em nghe tiếng xe lửa chạy xình xịch tới và cùng lúc sự chấn động, tiếng

rít hãm phanh và em biết ngay điều gì đã xảy ra, mặc dù không nói được chính xác trong lòng em ngầm biết chuyện ấy từ khi nào.

Em đã nói cho anh nghe rồi. Em đã nói cha em bị xe lửa cán.

Nhưng bây giờ em phải nói thêm điều này. Không phải em nói để càng đau khổ thêm. Đầu tiên em không chịu nổi và trong một thời gian dài em thực sự làm cho bản thân tin rằng cha em đã đi bộ dọc theo đường ray, tâm trí mãi nghĩ ngợi về cuốn sách mà không hề nghe tiếng xe lửa đang chạy tới. Đó là một câu chuyện rất hợp lí. Em sẽ không muốn nghĩ có chuyện gì liên hệ tới em hoặc cái lí do thực sự của nó.

Tình dục.

Chừng như mãi đến bây giờ, em mới thực sự hiểu rõ ràng chuyện ngày xưa, và biết rằng đó không phải là lỗi của ai cả. Đó là lỗi của tình dục con người trong một bối cảnh đầy bi kịch. Em lớn lên ở đó, mẹ em thì như thế, và cha em, một cách tự nhiên phải là như thế. Không phải lỗi ở em mà cũng không phải lỗi ở ông ấy.

Cần có một sự thừa nhận, đó là tất cả những điều em muốn nói, cần có những nơi để người ta tìm tới nếu lỡ rơi vào một tình huống nào đó. Và cũng không nên quá xấu hổ hay cảm thấy tội lỗi nặng nề về nó. Nếu anh nghĩ em muốn nói rằng xã hội cần có nhà thổ, thì anh nghĩ đúng

rồi đấy. Nếu anh nghĩ về các cô gái làm tiền anh cũng đúng luôn. Anh có hiểu em không?”

Jackson nhìn qua đầu cô, trả lời có.

“Em cảm thấy nhẹ nhàng. Không phải vì em không còn cảm nhận tấn bi kịch kia. Nhưng em đã vượt ra ngoài bi kịch ấy, đó là điều em muốn nói. Đó chỉ là lầm lỗi của giống người. Anh không được nghĩ rằng bởi vì em đang mỉm cười thì em không có lòng thương cảm. Em thực lòng thương cảm sâu xa. Nhưng em cũng phải nói rằng em cảm thấy thanh thản. Em phải nói rằng gần như em cảm thấy sung sướng. Anh không thấy bối rối khi nghe em nói những lời này chứ?”

“Không.”

“Anh nhận ra rằng em đang ở trong một tình trạng bất thường. Em biết em đang bất thường. Mọi thứ trở nên rõ ràng. Em thật cảm kích điều ấy.”

Người đàn bà nằm ở giường bên cạnh không thấy kêu la rên rĩ gì nữa, suốt cả cuộc nói chuyện. Jackson cảm thấy như sự kìm nén đó cũng xuyên vào tâm trí anh.

Anh nghe tiếng giày lách cách của người y tá trên hành lang và hy vọng rằng họ sẽ vào phòng. Quả nhiên họ đến.

Người y tá bảo rằng cô mang đến phần thuốc uống trước khi đi ngủ. Anh sợ rằng cô này nhắc anh hôn tạm biệt Belle. Anh để ý rằng trong bệnh viện cũng có rất nhiều người hôn nhau kiểu ấy. Anh cảm thấy hài lòng khi đứng dậy về mà không ai nhắc nhở gì chuyện ấy.

“Hẹn gặp lại ngày mai.”



Hôm sau anh thức dậy sớm và quyết định đi bộ một lát trước bữa điểm tâm. Anh ngủ khá ngon nhưng tự nhủ cần phải thoát ra khỏi không khí bệnh viện một lát. Không phải vì anh quá lo lắng trước những thay đổi diễn ra ở Belle. Anh tin rằng rất có thể hoặc gần như chắc chắn là cô sẽ trở lại bình thường hoặc hôm nay hoặc trong vài ngày nữa. Cô có thể không còn nhớ gì về câu chuyện đã kể. Nếu thế thì quá tốt.

Mặt trời lên khá cao, mùa này trong năm thì thường thế, những chiếc xe buýt và xe điện đã đầy người. Anh đi bộ về phía Nam một lát rồi quành qua hướng Tây về phía đường Dundas, thoáng một cái đã thấy mình đang ở khu phố Tàu mà anh thường nghe nói tới. Nhưng đông rau củ quen thuộc lẫn lộn lắm đang được đẩy vào các tiệm quán, những con vật nhỏ đã lột da trông rõ là thức ăn được treo lên để bán. Đường phố đầy xe tải đậu bừa không hợp lệ và tiếng Hoa được nói với giọng âm ỉ rần rần. Tiếng Hoa. Chất giọng cao như đang có đánh nhau, nhưng có lẽ đối với họ là chuyện bình thường. Thấy đi đến đây đã tạm đủ, anh rẽ vào một hiệu ăn của người Tàu nhưng quảng cáo có món điểm tâm với trứng và thịt heo hun khói. Khi ra khỏi tiệm ăn anh định sẽ đi ngược lại lối cũ.

Nhưng thay vì vậy anh lại thấy mình tiếp tục đi về hướng Nam. Anh rẽ vào con phố thuộc khu dân cư, hai bên là nhà xây bằng gạch cao và khá hẹp. Chúng chắc là được xây dựng

trước khi dân cư ở đây cảm thấy cần thiết phải có những con lộ cho xe chạy, hay có khi trước khi họ tậu được xe hơi. Anh đi bộ cho đến khi nhìn thấy bảng tên đường Queen, trước đây từng nghe nhắc đến. Anh lại rẽ về hướng Tây, đi thêm vài khu phố nữa thì đường đi bị tắc. Phía trước một tiệm bán bánh ngọt, anh lọt vào một nhóm người tụ tập.

Họ dừng lại bởi một chiếc xe cứu thương đậu ngay trên lề đường chắn lối. Một vài người than phiền vì bị trễ giờ và hỏi lớn tiếng là xe cứu thương mà đậu trên lề chắn lối như thế thì có hợp pháp không, trong khi những người khác trông có vẻ điềm tĩnh hơn thì tán gẫu với nhau về chuyện xảy ra. Có người nói tới cái chết, một vài người nhắc đến kẻ này người nọ, cũng có người bảo rằng chỉ có trong trường hợp như thế thì mới được đậu xe ngang đường như vậy.

Một người đàn ông cuối cùng được khiêng ra trên cáng, rõ ràng là chưa chết, vì nếu không người ta đã lấy khăn che mặt ông lại. Nhưng ông ta bất tỉnh và da mặt tái xám như xi măng. Ông ta không được khiêng ra qua ngã tiệm bánh, như một vài người đoán đùa – có ý châm biếm về chất lượng của món bánh ngọt trong tiệm ấy – mà đi qua cửa chính của tòa nhà cao tầng. Đó là một tòa nhà chung cư bằng gạch khá đẹp, năm tầng, tiệm giặt và tiệm bánh ngọt ở tầng trệt. Tên tòa nhà được khắc trên cánh cửa chính, cho thấy quá khứ kiêu hãnh mà không kém phần nông nổi của nó.

Bonnie Dundee.

Một người đàn ông không mặc đồ đồng phục cứu thương

đi ra sau cùng. Ông ta đứng đó nhìn một cách bức bối vào đám đông lúc này đang tìm cách giãn ra. Chỉ còn một việc cần chờ nữa là tiếng còi hú rền rĩ của xe cứu thương khi nó bắt đầu chuyển bánh xuống đường và lao vút đi.

Jackson nằm trong số những người không cần vội vã bỏ đi ngay. Anh cũng không phải là người hay tò mò về mấy chuyện này, chỉ chờ đợi một bước ngoặt không thể nào tránh được của một điều anh đang chờ đợi, mang anh trở lại nơi anh đã ra đi. Người đàn ông mới xuất hiện từ tòa nhà bước tới phía anh và hỏi liệu anh có đang vội không.

Không. Không có việc bận gì đặc biệt.

Ông ta là chủ của tòa nhà. Người bệnh được chở đi trên xe cứu thương là người dọn dẹp vệ sinh và là quản lí của tòa nhà.

“Tôi phải tới bệnh viện xem anh ta có việc gì không. Hôm qua còn khỏe mạnh lắm. Chẳng bao giờ than phiền. Không có người thân nào để tôi gọi báo tin, theo như tôi biết. Tệ nhất là tôi không tìm được chìa khóa, trên người anh ta cũng không, mà ở nơi anh ta thường để cũng không. Vì vậy tôi phải chạy về nhà tìm bộ chìa khóa riêng của mình, liệu anh có vui lòng coi sóc chỗ này một lát trong khi tôi đi vắng được không? Tôi phải về nhà và chạy tới bệnh viện nữa. Tôi có thể nhờ những người thuê nhà ở đây nhưng tôi không muốn, anh biết đấy. Tôi không muốn họ sau này cứ theo hỏi han làm phiền mình về chuyện mà chính tôi cũng còn chưa rõ ra sao cả.”

Ông ta hỏi lại một lần nữa liệu Jackson có chắc chắn là anh không lấy làm phiền không và Jackson nói yên tâm, anh không phiền.

“Xin anh để ý những người đi ra đi vào, hỏi chìa khóa của họ. Nói với họ chịu phiền giùm, có chuyện khẩn cấp, sẽ không lâu lắm đâu.”

Ông ta bỏ đi nhưng rồi quay lại, nói thêm.

“Anh ngồi xuống cho khỏe.”

Có một cái ghế mà Jackson không để ý. Gập lại và đẩy qua một bên để xe cứu thương có chỗ đậu. Kiểu ghế bằng vải bạt nhưng khá tiện lợi và chắc chắn. Jackson ngồi xuống, đầy biết ơn, chọn chỗ không ảnh hưởng gì đến khách bộ hành qua lại hay những cư dân của tòa nhà. Không ai để ý đến anh. Anh định nói với ông chủ nhà về vụ bệnh viện và thực ra là anh cũng không rời đó lâu quá được. Nhưng ông ta có vẻ vội vàng, có quá nhiều điều phải suy nghĩ và cũng đã nói rõ rằng ông sẽ quay trở lại nhanh nhất có thể.

Khi đã ngồi xuống ghế, Jackson mới nhận ra sớm giờ mình đi bộ nhiều đến chừng nào.

Người đàn ông có dặn anh đi kiếm một li cà phê và cái gì đó để ăn trong tiệm bánh ngọt nếu anh cần.

“Cứ nói tên tôi với chủ tiệm là được.”

Nhưng Jackson không biết ông ta tên gì.

Khi người chủ trở lại, ông ta xin lỗi vì đã trễ. Người đàn ông được khiêng đi trên cáng đã chết. Phải sắp xếp nọ kia. Cần có một bộ chìa khóa mới. Đây rồi. Sẽ có lễ mai táng,

cho những cư dân lâu năm trong tòa nhà này có dịp chia buồn. Một thông cáo tin buồn trên báo có thể làm cho số người tham dự lễ tang tăng lên chút đỉnh. Từ giờ đến khi xong xuôi các thứ cũng mệt đây.

Vấn đề sẽ được giải quyết. Nếu Jackson đồng ý giúp. Tạm thời thôi. Tất nhiên chỉ là tạm thời.

Jackson nói đồng ý mà không bận tâm suy nghĩ nhiều, nói vâng, được rồi.

Nếu anh cần thêm một ít thời gian, thì cũng có thể được. Anh nghe người ấy – bây giờ là ông chủ của mình – nói với anh.

Ngay sau tang lễ và thời gian thu xếp vật dụng cần thiết. Anh có vài ngày lo công chuyện và thu xếp đồ đạc.

Không cần phải thế, Jackson trả lời. Công chuyện ớn cả, tài sản của anh thì anh mang sẵn trên lưng.

Việc này gọi lên một vài tia nghi ngờ một cách tự nhiên. Vài hôm sau, Jackson không lấy làm ngạc nhiên khi nghe ông chủ mới của mình có ghé sở cảnh sát hỏi thăm. Nhưng có vẻ như mọi chuyện về anh đều tốt. Anh mới xuất hiện như một người đơn độc đã ẩn rất sâu ở một nơi nào đó thời gian qua nhưng thật ra anh chẳng làm gì phạm pháp cả.

Dường như cũng không hề có ai đang tìm kiếm anh.

Như một thông lệ, Jackson thích người già ở trọ. Cũng như anh thường thích những người độc thân. Không phải dạng sống đều đều như máy. Phải là những người có các hứng

thú riêng. Đôi khi có thể coi là có tài. Một thứ tài năng đã từng được nhận ra đầu đó, đã từng sáng chói một lần, mặc dù chưa đủ mạnh để tồn tại suốt cuộc đời họ. Một người phát thanh viên mà giọng nói quen thuộc đã từng vang lên trên đài phát thanh nhiều năm về trước trong thời kì chiến tranh nhưng giờ đây sợi dây thanh âm của ông đã bị bắn rách. Nhiều người khi ấy tin rằng ông đã chết. Nhưng ở đây ông vẫn sống trong một căn hộ độc thân, theo dõi tin tức hàng ngày, đặt mua tờ *Địa cầu và Bưu điện*, đưa cả cho Jackson mượn mỗi khi có bài nào anh muốn đọc.

Một lần, có một chuyện như vậy.

Majorie Isabella Treece, con gái của Willard Treece, cây bút lâu đời của tờ *Điện tín Toronto*, và vợ ông ta Helena (tên khai sinh Abbott) Treece, người bạn lâu năm của Robin (tên khai sinh Shillingham) Ford, đã qua đời sau một cuộc chiến đấu can đảm với bệnh ung thư. Nhật báo Oriole. 18 tháng 7, 1965.

Không hề nói người quá vãng trước đó đã sống ở đâu. Có lẽ ở Toronto, nhắc rất nhiều tới Robin. Cô có lẽ đã sống lâu hơn người ta tưởng, có lẽ đã sống những ngày cuối khá dễ chịu, tinh thần thoải mái, trước những giờ phút cuối. Cô đã chứng tỏ một khả năng thích nghi cao với hoàn cảnh. Có lẽ nhiều hơn cả anh.

Không phải anh đã dành nhiều thì giờ ngồi tưởng tượng ra căn phòng mà anh đã ở chung cùng với cô hay những công việc mà anh đã làm ở trang trại ngày xưa. Anh không

cần phải làm thế – những thứ ấy thường chỉ được nhớ lại trong giấc mơ, và cảm xúc của anh vào lúc ấy là nỗi bức tức nhiều hơn thương nhớ, như thể anh phải làm ngay lập tức một việc mà anh chưa hoàn tất.

Ở tòa nhà chung cư Bonnie Dundee, những người thuê nhà thường tỏ ra không hài lòng với những công việc gọi là sửa sang, tân trang, tin rằng mấy thứ ấy chỉ làm tăng tiền thuê nhà. Anh thuyết phục được họ, về lễ độ và phân tích lợi hại hợp lí. Tòa nhà được sửa sang đẹp hơn và có hẳn danh sách khách chờ thuê, trở thành một trong những nơi mà mọi người chờ thuê. Ông chủ than phiền rằng nó sẽ trở thành cái tổ của cánh già lẫn thần mất, nhưng Jackson bảo họ là những người ăn ở gọn gàng và cũng đủ chín chắn để không làm chuyện gì rắc rối. Có một người đàn bà đã từng chơi trong dàn nhạc giao hưởng Toronto và một nhà đầu tư lỡ thời đã lâu nhưng vẫn ôm hy vọng, và một nghệ sĩ tị nạn người Hungary giọng nói rất khó nghe nhưng đoạn quảng cáo ông đóng hãy còn phát đầu đó trên thế giới. Tất cả bọn họ đều là những người tử tế, không mấy khi thích xài tiền ngoài các tiệm ăn sang và ưa ngồi kể lể những câu chuyện của họ suốt cả buổi chiều. Họ cũng có một vài người bạn, những kẻ rất nổi tiếng, có thể xuất hiện bất ngờ khi nổi hứng thăm viếng. Thêm một điều không ai dám xem thường là chung cư có hẳn một giáo sĩ riêng, phụ trách làm lễ cho một nhà thờ đặc biệt, tùy hứng tùy thời, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng làm việc khi được yêu cầu.

Mọi người đã quen với việc đến phút cuối mới nhờ đến những nghi lễ của vị này, nhưng muộn còn hơn là bỏ qua luôn.

Một ngoại lệ là một cặp tên Candace và Quincy, không bao giờ trả đúng hạn tiền phòng và biến mất vào lúc nửa đêm. Chính người chủ tòa nhà là người chịu trách nhiệm khi họ tới thuê phòng, và ông ta tự tìm cách tha lỗi cho mình về chọn lựa sai lầm bằng cách nói rằng nơi đây cần một khuôn mặt mới. Tức là khuôn mặt của cô Candace, chứ không phải của gã bồ bịch kia. Thằng ấy đúng là một tay du thủ du thực.

Một ngày mùa hè oi ả Jackson mở cánh cửa đôi phía sau, những cái cửa để giao hàng, để không khí tràn vào trong khi anh đang đánh bóng một cái bàn. Một cái bàn xinh đẹp mà anh không tốn mấy tiền mua về vì mặt bóng của nó đã bị mòn hết. Anh nghĩ để nó ở cửa ra vào cũng hay, để đặt thư từ.

Anh có thể ra khỏi văn phòng một lát vì ông chủ đang ở đó để kiểm lại mấy món tiền thuê.

Có ai đó nhấn nhẹ chuông cửa phía trước. Jackson dợm đứng lên, rửa cọ sơn, bởi vì anh nghĩ ông chủ đang bận rộn với mấy con số, không để ý. Nhưng rồi anh nghe tiếng cửa mở và giọng một người đàn bà. Một giọng nói có vẻ mệt nhọc, nhưng vẫn truyền đi sự duyên dáng của nó. Có cái vẻ vững chãi làm cho người nghe cảm thấy an lòng.

Có lẽ cô ta sở hữu tính cách ấy từ người cha giáo sĩ. Jackson nghĩ ngay điều đó trước khi tắt cả mọi chuyện đổ ụp lên người anh.

Đây là địa chỉ sau cùng mà cô có, cô ta bảo thế, để đi tìm đứa con gái của mình. Cô ta đi tìm con gái của mình. Candace, đứa con gái có thể đi cùng với người bạn. Cô ta, tức là người mẹ đến đây từ tỉnh British Columbia. Từ thị trấn Kelowna, nơi cô ta và cha của đứa con gái đang sống.

Ileane. Jackson biết rõ giọng nói của người phụ nữ không chút nghi ngờ. Cô ta là Ileane.

Anh nghe cô hỏi rằng liệu có thể cho phép cô ngồi xuống một lát không. Rồi ông chủ kéo cái ghế của mình – tức là của Jackson – mời ngồi.

Toronto nóng hơn nhiều so với tưởng tượng của cô, mặc dù cô đã biết thời tiết bang Ontario, nơi mình đã lớn lên. Cô hỏi xin một li nước lọc.

Có lẽ người phụ nữ đang cúi mặt xuống trên hai bàn tay vì giọng nói nghe không rõ, như bị che lại. Ông chủ bước ra ngoài hành lang bỏ mấy đồng tiền cắc vào cái máy để lấy một lon nước Seven Up. Có lẽ ông nghĩ thứ đó hợp với phụ nữ hơn là Coke. Bên kia góc nhà ông nhìn thấy Jackson đang ngồi nghe và ông làm một cử chỉ gợi ý rằng anh nên tới lo liệu sự vụ này, có lẽ vì đã quen thuộc với khách hàng gặp chuyện đau khổ. Nhưng Jackson lắc đầu, quyết liệt.

Không.

Nhưng người đàn bà không phải đau khổ lâu.

Bà xin lỗi ông chủ và ông bảo trời nóng quá có thể làm người ta thêm phiền muộn.

Bây giờ nói về cô gái Candace. Hai người họ đã rời đi khoảng một tháng, độ ba tuần. Không để lại địa chỉ.

“Trong trường hợp thế này tất nhiên họ không....”

Người đàn bà nhận ra được ngụ ý của ông ngay.

“Ồ, tất nhiên tôi có thể trả tiền thuê nhà cho chúng nó.”

Có vài tiếng thì thảo, sột soạt khi cô làm việc này.

Thế rồi, “Tôi dám phiền ông cho tôi xem qua chỗ chúng ở...”

“Người khách thuê phòng ấy giờ đi vắng. Nhưng nếu anh ta đang ở trong phòng, tôi nghĩ anh ta không cho phép đâu.”

“Tất nhiên. Tôi hỏi ngớ ngẩn quá.”

“Chị có ý tìm thứ gì cụ thể chẳng?”

“Ồ không. Không. Ông chủ tốt quá. Tôi làm phiền ông rồi.”

Cô đứng dậy và họ rời đi. Ra khỏi văn phòng, xuống vài bậc thang ở trước cửa rồi cánh cửa mở ra, tiếng động ngoài phố làm lời chia tay của người phụ nữ không nghe được nếu quả có một lời chia tay. Mặc dù thất vọng cô vẫn giữ được vẻ lịch thiệp cần thiết. Jackson ra khỏi nơi ẩn nấp khi ông chủ trở lại.

“Thật ngạc nhiên,” ông ta nói, “Rốt cuộc cũng thu được tiền thuê nhà này.”

Ông ta là một người không hề tò mò, ít nhất về chuyện cá nhân. Đó là điều Jackson rất coi trọng ở ông.

Tất nhiên Jackson cũng rất muốn gặp người phụ nữ ấy. Khi cô đi rồi anh mới lấy làm tiếc bỏ lỡ cơ hội. Anh sẽ không bao giờ hỏi ông chủ tóc của cô có phải còn sẫm màu, gần như đen nhánh, cơ thể cô có còn cao gầy mảnh khảnh, với bộ ngực nhỏ bé hay không. Anh không nhớ nhiều về hình ảnh cô con gái của người ấy. Tóc cô bé màu vàng nhưng có lẽ do nhuộm. Không quá hai mươi tuổi mặc dù đôi khi cũng khó nói về tuổi tác thời buổi này. Có vẻ rất lệ thuộc vào gã người yêu. Chạy trốn khỏi gia đình, chạy trốn khỏi món nợ thuê nhà, làm cho cha mẹ mình đau khổ, tất cả vì một kẻ vợ vắn như gã trai kia.

Thế còn Kelowna ở đâu? Đâu đó về phía Tây. Bang Alberta, hay British Columbia. Tìm tới đây phải mất nhiều ngày đường. Tất nhiên bà mẹ là một người phụ nữ rất kiên trì. Một người lạc quan. Có lẽ bây giờ vẫn thế. Cô hẳn đã lập gia đình. Trừ khi đứa con gái kia được sinh ngoài giá thú, nếu thế anh sẽ ngạc nhiên tốt độ. Cô là một người rất chắc chắn, biết mình, không làm chuyện gì để tạo ra bi kịch. Đứa con gái cũng phải vậy thôi. Nó sẽ trở về nhà khi đã phiêu lưu đủ và chán chường. Nó có thể mang về nhà một đứa con nhưng bây giờ chuyện đó đôi khi cũng là một thời đại.

Một thời gian ngắn trước ngày lễ Giáng sinh năm 1940 có một cuộc náo động ở trường trung học. Nó vọng lên

tận tâng lâu ba nơi tiếng đánh máy chữ chạy rào rào, và những thứ máy khác khiến cho các tiếng động bên dưới thường không nghe được. Những nữ sinh lớn tuổi nhất trong trường ở đó – những cô gái năm trước đã học ngôn ngữ La tinh và Sinh vật và Lịch sử châu Âu, bây giờ đang học đánh máy chữ.

Một trong những cô gái ấy là Ileana Bishop, trùng hợp thay chính là con gái của vị mục sư, mặc dù không có một giám mục nào trong nhà thờ Nhất thể của cha cô. Ileana đã tới đây cùng với gia đình hồi cô bé học lớp Chín và trong suốt năm năm, do sự sắp xếp chỗ ngồi theo vần chữ cái, cô ngồi ngay sau lưng Jackson Adams. Vào lúc ấy, bản tính ngượng ngùng và im lặng nổi tiếng của Jackson đã được mọi người trong lớp quá quen, nhưng đối với cô bé này thì vẫn còn mới lắm, và trong suốt năm năm sau, vì không biết chuyện ấy, cô ta thường tỏ ra cởi mở tự nhiên. Cô bé mượn Jackson cục tẩy, ngòi bút, các dụng cụ hình học, không hẳn để làm quen mà bởi cô bé vốn có tính đàng trí. Chúng trao đổi các lời giải bài tập và chấm điểm chéo các bài kiểm tra. Khi tình cờ gặp trên đường, chúng chào nhau và đối với cô bé tiếng chào của cậu con trai cũng chỉ hơn lời nói lí nhí một chút. Không có gì nhiều để tưởng tượng thêm, ngoại trừ một vài câu đùa. Ileana không phải là một cô bé hay xấu hổ nhưng thông minh và lãnh đạm, mà cũng không thuộc loại nổi trong trường, như thế cũng phù hợp với Jackson.

Từ chỗ ngồi của mình trên bậc tam cấp, khi mọi người

kéo nhau ra ngoài để coi vụ náo động kia, Ileana ngạc nhiên thấy một trong hai đứa con trai gây chuyện âm ỉ ấy lại chính là Jackson. Đứa kia là Billy Watts. Những đứa nam sinh mới cách đây một năm còn ngồi gò lưng trên các cuốn sách và di chuyển theo qui định giữa các lớp học bây giờ đã thay đổi. Trong những bộ đồng phục của quân đội chúng trông lớn gấp đôi hồi đó, và khi chạy bộ quanh sân trường, những đôi ủng gây ra tiếng động âm ỉ. Chúng la lớn lên rằng trường học hôm nay đóng cửa vì mọi người đều phải tòng quân nhập ngũ. Chúng đem phân phát thuốc lá khắp nơi, liệng các điều thuốc lẫn đi trên sàn nhà cho những đứa con trai khác lượm lên mà hút, tụi này ngay cả cạo râu cũng còn chưa biết.

Những chàng chiến binh vô tư lự, những gã xâm lược hân hoan. Say sưa như uống rượu.

“Ta không phải là kẻ nhát gan,” bọn chúng la lớn.

Thầy hiệu trưởng tìm cách ra lệnh cho chúng trật tự trở lại. Nhưng bởi lúc ấy chiến tranh mới vừa bắt đầu và có một sự kính trọng đặc biệt lẫn tôn sùng đối với những chàng trai đã ghi danh nhập ngũ, ông không thể nào chứng tỏ được tính cứng rắn mà một năm sau mới có thể bộc lộ ra.

“Đủ rồi đấy, nào,” ông nói.

“Ta không phải là kẻ nhát gan”, Billy Watts gào với ông.

Jackson cũng mở lớn miệng chắc định nói một câu tương tự, nhưng vào lúc ấy mắt nó bắt gặp mắt của Ileana Bishop và dường như có một sự thông hiểu truyền đi giữa chúng.

Ileane hiểu Jackson thực sự cũng say, nhưng đó là để cho cậu có thể đóng vai của một kẻ say, vì vậy mức độ say của cậu vẫn trong tầm kiểm soát. (Còn Billy Watts thì say thật, say để mà say.) Biết thế, Ileane đi xuống cầu thang, mỉm cười, nhận một điếu thuốc lá mà cô bé cầm nó giữa hai ngón tay, nhưng không châm lửa. Cô cầm tay của cả hai vị anh hùng kia và dẫn thẳng chúng ra khỏi sân trường.

Một khi đã ra ngoài, bọn chúng liền đốt thuốc.

Có một sự xung đột ý kiến về chuyện ấy sau này trong giáo xứ của vị mục sư, cha của Ileane. Một số người cho rằng Ileane không hề hút thuốc, chỉ giả bộ, để làm những đứa con trai kia lảng đi, trong khi một số người khẳng định con bé đã hút. Hút thuốc lá. Con gái mục sư. Mà lại hút thuốc lá.

Billy thực đã quàng tay qua người Ileane và đã tìm cách hôn con bé một cái, nhưng nó bước sẩy chân, ngồi bệt xuống bậc tam cấp và bắt đầu gáy như một con gà trống.

Hai năm sau, nó tử trận.

Nhưng vào lúc đó Billy cần về nhà và Jackson phải kéo nó lên, quàng tay qua vai, dẫn đi. May thay nhà của Billy cũng gần trường. Bọn chúng để nó nằm đó, ngủ vùi trên bậc thang nhà mình. Thế rồi hai đứa bắt đầu trò chuyện.

Jackson không muốn về nhà. Tại sao? Bởi vì bà mẹ kế của nó ở đó, Jackson bảo. Nó ghét bà kế mẫu. Tại sao? Không lí do nào cả.

Ileane biết mẹ Jackson chết trong một tai nạn xe hơi khi Jackson còn bé bỏng – điều đó giải thích tại sao nó thường

hay xấu hổ. Con bé nghĩ có lẽ nhờ uống rượu mà chàng trai đâm ra nói nhiều, nhưng nó cũng không muốn làm Jackson phải nhắc thêm nữa về chuyện buồn ấy.

Thôi được, con bé bảo. Bạn có thể ở lại nhà mình.

Tình cờ lúc ấy mẹ Ileana vắng nhà, vì phải săn sóc bà ngoại của Ileana đang ốm. Cô bé phải lo toan nhà cửa cho cha mình và hai đứa em trai nhỏ, mọi thứ rối tung. May mà bà đi vắng. Không phải vì mẹ của con bé sẽ làm lớn chuyện, nhưng bà sẽ muốn biết ai đã đi ra đi vào nhà mình và đứa con trai kia là ai? Tối thiểu thì bà cũng bắt Ileana đi học trở lại bình thường.

Một chàng lính và một cô thiếu nữ, bỗng nhiên có dịp gần gũi. Trước đó giữa hai người chỉ có toán lôgarit và phép biến cách văn phạm.

Cha của Ileana không chú ý đến chúng. Ông đang bận tâm đến chiến tranh nhiều hơn những việc thuộc bốn phạm mục sư mà giáo dân trông đợi, do đó ông cảm thấy càng tự hào vì bỗng có quân nhân đang ở trong nhà mình. Ông cũng thấy áy náy vì không thể cho con gái học lên đại học. Ông phải tiết kiệm tiền vì với đồng lương mục sư, ông còn phải để dành lo cho hai đứa con trai. Vì vậy ông trở nên dễ dãi đối với Ileana.

Jackson và Ileana không tới rạp chiếu bóng. Chúng cũng không tới sân khiêu vũ. Chỉ đi dạo, trong bất kì thời tiết nào và thường khi trời đã tối. Đôi lúc chúng tới các tiệm ăn, uống cà phê nhưng không tìm cách làm quen với bất kì ai khác. Hai đứa này có chuyện gì vậy, hay chúng yêu

nhau? Khi đi bộ có khi chúng chạm tay nhau và Jackson cố gắng quen với chuyện ấy. Thế rồi cô gái biến chuyện va chạm tình cờ thành ra cố ý, cậu trai nhận thấy hóa ra cậu cũng có thể làm quen với chuyện ấy luôn, vượt qua được cảm giác ngượng ngùng khó chịu.

Nó trở nên bình tĩnh, thậm chí sẵn sàng để hôn.

Ileane một mình tới nhà Jackson để lấy cái ba lô cho nó. Người mẹ kế của Jackson nhướn mày, cười phô hàm răng giả lóng lánh và cố ra vẻ sẵn sàng nghe chuyện đùa.

Bà ta hỏi chúng đã làm gì với nhau.

“Cháu nên cẩn thận cái chuyện đó đi,” bà nói.

Người phụ nữ này nổi tiếng bạo mồm. Hay nói bậy, thực ra là thế.

“Cháu hỏi thằng bé coi nó còn nhớ chính ta đây từng rửa dít cho nó hay không,” bà ta tiếp. “Ta cá là nó còn nhớ đó.”

Ileane kể lại chuyện này, bảo rằng nó cố tỏ ra lịch thiệp quá mức, thậm chí hơi kiêu kì, vì nó không thể nào chịu đựng nổi cái bà kia.

Nhưng Jackson đỏ mặt, bối rối, tuyệt vọng, hết như khi khi bị đặt câu hỏi trong lớp.

Lẽ ra em không nên nhắc tới bà ta làm chi, Ileane nói vậy.

“Chắc sống trong nhà mục sư thế này, anh phải chịu đủ kiểu giễu nhại rồi.”

Jackson bảo, không có gì.

Đó là lần cuối Jackson về phép. Hai đứa viết thư cho nhau. Ileana kể trong thư cô đã học xong lớp đánh máy chữ và tốc kí và đã nhận được việc làm trong văn phòng thị sảnh. Nay cô trở nên hài hước hơn về mọi chuyện, hơn cả hồi đi học. Có lẽ cô nghĩ rằng người đang ở chiến trường cần vui đùa. Và cô cũng muốn biết mọi chuyện từ phía anh. Cuộc hôn nhân vội vàng của họ cần được làm thủ tục ở Phòng Chánh sự, nhưng cô muốn lễ cưới sẽ được thu xếp bởi công ty Cô dâu trinh nữ kia.

Cô kể một số mục sư tới thăm nhà cô và ngủ ở phòng dành riêng cho khách, không biết cái giường nệm có tạo ra giấc mơ kì quái cho họ hay không.

Anh viết về những đám đông trên con tàu *Hòn đảo nước Pháp* và hành trình gian nan để tránh các tàu ngầm quân sự của Đức. Khi tới nước Anh, anh mua một chiếc xe đạp và kể với cô về những địa danh mà anh đạp tới, nếu chúng không quá xa.

Những bức thư của anh mặc dù không được lãng mạn như thư của cô, nhưng khi nào cũng được kết thúc bởi hai chữ "Yêu em". Khi ngày tổng phản công của quân Đồng minh đến, khoảng thời gian bất tin đầu đón bao trùm, nhưng cô hiểu lí do, và khi anh bắt đầu viết thư trở lại, mọi chuyện đều ổn, mặc dù các chi tiết không được phép kể ra.

Trong bức thư này anh viết như thể cô đang chuẩn bị cho hôn nhân của họ.

Rồi cuối cùng cũng đến ngày chiến thắng và những người

lính trở về. Có biết bao là những ngôi sao băng mùa hè rực rỡ, anh bảo, tỏa xuống khắp mọi nơi.

Ileane đã học được cách may vá. Cô đã làm một bộ áo quần mùa hè để chờ ngày vinh quang trở về của anh bằng lụa lóng lánh màu xanh vỏ chanh với váy dài và áo không tay, thêm một dây thắt lưng hẹp bản làm bằng da giả màu vàng. Cô cũng định quần dài bằng làm từ cùng thứ vải lụa xanh quanh cái nón mùa hè của cô.

“Tất cả những thứ này em mô tả cho anh để anh có thể nhận ra em, biết đó là em, mà không đi lạc với một cô bé xinh đẹp nào khác, tình cờ có mặt ở nhà ga.”

Anh gửi bức thư của mình cho cô từ Halifax, dặn cô rằng anh sẽ tới trên chuyến tàu tối thứ Bảy. Anh bảo anh nhớ cô rất rõ và chẳng việc gì phải lo về chuyện nhầm lẫn giữa cô và một cô gái nào khác, ngay cả khi nhà ga xe lửa có tràn ngập tất cả những người phụ nữ như thế vào tối hôm đó.

Vào buổi tối cuối cùng của họ trước khi anh ra đi, họ ngồi thật lâu trong gian bếp của nhà mục sư nơi có bức ảnh của vua George VI, năm ấy treo ở khắp nơi. Và những chữ ghi dưới bức ảnh.

Và tôi nói với người đàn ông đứng bên cánh cổng mở vào một năm,

“Hãy cho tôi ánh sáng để tôi an toàn bước vào nơi không biết.”

Và ông trả lời, "Hãy cứ bước vào bóng tối và đặt tay người vào tay Thượng Đế. Việc ấy tốt hơn ánh sáng và an toàn hơn con đường người biết."

Rồi họ đi lên nhà trên một cách lặng lẽ và anh bước vào phòng dành cho khách. Nếu cô có đến với anh tối đó thì phải là sự đồng ý của cả hai bên, nhưng có lẽ anh đã không hiểu tại sao họ cần làm thế.

Chuyện xảy ra đúng là thảm họa. Nhưng căn cứ vào cách cô cư xử, chừng như cô không biết thế. Càng tệ hại cô càng ráng làm tới. Anh chẳng thể nào dùng cô lại, hay giải thích. Có thể nào một đứa con gái lại chẳng biết tí gì thế này? Rồi họ tách nhau ra như thể mọi chuyện ổn thỏa. Và rồi sáng hôm sau nói lời từ biệt với nhau trước mặt cha cô và những đứa em cô. Một thời gian ngắn sau, những bức thư bắt đầu.

Có lần anh uống rượu say và thử một lần nữa, ở Southampton. Nhưng mẹ đàn bà ấy bảo anh, "Thôi đủ rồi, bé con ơi, cậu đã ra mắt mẹ nó rồi."

Có một điều anh không thích là đàn bà con gái ăn mặc kiểu cách. Găng tay, mũ, váy đầm đúng mốt, trông có vẻ kiêu kì và phiền phức. Nhưng làm sao cô có thể biết điều ấy. Áo váy màu xanh vỏ chanh à, anh cũng không rõ anh có biết màu ấy không. Nghe như có mùi a xít.

Rồi một ý nảy đến với anh để dành, rằng đơn giản là không cần có mặt ở chỗ hẹn thôi.

Liệu cô có tự nhủ hay nói với ai khác rằng cô đã nhầm

lần ngày đến của chuyến tàu? Anh đã làm cho bản thân tin rằng cô tìm ra được cách nói dối, chắc chắn thế. Nói cho cùng lúc nào cô ấy cũng là kẻ khôn ngoan, tháo vát.

Bây giờ cô đã biến mất vào đường phố. Lòng Jackson dâng lên cảm giác ao ước gấp lại. Anh sẽ không bao giờ hỏi ông chủ là cô bây giờ ra sao, có còn như ngày nào, tóc xanh hay nhuộm bạc, cô có còn gầy mảnh dẻ hay đã mập phì ra. Giọng nói của cô ngay cả lúc khốn khổ cũng tỏ ra không hề thay đổi. Giọng nói lúc nào cũng kéo mọi chuyện về phía nó, về âm tầng đầy nhạc tính của nó, trong khi vẫn tỏ ra biết lỗi vì làm phiền người khác.

Cô đã đi một quãng đường xa, nhưng cô là người kiên nhẫn. Bạn có thể nói thế.

Và đứa con gái cũng sẽ trở về thôi. Nó được nuông chiều quá sức, không thể nào lông bông bên ngoài một mình lâu. Mà chẳng phải chính mẹ nó, Ileana cũng có phần vậy sao? Trong chừng mức nào đó cô sắp xếp sao cho cuộc đời lẫn mọi sự thật đều hòa hợp ổn thỏa với mình, như thế không gì có thể đánh gục cô quá lâu?

Ngày hôm sau bất kì một cảm-giác dễ chịu nào mà anh từng có về việc người phụ nữ tên Ileana đã đi qua cuộc đời mình cũng biến mất. Cô ta biết chỗ này, và có thể quay trở lại. Cô có thể thuê trọ gần đây, đi ngược đi xuôi những con phố khu này, cố tìm nơi dấu vết con gái còn nóng hổi. Cô mềm mỏng những vấn hỏi dò được người

này người nọ, giọng nói van nài mà nũng nịu. Hoàn toàn có khả năng anh sẽ chạm mặt cô ngay sau cánh cửa này. Ngạc nhiên nhưng chỉ một lát thôi, như cô lúc nào cũng chờ đợi ở anh.

Mọi việc có thể khóa chặt mãi mãi, chỉ cần với một quyết tâm. Khi anh còn trẻ, khoảng sáu hay bảy tuổi, anh đã có thể chặn đứng sự điên rồ của bà mẹ kế, bà ta cứ chọc ghẹo khi tắm cho anh. Anh chạy ra đường phố trong bóng đêm, bà ta liền chạy theo mang anh trở lại nhưng anh đã chứng tỏ là mình có thể bỏ trốn nếu bà ta tiếp tục làm thế, vì vậy bà không làm nữa. Và bảo anh thế là không vui vì bà không thể nào thừa nhận rằng có một người nào có thể ghét bỏ bà. Nhưng bà biết anh ghét bà.

Anh ở lại thêm ba đêm trong tòa nhà Bonnie Dundee. Anh viết một bản kê cho từng người ở các phòng chung cư, khi nào thì tới hạn, nộp những khoản nào. Anh nói rằng anh được người ta gọi đi, nhưng không nói rõ vì sao và đi đâu. Anh rút hết tiền trong trương mục ngân hàng và gói những đồ cá nhân của anh. Buổi chiều, chiều muộn, anh lên xe lửa. Anh ngủ vật vờ trong đêm và trong một trong những cơn chợp mắt ấy anh nhìn thấy những đứa bé trai Menno ngồi trên chiếc xe nhỏ của chúng. Anh nghe giọng chúng hát vang lòng.

Cảnh này từng xuất hiện trước đây trong những cơn mơ và luôn làm anh ngủ ngon.

Sáng hôm sau anh xuống tàu ở Kapuskasing. Anh có thể nghe được mùi của nhà máy xay và cảm thấy phấn chấn vì không khí lạnh mát. Anh sẽ làm việc ở đó, chắc chắn sẽ làm việc trong một thị trấn có nghề xẻ gỗ.

Thấp thoáng mặt hồ

MỘT người đàn bà đi khám bác sĩ để xin toa thuốc mới. Nhưng phòng mạch đóng cửa. Đó là ngày nghỉ thường lệ. Thật ra bà đã nhầm thứ Hai với thứ Ba.

Chính đây là điều bà muốn trao đổi với bác sĩ, ngoài chuyện xin đơn thuốc kia. Bà không biết liệu đầu óc mình có còn sáng suốt không.

“Thật là tức cười,” bà nghĩ bác sĩ sẽ nói thế. “Đầu óc của chị à? Phải người khác thì tôi chẳng lạ.”

(Không phải nữ bác sĩ này biết bà rành rẽ, nhưng hai người cũng có những người bạn chung.)

Nhưng không phải vậy. Phụ tá bác sĩ gọi điện cho bà hôm sau, báo tin toa thuốc đã sẵn sàng, và họ đã đặt cuộc

hẹn cho bà – bà Nancy – để gặp một bác sĩ chuyên khoa về tâm thần.

“Đó không phải là chuyện tâm thần. Trí nhớ trực trặc thôi mà.”

“Liên quan cả đấy bà chị ạ. Vị bác sĩ kia chuyên về người cao tuổi.”

“Thực thế. Già rồi thì ai cũng thành điên điên dở dở, phải không?”

Cô phụ tá cười phá lên. Sau cùng, cũng có một người nào đó bật cười.

Cô ta bảo văn phòng bác sĩ chuyên khoa nằm ở một cái làng có tên phát âm là Hymen¹, cách nhà bà Nancy chừng hai mươi dặm.

“Ồi chà, bác sĩ chuyên về hôn nhân à,” Nancy nói.

Cô kia không hiểu, nói phiên bà lặp lại.

“Không có gì, tôi sẽ tới đó khám.”

Trong những năm gần đây, các bác sĩ chuyên khoa mở văn phòng rải rác khắp nơi. Chụp hình quang tuyến cắt lớp ở thị trấn này rồi đi khám ung thư ở một thị trấn khác, khám phổi ở thị trấn khác nữa, và cứ thế. Như thế không phải tới bệnh viện của thành phố, nhưng cũng mất thì giờ tương đương, vì không phải thị trấn nào cũng có bệnh viện, rồi lại phải lần mò tìm phòng mạch bác sĩ khi đã tới đó.

1 Nguyên văn: Hymen, còn có nghĩa là màng trinh. Chơi chữ, vì tên làng thực ra là Highman, đọc tương tự Hymen. – ND

Đó là lí do khiến Nancy quyết định tự lái xe tới ngôi làng của Bác sĩ Lão khoa kia – bà quyết định gọi ông ta như thế – vào buổi tối trước ngày có hẹn. Như thế bà có nhiều thì giờ để tìm xem văn phòng ông bác sĩ ở đâu, tránh phải vội vội vàng vàng hay thậm chí trễ giờ, gây ấn tượng ban đầu rất dở.

Chồng bà nói nếu cần thì ông có thể đi theo, nhưng Nancy biết ông thích ngồi nhà coi bóng đá trên truyền hình. Ông là nhà thơ, thích coi thể thao đến nửa đêm, và cặm cụi làm thơ trong phần đêm còn lại, mặc dù ông bảo bà cứ nói với mọi người là ông đã nghỉ hưu.

Bà bảo ông rằng bà muốn tự mình tìm tới chỗ. Cô phụ tá bác sĩ đã hướng dẫn đường đi nước bước.

Buổi chiều trời đẹp. Nhưng khi lái xe ra khỏi xa lộ cao tốc, về hướng Tây, bà nhận ra mặt trời xuống thấp hắt ánh sáng chói chang vào mặt. Nếu bà ngồi thẳng người lên, ngẩng mặt, mắt bà có thể tránh được ánh nắng. Ngoài ra bà có một đôi kính râm rất tốt. Bà có thể đọc các bảng chỉ đường, còn tám dặm nữa là tới ngôi làng Highman.

Highman. Dân số 1.553.

Sao người ta phải tính cả số 3 lẻ vào đó?

Mọi linh hồn đều đáng trọng như nhau.

Bà có thói quen tò mò tìm hiểu về những nơi hẻo lánh, xem thử mình có thể sống ở đó không. Ngôi làng này trông được lắm. Một ngôi chợ nhỏ xinh, nơi có thể kiếm được mớ rau tươi sạch, mặc dù chúng không phải được nhổ lên

từ cánh đồng bên cạnh, cà phê cũng khá. Rồi tiệm giặt ủi, rồi hiệu thuốc tây, nơi ta mua được thuốc theo toa mặc dù họ không có những tạp chí hay.

Có những dấu hiệu chứng tỏ ngôi làng đã có thuở vàng son. Một cái đồng hồ đã ngưng chạy, đặt trên thành cửa sổ của cửa tiệm mang cái tên hứa hẹn có Trang Sức Đẹp, nhưng giờ đây chỉ còn đồ sành sứ cũ nứt sọ, hoa văn tối tả.

Bà có thể hỏi thăm ông bác sĩ ở đây vì ông đậu xe ngay trước cửa tiệm tồi tàn này. Bà định bụng đi loanh quanh tìm văn phòng bác sĩ, nhưng chưa kịp nhìn ngắm no mắt, bà đã thấy một nhà lầu bằng gạch một tầng màu sẫm, xây kiểu thế kỉ trước, bà biết chắc đúng là địa chỉ ấy. Những bác sĩ làm việc ở thị trấn nhỏ thường có văn phòng đặt ngay một góc trong nhà họ, nhưng cũng phải có chỗ cho xe bệnh nhân đậu. Nhà gạch nâu đỏ, gắn tấm bảng đề chữ "Phòng mạch y khoa, nha khoa". Một bãi đậu xe phía sau nhà.

Trong túi, bà bỏ mẫu giấy ghi tên bác sĩ, bây giờ bà lôi ra coi lại. Tên trên cửa kính đóng băng là nha sĩ H.W. Forsyth và bác sĩ Donald McMillen.

Những cái tên này không có trong tờ giấy của bà. Cũng chẳng lạ, vì trên giấy chỉ có một con số. Đó là số giày của bà chị dâu, đã chết. O 7^{1/2}. Nancy phải nghĩ một lúc mới nhớ ra chữ "O" là tên Olivia viết vội. Bà nhớ mang máng mình có đi mua một đôi dép cho Olivia khi bà này nằm bệnh viện.

Con số ấy chẳng ích gì.

Một khả năng là vị bác sĩ bà cần gặp mới dọn vào nhà này và những cái tên trên cửa chưa kịp thay. Bà có thể hỏi ai đó. Trước tiên nên giật chuông cửa xem có ai còn làm việc trễ trong đó không. Bà làm thế, nhưng may mà không có ai, vì bà vẫn chưa nhớ ra được cái tên vị bác sĩ cần gặp.

Cách khác. Không thể nào bác sĩ khùng, như bà gọi – không thể nào ông ta (hay bà ta – như hầu hết những người thuộc thế hệ mình, Nancy không nghĩ đó là một bà) lại không làm việc trong nhà mình? Điều đó hợp lí chứ, mà lại đỡ tiền hơn. Đâu cần nhiều máy móc dụng cụ lắm để hành nghề chữa bệnh khùng.

Từ đường chính, bà tiếp tục đi lòng vòng. Tên của bác sĩ lại trở về trong đầu, như hầu hết những việc khác sau một lúc trở lại bình thường. Những ngôi nhà bà đi qua được xây từ thế kỉ mười chín. Một số nhà gỗ, một số nhà gạch. Nhà gạch thường hai tầng, nhà gỗ khiêm tốn hơn, một tầng và gác lửng với mái nghiêng. Một số có cửa chính mở ra đường chỉ cách lề đường vài bước. Một số có hàng hiên rộng, đôi khi lắp cửa kính. Một thế kỉ trước, trong một chiều như thế này, người ta thường ngồi dưới hiên hay trên bậc thềm tán gẫu. Những phụ nữ nội trợ đã làm xong việc chén bát, lau dọn nhà bếp lần cuối, những người đàn ông đứng cuộn ống nước lại sau khi đã tưới xong đám cỏ. Thời ấy chưa có món đồ gỗ sân vườn nào như các thứ tro tro văng người đang bày nơi đây, chỉ có bậc thềm gỗ,

đôi ghé nhà bếp hư hao. Chuyện trò về thời tiết, về con ngựa bỏ chạy, về một người nào đó lâm bệnh, không hy vọng phục hồi. Thắc mắc cả về chính bà nữa, khi bà đi xa khỏi tầm nghe. Nhưng chẳng phải bà đã làm cho họ đỡ phải đoán già đoán non khi dừng chân lại và hỏi, này ông bà ơi, làm ơn chỉ cho tôi nhà của bác sĩ ở đâu?

Đề tài mới cho câu chuyện gẫu. Bà khách kia sao phải đi gặp bác sĩ ấy nhỉ? Khi bà đã đi xa khỏi tầm nghe.

Còn bây giờ mọi người ai cũng lui vào nhà, bật quạt hay máy lạnh. Nhà nào cũng gần số như y như trong thành phố, nhưng không thấy dấu hiệu nào của ông bác sĩ.

Khi vừa hè chấm dứt, có một tòa nhà bằng gạch với những đầu hồi trang trí và tháp đồng hồ. Có lẽ đây là trường học, trước khi bọn trẻ được chở đến những trung tâm học đường rộng lớn hơn nhưng ảm đạm hơn. Kim đồng hồ chỉ mười hai giờ, ban trưa hoặc nửa đêm, tất nhiên không đúng giờ. Những bông hoa mùa hạ như được trồng tĩa bởi bàn tay chuyên nghiệp – một số vươn ra khỏi chiếc xe cút kít và nhiều hơn từ xô vắt sữa cũ ở bên đường. Một bảng hiệu bà không nhìn thấy rõ vì ánh sáng mặt trời gay gắt rọi thẳng vào đó. Bà leo lên thăm cỏ để nhìn từ phía khác, rõ hơn.

Nhà tang lễ. Bây giờ bà có thể thấy được nhà để xe xây bên trong, để đậu xe hòm. Thêm công trình phụ, phải như chỗ khác hẳn để tưởng là hồ bơi hay sân cầu lông trong nhà. Nhưng ở đây thì mục đích sử dụng không phải thế.

Bà rẽ vào đoạn phố cắt ngang. Mọi thứ được chăm chút kĩ, chứng tỏ thị trấn nhỏ thế này vẫn có vùng ngoại ô. Những ngôi nhà hơi khác nhau, nhưng vẫn cùng một loại. Tường gạch sơn màu xám đá nhợt, cửa sổ đỉnh nhọn hoặc tròn, một vẻ ngoài không thực dụng, kiểu cách nông trại vốn thịnh trong vài chục năm gần đây.

Ít ra thì ở đây còn thấy bóng người. Không phải ai cũng giam mình trong nhà với máy điều hòa không khí. Một đứa bé trai đạp xe đạp, chạy chéo qua lề đường. Đạp xe kiểu gì lạ thế, thoát đầu bà chưa kịp nhìn ra.

Thằng bé đạp xe ngược. Thì ra thế. Áo choàng lộng gió che tầm quan sát của bà. Một người đàn bà quá già có lẽ không phải mẹ nó – nhưng mảnh mai và giống hệt thằng bé – đứng trên đường nhìn. Bà cầm một sợi dây nháy và trò chuyện với người đàn ông, có vẻ không phải là chồng bà – cả hai tỏ ra hết sức thân mật.

Con đường uốn cong lại, chấm hết. Không đi xa hơn được.

Nancy tự cho phép mình làm phiền người lạ mặt. Bà bảo mình đang đi tìm bác sĩ.

“Không, không,” bà nói. “Không có gì nghiêm trọng đâu. Đây là địa chỉ ông ấy. Tôi hy vọng ông bà biết.”

Nhưng vấn đề là chính bà lại không nhớ tên của bác sĩ. Hai người kia giữ lịch sự không tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng rõ ràng không thể giúp gì cho bà.

Đứa bé trai đạp xe liến thoắng chạy vụt qua, suýt va phải ba người.

Nó cười phá lên. Nhưng không bị ai nhắc nhở. Họ trao đổi vài câu nữa về buổi hoàng hôn đẹp trời, và Nancy đành quay lại lối cũ.

Nhưng bà không đi xa đến chỗ nhà tang lễ khi nấy. Có một con đường hẻm trước đó bà chưa để ý, có lẽ vì nó không được tráng nhựa, và bà không nghĩ một bác sĩ lại ở nơi đó.

Không có lề đường, rác chất đầy quanh những căn nhà. Hai người đàn ông bận rộn dưới mui xe nên bà không định làm phiền họ. Mặt khác bà đã thoáng thấy trước mặt có điều lí thú đang chờ.

Có một hàng rào lở lở ven đường, cao đến mức bà nghĩ không thể nhìn với qua, nhưng có lẽ có khe nhìn xuyên qua được.

Không cần thế. Khu đất sau rào rộng chừng bốn khối nhà trong thị trấn, mở rộng ra phía con đường bà đang đi. Hơi giống một công viên nhỏ với con đường lát đá chạy xuyên qua thảm cỏ xanh tươi được cắt xén. Giữa những lối đi, bên rìa mép cỏ, hoa đang nở rộ. Bà biết một số – cúc vàng, cúc đại đóa, trúc đào hồng, đỏ và trắng – nhưng bà không phải là người làm vườn thông thạo, ở đây có những bụi hoa nhiều màu bà không biết. Một số leo lên rào, một số bò lan thoải mái. Mọi thứ trình bày nghệ thuật, nhưng không quá cứng nhắc, không có vòi nước phun lên cao mấy mét trước khi rơi xuống đáy hồ lát đá. Bà bước hẳn từ ngoài đường vào để hưởng chút hơi mát, sẵn thấy một chiếc ghế dài bằng sắt, bà ngồi xuống nghỉ một lát.

Một người đàn ông đi dọc theo lối đi mang cái kéo cắt cây. Thợ làm vườn ở đây rõ ràng thường làm việc muộn.

Bà chỉ nghĩ đây là công viên của thị trấn.

Cao gầy, sơ mi đen, quần tây bó sát người. “Cảnh nơi đây đẹp quá,” bà nói với người đàn ông, giọng thân mật nhẹ nhàng. “Ông chăm nó đẹp quá.”

“Cảm ơn,” người đàn ông nói. “Bà cứ ngồi nghỉ đây, thoải mái nhé.”

Rồi cho bà biết với một giọng khô khan rằng đây không phải công viên mà là vườn riêng, ông cũng không thợ làm thuê mà là ông chủ.

“Lẽ ra tôi phải xin phép ông.”

“Không sao đâu bà ạ.”

Mải khom người hít hà một nhánh cây vươn ra lối đi.

“Vườn của ông à? Tất cả khu này sao?”

Sau một lát mải mê, “Tất cả, thưa bà.”

“Lẽ ra tôi phải biết thế. Trình bày nghệ thuật quá. Công viên khó mà được thế. Thật đặc biệt.”

Không trả lời. Bà định hỏi phải chăng ông ta cũng thường thích ngồi đúng chỗ này mỗi khi chiều xuống. Nhưng tốt nhất không nên hỏi. Trông ông ta chẳng có vẻ là người dễ tính. Có phần tự kiêu, chắc thế. Bà định bụng ngồi thêm lát nữa rồi sẽ nói cảm ơn và đứng dậy.

Thay vì vậy, sau một lát ông ta lại tới và ngồi xuống bên

cạnh bà. Bắt đầu nói như thể câu hỏi đã được đặt trong lòng ông từ trước.

“Thực ra tôi cảm thấy thoải mái khi làm việc cần chú tâm vào,” ông ta nói. “Nếu ngồi xuống tôi sẽ không để mắt tới bất cứ vật gì nữa, nếu không càng nhìn càng thấy nản việc ra thôi.” Bà biết ông không thích đùa cợt. Nhưng đâm tò mò.

Trước đây nơi này là cái gì?

Trước khi ông ta xây dựng khu vườn?

“Một xưởng dệt. Bất cứ nơi hẻo lánh nào cũng đều có cơ sở như thế, để người ta tạm qua ngày với đồng lương chết đói lúc đó. Nhưng thời gian trôi đi, một nhà thầu nghĩ đến chuyện biến nó thành nhà dưỡng lão. Rắc rối là thị trấn không cấp giấy phép cho ông ta, nghĩ rằng một nhà dưỡng lão sẽ mang tới vùng này nhiều người già, làm cho quang cảnh trở nên rầu rĩ. Bởi vậy ông ta liền đốt cháy căn nhà hoặc phá sập nó. Tôi không rõ lắm.”

Ông này không phải người ở đây. Hoặc nếu ông ta ở đây thì cũng không phải là người trò chuyện cởi mở.

“Tôi không phải người ở đây,” ông ta nói. “Nhưng tôi có người bạn, khi anh ấy mất tôi đến đây để thu xếp bán giúp nhà của anh ta rồi tôi đi. Nhà anh ta đằng kia kia.”

Xa xa đằng sau cây thanh lương trà, bà thấy căn nhà chẳng ăn nhập gì với khu vườn.

“Tôi mua được mảnh đất này với giá rẻ vì nhà thầu đó để lại mỗi cái hố trên mặt đất, làm cho ai cũng khó chịu.”

“Xin lỗi tôi hơi tò mò.”

“Không sao. Nếu không muốn thì tôi đã không kể.”

“Tôi mới tới đây lần đầu,” bà bảo. “Tất nhiên tôi chưa tới đây bao giờ, nếu không tôi đã nhìn thấy khu đất này rồi. Tôi đang đi quanh tìm nhà, thế nên nghĩ đậu xe đi bộ thì tiện hơn. Tình thật là tôi đi tìm văn phòng bác sĩ.”

Bà giải thích bà không có bệnh gì cả, chỉ là có cuộc hẹn ngày mai mà không muốn sáng mai mới vội vàng vàng kiếm chỗ. Rồi bà kể chuyện đậu xe và ngạc nhiên thấy tên của bác sĩ kia không ở trên cửa.

“Tôi cũng không thể tìm trong danh bạ điện thoại, ông biết đấy, những cuốn danh bạ và trạm điện thoại công cộng bây giờ biến mất cả rồi. Hoặc là chỉ còn cái bìa, bên trong bị xé hết. Tất nhiên cảnh ấy thì ông cũng quen quá rồi.”

“Lố bịch thật.”

Bà nói tên bác sĩ, nhưng ông ta bảo nghe không quen.

“Tôi có đi khám bệnh bao giờ.”

“Có khi thế là khôn ngoan đấy ông ạ.”

“Ồ, tôi không có ý thế.”

“Dù sao tôi cũng phải trở về xe mình thôi.”

Người đàn ông đứng dậy khi bà dợm bước đi, bảo ông ta sẽ đi cùng bà một quãng.

“À thế thì tôi không lo lạc nhỉ?” Bà ra ý đùa nhẹ cho sự đáng trí của mình khi này.

“Không phải thế. Hôm nào tôi cũng muốn đi bộ một

lát, lúc chiều, cho giãn gân giãn cốt. Đi trong vườn cũng được nhưng tù túng.”

“Tôi biết chắc ông sẽ có lời giải thích hợp lí mà. Hẳn ông coi tôi là bà già lắm cẩm không nên đi một mình đấy nhỉ?”

Không trả lời. Có thể ông ta nghĩ tới người bạn đã chết. Khu vườn có thể là nơi chốn tưởng niệm dành cho người quá cố. Đồng tính. Người tình.

Sao mà bà mong được nói chuyện với ai đó trẻ trung tươi mới quá.

Họ bước đi, chẳng gặp một bóng người. Chẳng bao lâu đã tới đường phố chính, tòa nhà có phòng mạch cách đó chỉ một khối nhà. Nhìn thấy tòa nhà, bà bắt đầu bớt thoải mái, lo lắng một cách phi lí rằng có khi nào cái tên cần tìm vốn đã ghi rõ trên đó, chẳng qua do bà đọc sót mà thôi. Bà hơi đi tách ra khỏi ông bạn đường khi ngang qua đó, thấy rõ là mình không hề nhầm, rồi vờ như chẳng qua bà đang mãi nhìn cửa kính hàng đối diện, bày những con búp bê sứ, ván trượt kiểu xưa, mấy cái âu và chần, tất cả đều cũ kĩ, chỏng chơ.

“Lạ kì thật đấy,” bà nói. “Ông có biết ai...”

Người đàn ông không chú ý. Ông nói ông nghĩ đến một chuyện.

“Ông bác sĩ này.”

“Sao ạ?”

“Tôi đang nghĩ liệu ông ta có liên hệ gì với Nhà nghỉ không?”

Họ đi bộ tiếp, qua mặt vài chàng trai trẻ ngồi bên vệ đường, có một gã xoa chân ra đường. Người đàn ông chẳng quan tâm đến chuyện ấy nhưng hạ giọng xuống.

“Nhà nào?” bà hỏi.

“Bà không để ý đâu nếu lái xe vào từ phía xa lộ. Nhưng nếu bà đi ra khỏi thị trấn về phía cái hồ, bà sẽ đi ngang đó. Không quá nửa dặm. Bà sẽ vượt qua một đồng sỏi lớn ở phía Nam của con đường, nó chỉ quá khúc đó một chút thôi, ở mé kia. Tôi không biết chỗ ấy có thuê bác sĩ ở hẳn trong nhà không, nhưng cũng có thể lắm.”

“Cũng có thể lắm,” bà lặp lại lời ông, rồi ân hận ngay sao lại làm thế.

Quả thật bà muốn trò chuyện thêm nữa với ông ta, bỗng đùa linh tinh chút đỉnh. Nhưng giờ bà bận nhớ cho ra chìa khóa đang nằm ở đâu, như thường phải làm thế trước khi bước vào xe. Bà lo rằng có khi nào bà quên chìa khóa trong xe rồi khóa cửa, hoặc chúng rớt đâu đó. Cảm thấy nỗi sợ hãi quen thuộc, một nhọc kia từ từ ập tới. Nhưng bà tìm thấy được chúng, trong túi áo.

“Nên thử coi sao,” ông ta bảo, và bà đồng ý, nói cảm ơn.

“Khoảng đó trống trải lắm, có thể rẽ khỏi đường lớn nhìn thử coi sao. Nếu bác sĩ ở đó thường thì ông ấy không cần phải treo bảng tên trong thị trấn nữa. Hoặc một bà bác sĩ, biết đâu.”

Như thế người đàn ông không có chuyện gì vội vàng phải chia tay.

“Tôi cảm ơn ông.”

“Tôi linh cảm vậy thôi mà.”

Ông ta giữ cửa khi bà ngồi vào xe, đóng cửa lại, đứng chờ cho đến khi xe bà lăn bánh đúng hướng rồi vẫy tay chào tạm biệt.

Trên đường ra khỏi thị trấn, bà lại nhìn thấy dáng ông trong kính chiếu hậu. Ông đang cúi xuống, trò chuyện với mấy cậu trai trẻ đang ngồi bên vệ đường, tựa lưng vào tường hiệu tạp hóa. Vậy mà khi đi với bà, ông tỏ ra hoàn toàn chẳng để ý tới họ.

Có thể một lời nhận xét, vài câu đùa cợt về tính hồ đồ hay ngớ ngẩn của bà. Hay về chính bà. Bà nghĩ tới việc trở lại thôn làng này lần nữa để cảm ơn ông, để báo với ông tên vị bác sĩ kia (bà khá chắc chắn là sẽ tìm được). Lúc ấy bà có thể chạy chậm lại, cười to và gọi cái tên ấy với ông qua cửa xe.

Nhưng giờ đây bà chỉ muốn chạy theo hướng bờ hồ để tránh phải chạy qua trước mặt ông lần nữa.

Quên cái ông ấy đi. Bà nhìn thấy đồng sỏi từ đằng xa, phải chú ý đến đường đi của mình bây giờ.

Như ông ta đã dặn. Dấu hiệu. Bảng chỉ lối vào *Nhà nghỉ bên hồ*. Đúng thế thật, nhìn từ đây, mặt hồ hiện ra thấp thoáng, một sợi dây xanh nhạt chạy viền đường chân trời.

Bãi đậu xe rộng rãi. Dãy nhà dài trông tựa như những

ngôi nhà rời nhau, ghép lại, những căn phòng lớn, những khu vườn riêng nho nhỏ, chỗ ngồi nghỉ phía trước. Một hàng rào mắt cáo khá cao trước mỗi nhà để giữ tính riêng tư, hoặc vì an ninh. Dù chẳng có ai ngồi bên ngoài lúc ấy.

Tất nhiên không có ai. Cư dân những nơi như thế này đi ngủ sớm.

Bà cảm thấy thích vì mắt lưới hàng rào gây cảm giác kì thú sao đó.

Khối nhà chính có cửa lớn mang vẻ nghiêm nghị, đúng thể thức hơn. Những tòa nhà công cộng thay đổi nhiều trong những năm gần đây, nhà riêng cũng thế. Kiểu nhà nghiêm nghị, phi cá tính duy nhất được chấp nhận thời bà còn trẻ nay đã biến mất. Bà đậu xe trước mặt một vòm cổng sáng sủa, mang dáng điệu chào mời vui vẻ quá mức. Có người sẽ cảm thấy hơi giả tạo, nhưng đó chẳng phải là điều ai cũng muốn sao? Tất cả cửa kính kia đều phải làm phấn chấn tinh thần của người già, hoặc người trẻ nhưng sớm muộn phiền.

Bà đi tìm một cái nút để bấm, một cái chuông để kéo, khi bước tới cánh cửa. Nhưng không cần, cửa tự mở. Và khi bà bước hẳn vào trong, vẻ phô trương cao kì còn lộ rõ hơn qua không gian thoáng rộng và cửa kính ngả màu xanh êm dịu. Sàn nhà lát bằng gạch màu bạc bóng loáng, kiểu trẻ con hẳn thích trượt dài trên đó, và trong một thoáng bà nghĩ tới những người ở đây cũng trượt trên một cách vui vẻ, ý tưởng ấy làm bà vui hẳn. Tất nhiên sàn nhà không

đến nổi trơn trượt như mới nhìn, đâu ai muốn người khác ngã gãy cổ khi đi qua sàn nhà như thế.

“Mình không dám thử đâu,” bà nói giọng vui tươi với một người nào đó trong tâm trí. “Không như thế, phải không? Đúng ra tôi sẽ phải ngồi trước mặt vị bác sĩ kia để khám xem đầu óc ra sao.”

Vào lúc này thì không thấy bác sĩ nào cả.

Cũng đành vậy, chứ sao? Các bác sĩ đâu có ngồi mãi sau bàn để chờ bệnh nhân tới.

Bà cũng không tới đây để tham vấn. Bà sẽ giải thích là bà tới đây để xem có đúng bác sĩ không, chuẩn bị cho cuộc gặp ngày mai thế thôi. Tất cả chuyện ấy bắt đầu làm bà thấm mệt.

Có một cái bàn tròn, cao, thành bàn trông như làm bằng gỗ gụ. Không có ai ngồi đó cả. Hết giờ làm việc. Bà đi tìm một cái chuông để bấm nhưng không có. Bà đi tìm danh sách các bác sĩ nhưng chẳng thấy đâu. Hẳn phải có cách để gọi người khi cần kíp vào bất kì giờ nào chứ. Những nơi như thế này hẳn phải có người trực.

Nhưng sau bàn cũng không bày những thứ hay gặp. Không điện thoại, không máy tính, không giấy bút hay một cái nút bấm nào cả. Tất nhiên bà không thể với tay ra đằng sau bàn giấy, nơi có thể có tủ khóa hay ngăn kín không thấy được. Hay vài nút bấm mà người tiếp tân biết chỗ nhưng bà thì không.

Bà chịu thua, thôi tìm tòi chỗ cái bàn, quay ra nhìn

khoảng không bà vừa bước vào. Đó là căn phòng lục giác, với những cánh cửa xen kẽ vách tường. Có bốn cửa – một cái lớn đón ánh sáng và đón khách, một cái có dáng văn phòng và riêng tư ngay sau bàn, hơi khó đi lối ấy; hai cái khác, giống hệt và đối diện nhau, dẫn tới dãy nhà dài, thông ra hành lang ngang qua phòng các cư dân ở đây. Mỗi phòng có một cửa sổ trên, và cửa kính đủ trong suốt để nhìn qua.

Bà đi đến một cánh cửa và gõ thử, rồi tự xoay nắm cửa, nhưng không thể xoay chuyển gì cả. Khóa im ỉm. Không thể nhìn qua các lần cửa kính. Nhìn gần chúng có những vân lượn sóng và khuếch tán ánh sáng.

Ở cửa đối diện, bà cũng gặp khó khăn tương tự với kính và nắm cửa.

Tiếng giầy của bà lách cách trên sàn, mảnh khỏe của mặt kính, và cái vô tích sự của tay nắm cửa làm bà nản lòng hơn mức bà tự nhận.

Dù vậy nhất định không bỏ cuộc. Bà tiến lại các cửa, loay hoay như lần trước, lần này bà kéo giật cả hai nắm cửa và kêu lớn, “Có ai không?” với giọng mới đầu nhỏ nhẹ, hơi buồn cười, về sau đậm tức tối, bần gắt, nhưng không chứa nhiều hy vọng hơn.

Bà vận người lách ra sau bàn, đập mạnh cửa, cũng vô vọng. Không có nắm cửa, chỉ có lỗ khóa.

Đến nước này thì phải ra khỏi đây mà về nhà thôi.

Tất cả toát ra dáng vui tươi, lịch sự, bà nghĩ, nhưng họ

lại chẳng buồn ra về phục vụ công chúng. Tất nhiên họ xua tất cả cư dân hoặc bệnh nhân lên giường ngủ cả rồi, ở đâu mà chẳng có mấy chuyện ấy, chỉ có điều nơi đây khoác cái vẻ ngoài hấp dẫn thế thôi.

Mãi nghĩ, bà đẩy cửa ra vào khi nào không hay. Nó nặng quá. Bà đẩy nữa.

Đẩy nữa. Chẳng hề nhúc nhích.

Lần nữa, lần nữa. Bà nhìn thấy mấy bình hoa. Trên đường một chiếc xe chạy vụt qua. Nắng chiều tà hiu hắt.

Bà phải dừng lại, suy nghĩ.

Không có ánh sáng nhân tạo bên trong. Chỗ này sẽ tối dần. Ngay lúc này, dưới ánh sáng còn rơi rớt lại, mọi vật đã bắt đầu mờ tối. Không ai tới đây nữa, họ đã làm xong bốn phận, hay đã xong nhiệm vụ của họ ở đây. Mọi người đang ở đâu lúc này, sẽ ở mãi đó mà thôi.

Bà há miệng ra định la to lên, nhưng dường như chẳng có tiếng kêu nào bật ra. Bà run lập cập, nhưng làm gì cũng không thở được. Tựa cục giấy thấm chẹn ngang họng. Nghẹt thở. Bà biết mình phải xoay chuyển cách khác, hơn thế, phải tin tưởng vào khả năng khác. Bình tĩnh. Bình tĩnh. Thở. Thở sâu. Bà không biết cơn hoảng loạn kéo dài bao lâu. Tim đập thình thịch nhưng bà vẫn tỉnh.

Người phụ nữ cạnh bà bây giờ tên Sandy. Bảng tên chị ta ghi như thế, mà bà cũng biết chị.

“Biết làm sao với bà bây giờ?” Sandy nói.

“Chỉ muốn giúp bà thay đồ ngủ, thế mà bà bỏ đi rồi làm rối lên như con gà sợ bị bắt làm bữa ấy.”

“Hắn là bà mơ thôi,” cô nói tiếp. “Lần này bà mơ gì vậy?”

Nancy đáp.

“Chuyện từ hồi ông nhà tôi còn sống và tôi còn lái xe được kia.”

“Xe đẹp chứ?”

“Volvo.”

“Thấy chưa, bà còn minh mẫn lắm.”

Dolly

MÙA thu năm ấy chúng tôi bàn về cái chết. Cái chết của hai chúng tôi.

Franklin tám mươi ba và tôi đã bảy mươi một tuổi, nên lẽ tự nhiên, chúng tôi đã soạn kế hoạch cho tang lễ (không tổ chức) và mai táng (ngay lập tức) trên một sinh phần đã đặt mua trước. Chúng tôi không muốn hỏa táng, dù cho nhiều bạn bè khác ưa chọn phương pháp ấy. Chỉ còn lại cái chết thực sự thì để mặc nó quyết định, không ai đoán được khi nào tới.

Một ngày nọ chúng tôi lái xe qua vùng thôn quê không xa nhà lắm, nhìn thấy một con đường chưa bao giờ biết. Những hàng cây, cây phong, cây sồi và các loại khác, thuộc lứa cây thứ sinh mà cũng đã khá lớn, chứng tỏ khu đất này

được phát quang từ lâu lắm. Trước đây là nông trại, đồng cỏ, nhà ở và chuồng súc vật. Nhưng không còn một dấu hiệu nào của quá khứ. Con đường không được trải nhựa nhưng không phải hoang vắng. Cũng có vài chiếc xe chạy qua mỗi ngày. Xe tải chạy tắt qua đây cho lợi đường.

Cái này quan trọng đây, Franklin nói. Ta không thể nào ở đây một hai ngày, hoặc cả tuần, mà không ai tìm ra. Nhưng bỏ lại chiếc xe trống cũng không được, kéo rồi cảnh sát phải đi lùng trong bụi cây mà tìm kiếm phần xương cốt còn lại sau khi bị bọn sói đồng cắn xé.

Ngoài ra, ngày ấy trời không nên buồn bã quá. Không mưa, không tuyết đầu mùa. Lá đổi màu nhưng đừng trút rơi ào ạt. Dát vàng, như ngày hôm đó. Nhưng có lẽ mặt trời cũng không nên quá rực rỡ, kéo về đẹp kia, cơn quẩn rũ nọ của một ngày như thế sẽ biến chúng tôi thành kẻ phá đám.

Ý kiến chúng tôi khác nhau về bức thư. Tức là có nên để lại một bức thư hay không. Tôi nghĩ chúng tôi nợ mọi người một lời giải thích. Mọi người cần biết rằng không phải do bệnh tật hiếm nghèo, không một nỗi đau đớn nào làm hư hỏng cuộc đời cao quý. Họ cần biết quyết định này đến từ những đầu óc minh mẫn, có thể nói đó là một quyết định có phần vô tâm vô tính.

Hãy chia tay khi cuộc chia tay còn tốt đẹp.

Không. Tôi rút lại điều ấy. Nói thế là khiếm nhã. Một sự xúc phạm.

Franklin thì nghĩ rằng bất kì lời giải thích nào cũng là xúc phạm. Không phải với người khác mà với chúng tôi. Với chính chúng tôi. Chúng tôi thuộc về bản thân mình và thuộc về nhau và bất kì lời giải thích nào ông cũng coi là í ới than vãn.

Tôi hiểu điều ông nói nhưng vẫn không đồng ý.

Và điều ấy – việc hai chúng tôi không đồng ý với nhau – có vẻ làm ông nảy ra một khả năng khác nữa.

Ông nói chuyện đó vớ vẩn tuốt. Ông thì sao cũng được nhưng tôi còn quá trẻ. Chúng tôi có thể bàn lại chuyện này năm tôi bảy mươi lăm tuổi.

Tôi bảo có một điều làm tôi không yên tâm, nhỏ thôi, là việc mặc nhiên nghĩ rằng sẽ không còn chuyện gì đáng kể nữa sắp xảy đến cho cuộc đời chúng tôi. Không có gì quan trọng nữa, không việc gì cần làm.

Ông bảo chúng ta vừa có một cuộc cãi lộn đấy thôi, vậy chứ bà còn muốn gì nữa?

Cãi thế là quá nhẹ nhàng, tôi trả lời.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình trẻ tuổi hơn Franklin, trừ khi trong lúc trò chuyện có người nhắc đến cuộc Đại Chiến – tôi muốn nói là Thế chiến thứ hai – nhưng bây giờ cũng ít rồi. Thứ nhất vì ông thường tập thể dục đều đặn hơn tôi. Ngày xưa ông từng cai quản một chuồng ngựa – ngựa kéo chứ không phải ngựa đua. Ông vẫn còn đến đó hai ba lần mỗi tuần, cưỡi con ngựa của mình, trò

chuyện với những người coi sóc ngựa, đôi khi họ cần lời khuyên của ông. Mặc dù ông bảo không muốn xía vào việc người khác.

Thực ra ông là một nhà thơ. Nhà thơ thực thụ và là người huấn luyện ngựa chuyên nghiệp. Ông từng dạy một vài học kì các ở trường cao đẳng, nhưng không bao giờ dạy ở nơi xa quá chuồng ngựa của mình. Ông thú nhận rằng đã từng đi đọc thơ, nhưng chỉ theo kiểu như ông nói, xuân thu nhị kì. Ông không gắng sức theo đuổi công việc làm thơ. Đôi khi tôi cảm thấy bức mình về thái độ ấy – tôi gọi là tính hay ngượng của ông – nhưng tôi cũng hiểu. Khi ở bên những chú ngựa, mọi người đều thấy ta đang bận, nhưng khi ta làm thơ, có vẻ như mình đang rảnh rang ngồi chơi, và mình cảm thấy thật kì quặc hoặc bối rối mỗi khi phải giải thích mình đang làm trò gì.

Một vấn đề nữa, mặc dù ông là người kín đáo, bài thơ nhiều người biết tới nhất của ông lại viết về những nhân vật quanh đây – nơi ông lớn lên. Mà viết khá là thô. Rất thô, tôi đã từng nghe chính ông nói thế. Không phải như một lời xin lỗi trước mà có lẽ cốt ý cảnh báo vài người không nên đọc. Ông dự cảm được một số người quen biết sẽ bức mình trước những chi tiết nào trong bài, mặc dù ông vốn ủng hộ quyền tự do ngôn luận nói chung.

Nói thế không phải là không có những thay đổi xảy ra ở đây, hay những nơi khác, về những chuyện ta được phép nói ra hay đọc trên giấy in. Các giải thưởng giúp thêm việc ấy, như báo chí có nói.

Những năm tôi dạy ở trường trung học, tôi không dạy môn Ngữ Văn như bạn tưởng, mà dạy toán. Rồi tôi ở nhà, cảm thấy tù túng và bắt tay làm việc khác – viết lách này nọ và hy vọng nghiên cứu tiểu sử của các cây bút tiểu thuyết Canada, những người xứng đáng được ghi nhớ nhưng bị quên lãng hay chẳng hề được ghi nhận đúng mực. Tôi không nghĩ tôi sẽ làm việc này, nếu không phải vì Franklin, và vì cái danh tiếng văn chương mà chúng tôi không đề cập tới – bởi tôi sinh ở Scotland và thực ra không biết gì về các nhà văn Canada. Nhưng chẳng phải chính vì thế mà dự án này bắt đầu sao?

Tôi chưa bao giờ dành cho Franklin hay một nhà thơ nào khác sự thông cảm ưu ái như tôi vốn dành cho các nhà tiểu thuyết, trước sự vô danh của họ. Tôi cũng không hiểu tại sao. Có lẽ tôi nghĩ thơ là mục đích tối thượng cho chính nó rồi.

Tôi thích công việc, tôi nghĩ nó xứng đáng, và sau nhiều năm đứng lớp tôi đã tập vui với sự chùng mực và im lặng. Nhưng đôi khi cũng có lúc, đâu khoảng bốn giờ chiều, tôi bỗng muốn nghỉ ngơi thoải mái và có đôi người bạn.

Vào một lúc như thế trong một ngày tự giam mình, có một người đàn bà đến gõ cửa nhà tôi với một lô những đồ làm đẹp của phụ nữ. Nếu vào lúc khác tôi sẽ không tỏ ra thích thú, nhưng hôm ấy thì khác. Tên cô là Gwen, và cô

bảo đã không gọi điện cho tôi trước vì người ta nói rằng tôi hay đi làm suốt ngày.

“Thường thì mọi người như nhau cả,” cô nói. “Đưa con vào nhà trẻ khi bọn nhỏ còn nói chưa sôi để rảnh tay đi làm. Rồi hể cần mỹ phẩm thì ra tiệm mua, chẳng quan tâm là có khi phải trả tiền cao gấp đôi.”

Lần này tôi mời cô vào nhà vì mới pha ít cà phê, và rót mời cô. Cô đặt mớ linh kính của mình xuống, rên một tiếng khoan khoái. Cô bảo sẽ không phiền tôi lâu đâu.

“Chị không trang điểm,” cô nhận xét.

Quả thế.

“Tôi cũng không trang điểm nếu tôi không đi làm nghề này.

Nếu Gwen không nói đang trang điểm, tôi cứ tưởng khuôn mặt cô ấy cũng để mộc như tôi. Da trần, vàng bủng, và đầy nếp nhăn. Cặp kính làm mắt cô to, lạnh lợi hơn, màu xanh rất nhạt. Nét không tự nhiên rõ nhất nơi cô là mái tóc nhuộm màu đồng, để thẳng, mái ngang trán như kiểu bé gái bốn tuổi.

Có lẽ cô không thoải mái khi được mời vào nhà. Cứ bồn chồn nhìn khắp xung quanh.

“Hôm nay trời lạnh sao mà lạnh,” cô nói.

Rồi vội vàng hỏi luôn. “Nhà chị không có gạt tàn thuốc ă?”

Tôi tìm thấy gạt tàn chỗ tủ. Cô rút bao thuốc và ngồi dựa hẳn ra nhẹ nhõm.

“Chị không hút thuốc à?”

“Ngày xưa thì cũng có.”

“Ai mà chẳng vậy nhỉ”.

Tôi rót thêm cà phê cho cô.

“Cà phê đen thôi,” cô nói. “Ồ, loại này ngon quá. Tôi không phiền chị làm việc chứ. Chị viết thư à?”

Và bỗng nhiên tôi kể cho cô ta nghe về những nhà văn bị quên lãng, ngay cả nói tên một người mà tôi đang nghiên cứu và viết về bà vào lúc ấy. Martha Ostenso, người viết cuốn *Ngõ trời* và một lô những cuốn khác bây giờ hầu như chẳng ai biết đến.

“Chị muốn nói là tất cả những thứ này sẽ được in ra sao?” cô hỏi, vươn tay ra nhưng không chạm vào chỗ giấy tờ vương vãi trên bàn. “Đăng báo à?”

“In thành sách,” tôi trả lời. “Đó là giả dụ tôi viết xong.” Gwen thở dài với vẻ tôi nghĩ là hoài nghi, tôi nói thêm, “Sách cho đại chúng, chứ không chỉ để dạy trong nhà trường đâu.”

Tôi cảm thấy nên kể với cô chi tiết gì đó linh tinh lí thú một chút để cô thấy công việc này gần gũi hơn, thế là tôi bảo, “Chồng bà ấy đã từng chấp bút không ít tiểu thuyết, nhưng điều quái lạ là không có tên của ông ấy ngoài bìa. Chỉ có tên của bà thôi.”

“Có thể vì ông ta không muốn bạn bè chọc ghẹo mình chẳng,” Gwen nói. “Kiểu như, chị biết không, thiên hạ sẽ nghĩ gì về loại người viết lách.”

“Tôi không nghĩ tới chuyện ấy.”

“Nhưng ông ta chắc là không ngại ngần gì nếu có thêm chút đỉnh tiền,” cô ta lại nói. “Chị biết đàn ông mà.”

Rồi cô mỉm cười, lắc đầu, bảo, “Chờ tới khi tôi về nhà kể cho mọi người biết là tôi được tận mắt nhìn thấy một cuốn sách đang viết dở. Chắc chẳng ai tin nổi.”

Tôi gạt đi, vì chuyện ấy làm tôi phát ngượng, bèn hỏi thăm nhà cô còn những ai nữa.

Có nhiều người quá khiến tôi không thể hình dung rõ ràng, hoặc cũng chẳng quan tâm. Tôi không nhớ rõ lắm về thứ tự cô ta kể, ngoại trừ chồng cô là người được nhắc tới cuối cùng, nhưng đã chết rồi.

“Năm ngoái. Thật ra ông ấy không phải là chồng chính thức. Chị biết đấy.”

“Chồng tôi cũng thế,” tôi nói. “Không phải chính thức.”

“Thế à? Nhiều người bây giờ cũng sống như thế, phải vậy không? Trước đây thì, ồ, sao mà kì cục vậy, còn bây giờ thì chỉ cảm thán kiểu, thế kia à? Rồi có những cặp sống với nhau năm này qua năm khác và cuối cùng lấy nhau thật. Chị nghĩ sao, để làm gì? Để nhận quà đám cưới, phải không, hay để diện chiếc đầm trắng? Ồi buồn cười, tôi cười đến chết mất.”

Gwen bảo cô có một đứa con gái đã từng đám cưới hẳn hoi với rất nhiều trò bày vẽ kiểu ấy nhưng chẳng được gì, giờ thậm chí đến mức vào tù vì tội buôn bán ma túy. Ngu ngốc. Chính gã đàn ông mà con bé kia đi theo và cưới đã

làm nó sa vòng tù tội. Vì vậy bây giờ bà ngoại Gwen đây cần phải đi bán đồ và phải coi sóc hai đứa con còn nhỏ dại của con gái mình, một trai một gái, chúng chẳng còn ai nữa.

Khi nói với tôi về những chuyện ấy, Gwen luôn giữ vẻ hài hước. Tất nhiên cũng không phải đùa u ám cả. Con gái lớn của cô là y tá nay đã nghỉ hưu và sống ở Vancouver. Nó muốn mẹ tống khứ hết đám ở nhà đi mà dọn đến đó sống.

“Nhưng tôi không thích Vancouver. Mọi người đều thích. Tôi biết. Nhưng tôi không.”

Không. Vấn đề là, thực ra nếu cô tới sống với đứa con gái nọ, cô phải bỏ thuốc lá. Không phải Vancouver mà vụ bỏ thuốc lá kia mới là nguyên nhân.

Tôi mua một vài lọ kem xúc da, nítu kéo tuổi xuân, và Gwen hứa sẽ ghé thăm tôi khi cô đến đây lần tới.

Tôi kể với Franklin mọi chuyện về cô ta. Về Gwen.

“Đó là một thế giới khác hẳn. Tôi cũng thích nghe,” tôi nói. Nói ra câu ấy rồi, tôi lại thấy có phần không phải.

Ông bèn bảo tôi nên ra ngoài nhiều hơn, đăng kí vào danh sách giáo viên dạy thể chẳng hạn.

Khi cô ta trở lại với các thứ kem dưỡng da, khá sớm, tôi lấy làm ngạc nhiên. Thật ra tôi đã trả tiền đầy đủ rồi. Cô cũng không có ý bán thêm cho tôi nữa. Cũng có thể đây là một thủ thuật bán hàng. Tôi cũng pha cà phê mời khách, và chúng tôi trò chuyện thoải mái, thậm chí hơi giành nhau

mà nói, cũng như trước. Tôi tặng cô một cuốn *Ngõ trời* mà tôi từng tham khảo để viết về tác giả Martha Ostenso. Tôi bảo cô có thể giữ cuốn ấy, vì tôi sẽ nhận được cuốn khác khi sách được in thêm.

Gwen nói cô sẽ đọc. Bất kể bận rộn đến đâu. Cô sẽ đọc hết. Thật ra cô không đọc mấy vì bận quá, nhưng lần này nhất định.

Cô nói cô chưa bao giờ gặp một người nào như tôi cả, có học vấn mà lại dễ tính. Tôi thăm khoái trá, nhưng vẫn dè dặt, như cảm giác một cô giáo biết có đứa học sinh say mê mình. Rồi có cả bối rối, như thể tôi chẳng có quyền gì đứng cao hơn người khác.

Trời sập tối khi cô bước ra đường mở máy xe, nhưng xe không nổ máy. Cô thử đề máy, thử nữa, máy xe rồ lên rồ xuống vài bận, rồi tắt hẳn. Khi Franklin về nhà và không thể đánh xe vào, tôi liền kể với ông chuyện rắc rối. Gwen rời khỏi chỗ ngồi trên xe khi nhìn thấy ông ấy tiến lại, bắt đầu giải thích, bảo chiếc xe gần đây dở chứng.

Ông tìm cách xoay xở để nổ máy, trong khi hai chúng tôi đứng bên chiếc xe tải của ông, ngay lối vào. Ông cũng không làm gì được. Ông vào nhà và gọi tiệm sửa xe trong làng. Gwen không muốn trở vào nhà, mặc dù bên ngoài trời bắt đầu lạnh. Sự có mặt của một người đàn ông trong nhà khiến cô trở nên kín đáo. Tôi ngồi chờ cùng cô ta. Ông bước ra cửa gọi to báo cho chúng tôi biết tiệm sửa xe đã đóng cửa.

Không có cách nào khác là mời cô ở lại ăn tối và nghỉ qua đêm. Cô xin lỗi rồi rít, rồi cảm thấy thoải mái hơn khi đã ngồi xuống với điều thuốc trên tay. Tôi bắt đầu soạn bữa ăn tối. Franklin đi thay áo quần. Tôi hỏi cô có muốn gọi điện thoại cho ai ở nhà không.

Cô bảo, có, cô nên làm thế.

Tôi nghĩ có lẽ sẽ có người quen nào tới đón cô về, kéo theo cái xe luôn thì càng tốt. Tôi không mong nói chuyện suốt đêm khi Franklin chỉ ngồi nghe. Tất nhiên ông ấy có thể về phòng riêng – ông không thích gọi đó là thư phòng – nhưng tôi cảm thấy có lỗi ông phải tránh đi như vậy. Chúng tôi cũng muốn coi chương trình tin tức trên truyền hình, nhưng có thể vị khách kia sẽ trò chuyện liên hồi trong lúc ấy. Ngay cả mấy cô bạn quen của tôi cũng từng như thế, làm ông ấy rất bức.

Hoặc cô ta sẽ ngồi im và bối rối cùng cực. Thì còn tệ hơn nữa.

Không ai trả lời điện thoại. Vì thế cô gọi tiếp những người hàng xóm – nơi những đứa trẻ đang ở chơi – và có rất nhiều tiếng cười xin lỗi, kể đó là trò chuyện với những đứa bé, kêu chúng ngoan ngoãn, kể đó là lời an ủi, lời cảm ơn nồng nhiệt gửi đến những người hàng xóm kia vì chịu khó coi sóc bọn trẻ. Mặc dù té ra những người bạn của cô ngày mai phải đi đâu đó, vì vậy những đứa trẻ cũng phải đi theo họ, quả bất tiện.

Franklin trở lại nhà bếp khi cô ta cúp điện thoại. Cô quay lại với tôi, bảo rằng hẳn là những người hàng xóm

ấy dựng chuyện phải đi ngày mai để khỏi trông bọn trẻ. Chẳng hề nhớ tới những ơn nghĩa mà cô đã làm cho họ những khi họ cần.

Cô ta và Franklin hết sức sùng sốt khi nhìn kĩ nhau.

“Ô, lạy Chúa tôi,” Gwen thốt lên.

“Không phải Chúa,” Franklin trả lời. “Là tôi đây.”

Và họ đứng sững. Chỉ thiếu nước họ dang tay ra mà ôm chầm lấy nhau nữa thôi. Thay vì vậy, họ làm vài cử động lạ thường chẳng ăn nhập gì với nhau, như thể phải nhìn quanh để biết chắc đâu là hiện thực, và lặp lại tên nhau với giọng điệu hài hước và choáng váng. Không phải những cái tên mà tôi nghĩ họ sẽ gọi.

“Frank.”

“Dolly.”¹

Sau một lúc tôi nhận ra Gwen, tức là Gwendolyn, còn được gọi một cách đùa bỡn là Dolly. Và chàng trai trẻ Franklin ngày xưa tên từng thích được gọi là Frank.

Họ vẫn không đến nỗi quên bồng tôi, hoặc ít ra Franklin không quên, trừ một lúc vừa nãy.

“Mình từng nghe tôi kể về Dolly chưa nhỉ?”

Giọng của ông ấy cố trở về trạng thái bình thường, trong khi giọng của Dolly hay Gwen vẫn cố giữ vẻ trêu đùa có chút khoa trương.

“Không nhớ nổi lần cuối tôi người ta gọi thế là lúc nào nữa. Không ai trên đời này biết cái tên ấy của tôi. Dolly.”

1 Văn cuối của tên Gwendolyn phát âm như dolly.

Điều quái gở là bây giờ tôi lại bắt đầu tham dự vào trò xã giao hoan hỉ. Bởi vì sự ngạc nhiên phải được chuyển thành vui vẻ trước mắt tôi, và nó xảy ra y như vậy. Sự phát hiện tình cờ này phải đến bước chuyển ngoặt nhanh chóng đó. Và tôi cũng sẵn sàng tham gia vào trò chơi ấy, tự mình mang tới một chai rượu vang.

Franklin từ lâu đã bỏ hẳn rượu. Ông vốn chưa bao giờ uống nhiều rượu cả. Thế rồi từ từ bỏ hẳn. Vì vậy rốt cuộc Gwen và tôi uống, trò chuyện huyền thoại, giải thích, trong một trạng thái phấn khích mới mẻ, và không ngờ nhận xét về những chuyện trùng hợp ngẫu nhiên.

Gwen kể cô đang làm bảo mẫu khi cô quen biết Franklin. Cô làm việc ở Toronto, chăm sóc hai đứa bé người Anh, cha mẹ chúng gọi tới Canada để tránh cuộc Đại Chiến. Có một người giúp việc khác trong nhà nên hầu hết buổi chiều tối cô đều rảnh rang, đi ra ngoài vui chơi, vì có cô gái trẻ nào lại không làm thế? Cô gặp Franklin khi ông đang nghỉ phép những ngày cuối trước khi ra nước ngoài và họ đã có một thời gian bùng cháy dữ dội như bạn có thể tưởng tượng. Ông ấy đã viết cho cô một hoặc hai bức thư, nhưng cô quá bận nên không chú ý. Khi chiến tranh kết thúc, cô phải lên thuyền ngay để đưa bọn trẻ về nhà bên Anh, trên thuyền ấy cô đã gặp một chàng trai mà cô lấy làm chồng.

Nhưng cuộc hôn nhân không kéo dài, nước Anh những ngày sau chiến tranh hết sức ảm đạm, cô nghĩ mình sẽ chết mất, vì thế cô quay về nhà.

Đó là một phần đời cô mà tôi chưa hề biết. Nhưng tôi biết về hai tuần lễ mà cô bên Franklin, nhiều người khác cũng đã biết. Tối thiểu là những người đọc thơ ông. Họ biết trong tình yêu, cô vốn hào phóng, nhưng họ không biết, như tôi đã biết, làm sao cô lại tin rằng cô không thể nào có thai được bởi vì cô là trẻ sinh đôi, và luôn mang một lọn tóc của người chị em sinh đôi kia, đã chết, trong một cái hộp nhỏ quàng quanh cổ. Cô có nhiều niềm tin tương tự thế và đã từng tặng Franklin một cái răng yếm bùa – ông không biết đó là răng của ai – để ông an toàn khi dán thân vào chiến tranh. Chồng tôi đã mau chóng liệng nó đi, nhưng quả nhiên ông toàn mạng.

Gwen có thói quen riêng, khi cô bước khỏi lề đường mà bước sai chân thì suốt ngày hôm đó sẽ xui xẻo, vì vậy mỗi lần thế là cô quay lại và bước ra lần nữa. Những thói quen ấy của cô ta từng làm Franklin mê ngây ngất.

Tất nhiên những chuyện ấy không chỉ từ bài thơ, tôi từng có thời lảng nhãng đời ông kể thêm về mọi chuyện. Nhưng tôi thì thấy chẳng có gì cuốn hút cả. Sao nam giới lại bị hấp dẫn bởi thói búong bình ngốc nghếch của mấy cô nàng xinh xắn nhỉ. Tất nhiên chuyện ấy cũng đã xưa rồi. Ít nhất tôi hy vọng thế. Tất cả những niềm vui trong bộ óc phụ nữ có tính trẻ con. (Khi tôi mới đi dạy học, người ta bảo tôi rằng có một thời kì, không xa lắm, phụ nữ không bao giờ dạy môn toán. Vì không đủ trí tuệ.)

Tất nhiên cô gái ấy, kẻ quyến rũ mà tôi từng nâng nặc đời chồng tôi phải kể thêm, thật ra chỉ là một sáng tạo.

Có thể do bất kì ai dựng nên. Nhưng tôi không nghĩ vậy. Cô là lựa chọn tươi tắn của chính mình. Cô yêu bản thân hoàn toàn, đắm đuối.

Lẽ tự nhiên là tôi không nói ra những gì Franklin kể và những gì được đưa vào bài thơ. Franklin cũng không nói gì nhiều, ngoài trừ khi kể về Toroto trong những ngày chiến tranh đầy người là người, đạo luật cấm rượu ngó ngán hay trò vui diễu hành nhà thờ. Nếu tôi nghĩ hồi đó cô ta là món quà cho việc viết lách của ông thì hình như tôi đã lầm.

Franklin kêu mệt và vào giường ngủ. Gwen hay Dolly và tôi cùng dọn chỗ nằm cho cô ta trên chiếc ghế sofa dài. Cô ngồi ghé một bên với điều thuốc cuối cùng trong ngày, bảo tôi đừng lo lắng chi, cô sẽ không đốt nhà cháy đâu, cô không bao giờ buông điều thuốc khỏi tay trước khi nó cháy hết.

Trong nhà lạnh, các cửa sổ mở rộng khác với ngày thường. Franklin đang ngủ. Ông ấy quả thực đã ngủ, vì tôi biết chắc khi nào thì ông giả bộ.

Tôi không thích đi ngủ trong khi chén đĩa chưa rửa còn đầy trên bàn, nhưng bỗng cảm thấy quá mệt không thể làm việc tiếp nữa, ngay cả khi Gwen có giúp tôi. Tôi định đi ngủ và thức dậy sớm để dọn dẹp.

Nhưng tôi thức dậy khi mặt trời lên cao, có tiếng lách cách bát đĩa trong bếp, có mùi thức ăn buổi sáng và mùi thuốc lá. Cả tiếng trò chuyện nữa, và Franklin đang nói, trong khi tôi tưởng là Gwen. Tôi nghe cô ta cười trước mọi điều ông nói. Tôi ngồi dậy ngay và vội mặc đồ chần

chu, chải tóc kĩ càng, một việc tôi không bao giờ làm ngay lúc mới dậy.

Tất cả sự an toàn và niềm vui của buổi tối đều biến mất trong tôi. Tôi bước ầm ĩ trên cầu thang xuống nhà. Gwen đang đứng ở bồn nước rửa chén với một dãy những chai lọ thủy tinh sạch bóng lảnh trên chiếc giá đỡ.

“Tôi rửa hết chén đĩa bằng tay vì tôi sợ không biết cách dùng máy rửa bát của chị,” cô ta nói. “Thế rồi tôi thấy đóng chai lọ linh kính trên kia và nghĩ sẵn nên lau rửa chúng cho xong.”

“Mấy cái chai ấy không được chùi rửa cả thế kỉ nay,” tôi nói.

“Dạ, tôi cũng tưởng thế.”

Franklin bảo đã thử khởi động xe một lần nữa nhưng không ăn thua. Nhưng ông đã liên lạc được với tiệm sửa xe và họ bảo sẽ có người tới coi chiếc xe chiều nay. Nhưng ông nghĩ thay vì ngồi chờ ở đây, ông sẽ kéo xe tới đó để họ sửa ngay buổi sáng.

“Thế thì để cho Gwen giúp nốt mấy việc khác trong bếp,” tôi cố nói vui vẻ, nhưng chồng tôi bảo không, Gwen nên đi cùng, bên tiệm cần nói chuyện với cô ta vì đó là xe của cô ta.

Tôi để ý rằng ông chẳng khó khăn chi khi nói tên Gwen, không dùng tới tên Dolly nữa.

Tôi bảo họ tôi chỉ đùa thôi.

Ông hỏi liệu có cần làm bữa ăn sáng cho tôi không và tôi trả lời, không.

“Hèn chi chị ấy giữ eo gọn gàng thế,” Gwen nói. Và ngay cả lời khen cũng chuyển thành một thứ gì đó khiến họ cùng cười phá ra.

Không người nào tỏ ra biết cảm xúc riêng của tôi, mà tôi cũng thấy mình cư xử kì quặc, nói câu nào nghe cũng the thé, lố bịch. Họ thì tràn đầy chính bản thân họ, tôi thâm nghĩ. Đó là biểu hiện đến từ một nơi tôi không biết. Khi Franklin đi ra ngoài chuẩn bị cho chiếc xe sắp được kéo, cô ta đi theo, như thể cô không thể nào rời mắt khỏi ông ấy một khắc.

Khi bước ra cô nói vọng lại là cô biết ơn tôi không biết nói sao cho xiết.

Franklin bấm còi chào từ biệt, một điều ông chưa bao giờ làm.

Ngay khi họ đi, nỗi phấn khích đau đớn từ từ dâng lên, chiếm đoạt tôi. Không còn nghi ngờ gì nữa về việc tôi cần làm.

Trong một loáng tôi bước ra khỏi nhà, ngồi vào xe của mình, ném chìa khóa nhà qua khe hẹp trên cửa ra vào để không mở cửa vào được nữa. Tôi mang theo vali dù tôi chẳng nhớ mình bỏ gì vào đó. Tôi viết xuống mảnh giấy mấy hàng chữ cộc lốc, nói rằng tôi phải đi kiểm tra lại một số dữ liệu về nhà văn Martha Ostenso và kể đó tôi viết một thư dài hơn, viết cho Franklin nhưng không muốn cho Gwen thấy khi cô ta trở lại với ông, chắc chắn sẽ trở lại. Thư viết rằng ông sẽ được tự do làm điều mình thích

nhưng tôi không thể chịu được sự gian dối hay có thể là sự tự lừa dối mình. Chẳng có gì đáng nói về điều ông ấy thích, nhưng chính ông phải thừa nhận điều mình thích và đuổi theo tình yêu đã thất lạc từ lâu kia. Thật kì khôi và ác độc nếu bắt tôi phải chứng kiến, và vì vậy tôi muốn ra khỏi nơi đây.

Thế là đã đủ, nhưng tôi viết thêm rằng không có một sự lừa dối nào, nói cho cùng, độc hại bằng những lời nói dối mà chúng ta tự nói với mình và thật không may phải tiếp tục nói thế để làm cho tất cả những thứ phải nôn ọe ra cứ nằm mãi trong bụng, rồi chúng sẽ nuốt sống cả mình, như ông có thể nhận thấy chẳng bao lâu nữa. Và cứ thế, những lời trách mắng dồn dập tới mức trở nên lặp đi lặp lại, lan man, càng lúc càng đâm ra thô thiển, tầm thường. Tôi hiểu rằng bây giờ lá thư phải được viết lại trước khi đến tay Franklin, vì vậy tôi mang tờ giấy theo và định sẽ gói nó qua hộp thư.

Ra khỏi nhà, rẽ về phía khác không đi vào làng và tiệm sửa xe, và trong chớp mắt, có vẻ thế, tôi lái về phía Tây trên đường cao tốc chính. Tôi chạy về đâu? Nếu không quyết định cho nhanh chẳng bao lâu tôi sẽ tới Toronto, ở đó thay vì kiếm được chỗ trốn, không chừng tôi sẽ gặp lại những nơi chốn và con người gắn với một thời hạnh phúc.

Để tránh điều ấy, tôi rẽ về phía thị trấn Cobourg. Một thị trấn nhỏ chúng tôi chưa bao giờ cùng nhau đến.

Chưa tới buổi trưa. Tôi lấy một phòng ở lữ quán tại trung tâm thị trấn. Tôi đi qua những người đàn bà giúp việc đang

lau chùi những căn phòng đêm qua có khách. Phòng của tôi, trước đó không có ai ở, rất lạnh. Tôi mở máy sưởi ấm lên và quyết định đi bộ một lát. Khi mở cửa ra ngoài, tôi biết ngay tôi không thể làm thế. Tôi thấy ớn lạnh và run rẩy. Tôi khóa cửa lại và lên giường nằm, để nguyên áo quần, nhưng tôi vẫn thấy run nên kéo chăn lên đến mang tai.

Khi tôi thức dậy trời đã về chiều, sáng rõ, áo quần tôi đầm đầy mồ hôi. Tôi tắt máy sưởi, lấy ra một ít quần áo trong vali, thay đồ và bước ra ngoài. Tôi bước thật nhanh. Tôi thấy đói nhưng biết mình không thể nào chậm lại, hay ngồi hẩn xuống, để ăn.

Điều đang xảy ra với tôi cũng không phải hiếm, tôi nghĩ. Dù trong sách hay trong đời sống. Phải có, chắc phải có, một cách nào đó để đối phó với nó mà nhiều người đã dùng rồi. Bước đi như thế này, tất nhiên. Nhưng rồi cũng phải dừng lại chứ. Ngay cả ở một thị trấn nhỏ bé thế này cũng có lúc phải dừng lại chờ xe và đèn đỏ. Cũng có những người đi đứng vụng về, bỗng dừng, rồi lại đi, đám học sinh như những em tôi từng dạy dỗ. Sao quá nhiều người thế, với biết bao trò ngớ ngẩn, tiếng kêu, tiếng hét, sự thừa thãi, sự hiện diện của họ hoàn toàn vô tích sự. Mọi thứ đều xúc phạm mình.

Những cửa tiệm và bảng hiệu của chúng cũng là báng bổ, tiếng động của xe hơi, sự dừng lại, sự chạy tiếp, tất cả đều thế. Ở đâu cũng tràn đầy lời tuyên bố, đây là cuộc sống. Như thế chúng tôi đang cần nó, cần lắm, cần thêm cuộc sống.

Khi những hàng quán dần mất hút, xuất hiện những căn lều gỗ. Trống rỗng, những thanh gỗ được đóng chéo qua cửa sổ, chờ được dỡ đi. Nơi người ta thường tới ở trong những ngày nghỉ lễ khiêm tốn trước thời kì có các lữ quán sang trọng hơn. Tôi sức nhớ tôi cũng từng ở đây, phải, tại một nơi như thế này, vào thời gian phòng trọ được giảm giá – có thể do đã qua mùa du lịch – để níu chân thêm khách vắng lai vào buổi chiều, và tôi là một trong những kẻ ấy. Ngày ấy tôi vẫn còn là giáo sinh thực tập, tôi không nhớ ra rằng chính là thị trấn này, nếu không có những căn nhà giờ đã bị đóng thanh gỗ kia gợi nhắc. Người đàn ông là thầy giáo, lớn tuổi hơn, có một người vợ ở nhà, chắc chắn là với đám trẻ con. Những cuộc đời bị xáo trộn. Cô ấy không được biết, kéo trái tim cô tan vỡ. Tôi không còn quan tâm nữa. Mặc kệ nó tan vỡ.

Tôi có thể nhớ lại nếu tôi cố gắng, nhưng thấy chẳng đáng công. Ngoại trừ nó làm tôi bước chậm lại đến một tốc độ gần như bình thường và quay về lữ quán. Và trong ngăn kéo vẫn còn bức thư mà tôi đã viết. Phong kín nhưng chưa dán tem. Tôi lại đi ra ngoài, tìm được bưu điện, mua một con tem, thả phong bì vào hộp thư. Chẳng suy nghĩ gì, không may may nghĩ hoặc. Tôi cũng có thể để mặc nó nằm trên bàn, có quan trọng gì đâu? Tất cả qua rồi.

Trước đó khi đi bộ, tôi đã nhìn thấy một hiệu ăn, cách đây kia vài bước. Tôi tìm trở lại, nhìn vào tờ thực đơn dán ngoài.

Franklin không thích đi ăn ngoài. Tôi thì thích. Tôi đi

một đoạn nữa, lần này bước đi bình thường, chờ nhà hàng mở cửa. Tôi nhìn thấy một chiếc khăn quàng cổ mà tôi thích trong cửa sổ, nghĩ mình nên vào mua, cái khăn này chắc hợp với mình đây. Nhưng khi cầm lên tôi thả ngay xuống. Chất lụa mềm óng ả làm tôi sờn da gà.

Trong tiệm ăn tôi uống rượu vang và chờ thức ăn thật lâu. Nhìn quanh chẳng có ai – người ta đang chuẩn bị cho một ban nhạc chơi buổi tối. Tôi bước vào phòng vệ sinh và ngạc nhiên nhìn mình trong gương. Tôi tự hỏi liệu có thể nào có một gã đàn ông – một ông già – nghĩ tới chuyện hò hẹn với tôi không. Ý tưởng ấy có phần kì quặc – không phải vì tuổi tác mà vì trong tâm trí tôi không bao giờ có một hình ảnh nào khác ngoài Franklin.

Khi thức ăn được mang tới, tôi chẳng ăn được gì. Không phải nhà hàng nấu dở. Chỉ vì cảm giác kì lạ khi ngồi một mâm, ăn một bóng, con có một thân một mình đáng ngạc nhiên kia, hiện thực không có thật ấy.

Tôi có mang theo sẵn thuốc ngủ, mặc dù xưa nay chẳng mấy khi dùng tới. Thực ra thuốc để khá lâu đến nỗi tôi không chắc chúng còn hiệu nghiệm. Nhưng thuốc tác dụng – tôi ngủ ngay, không thức lần nào, cho đến sáu giờ sáng hôm sau.

Một số xe vận tải lớn đã bắt đầu ra khỏi chỗ đậu của chúng trong khu vực lữ quán. Tôi biết tôi đang ở đâu, tôi biết tôi đã làm gì. Tôi biết tôi đã phạm lầm lỗi lớn. Tôi mặc áo quần vào, và ngay lập tức rời lữ quán. Tôi không chịu nổi ngay cả lời tán dóc vui vẻ của nữ nhân viên sau

quầy. Cô ta bảo trời sắp đổ tuyết. Giữ gìn sức khỏe nhé, cô chào tôi.

Đường cao tốc bắt đầu đông nghẹt xe cộ. Và một tai nạn làm cho nó chậm thêm.

Tôi nghĩ Franklin có thể bây giờ đang chạy đi tìm tôi. Tai nạn có thể xảy đến với ông ấy. Chúng tôi có thể chẳng bao giờ còn trông thấy nhau.

Tôi không nghĩ gì mấy tới Gwen, chỉ coi cô là một kẻ tự dung nhảy ra ngang chân ngang đường và gây ra những rắc rối phi lí. Đôi chân nhỏ và chắc của cô ta, mái tóc đen rờ của cô ta, những nếp nhăn chẳng chịt. Một bức biếm họa, bạn có thể nghĩ thế, một kẻ bạn không thể trách cứ mà cũng chẳng nên coi là nghiêm trọng.

Thế rồi tôi về nhà. Nhà không có gì thay đổi. Tôi lái xe vào chỗ để xe và nhìn thấy xe của chồng mình. Lạy Chúa, Franklin đã về nhà.

Tôi để ý chiếc xe không đậu ở chỗ thông thường.

Lí do là có một chiếc xe hơi khác, xe của Gwen, đang đậu vào chỗ ấy.

Tôi không còn điềm tĩnh được. Tôi chỉ coi cô ta, trong vài lúc nghĩ tới, như một kẻ đã bị bỏ ra ngoài lề, một kẻ sau cuộc gây rối lần đầu kia không còn là một nhân vật trong đời chúng tôi nữa. Nhưng tôi lại cảm thấy lòng dịu lại, nhẹ nhõm khi được trở về nhà và thấy ông ấy cũng ở nhà, an toàn. Lòng tự tin tràn ngập người tôi khiến tôi sẵn sàng nhẩy phóc ra khỏi xe, chạy ngay tới cửa. Tay tôi

cảm thấy như đang cầm chìa khóa cửa, quên bẵng đi tôi đã làm gì với chúng.

Nhưng tôi không cần chìa khóa nữa. Franklin đang mở cửa cho tôi, ông ấy không kêu lên với vẻ sùng sốt hay thờ phào nhẹ nhõm, ngay cả khi tôi đã xuống xe, ra ngoài và tiến về phía ông ấy. Franklin chỉ bước xuống tam cấp một cách thận trọng và những lời của ông làm tôi dừng lại khi tới gần. Ông nói, hãy chờ một lát.

Chờ. Tất nhiên. Cô ta đang đứng đó.

“Bà trở lại xe hơi đi,” ông ấy nói, “Chúng ta không thể trò chuyện ngoài này được, trời lạnh lắm.”

Khi hai chúng tôi đã ngồi trong xe, ông nói, đời sống hoàn toàn không thể dự đoán được.

Giọng ông trở nên dịu dàng và buồn bã một cách bất thường. Ông không nhìn tôi mà nhìn thẳng qua kính xe, vào ngôi nhà.

“Thật vô ích nếu tôi nói lời xin lỗi,” ông bảo tôi.

“Bà biết không,” ông tiếp tục, “Thậm chí không phải vì con người thật của cô ta đâu. Đó như là một tiền triệu. Một thứ bùa mê. Một cơn bệnh đến hồi phát tác. Ở tất nhiên cô ta là người bằng xương bằng thịt, nhưng bà hiểu ý tôi đấy. Nó bao quanh chúng do hoàn cảnh đặc biệt. Hoặc chúng biểu hiện cho điều gì đó không biết nữa. Bà hiểu không? Nó tới ào một cái, như nhật thực, nguyệt thực vậy.”

Ông ấy lắc đầu, cúi xuống. Buồn bã.

Ông rất muốn có dịp nói về cô ấy, có thể nhận thấy thế.

Nhưng bài văn thanh minh thanh nga chắc chắn sẽ làm cho ông phát bệnh luôn, như thường lệ. Chính đó là điều làm cho tôi mất hết hy vọng.

Tôi cảm thấy lạnh lẽo cay đắng. Tôi định hỏi ông nhận ra điều ấy khi nào, nhưng tôi đã chẳng còn muốn biết nữa, thực sự. Niềm say đắm của ông quá đối thê lương. Như của bao người khác. Thê lương.

“Ông đừng nói về cô ta nữa,” tôi bảo. “Đừng có nói. Tôi phát bệnh mất.”

Ông quay đầu lại, nhìn tôi lần đầu tiên và nói, không còn dùng giọng thì thào nhuốm vẻ ngạc nhiên tự thoại nữa.

“Lạy Chúa, tôi chỉ giỡn thôi mà,” ông nói. “Tôi tưởng là bà hiểu chứ. Không có chi đâu. Ổn cả thôi. Ồ lạy Chúa, nghe này...”

Bởi vì lúc ấy tôi đang hét lên, gào lên, với cả nỗi tức giận lẫn niềm khuây khỏa.

“Được rồi, tôi cũng bực bà chứ. Tôi có cảm tưởng đã làm khó cho bà. Khi về nhà, thấy bà đi mất thì tôi phải nghĩ sao đây? Được rồi, tôi là thằng tồ. Thôi im đi. Im đi nào.”

Tôi không muốn im. Tôi biết mọi chuyện đang ổn, nhưng hét to lên làm tôi dễ chịu. Rồi tôi lại thấy một chuyện chướng mắt.

“Thế cái xe hơi của cô ả làm gì ở đây?”

“Họ không sửa được, thành sắt vụn rồi.”

“Thế thì sao nó còn đậu ở đây?”

Ông bảo nó còn nằm ở đây vì trong xe có vài thứ dùng

được, không nhiều nhận chi, và bây giờ là của ông. Của chúng ta.

Vì ông đã giúp cô ta mua một cái xe khác.

“Một cái xe? Mới à?”

“Đủ để chạy cái đã, còn hơn cái cũ.”

“Vấn đề là cô ấy muốn đi North Bay. Cô ấy có bà con chi đó và khi có xe chạy được, cô ấy liền đi ngay.”

“Cô ấy cũng có bà con ở đây. Cô ấy sống đâu đó quanh đây. Có mấy đứa trẻ chừng ba tuổi cần săn sóc.”

“À, thì rõ là mấy người ở North Bay hợp với cô ấy hơn. Tôi không biết gì về bọn nhỏ. Chắc cô ấy mang chúng theo.”

“Thế có phải cô ta đã nhờ ông tìm mua xe?”

“Cô ấy không dám tự đề nghị điều gì đâu.”

“Vậy là bây giờ,” tôi nói. “Cô ta đã bước vào đời sống chúng ta.”

“Cô ấy ở tận North Bay. Thôi vào nhà đi. Tôi còn chưa kịp mặc áo khoác đây.”

Trong khi bước vào nhà tôi hỏi ông có kể về bài thơ của mình không. Hay đọc bài thơ ấy cho cô ta nghe.

Ông bảo, không, ồ lạy Chúa, sao tôi phải làm thế?

Trong bếp, thứ đầu tiên đập vào mắt tôi là những chai lọ thủy tinh lau chùi sáng loáng. Tôi kéo ghế cái rẹt, leo lên, bắt đầu dọn chúng hết lên mặt trên tủ bếp.

“Ông giúp tôi với chứ?” Tôi nói, và ông cầm chai lọ đưa lên cho tôi.

Tôi nghĩ chắc ông ấy nói dối chuyện bài thơ. Cô ta chắc đã nghe ông đọc. Hoặc được đưa cho tự xem.

Nếu có, cô ấy chắc không hài lòng. Ai mà hài lòng được chứ?

Còn nếu cô nói bài thơ thật tuyệt? Ông hẳn sẽ bực lắm.

Hoặc cô ta tỏ ý ngạc nhiên rằng, làm sao ông có thể làm chuyện đó êm xuôi trót lọt lần nữa như đã từng làm êm xuôi trót lọt ngày xưa? Chắc sẽ ngả nghiêng cười khàn khàn. Thứ tác phẩm dung tục, cô sẽ nói thế. Có lẽ vậy thì tốt hơn, nhưng không tốt hơn nhiều như ta tưởng.

Chẳng ai có thể bình luận một cách toàn hảo với một nhà thơ về thơ của người đó. Không nên nói nhiều quá, cũng không nên nói ít quá, chỉ vừa đủ.

Chúng tôi có thể gặp lại cô ta, mà cũng có thể không.

Khi tôi xuống khỏi ghế, ông quàng tay quanh người tôi mà bảo, “Chúng mình không kham nổi mấy vụ cãi vã to tiếng nữa đâu.”

Đúng là không. Kì lạ thật. Giữa cơn giận dữ đau đớn, chùng như thời gian quay trở lại, chùng như chúng tôi lại có trong tay vô khối thời gian để mà chịu đựng và than vãn và cãi cọ, nếu ta gọi chuyện này là cãi cọ.

Qua vai ông, tôi nhìn thấy chiếc chìa khóa cửa đây rồi, tôi đã thả chúng qua cái khe hẹp trên cửa. Hơi khó thấy, nó nằm lọt giữa tấm thảm chùi chân màu nâu xù lông và khung cửa.

Tôi phải canh để nhận lại bức thư tôi đã viết, để hủy ngay khi nó đến. Thư từ đôi khi có lợi hơn email là thế, ít

ra trong trường hợp này. Tôi không mở phong bì, nhưng cảm thấy những dòng chữ trong đó sao mà xa lạ. Như được viết bởi bàn tay một kẻ lạ diên rồ.

Chuyện gì xảy ra nếu tôi chết trước khi thư đến tay người nhận. Mình cứ tin là mình khỏe mạnh, nhưng một hôm bỗng dung chết rụi, thế đấy. Liệu tôi có cần viết một bức thư ngắn cho Franklin, lỡ ra có chuyện gì?

Nếu bức thư kia của tôi một ngày nào đó tới tay mình, hãy xé nó đi nhé.

Ông hẳn sẽ làm đúng theo yêu cầu ấy. Ngược lại, nếu tôi là ông, tôi sẽ không làm thế. Tôi sẽ xé nó ra coi, bất chấp lời hứa của tôi với người khuất mày khuất mặt.

Còn ông ấy thì tuân lời.

Tôi cảm thấy một nỗi tức giận lẫn sự thán phục khi nghĩ đến việc ông ấy sẵn sàng làm theo yêu cầu ấy. Nó dẫn tôi trở ngược lại cuộc đời chung của hai chúng tôi, từ thuở ban đầu.

CHƯƠNG CUỐI

Bốn phần cuối cùng của cuốn sách này không hẳn là truyện ngắn. Chúng tạo nên một chương riêng, gây ấn tượng như tiểu sử, mặc dù đôi khi không đúng với thực tế. Tôi tin chúng là những dòng đầu tiên và cuối cùng – và gần gũi nhất – khi tôi cần nói về cuộc đời riêng của mình.

Alice Munro.

Con mắt

KHI tôi lên năm tuổi, mẹ tôi bỗng sinh thêm một đứa em trai, mẹ nói là lúc nào tôi cũng đòi thế còn gì. Vì sao mẹ tôi lại nghĩ thế thì tôi không biết. Bà nói về chuyện ấy một cách tỉ mỉ, chi tiết, toàn là tưởng tượng, nhưng khó cãi lại.

Một năm sau, em gái kế ra đời, lại thêm một lần khó chịu nữa, nhưng lần này bớt nặng nề hơn so với đứa kia.

Trước khi đứa em đầu tiên của tôi xuất hiện, tôi không hề biết cảm giác thật của mình có thể khác ra sao so với cách mà mẹ tôi mô tả về nó. Cho đến thời điểm ấy cả ngôi nhà là nhà của mẹ, toàn tiếng bước chân, giọng nói, mùi của bà, mùi thơm đầy hương phấn nhưng đáng ngại, tràn ngập các phòng ngay cả khi mẹ không có mặt.

Tạo sao tôi nói đáng ngại? Tôi không cảm thấy sợ hãi. Không phải là mẹ tôi thực sự đã bảo tôi cảm giác thế nào về mọi việc sao. Bà có quyền năng về việc đó, không cần thắc mắc bàn cãi gì. Không phải chỉ chuyện tôi ưa có em trai không, mà cả trong những việc khác như bột ngũ cốc hiệu Red River tốt cho tôi, cách tôi hiểu về bức tranh treo ở chân giường, có cảnh Chúa Jesus đau khổ trước những đứa trẻ nhỏ đến với ngài. Đau khổ ngày ấy có nghĩa khác, nhưng đó vẫn không phải là điều chúng tôi chú ý. Mẹ tôi chỉ tay về đứa bé gái bị khuất một nửa sau góc tường vì nó muốn đến với đức Jesus nhưng nguợng nguợng xấu hổ. Đó là tôi, mẹ tôi bảo thế, và tôi cũng tin như vậy mặc dù tôi không hề tự mình tưởng tượng thế, nếu bà không bảo, mà tôi cũng không ao ước chi điều ấy.

Có một chuyện khi đọc tôi cảm thấy thật đáng thương là chuyện Alice ở xứ sở thần tiên, to lớn và bị mắc bẫy trong cái hang thỏ, nhưng tôi cười phá lên vì mẹ tỏ ra thích thú.

Chính từ lúc em trai của tôi ra đời, và những lời nhắc đi nhắc lại về việc nó như một món quà cho tôi, mà tôi bắt đầu thừa nhận rằng những ý niệm của mẹ tôi về tôi khác xa biết bao những ý niệm của chính tôi về mình.

Tôi tin rằng tất cả những thứ ấy đã làm tôi sẵn sàng đón nhận Sadie khi chị đến làm việc cho chúng tôi. Mẹ tôi thu mình lại vào không gian riêng của bà bên những đứa con mới sinh. Không có mẹ thường xuyên bên cạnh, tôi có thể tự suy nghĩ về những điều có thật và không có

thật. Tôi đủ khôn ngoan để không mở miệng nói ra việc ấy với bất kì ai.

Điều khác lạ nhất về Sadie – mặc dù gia đình tôi không để ý lắm việc ấy – là chị ấy vốn là người nổi tiếng. Thị trấn của chúng tôi có một đài phát thanh, nơi chị chơi đàn guitar và hát những bài mở đầu tự chị sáng tác.

“Xin chào, xin chào, xin chào, tất cả quý vị...”

Và nửa tiếng đồng hồ sau, “Tạm biệt, tạm biệt, tạm biệt, tất cả quý vị.” Giữa hai lần ấy chị hát những ca khúc được yêu cầu, và những bài chị tự chọn lấy. Những người sành điệu trong thị trấn thường trêu chọc về những bài hát của chị và về cả đài phát thanh, vốn được coi là cái nhỏ nhất ở Canada. Những người ấy nghe đài phát thanh Toronto với những bài phổ biến thời ấy – cả bài hát trẻ con “ba cá con và con cá mẹ...” và phát thanh viên Jim Hunter gào lên những tin tức chiến tranh đen tối. Nhưng dân nông trại yêu thích đài phát thanh địa phương và những bài ca của Sadie. Giọng chị rất khỏe và buồn, chị hát về nỗi cô đơn và niềm thương tiếc.

Em tựa lên hàng rào

Bao quanh chuồng ngựa

Nhìn xuống con đường ngả bóng hoàng hôn

Nhớ người em thương ôi giờ đi mất phương nào...

Hầu hết các nông trại trên xứ sở này đã được phát quang và ổn định khoảng một trăm năm mươi năm trước đây, nếu đứng ở một nông trại nhìn ra là có thể thấy một căn

nhà tương tự cách đó chỉ vài cánh đồng. Thế nhưng những bài hát mà người nông dân muốn nghe đều nói về chàng chăn bò cô độc, sự quyến rũ và nỗi thất vọng của những nơi chốn xa vời, những tội lỗi cay đắng đã dẫn những kẻ phạm tội đến chỗ chết, khi trên mộ họ đắp máy tên người mẹ yêu thương hay tên đức Chúa trời.

Đó là chủ đề bài hát của Sadie, với nỗi buồn sâu xa trong chất giọng nữ trầm của chị, nhưng trong công việc của chị ở nhà chúng tôi, chị lại tràn đầy sức lực và lòng tự tin, sung sướng được trò chuyện và hầu hết là trò chuyện về bản thân mình. Thường khi cũng chẳng có ai để nói trù tôi ra. Công việc của chị và của mẹ tôi làm họ ít khi gặp nhau và không hiểu vì lí do nào tôi nghĩ họ cũng không mấy thích thú chuyện vãn với nhau. Mẹ tôi là một người nghiêm khắc như tôi đã kể, bà từng dạy học ở trường trước khi dạy tôi ở nhà. Có thể bà cũng thích Sadie trở thành người mà bà có thể giúp đỡ, dạy cho cô đừng nói những tiếng ít nhả như “tụi bây”. Nhưng Sadie không hề tỏ ra cần sự giúp đỡ của bất kì ai, hoặc cần tập nói khác đi cách mà chị vẫn nói.

Sau bữa ăn chiều, thật ra dọn vào khoảng trưa, còn lại Sadie và tôi hai người trong bếp. Mẹ tôi đi nghỉ một lát và nếu bà may mắn, mấy đứa bé kia cũng ngủ. Khi thức dậy bà thay váy đầm kiểu khác như để chuẩn bị cho buổi chiều rảnh rỗi vui vẻ, mặc dù chắc chắn bà còn phải thay nhiều tã lót và làm vài việc chẳng thú vị gì mà tôi không muốn để mắt tới, khi đứa em nhỏ nhất của tôi tham lam bú vú mẹ.

Cha tôi cũng nghỉ trưa – khoảng chừng mười lăm phút trên chiếc ghế dài ngoài hiên với tờ báo *Bưu điện chiều thứ Bảy* úp lên mặt, trước khi trở lại làm việc ở chuồng gia súc.

Sadie đun nước trên ấm lò và rửa chén bát có tôi phụ giúp và kéo những màn cửa xuống để tránh nóng. Khi xong việc chị lau chùi sàn nhà, tôi lau cho khô hẳn bằng một phương pháp mà tôi tự nghĩ ra – trượt trên những cái giẻ lau. Rồi chúng tôi lấy xuống những cuộn giấy màu vàng có nhựa bám để bẫy ruồi, chúng được treo lên sau bữa ăn sáng, dính đầy những con ruồi đã chết hoặc đập cánh vù vù sắp chết, và treo lên những cuộn giấy khác, mà đến bữa ăn tối cũng sẽ đầy những con ruồi chết. Chính trong thời khắc ấy Sadie kể với tôi về cuộc đời mình.

Lúc ấy, tôi chưa giỏi phân biệt tuổi tác. Với tôi người ta hoặc là trẻ con hoặc là người lớn, và tôi coi chị là người lớn. Có lẽ chị khoảng mười sáu tuổi, hoặc mười tám, hoặc hai mươi. Dù vào tuổi nào, chị từng tuyên bố hơn một lần rằng chị chẳng vội vàng chi chuyện lấy chồng.

Chị tới dự các buổi khiêu vũ mỗi cuối tuần nhưng đi một mình. Đi một mình và để cho mình vui.

Chị kể cho tôi nghe về khách sạn khiêu vũ. Có một cái như vậy ở thị trấn, gần con đường chính, nơi tổ chức trò chơi đẩy vật nặng trên băng vào mùa đông. Phải trả một hào cho một lần khiêu vũ, rồi lên bục nhảy mà nhảy, những người chung quanh trở mắt ra nhìn, nhưng chị bất cần. Lúc nào chị cũng tự trả lấy tiền, không muốn chịu ơn ai. Nhưng đôi khi có một chàng giành lấy việc trả tiền

trước. Anh ta liền hỏi liệu chị có muốn nhảy không và câu đầu tiên chị trả lời là, thế anh có biết nhảy không đã? Anh có nhảy được không? Chị hỏi thẳng thừng. Thế rồi anh chàng ấy liền nhìn chị, tỏ vẻ buồn cười và nói có chứ, ý muốn nói là nếu không thì anh tới đây làm gì? Rồi cuối cùng, té ra đối với anh ta khiêu vũ tức là nhảy lóc cóc trên hai chân với những bàn tay núc ních đầy mồ hôi nắm chặt lấy người chị. Đôi khi chị hát tay ra, để mặc anh chàng kia đứng như trời trồng, và nhảy một mình – chính là việc chị lúc nào cũng muốn. Chị kết thúc màn khiêu vũ đã trả tiền kia, và nếu người thu tiền phản đối và yêu cầu chị trả tiền cho hai người trong khi thật ra chỉ có một người nhảy thôi, là chị, chị liền bảo ông ta thế là đủ chán rồi. Họ cứ việc cười cợt chuyện chị nhảy một mình nếu họ muốn.

Có một chỗ khiêu vũ khác ngoài thị trấn bên đường cao tốc. Phải trả tiền vào cửa, mua vé không phải cho từng bản nhạc mà cho cả đêm. Nơi ấy có tên là *T - Hoàng gia*. Chị trả tiền cho mình. Thường có những người khiêu vũ giỏi hơn ở đó, nhưng chị bao giờ cũng coi xem họ nhảy nhót kiểu gì trước khi cho phép họ mời mình ra sàn nhảy. Thường khách chơi ở đây là dân thành thị trong khi ở chốn khiêu vũ kia đa số là nông dân. Họ có những cặp chân điêu luyện hơn, nhưng không phải bao giờ cũng cần chú ý đến chân cẳng, mà là nơi họ để tay kia. Đôi khi chị phải cảnh cáo họ và bảo họ chị sẽ làm gì nếu họ không dừng lại. Chị nói cho họ biết chị tới đó để nhảy và tự mình trả tiền lấy. Nếu quá nửa thì chị còn biết cách thúc mạnh vào đúng

chỗ hiểm. Cái trò ấy khiến họ bưng tỉnh. Đôi khi cũng có người nhảy giỏi và chị lấy làm thích lắm. Thế rồi khi họ nhảy xong bản cuối cùng, chị lặn luôn về nhà.

Chị không giống người khác, chị bảo. Không phải đi nhảy để mắc lưới.

Mắc lưới. Khi chị nói thế, tôi hình dung một cái lưới to lớn phủ xuống, những con vật quái quỷ nhỏ bé nào đó chụp nó quanh mình làm mình chết ngộp, không cách gì thoát ra được. Sadie chắc là nhìn thấy cảm giác đó của tôi trên mặt, nên chị bảo em ơi em đừng sợ.

“Không có gì đáng sợ trên đời này, chỉ cần em biết đề phòng cẩn thận.”

“Con và Sadie nói chuyện nhiều quá đấy,” mẹ tôi bảo.

Tôi biết sắp có chuyện rồi, cần chú ý hơn, nhưng tôi không biết đó là gì.

“Con thích chị ta, đúng không?”

Tôi bảo đúng.

“À tất nhiên rồi. Mẹ cũng vậy.”

Tôi hy vọng tất cả chỉ có thế và trong phút chốc tôi cũng nghĩ, chỉ có thế.

“Mẹ con mình ít có thì giờ dành cho nhau từ khi có thêm mấy em. Chúng nó lấy hết thì giờ của ta, phải không nào?”

“Nhưng chúng ta yêu mến các em con, phải thế không?”

Tôi trả lời mau lẹ, đúng thế.

Mẹ tôi hỏi: “Đúng thật thế hả con?”

Mẹ tôi sẽ không ngớt nói cho đến khi tôi bảo thật thế, vì vậy tôi nói y như vậy.

Mẹ tôi rất muốn một thứ gì đó. Có phải là bạn bè không? Những người phụ nữ chơi bài bridge trong khi chồng họ đi làm với com lê cà vạt? Không hẳn thế, mà cũng không mong gì được thế. Có phải đó là tôi, một con bé ngày trước với những lọn tóc cuốn, vì chúng mà tôi có thể đứng im thật lâu, hay những buổi tôi đọc thuộc lòng trọn tru bài giảng ngày Chủ nhật? Mẹ tôi chẳng còn thì giờ làm mấy việc ấy. Và một điều gì đó trong tôi đã thay đổi, gần như trở nên bội bạc, mặc dù mẹ tôi không biết tại sao, chính tôi cũng không biết. Tôi không có bạn nào ở trường học ngày Chủ nhật. Thay vì vậy, tôi tôn thờ Sadie. Tôi nghe mẹ kể lại với cha, “Con bé nó tôn thờ Sadie.”

Cha tôi bảo Sadie là một thứ của trời cho. Nói vậy nghĩa là gì? Cha tôi tỏ ra vui vẻ. Có thể câu ấy có nghĩa là ông sẽ không đứng về phe nào.

“Em ước gì chúng ta có lẽ đường rộng rãi cho con bé,” mẹ tôi nói. “Có lẽ nếu chúng ta có khoảng sân rộng thì nó có thể tập trượt pa tanh và kết bạn với nhiều đứa khác.”

Tôi cũng ao ước được chơi pa tanh. Nhưng bây giờ mặc dù không biết tại sao, tôi biết tôi sẽ không bao giờ nói ra điều ấy nữa.

Rồi mẹ tôi đề cập một chuyện gì đó, rằng khi nhà trường khai giảng mọi chuyện sẽ tốt hơn. Một điều gì đó về tôi sẽ

tốt hơn hoặc một điều gì đó bà e ngại về Sadie sẽ tốt hơn. Tôi không muốn nghe.

Sadie dạy tôi vài bài hát của chị nhưng tôi biết giọng tôi chẳng hay ho gì. Tôi hy vọng đó không phải là chuyện mà mẹ tôi nhắc đến và bảo sẽ điều chỉnh cho tốt hơn. Thực ra tôi không hề muốn việc tập hát ấy dừng lại.

Cha tôi không có chuyện gì để nói nhiều. Lo cho tôi là chuyện của mẹ, ngoại trừ khi tôi trở nên nhiều chuyện quá và phải bị phạt thì không kể. Cha tôi chờ cho em trai tôi lớn lên và trở thành bốn phận của ông. Một đứa con trai thì không có gì phức tạp cả.

Và quả nhiên em trai tôi không có gì rắc rối. Nó lớn lên tự nhiên thoải mái.

Bây giờ năm học đã bắt đầu. Khai giảng vài tuần trước, trước khi lá cây chuyển màu sang đỏ, rồi vàng. Giờ đây chúng rụng gần hết. Tôi không mang áo khoác đồng phục của nhà trường mà mang cái áo đẹp của tôi, có cổ và ống tay bằng nhung đen. Mẹ tôi mặc chiếc áo khoác bà dùng đi lễ nhà thờ và một cái mũ đội đầu che gần kín tóc.

Mẹ tôi lái xe tới nơi chúng tôi cần phải tới. Bà không hay lái xe, và kiểu cầm lái của bà bao giờ cũng trịnh trọng, thế nhưng vẫn không chắc chắn như cách của cha tôi. Bà bóp còi inh ỏi mỗi khi rẽ lối.

Tới rồi, mẹ tôi bảo, nhưng mất một lúc lâu bà mới đưa xe vào chỗ được.

“Tối rồi đây nhé.”. Giọng nói của mẹ tỏ vẻ khích lệ. Bà chạm tay vào tay tôi để tôi có thể cầm lấy tay bà, nhưng tôi giả vờ không để ý, mẹ tôi liền rút tay lại.

Ngôi nhà không có lối rẽ vào lẫn vĩa hè trước. Nhà đẹp nhưng trơn trượt. Mẹ tôi đưa bàn tay mang găng lên gõ cửa, nhưng té ra không cần thế. Cửa đã mở sẵn cho chúng tôi. Mẹ tôi vừa mới nói một câu để khuyến khích tôi – đại ý như mọi việc sẽ mau lẹ hơn tôi nghĩ – nhưng bà không kịp nói hết. Giọng nói bà hơi nghiêm nhưng an ủi. Giọng nói ấy thay đổi khi cánh cửa mở ra, trở nên khê khàng, dịu lại, khi bà cúi đầu xuống. Cánh cửa mở để cho vài người nào đó bước ra, không phải để chúng tôi bước vào. Một trong những phụ nữ vừa bước ra quay đầu gọi với lại bằng một giọng không hề cố làm cho dịu xuống.

“Bà ấy và đứa con gái đến rồi.”

Rồi một người đàn bà ăn mặc chỉnh tề gần nói chuyện với mẹ tôi, giúp bà cởi áo khoác ra. Mẹ tôi cởi áo và nói với người đàn bà, tôi đặc biệt yêu mến Sadie. Mẹ tôi hy vọng rằng việc đưa tôi tới đây là phải lẽ.

“Ồ cô gái nhỏ bé ơi,” người đàn bà nói và mẹ tôi chạm nhẹ vào người tôi để nhắc tôi chào bà.

“Sadie yêu thích trẻ con,” người đàn bà kia nói. “Quả có thế.”

Tôi chú ý có hai đứa trẻ khác ở đó. Con trai. Tôi biết chúng ở trường, một đứa cùng học lớp Một với tôi, đứa kia lớn hơn. Chúng đứng nhìn ra, có lẽ từ trong bếp. Đứa

nhỏ hơn miệng nhai đầy bánh bích qui trông hài hước, còn đứa kia lớn hơn, làm mặt khỉ. Không phải về phía thằng bé nhai bánh mà về phía tôi. Bọn chúng ghét tôi thấy rõ. Bọn con trai thường tảng lờ không để ý đến con gái nếu chúng gặp mình một nơi nào đó không phải nhà trường (ở trường cũng thế) hoặc chúng nhăn mặt nhăn mày và gọi mình bằng những cái tên quỉ quái. Nếu tôi phải tới gần một tên trong bọn chúng, tôi liền cứng đờ người lại, chẳng biết làm gì. Tất nhiên mọi sự sẽ khác nếu có người lớn quanh đó. Hai đứa trẻ này vẫn giữ im lặng nhưng tôi khổ sở vô cùng cho đến khi có một người nào đó lôi chúng vào bếp. Khi đó tôi bắt đầu nhận ra giọng nói đặc biệt dịu dàng và đầy thương cảm của mẹ tôi, nghe nữ tính còn hơn cả giọng nói của người đàn bà đang trò chuyện với bà, và tôi nghĩ có thể giọng ấy thay đổi theo khuôn mặt. Đôi khi có người bắt chước giọng nói dịu dàng mà có uy của mẹ khi bà gọi tôi ở trường.

Người đàn bà trò chuyện với mẹ tôi, có vẻ là người trong coi ở đây, dẫn chúng tôi đến góc phòng, nơi có một người đàn ông và một người đàn bà ngồi trên ghế bành, có vẻ như họ chẳng biết vì sao lại ngồi đó. Mẹ tôi cúi người xuống và nói với họ bằng giọng kính trọng, chỉ tay về phía tôi.

“Con bé này thương Sadie lắm,” mẹ tôi bảo. Tôi biết lẽ ra tôi phải nói một cái gì nhưng trước khi tôi kịp nói, người đàn bà ngồi kia bèn rú lên một tiếng. Bà ta không hề nhìn chúng tôi nhưng tiếng kêu của bà giống hệt như đang bị con gù cắn hay ngoạm một miếng. Bà ta lấy tay

đập mạnh một cái lên tay kia như để hất văng thứ gì đó nhưng nó không chịu rơi ra. Bà nhìn mẹ tôi như thể đứng ra mẹ tôi phải làm một cái gì về việc ấy.

Ông già ngồi bên cạnh bảo bà im đi.

“Bà ấy tội nghiệp lắm,” người đàn bà dẫn đường cho chúng tôi bảo. “Bà ấy không còn biết mình đang làm gì đâu.” Cô cúi người xuống thấp hơn và nói, “Nào, nào, bà làm cho cô bé kia sợ chết khiếp rồi.”

“Làm cô bé hoảng hồn,” ông già nói theo với giọng phục tùng.

Khi ông ta nói xong, bà già liền im bặt và chỉ còn lấy tay này đập tay kia như thể không biết việc gì xảy ra với chúng.

Mẹ tôi nói, “Tội nghiệp bà ấy chưa.”

“Con một mà,” người đàn bà dẫn đường nói. Hướng về phía tôi cô ta bảo, “Đừng có lo em à.”

Tôi lo lắm, nhưng không phải về tiếng kêu rú của bà già kia.

Tôi biết Sadie đang ở đâu đó trong nhà, nhưng tôi không muốn gặp chị ấy. Mẹ tôi chưa từng nói tôi phải gặp chị nhưng cũng không nói tôi không gặp.

Sadie đã chết trong khi đi bộ về nhà từ sảnh khiêu vũ *T - hoàng gia*. Một chiếc xe hơi tông vào chị ngay khoảng đường rải sỏi giữa bãi đậu xe của sân nhảy và lề đường thị trấn. Chị ấy chắc là đang vội vàng ra khỏi chỗ khiêu vũ như mọi khi, và không hề nghi ngờ rằng những chiếc xe hơi chạy qua không thấy được mình, hoặc chị cho mình đang

có quyền ưu tiên của người đi bộ, hay có lẽ chiếc xe sau lưng chị đã chệch lái, hay có lẽ chị không chắc lắm mình đang đứng ở đâu. Chị bị xe đụng từ phía sau, chiếc xe ấy đang tránh đường cho xe sau, vốn đang muốn rẽ ngoặt vào con đường của thị trấn. Hẳn có người đã uống rượu ở sảnh khiêu vũ, mặc dù không thể mua rượu ở đó. Lúc nào cũng có tiếng bóp còi xe, la ó, tiếng hối thúc khi buổi khiêu vũ kết thúc. Sadie cứ thế chạy về, trong tay không có cả đèn pin, như thể những người khác có nhiệm vụ tránh chị.

“Một đứa con gái không có bạn trai mà đi nhảy đầm,” một bà bạn của mẹ tôi đã từng nói thế. Bà nói với giọng dịu dàng và mẹ tôi làm bầm một điều gì đó ra ý thương tiếc.

“Như thế là tự chuốc biết bao rắc rối,” bà kia tiếp tục nói với giọng nhẹ nhàng.

Tôi đã nghe mọi người trò chuyện ở nhà nhưng tôi chẳng hiểu gì cả. Mẹ tôi muốn làm một việc gì đó cho Sadie và chiếc xe hơi đụng vào cô nhưng cha tôi ngăn lại. “Chúng ta không có vai trò gì ở thị trấn,” ông bảo. Tôi không cố gắng tìm hiểu về chuyện ấy bởi vì tôi cố không nghĩ về Sadie, càng cố quên đi cái chết của chị. Khi tôi nhận ra hai mẹ con đến nhà Sadie, tôi ước gì mình không phải đi nhưng tôi không biết cách nào để tránh được, trừ khi phải làm chuyện đáng hổ thẹn.

Bây giờ sau cơn la hét của bà kia, dường như chúng tôi chỉ việc quay đi và trở về nhà. Tôi sẽ không bao giờ dám nói rằng thật ra tôi sợ thấy người chết.

Vào lúc tôi nghĩ sắp được về nhà, tôi nghe mẹ tôi và người đàn bà, dường như cũng đồng lứa, nói về một điều đáng sợ hơn cả.

Nhìn mặt Sadie lần cuối.

“Đúng thế,” mẹ tôi nói. “Tất nhiên chúng ta phải tới nhìn mặt Sadie.”

Một Sadie đã chết.

Nãy giờ tôi luôn nhìn xuống, chỉ thấy mấy đứa con trai chẳng cao hơn tôi bao nhiêu và những người già cả đang ngồi. Nhưng bây giờ mẹ tôi nắm tay tôi đi qua hướng khác.

Có một quan tài vẫn đặt giữa phòng, nhưng tôi cứ nghĩ đó là thứ gì khác. Bởi chưa từng thấy, tôi không biết một chiếc quan tài có hình dáng ra sao. Vật mà chúng tôi tiến lại gần có thể là một cái kệ đặt các bó hoa, hay chiếc đàn dương cầm đầy nắp, chẳng hạn.

Có thể những người đứng quanh đó đã góp phần làm nó biến dạng đi về kích thước, hình thể và mục đích. Nhưng giờ đây họ rẽ lối, kính cẩn chờ mẹ tôi đi tới, bà nói với một giọng mới mẻ, hết sức dịu dàng.

“Tới đây con,” mẹ tôi bảo tôi. Kiểu thăm thẳm của bà có gì đó đặc thảng, mà tôi cảm ghét.

Bà cúi xuống nhìn vào mặt tôi và điều ấy, tôi biết chắc, là để ngăn một việc phải xảy ra với tôi – đó là nhắm chặt mắt lại. Rồi bà nhìn đi nơi khác nhưng nắm chặt tay tôi trong tay bà. Tôi cũng kịp hạ mí mắt xuống vừa khi mẹ

tôi quay đi, nhưng tôi không thể nhắm chặt được vì sợ té hoặc lỡ có ai xô tôi một cái vào chỗ không muốn bị xô chút nào. Tôi chỉ vừa thấy bóng mờ của những bông hoa cứng đờ và thấy lấp lánh màu gỗ đánh bóng.

Rồi tôi nghe mẹ khịt mũi và tôi bị bà lôi tuột đi. Có tiếng mở bóp của bà. Mẹ tôi phải cho tay vào đó, nên buông lỏng tôi ra và tôi nhân dịp này thoát khỏi tay bà. Mẹ tôi khóc thút thít. Nhìn thấy mẹ tôi khóc và khịt mũi, lòng tôi cũng dịu lại.

Tôi nhìn thẳng vào quan tài và thấy Sadie.

Tai nạn đã không chạm tới cổ và mặt của chị ấy nhưng tôi không nhìn rõ tất thấy, trong một lúc. Tôi có ấn tượng mọi thứ không khủng khiếp như mình tưởng. Thoạt tiên tôi nhắm mắt lại nhưng rồi không thể không liếc nhìn lần nữa. Trước hết, cái gối vàng đặt dưới cổ chị, cũng che một phần cổ họng và cằm và một bên má mà tôi nhìn rõ. Cách hay nhất là nhìn thật mau một góc nhỏ của chị ấy, thế rồi nhìn xuống cái gối, kế đó nhìn lên chút nữa khi đã bớt sợ hãi. Và bây giờ là Sadie, toàn thể chị ấy, hoặc ít nhất một bên người chị ấy.

Một cái gì động đậy. Tôi nhìn thấy. Mí mắt của chị ở phía bên gần tôi bỗng dung động đậy. Không phải chị mở mắt ra, cũng không phải mở hé hay cử động gì tương tự thế, nhưng mí mắt chị nhướng lên một chút xíu, như thể con mắt cố gắng làm thế, hay như thể bạn chính là chị ấy, bạn đang ở bên trong chị ấy, và có thể nhìn ra ngoài qua

hàng lông mi khép rèm. Chỉ để phân biệt ánh sáng từ bên ngoài và bóng tối từ bên trong.

Lúc ấy tôi không ngạc nhiên lắm, lòng cũng không sợ hãi. Ngay lập tức điều nhận thấy ấy phù hợp với mọi thứ mà tôi biết về Sadie và bằng một cách nào đó cũng thích hợp với những trải nghiệm đặc biệt riêng đối với tôi. Tôi không hề mơ sẽ gọi ai đó tới gần để nhìn thật kĩ sự động đậy kia, bởi vì điều ấy không dành cho họ, chỉ hoàn toàn dành cho tôi mà thôi.

Mẹ tôi cầm lấy tay tôi và nói hai mẹ con phải về. Có một vài trao đổi qua lại nữa, nhưng chỉ thoáng cái, chúng tôi đã ở bên ngoài.

Mẹ tôi nói, “Thế là tốt cho con lắm.” Bà nắm chặt tay tôi và bảo, “Bây giờ thì xong. Mọi chuyện qua rồi.” Bà phải dừng lại và nói chuyện với một người nào khác đang đi từ ngoài vào nhà, và rồi chúng tôi lên xe hơi lái về nhà. Tôi có cảm giác mẹ tôi muốn tôi nói một điều gì đó, hoặc kể lại cho bà nghe một chuyện, nhưng tôi không làm gì cả.

Không có lần hiển hiện nào như thế nữa và rồi hình bóng Sadie biến mất nhanh chóng trong đầu óc tôi, với bài vở tràn ngập ở nhà trường, nơi tôi học cách làm sao để đối phó, giữ cho cân bằng giữa một bên là nỗi sợ hãi và một bên là thói khoa trương khoác lác. Thực tế là tầm quan trọng của Sadie đã biến mất trong tuần lễ đầu tiên của tháng Chín. Khi chị nói với chúng tôi chị phải ở nhà để trông coi cha mẹ chị, nên chị không thể làm việc cho chúng tôi nữa.

Nhưng rồi mẹ tôi phát hiện chị tôi làm việc ở một tiệm bơ sữa.

Một thời gian thật lâu khi tôi nghĩ về chị, tôi không bao giờ thắc mắc về điều tôi tin rằng chị cố tình để cho tôi thấy. Lâu lắm, rất lâu về sau, khi tôi không còn thích thú gì về những trò diễn phi tự nhiên của con người, tôi vẫn còn giữ như in trong tâm trí mình những điều đã xảy ra. Tôi đã tin tưởng nó một cách quá dễ dàng, như cách mà bạn tin tưởng và trong thực tế khăng khăng nhớ lại rằng bạn đã từng có một hàm răng khác, bây giờ nó biến mất nhưng dù thế, nó thực sự đã tồn tại. Cho đến một ngày, một ngày, khi tôi bước vào tuổi dậy thì, tôi liền cảm thấy, với một lỗ hổng mơ hồ trong lòng, rằng từ đây tôi sẽ không còn tin gì vào điều ấy nữa.

Đêm

KHI tôi còn nhỏ, dường như không bao giờ có chuyện sinh đẻ, hay vỡ ruột thừa, hoặc bất kì việc nguy cấp nào xảy ra mà không đi cùng với một cơn bão tuyết. Các xe lộ bị đóng, không cách nào lái xe thoát ra được, và người ta phải dùng ngựa để vượt qua băng tuyết tới thị trấn để vào bệnh viện. Hãy còn may mắn vì vẫn có ngựa quanh đây – vì dần dà người ta cũng sẽ thôi không dùng đến chúng, nhưng chiến tranh và việc phân phối xăng dầu có giới hạn trong thời chiến đã thay đổi tất cả, ít nhất là vào lúc ấy.

Khi cơn đau ghê gớm một bên hông tôi xuất hiện, quả nhiên, nó xảy ra vào mười một giờ đêm, và một cơn bão tuyết lớn đang quét qua, và vì chúng tôi không có một con ngựa nào trong chuồng vào thời ấy, người ta phải dùng

ngựa của người hàng xóm để đưa tôi đến bệnh viện. Đoạn đường không quá một dặm rưỡi nhưng cũng đầy mạo hiểm. Bác sĩ đang chờ, và không ai lấy làm ngạc nhiên ông ấy đã chuẩn bị để mổ lấy cái ruột thừa của tôi ra.

Có phải hồi đó người ta mổ ruột thừa nhiều hơn bây giờ không? Tôi biết bây giờ vẫn làm thế, và là việc cần thiết – tôi còn biết một vài người bị chết vì không kịp can thiệp sớm – nhưng như tôi vẫn nhớ đó gần như đó là một nghi thức mà một số người vào tuổi của tôi phải trải qua, không phải là nhiều lắm và không phải tất cả đều bất ngờ như trường hợp của tôi, và có lẽ cũng không phải ai cũng lấy làm khổ sở vì chuyện ấy, bởi sau đó là những ngày được nghỉ ngơi khỏi phải đi học và khi mổ xong ruột thừa bạn được nâng cấp trở thành một người khác – bạn đứng tách ra, một thời gian ngắn, như một người đã từng bị đôi cánh tử thần chạm tới, một lần thôi trong đời nhưng làm bạn mất nguyên.

Thế là tôi nằm đó, bị trừ đi cái ruột thừa, trong vài ngày nhìn qua cửa sổ bệnh viện nơi tuyết rắc đều buồn bã trên những ngọn cây thường xuân. Tôi không nghĩ rằng tôi đã từng dù chỉ trong một chốc lát thắc mắc về chuyện cha tôi sẽ phải làm gì để trả tiền cho việc “nâng cấp” này. (Tôi nghĩ ông đã phải bán đi một khu đất trồng cây mà ông đã giữ lại khi ông bán tháo cái nông trại của ông nội tôi. Lúc trước ông định sẽ dùng nó để làm khu vực đặt bày thú hoặc nấu đường. Hay có lẽ ông giữ nó chỉ vì tấm lòng hoài niệm không thể nói cùng ai.)

Khi tôi trở lại trường, khoái chí vì được miễn giờ Thể dục lâu hơn mức cần thiết, một buổi sáng thứ Bảy khi chỉ có mẹ tôi và tôi đứng trong bếp, bà bảo tôi rằng người ta đã lấy ruột thừa ra cho tôi lúc ở bệnh viện đúng như tôi nghĩ, nhưng không phải chỉ có thế. Ông bác sĩ cảm thấy việc lấy nó ra là thích hợp, nhưng điều làm ông ta lo ngại là một khối u. Một khối u, mẹ tôi nói, kích thước vào cỡ một cái trứng gà tây.

Nhưng đừng lo lắng chi, mẹ tôi bảo, tất cả đã qua rồi.

Ý nghĩ về căn bệnh ung thư chưa bao giờ xen vào tâm trí tôi và mẹ tôi cũng chẳng bao giờ nói tới. Tôi không nghĩ ngày nay có một sự phát hiện nào như thế mà không kèm theo những tra vấn, những thăm dò liệu nó có phải là ung thư hay không. Ác tính hay lành tính – chúng ta muốn biết ngay lập tức. Cách duy nhất tôi có thể giải thích vì sao chúng tôi không nói về chuyện ấy là vì thời đó có một đám mây mù mật bao phủ quanh hai chữ ung thư, cũng như đám mây chung quanh việc đề cập tới tình dục. Thậm chí còn tệ hơn nữa. Tình dục tuy xấu xa nhưng cũng kèm theo sự thích thú – thật ra chúng tôi cũng biết thế, mặc dù mẹ chúng tôi không nhận ra – trong khi hai chữ ung thư làm người ta u sầu buồn bã như một vật hôi hám khiến ta chẳng dám nhìn hay lấy chân đá nó qua một bên nếu lỡ đụng phải khi đi đường.

Vì vậy tôi chẳng hỏi, cũng không ai nói và chỉ có thể nghĩ rằng đó là một cái u lành tính hoặc đã được khéo léo cắt bỏ đi rồi, vì vậy mà nay tôi vẫn còn ngồi đây. Và

tôi không mấy khi nghĩ tới nó trong suốt cuộc đời mình, khi có lúc phải ngồi điên danh sách những cuộc mổ xẻ đã thực hiện trong bệnh án, tôi đã mặc nhiên ghi vồn vẹn là “mổ ruột thừa”.

Cuộc trò chuyện với mẹ tôi có thể đã xảy ra trong ngày lễ Phục sinh, khi tất cả bão tuyết và những đóng tuyết cao như núi đã biến mất và khe suối rộn ràng dòng nước xiết, cuốn theo những gì chúng đi qua, và mùa hè chói chang bắt đầu lộ dạng. Thời tiết của chúng ta không biết đùa giỡn, không thương hại ai.

Trong cái oi bức của đầu tháng Sáu, chúng tôi mất khóa, tôi có đủ điểm tốt để khỏi phải dự kì thi hết năm. Tôi mạnh khỏe, làm việc lật vạt trong nhà, đọc sách như thường lệ. Không ai biết có chuyện gì xảy ra với tôi.

Tôi nên kể thêm về việc đi ngủ trong phòng của tôi và em gái. Đó là một phòng ngủ rất nhỏ không đủ cho hai cái giường đơn, vì vậy giải pháp là giường tầng, với cái thang cho đứa nào leo lên ngủ phía trên. Là tôi. Thời tôi nhỏ tuổi hơn và còn ưa chọc ghẹo, tôi thường kéo một góc của tấm nệm ra và dọa sẽ nhỏ nước miếng vào đứa em gái nằm trơ ra ở phía dưới. Tất nhiên con bé Catherine cũng đầu vừa. Nó liền chui tuột vào trong chăn để núp, nhưng trò chơi của tôi là nhìn nó chằm chặp cho đến khi nó bị ngạt thở hoặc vì tò mò phải chui ra, vào lúc ấy tôi sẽ nhỏ nước bọt lên mặt nó hoặc giả vờ thế, làm nó tức điên lên.

Giờ tôi đã quá lớn để làm mấy trò khỉ này, chắc chắn thế. Em gái tôi lên chín và tôi mười bốn tuổi. Mối quan hệ

giữa hai chị em không phải lúc nào cũng sóng gió. Khi tôi không hành hạ hay nhây nhưa chọc ghẹo nó, thì tôi liền đóng vai trò người cố vấn khôn ngoan hoặc kể kể chuyện dựng cả tóc gáy. Tôi mặc cho nó những thứ tìm thấy trong chỗ để quần áo cũ của mẹ tôi, vải còn tốt chưa tiện cắt vụn ra để làm các tấm chăn may ghép nhưng kiểu cũng quá xưa không ai mặc được. Tôi bôi phấn hồng và kem thoa cũ của mẹ tôi lên mặt em gái và bảo nó là nó xinh đẹp biết bao. Em gái tôi rất đẹp, tất nhiên không nghi ngờ gì nữa, mặc dù khi tôi trang điểm cho nó, mặt nó bỗng biến thành con búp bê ngoại quốc quái gở.

Tôi cũng không có ý nói rằng tôi hoàn toàn điều khiển được em tôi, hoặc đời sống của hai chúng tôi hoàn toàn đan xen vào nhau. Nó có bạn bè riêng, trò chơi riêng. Những thứ này chỉ là trò chơi trong nhà, không hấp dẫn lắm. Chúng dẫn búp bê đi chơi trong những cái xe đẩy của trẻ con, hay đôi khi những con mèo được mặc trang phục và được dẫn đi thay cho những con búp bê, bọn mèo lúc nào cũng nổi khùng bỏ chạy. Rồi trò chơi dạy học, có đứa đóng vai cô giáo và lấy tay đánh vào cổ tay những đứa khác, làm cho chúng giả vờ bật khóc vì nhiều lí do và những chuyện ngu ngốc khác.

Trong tháng Sáu, như tôi đã nói, tôi hết năm học và được tự do, tôi nhớ thời gian ấy khác hẳn với mọi lúc khác trong giai đoạn mới lớn. Tôi phải làm công việc trong nhà, nhưng mẹ tôi vẫn còn khỏe mạnh, đảm nhiệm hết gần mọi việc. Hoặc có lẽ vào lúc ấy chúng tôi có đủ tiền để thuê

một người mà mẹ tôi gọi là cô bảo mẫu hay người hầu gái, mặc dù những người khác thì gọi đơn giản là người ở hay người làm thuê. Tôi không nhớ tôi phải làm những thứ công việc mà những mùa hè sau này chúng dồn đống lại, khi tôi phải cố gắng nhiều để giúp giữ cho căn nhà sạch sẽ gọn gàng. Dường như cái trứng gà tây huyền bí kia đã ban cho tôi một đẳng cấp lạ lùng, khiến tôi có thể dành nhiều thì giờ của mình để chơi không như một người khách, chẳng làm gì cả.

Nhưng cũng không phải là để ngồi mơ mộng chuyện trên trời. Không một ai trong gia đình tôi được phép làm thế. Mơ màng là việc nội tâm – tôi cảm thấy vô ích và kì quái. Và không được phép vô tích sự dài lâu. Tôi cũng phải ngồi tách bóc những củ cà rốt non, như vẫn thường làm vào mỗi mùa xuân, để cho chỗ còn lại đạt đến kích thước ăn được.

Chỉ có điều không phải khoảnh khắc nào trong ngày cũng tràn ngập việc phải làm, như trong những mùa hè trước và sau đó.

Có thể vì vậy mà tôi bắt đầu mắc chứng khó ngủ. Mới đầu chỉ là nằm mà thức cho đến nửa đêm và tự hỏi làm sao tôi có thể thức như thế trong khi cả nhà đều đã ngủ cả. Tôi đọc sách, mệt, tắt đèn và chờ. Không ai trong nhà nhắc tôi phải đi ngủ sớm, bảo tôi tắt đèn và lên giường cả. Lần đầu tiên (và nhờ đó có thể đánh dấu một tình trạng đặc biệt) tôi được phép tự mình quyết định về một chuyện như thế.

Phải mất một thời gian để căn nhà chuyển từ ánh sáng ban ngày sang ánh đèn thấp trong nhà rồi thành buổi chiều tối muộn. Để lại đằng sau tiếng động rì rầm của những công việc đã làm xong, treo lên, chấm dứt, nó trở thành một nơi chốn lạ thường ở đó con người và công việc quyết định cuộc đời họ trôi đi xa, sự hữu ích của nó đối với mọi vật trượt đi, tất cả những bàn ghế giường tủ trong nhà trở lại là chính mình và cũng không tồn tại nữa vì không còn ai để ý đến.

Bạn có thể nghĩ đó là sự giải phóng. Mới đầu, có thể thế thật. Sự tự do. Sự khác lạ. Nhưng khi cơn khó ngủ của tôi bắt đầu kéo dài ra, và nó kéo dài liên tiếp cho đến khi trời sáng bảnh mắt, tôi bắt đầu thấy khổ sở vì nó. Tôi bắt đầu lẩm nhẩm đọc vắn vè, rồi đọc thơ thực sự, mới đầu theo ý mình nhưng về sau chẳng thể tự mình nữa. Việc ấy dường như chế nhạo tôi. Rồi tôi cũng chế nhạo mình, khi những câu chữ biến thành một thứ gì chán ngán, trở thành một thứ diễn ngôn ngẫu nhiên ngờ nghệch.

Tôi không còn là tôi nữa.

Tôi có nghe nói việc ấy xảy ra với người khác, lúc này lúc nọ, suốt đời tôi, nhưng không hề nghĩ tới ý nghĩa sâu xa của nó.

Thế mà nghĩ mà là ai kia chứ?

Tôi cũng nghe cả câu ấy nữa, nhưng không hề gán cho nó những ý nghĩa đáng sợ nào, chỉ biết thế như một kiểu châm biếm thông thường.

Vậy thì phải nghĩ lại xem.

Và lúc này tôi không còn theo đuổi giấc ngủ. Tôi biết chỉ là ngủ không thôi thì không phải. Có thể cũng không đáng ao ước. Một điều gì đó đã cầm giữ tôi, tôi có nhiệm vụ chống lại nó, gạt nó đi, hy vọng thế. Tôi có cảm giác về điều ấy, nhưng không mạnh mẽ lắm. Bất cứ điều gì mà nó thôi thúc tôi làm, không phải vì có một lí do nào nhưng chỉ là xem việc ấy có thể làm được không. Nó cho tôi biết rằng động cơ hành động là không cần thiết.

Phải xuôi theo thôi thúc đó thôi. Kì lạ thật. Không phải vì trả thù, hay bất kì nguyên cớ nào, nhưng chỉ vì ta đã nghĩ tới một chuyện.

Và tôi đã nghĩ tới chuyện đó. Tôi càng xua đuổi ý tưởng đó đi, thì nó càng trở lại. Không trả hận, không căm thù – như tôi nói, chẳng có lí do nào ngoại trừ một ý tưởng sâu xa lạnh lẽo bùng phát không hẳn là sôi nổi, như một sự chiêm nghiệm, đã chiếm đoạt lấy người tôi. Thật ra tôi không được nghĩ về nó nhưng tôi lại nghĩ về nó.

Ý tưởng ấy lơ lửng đâu đó trong tâm trí tôi.

Ý tưởng rằng tôi sẽ bóp cổ đứa em gái của tôi, đang ngủ ở chiếc giường bên dưới và là người mà tôi yêu thương nhất trên đời này, hơn bất kì ai khác.

Tôi có thể làm chuyện ấy không phải vì ghen tức, ác độc, hoặc giận dữ, nhưng vì một cơn điên, nó nằm ngay bên cạnh tôi trong bóng đêm. Cũng không phải là một cơn điên hoang dã, nhưng là một thứ gì đó gần như để ghẹo

chơi. Một gợi ý lười biếng, đầy chế giễu, uể oải, dường như chờ đợi tôi từ lâu lắm.

Nó đang nói tại sao không làm. Sao không thử điều tệ hại nhất xem sao?

Điều tệ hại nhất. Ngay ở nơi quen thuộc nhất, căn phòng nơi chúng tôi đã nằm ngủ từ thuở bé và nghĩ là chỗ an toàn nhất. Tôi có thể làm việc ấy mà không có ai kể cả tôi có thể hiểu được nguyên nhân, ngoại trừ việc tôi không thể cưỡng lại nó.

Vậy là tôi thức dậy, ra khỏi phòng và ra khỏi nhà. Tôi trèo xuống từng bậc thang mà không hề nhìn lại em gái tôi đang nằm ngủ trên giường. Rồi lặng lẽ đi xuống thang gác, không kinh động ai, vào nhà bếp nơi mọi thứ đều quen thuộc với tôi, tôi có thể di chuyển ở đó mà không cần bật đèn lên. Cửa nhà bếp thật ra không khóa – tôi cũng không chắc nhà có chìa khóa cửa bếp hay không nữa. Một cái ghế được chèn vào dưới nắm cửa để kẻ nào tìm cách mở ra nó sẽ kêu ồn lên. Tôi thận trọng dời cái ghế đi mà không gây một tiếng động nào.

Sau đêm thứ nhất tôi đã làm mọi việc vô cùng êm thấm thuần thực, tôi bước ra ngoài, gần như chỉ trong vòng vài giây êm ái.

Tất nhiên không có đèn đường – chúng tôi ở xa thị trấn.

Mọi thứ đều lớn hơn. Những cái cây ở quanh nhà thường được gọi bằng tên riêng của chúng – cây dẻ gai, cây du, cây sồi, những cây phong lúc nào cũng được tính cả cụm cả

hàng mà chẳng phân biệt từng cây một, bởi vì chúng đan cành vào nhau. Bây giờ chúng đều đen sẫm kì lạ. Cây đinh hương màu trắng (đã tàn hoa) và cây đinh hương màu đỏ tía – lúc nào cũng được gọi là cây chú không phải bụi hoa vì chúng đã mọc lên rất lớn.

Vật cở ở mặt trước và sau và hai bên có thể băng qua dễ dàng vì tôi là người cật cở cho chúng với ý định làm cho căn nhà của chúng tôi trở nên sang trọng kiểu thành phố.

Hông nhà phía Đông và phía Tây nhìn xuống những thế giới khác nhau, ít nhất là đối với tôi. Phía đông là vùng phố thị, mặc dù không thể thấy rõ bất kì thị trấn nào. Thị trấn cách chỗ chúng tôi chỉ chừng hai dặm với những dãy nhà theo kiểu phố, những ngọn đèn đường và nước chảy từ vòi. Và mặc dù tôi có nói là đứng đây không thể thấy gì cả, tôi thực không chắc lắm, biết đâu bạn vẫn có thể nhìn thấy một chút ánh sáng nếu chăm chú nhìn về phía ấy.

Về phía Tây là dòng sông uốn khúc bao quanh và cánh đồng và cây cối và những buổi hoàng hôn mặt trời lặn xuống không có gì che khuất. Cảnh tượng ấy không liên quan gì đến con người, đến suy nghĩ của tôi, chưa từng.

Tôi bước tới bước lui, mới đầu gần nhà, về sau đi xa hơn dựa vào sức nhìn của tôi trong bóng tối, để tránh xô vào những tay quay của ống bơm hay những cái giá đỡ dây treo quần áo. Chim chóc bắt đầu xao xác, và rồi chúng hót – như thể mỗi con đã nghĩ về điều ấy một cách riêng rẽ, khi ở trên ngọn cây cao kia. Chúng thức dậy sớm hơn nhiều so với tôi tưởng. Nhưng ngay sau khi những khúc

nhạc khởi đầu sớm nhất được cất lên, một màu trắng hé lộ ở chân trời. Và đột nhiên tôi lên cơn buồn ngủ kinh khủng. Tôi trở vào nhà, lúc này bỗng nhiên góc nào cũng tối đen, và tôi, một cách chính xác, cẩn thận, im lặng đặt lại cái ghế ở ngay dưới nắm cửa, và bước lên cầu thang không một tiếng động, lẹ làng mở cửa, lên các bậc với sự thận trọng cần thiết, dù tôi đã lim dim nửa thức nửa ngủ. Tôi rơi vào cái gối của mình và thức dậy trễ – trong gia đình tôi trễ tức là khoảng tám giờ sáng.

Lúc ấy tôi có thể nhớ lại tất cả, nhưng thật là ngớ ngẩn vô lí – phần dở nhất của nó thật ra là sự vô lí – mà tôi có thể gạt bỏ đi khá dễ dàng. Em trai và em gái của tôi đã đi học ở trường công lập, đĩa ăn của chúng vẫn còn trên bàn, một vài mẩu gạo rang trôi nổi trong li sữa chúng chưa uống hết.

Thậm chí vô lí.

Khi em gái tôi đi học về chúng tôi thường ngồi lên chiếc văng đu đưa, mỗi đứa một đầu.

Chính ở trên cái văng ấy tôi đã ngồi giờ này qua giờ khác, có thể vì vậy mà tôi khó ngủ vào buổi tối. Và vì tôi chưa bao giờ kể lại chúng khó ngủ của mình, không có ai đi tới kết luận là tốt nhất tôi nên hoạt động nhiều hơn vào ban ngày.

Chuyện rắc rối của tôi chỉ tới vào đêm, tất nhiên. Ma quỷ chỉ ám tôi lúc ấy. Tôi sớm nhận ra nên ngồi dậy và

ra khỏi giường, không giả vờ rằng mọi việc sẽ tốt đẹp lên hoặc tin tưởng rằng mình có thể đi ngủ nếu chịu tìm mọi cách. Tôi lên ra khỏi nhà cẩn thận như tôi đã làm những lần trước. Tôi bắt đầu đi lại một cách dễ dàng trong đêm tối; ngay cả những đồ vật bên trong các phòng cũng hiện ra rõ ràng hơn và lại càng trở nên lạ lùng hơn. Tôi có thể nhìn ra cái trần nhà bếp xây theo kiểu mái lều lúc căn nhà được dựng lên khoảng một trăm năm trước, và khung cửa sổ ở phía Bắc bị con chó gặm sứt sọc trong một đêm nó bị nhốt trong nhà, lâu lắm rồi trước khi tôi ra đời. Tôi nhớ lại tất cả những điều tôi đã quên bẵng – rằng trước đây tôi đã từng có một cái hộp cát để nghịch chơi ở đó, nơi mẹ tôi có thể nhìn thấy tôi qua cửa sổ phía Bắc. Bây giờ có một bụi tường vi lớn che phủ nơi ấy nên nhìn ra không thấy gì nữa cả.

Tường phía Đông của nhà bếp không có cửa sổ nhưng có một cửa ra vào dẫn ra bậc tam cấp thấp nơi chúng tôi đứng treo những đồ vừa giặt còn ướt và lôi chúng vào khi đã khô, thơm mùi vải mới giặt tươi vui mừng rỡ, từ những dải khăn trắng cho đến những áo khoác nặng hơn.

Và chính ở bậc tam cấp ấy đôi khi tôi dừng lại trong những cuộc đi bộ về đêm. Tôi chưa bao giờ ngồi xuống đó nhưng nó giúp tôi nhẹ nhõm hơn khi đứng nhìn xuống thị trấn, có thể chỉ để hít thở một ít không khí tinh tảo của nó. Tất cả mọi người đều dậy sớm, đi mua sắm, mở cửa, những thùng sữa đang chờ lấy vào, sự bận rộn của mọi người.

Một đêm – tôi không nhớ đó là lần thứ hai mươi hay mười hai hay thứ tám, thứ chín tôi dậy đi rong – tôi nhận ra một điều, quá trễ để thay đổi nhịp bước của tôi, rằng có một người nào đó đang ở quanh đây. Có một người nào đó đang chờ ở đó và tôi không thể làm gì khác hơn là bước tới. Nếu quay lưng lại tôi có thể bị bắt gặp, như vậy còn tệ hơn là tiến tới.

Ai? Chẳng ai khác hơn là cha tôi. Ông ngồi trên bậc tam cấp nhìn xuống thị trấn và nhìn xuống ánh sáng mờ ảo xa xăm kia. Ông mặc áo quần ban ngày – quần đi làm màu sẫm, gần giống quần bảo hộ nhưng không hẳn, và áo sơ mi thô xám cũng màu tối, và mang ủng. Ông hút thuốc lá. Thứ thuốc mà ông tự quán lấy, tất nhiên. Có thể khói thuốc lá đã làm tôi nhận ra sự có mặt của một người khác, mặc dù vào thời ấy mùi thuốc lá ám khắp nơi, trong nhà, bên ngoài, nên cũng khó biết được.

Cha tôi nói chào con buổi sáng một cách tự nhiên ngoại trừ một điều là chẳng có gì tự nhiên về chuyện ấy cả. Vì chúng tôi không có thói quen chào nhau như thế trong nhà. Không phải chúng tôi ghét cách chào ấy – chỉ là không cần thiết, khi chúng tôi gặp mặt nhau mỗi lúc mỗi ngày.

Tôi cũng chào ông buổi sáng. Và có lẽ cũng vào gần sáng thật nếu không thì ông đã không mặc đồ làm việc như thế. Bầu trời có lẽ đã trắng ra nhưng còn khuất sau những lùm cây lớn. Chim chóc hót vang. Như thế tôi thức đêm ngày càng muộn hơn, mặc dù tôi không còn cảm thấy dễ chịu nữa khi thức khuya như thế, như những lần đầu. Những

khả năng có lần chỉ xảy ra trên giường ngủ, trong chiếc giường tầng, giờ đã có thể xảy ra khắp mọi nơi trong nhà.

Giờ khi nghĩ lại, vì sao cha tôi lại không mặc đồ làm việc thường khi kia chứ? Ông mặc đồ như thể chuẩn bị đi vào thị trấn làm gì đó, việc đầu tiên phải làm trong buổi sáng.

Tôi không thể tiếp tục bước đi được nữa, toàn bộ nhịp điệu của cuộc đi đã bị đứt gãy.

“Con bị mất ngủ à?” Ông nói.

Tôi muốn nói không phải, nhưng rồi nghĩ đến việc giải thích khó khăn về việc tôi đi bộ lòng vòng, nên tôi nói dạ phải.

Ông bảo việc ấy hay xảy ra vào đêm mùa hạ.

“Mình đi ngủ người mệt nhoài và vào lúc tưởng rằng đã thiêu thiêu ngủ rồi lại thấy mình còn thức hoàn toàn. Có phải thế không con?”

Tôi nói phải.

Bây giờ thì tôi biết không chỉ đêm nay cha tôi mới nghe được tiếng tôi lục đục ngồi dậy và đi bộ quanh nhà. Một người mà tất cả những súc vật đều nuôi trong nông trại của mình, nguồn sinh tiền bạc đều đang ở quanh đây, người giữ một khẩu súng trong ngăn bàn của mình, chắc chắn phải tỉnh giấc khi có tiếng bước chân dù rất nhẹ trên cầu thang hay ngay cả một cái xoay nắm cửa khẽ khàng nhất.

Tôi không rõ lắm cha tôi muốn nói gì tiếp theo sau, liên quan đến chuyện thức giấc của tôi. Ông có nói mất ngủ đúng là phiền, nhưng có phải tất cả chỉ có thế không? Chắc

chấn tôi không có ý nói thêm nữa với ông. Nếu ông có tỏ với tôi chỉ một chút xiu sự gằn gủi ra ý rằng ông biết còn điều gì khác nữa, nếu ông chỉ gợi ý rằng ông ngồi đó để lắng nghe câu chuyện ấy, thì tôi nghĩ ông đã không nghe được bất cứ điều gì từ tôi. Tôi phải tự ý nói rằng tôi không ngủ được. Tôi rời khỏi giường và đi lui đi tới.

Tại sao thế?

Con không biết.

Không phải vì bị ác mộng chứ?

Không.

“Cha hỏi ngược thật,” ông nói. “Tất nhiên đâu ai chạy ra khỏi giường khi đang có những giấc mộng đẹp.”

Ông chịu khó để tôi tiếp tục, không hỏi gì cả. Tôi muốn quay trở lại chỗ của mình nhưng rồi vẫn tiếp tục nói. Tôi kể thật hết mọi chuyện với rất ít thêm thắt.

Khi nói về em gái, tôi bảo ông rằng tôi sợ một ngày kia tôi sẽ gây tổn thương cho nó. Tổn thương đủ nặng, và cha tôi cũng biết tôi có ý nói gì.

“Bóp cổ nó,” tôi nói thẳng. Sau cùng, tôi không thể dừng lại nữa.

Bây giờ thì tôi không thể nói ngược lại được, tôi cũng không thể trở lại thành con bé như trước đây.

Cha tôi đã nghe hết câu chuyện. Ông nghe rằng tôi đã nghĩ đến chuyện, không vì một lí do nào, bóp cổ bé Catherine trong khi nó đang ngủ.

Ông bảo, “Thôi được rồi.”

Ông nói đừng lo lắng. Ông nói, “Người ta đôi khi có những ý tưởng kiểu ấy.”

Ông nói thế một cách rất nghiêm trang mà không hề nhảy dựng lên hay ngạc nhiên căng thẳng. Người ta vẫn có những ý tưởng kiểu ấy, nỗi sợ hãi, nếu thích gọi cảm giác ấy là thế, nhưng không có gì đáng lo lắng về chuyện ấy, không hơn gì một giấc mơ, thế thôi.

Cha tôi cũng không nói, một cách rõ ràng cụ thể hơn, rằng tôi đang trong tình trạng nguy hiểm có thể gây tổn hại cho người khác. Ông chỉ có vẻ như hơi vô tư nghĩ rằng chuyện ấy không thể xảy ra. Tác dụng của thuốc mê đấy mà, ông bảo. Chất ê te mà người ta dùng cho con trong bệnh viện. Không khác chi một cơn mơ. Nó không thể xảy ra được, cũng như thiên thạch hay sao băng không thể đâm vào nhà chúng ta được (tất nhiên có khả năng đó, nhưng xác suất để xảy ra thì gần như là không thể.)

Cha tôi không phiền trách chi tôi về những ý tưởng ấy. Cũng không lấy làm thắc mắc gì.

Có nhiều điều khác đúng ra ông có thể nói. Ví như hỏi tôi nhiều hơn về thái độ của tôi đối với đứa em gái hay sự bất mãn của tôi đối với cuộc đời mình nói chung. Nếu chuyện đó xảy ra ngày nay, chắc ông đã đặt hẹn cho tôi gặp bác sĩ tâm thần. (Tôi nghĩ đối với con mình, tôi có thể làm điều ấy nếu cần, sau một thế hệ và với một khả năng tài chính khá hơn.)

Thực tế điều cha tôi làm tuy vậy lại có hiệu quả. Nó đã

đặt tôi vào lại, một cách không chỉ trích hoặc cảnh giác, thế giới mà chúng tôi đang sống.

Người ta có những ý tưởng mà chẳng bao lâu sau chúng không còn nữa. Điều đó thường xảy ra.

Nếu bạn làm cha làm mẹ đủ lâu cho đến hôm nay, bạn phát hiện ra rằng mình đã phạm những lỗi lầm mà bạn không buồn biết tới, bên cạnh những lỗi lầm mà bạn biết quá rõ. Bạn trở nên khiêm tốn từ đáy lòng, đôi khi cảm thấy khinh bỉ chính mình. Tôi không nghĩ cha tôi cảm nhận được điều gì tương tự thế. Tôi biết rằng nếu tôi ngày xưa có lên tiếng buộc tội ông, vì ông đã từng dùng dây thắt lưng hoặc dây da mài dao cạo râu để đánh tôi, ông có thể đã đáp lại loại nếu không thích thì cũng phải chịu thôi. Những cái dây da ấy có thể động lại trong tâm trí ông, và nếu có thế, cũng không mạnh hơn sức tưởng tượng của con bé nhiều chuyện khiến nó nghĩ là nó nắm quyền trong nhà.

“Con cứ nghĩ là con quá thông minh đấy nhỉ,” là câu cha tôi nói khi nêu lí do tại sao trừng phạt tôi, thời ấy câu đó rất thường nghe, khi thông minh thường bị đánh đồng với thói tinh quái đáng ghét, phải đánh cho nó chừa đi. Nếu không có khi đứa bé kia lớn lên cứ tưởng lầm rằng hẳn ta quá thật thông minh. Hoặc là chị ta, như trường hợp của tôi.

Tuy vậy, vào buổi sáng tinh mơ hôm ấy, cha tôi đã nói với tôi đúng những điều tôi cần nghe và những điều mà tôi sẽ quên đi mau chóng.

Tôi nghĩ ông đã mặc đồ tử tế vì ông có một cái hẹn vào buổi sáng như đi ngân hàng, để được biết, chứ không ngạc nhiên lắm, rằng người ta sẽ không cho ông gia hạn thêm nữa món nợ đã vay. Cha tôi đã làm việc cật lực nhưng thị trường không tốt lên và ông phải tìm cách để nuôi dưỡng chúng tôi trong khi phải trả những món nợ đáo hạn cùng lúc. Hoặc ông vừa phát hiện chứng run tay run chân của mẹ tôi hóa ra có tên bệnh hắc hoi và không thể chữa hết được. Hoặc ông đang phải lòng một người đàn bà tương tượng ở đâu đó.

Chẳng quan trọng gì. Từ hôm đó tôi bắt đầu ngủ được.

Giọng nói

THỜI mẹ tôi mới lớn, bà thường theo cả nhà đi khiêu vũ. Những buổi ấy được tổ chức ở khuôn viên nhà trường hay có khi trong một nhà nông với phòng trước rộng rãi. Già lẫn trẻ đều tham dự. Có người chơi dương cầm – đàn có sẵn ở nhà hay của nhà trường – và có kẻ mang vĩ cầm tới. Lối nhảy bốn cặp với những bước phức tạp, một người giọng đặc biệt tốt (luôn là nam) sẽ xướng lên với giọng vội vàng kì lạ mà bạn chẳng biết tại sao phải làm thế trừ khi bạn đã biết điệu vũ ấy. Mọi người đều biết, do từ năm lên mười, mười hai tuổi đã học.

Đã có chồng, với ba đứa con, mẹ tôi vẫn còn ở độ tuổi thích hoạt động này, nếu bà vẫn ở vùng thôn quê nơi thói quen nhảy nhót vẫn tiếp diễn. Mẹ tôi cũng thích khiêu vũ kiểu vòng tròn nhiều cặp tham gia, thay thế cho loại nhảy

bốn cặp nay đã không thịnh hành. Nhưng bà ở trong một tình huống kì quặc. Tất cả chúng tôi. Gia đình chúng tôi ở ngoài thị trấn nhưng không thực sự ở thôn quê.

Cha tôi, vốn được nhiều người quý mến hơn mẹ tôi, là người chấp nhận tất cả những điều xảy đến trong đời. Mẹ tôi thì không. Bà trưởng thành từ một cô bé sống ở nông trại, trở thành cô giáo dạy học, mà thể cũng chưa đủ, chưa mang lại cho bà vị trí xã hội mà bà muốn, hay những bạn bè mà bà thích ở đô thị. Bà sống không đúng chỗ và cũng không đủ tiền, không thạo nhiều món ăn chơi. Mẹ biết chơi bài Euchre nhưng chịu với món bài Bridge. Bà cảm thấy bị xúc phạm khi gặp một phụ nữ hút thuốc lá. Tôi nghĩ người khác thấy bà kiêu kì và chăm chú nói đúng ngữ pháp một cách quá đáng. Bà hay nói những cụm từ cầu kì như “lấy làm vui lòng” và “quả thực là như vậy”. Làm như mẹ tôi lớn lên trong một gia đình xa lạ lúc nào cũng dùng ngôn ngữ ấy. Nhưng không phải thế. Gia đình mẹ tôi không phải thế. Ở trong những nông trại của mình, các dì tôi và các cậu tôi nói với nhau cũng giống hết mọi người. Và họ cũng không thích mẹ tôi lắm.

Tôi không có ý nói rằng mẹ tôi lúc nào cũng ngồi mơ ước những chuyện không đâu. Giống như bất cứ người đàn bà nào có bồn rửa phải tự tay đẩy vào nhà bếp mỗi ngày, nhà không sẵn nước máy, và dành suốt mùa hè chuẩn bị thức ăn cho mùa đông tới, mẹ tôi hết sức bận rộn. Bà không còn cả thì giờ để cảm thấy thất vọng về tôi, thắc mắc tại sao tôi không dẫn về nhà những đứa bạn tử tế

đàng hoàng, hay nói chung là bạn bè, từ trường học trong thị trấn của tôi. Hay tại sao tôi tránh lên biểu diễn đọc thuộc lòng trong lớp học ngày Chủ nhật, chuyện mà tôi hào hứng trước đây. Và vì sao tôi về nhà với những lọn tóc xoắn xòa xuống – một thứ mạo phạm báng bổ mà tôi làm ngay trước khi tới trường, bởi vì không ai lại để kiểu tóc giống như kiểu tóc mà mẹ làm cho tôi. Hoặc tại sao tôi cố tình gạt đi trí nhớ phi thường mà tôi từng có khi đọc thơ thuộc lòng, và từng dùng để khoe khoang.

Nhưng không phải khi nào tôi cũng là một đứa bé hay cãi hoặc hay hờn dỗi. Chưa. Bây giờ là lúc tôi lên mười, vẫn còn ham muốn ăn mặc đẹp và muốn đi cùng mẹ tới các buổi dạ vũ.

Buổi dạ vũ được tổ chức trong ngôi nhà xinh xắn nhưng không phải giàu sang lắm trên cùng con đường có nhà tôi. Một ngôi nhà bằng gỗ lớn, những người ở đó tôi không biết ai, trừ người chồng làm việc ở lò đúc, dù ông ta trông bằng tuổi của ông tôi. Người làm ở lò đúc chẳng ai nghỉ việc, cứ làm việc ở đó lâu chừng nào tốt chừng đó và cố gắng để dành tiền cho lúc không làm việc được nữa. Người ta cho là nhọc nhãi, ngay cả vào một thời kì Đại Suy thoái, như sau này tôi được biết, khi nhiều người nhận ra rằng mình chẳng còn cách nào ngoài ngửa tay nhận Trợ cấp Người cao tuổi. Con cái lớn của người nhận trợ cấp ấy cũng thấy nhọc nhãi theo, bất chấp họ ở trong tình trạng túng thiếu ra sao.

Giờ nghĩ lại tôi nảy ra vài câu hỏi, nhưng khi nhỏ thì chưa từng nghĩ tới.

Có phải những người sống trong những ngôi nhà ấy tổ chức khiêu vũ chỉ để có không khí tiệc tùng cho vui? Hay có thu tiền? Phải chăng họ gặp khó khăn tiền bạc, cho dù người chủ gia đình đã có việc làm rồi. Hóa đơn bác sĩ chẳng hạn. Tôi biết những chuyện ấy có thể làm một gia đình lo buồn đến đâu. Đứa em gái của tôi khá mỏng manh, ai cũng nói thế, đã mổ cắt a mi đạn. Rồi em trai tôi và tôi cũng bị viêm phế quản vào mỗi mùa đông, phải đi khám bác sĩ. Đi bác sĩ thì phải tốn tiền.

Tôi cũng thắc mắc vì sao tôi thường theo mẹ tôi tới các dạ vũ, mà không phải là cha tôi. Nhưng đó không phải là điều khó giải thích. Cha tôi không thích khiêu vũ, trong khi mẹ tôi rất mê. Ngoài ra có hai đứa trẻ nhỏ phải coi sóc ở nhà mà tôi không đủ lớn để làm việc ấy. Tôi không nhớ cha mẹ tôi đã bao giờ thuê bảo mẫu không. Tôi không chắc hai chữ ấy có quen thuộc vào thời đó hay không. Lúc lớn lên tôi cũng từng được thuê làm bảo mẫu, nhưng thời thế đổi thay.

Chúng tôi mặc đồ dạ tiệc. Những buổi khiêu vũ ở thôn quê mà mẹ tôi nhớ lại, người nhảy không mặc trang phục tươi tắn mà quê kệch như sau này ta xem trên truyền hình. Mọi người đều mặc đồ đẹp nhất của họ, và nếu không thế, nếu không mặc áo có diềm và cổ áo giả, những thứ được coi như phục trang kiểu trưởng giả nông thôn, thì đó là sự phỉ báng đối với chủ nhà và mọi người tham dự. Tôi

mặc chiếc áo đầm mà mẹ tôi may cho bằng thứ len mùa đông mịn màng. Váy của tôi màu hồng, áo màu vàng, với một trái tim làm bằng len hồng thêu ở chỗ sau này sẽ nhú lên bầu ngực trái. Tóc tôi được chải, làm bóng và cuốn lại thành những lọn tóc tròn dài như ngón tay, khi tới trường tôi liền xổ tung chúng ra. Tôi làu bàu vì phải chải tóc kiểu này tới buổi khiêu vũ vì chẳng thấy ai làm tóc thế cả. Mẹ tôi liền vặn lại rằng chẳng có ai may mắn được như tôi. Tôi thôi không than vãn nữa vì vẫn rất muốn đi, hoặc có lẽ tôi nghĩ là chẳng có ai ở trường học chạm mặt tôi ở các dạ vũ này. Thật kì quặc, tôi lại sợ hãi những đứa bạn cùng trường.

Áo đầm mẹ tôi mặc thì không tự may ở nhà. Đó là cái áo đẹp nhất, quá sang trọng để đi lễ nhà thờ, quá vui tươi để đi dự đám tang, nên lúc nào cũng như còn mới nguyên. Áo làm bằng nhung đen, tay áo dài đến tận khuỷu tay, cổ cao. Chi tiết đẹp nhất của chiếc áo này là nhiều hạt cườm li ti ánh vàng ánh bạc và nhiều màu khác may dọc theo vạt áo trên, khi ánh sáng chiếu vào sẽ trở nên lấp lánh, biến đổi mỗi khi mẹ tôi di chuyển hoặc hít thở. Mẹ tôi tết bím mái tóc hấy còn đen, rồi dùng kẹp ghim lại thành chiếc vòng nhỏ trên đầu. Nếu bà không phải là mẹ tôi mà là một người nào khác tôi sẽ nghĩ bà quá đẹp. Tôi thấy mẹ tôi đẹp thật, mặc dù khi bước vào căn phòng khiêu vũ kia tôi liền nhận ra chiếc áo đầm đẹp nhất của mẹ tôi chưa ăn thua gì so với áo của những phụ nữ khác, dấu vẫn biết rằng họ cũng mặc món đồ đẹp nhất của họ.

Những người đàn bà khác mà tôi nói đến đứng trong bếp. Chúng tôi cũng vào đó và nhìn những đồ ăn được soạn lên một cái bàn lớn. Tất cả những thứ bánh mứt, kẹo, bánh nướng, bánh kem. Mẹ tôi cũng mang tới một vài thứ bà làm ở nhà và mây mò trang trí làm chúng trông đẹp hơn. Bà khen món những người khác mang tới trông ngon chảy nước miếng.

Tôi có chắc rằng mẹ tôi đã nói thế không – chảy nước miếng? Bất kể mẹ tôi đã nói chữ gì, tôi nhớ là chữ ấy nghe không thích hợp tí nào. Tôi ước gì cha tôi có mặt ở đó, vì ông nói gì nghe cũng hợp trong những trường hợp như thế, ngay cả khi ông nói rất đúng văn phạm. Ông nói năng kiểu thế ở nhà nhưng khi ra ngoài ít để ý hơn. Ông dễ dàng tham gia vào mọi cuộc trò chuyện, ông hiểu rằng bí quyết là không nên nói những gì quá đặc biệt. Mẹ tôi thì ngược lại. Với bà mọi thứ đều rõ ràng, kêu lanh lảnh, và gây chú ý.

Bây giờ chuyện ấy xảy ra, tôi nghe tiếng cười của mẹ tôi, hết sức vui vẻ, như thể để bù vào cảm giác không có ai nói chuyện với mình. Bà hỏi xem cần phải treo những chiếc áo khoác vào đâu.

Thì ra chúng tôi có thể để chúng bất cứ chỗ nào, nhưng nếu muốn, một người nào đó nói, có thể đặt chúng trên giường ở trên lầu. Lối lên lầu là một cầu thang nhỏ khuất sau những bức tường không có ánh sáng nào trừ một ngọn đèn trên trần. Mẹ tôi bảo tôi cứ đi lên trước rồi bà lên sau ngay, vì vậy tôi đi lên gác.

Không biết người đến dự có thực phải trả tiền cho buổi khiêu vũ không? Mẹ tôi có thể nán lại để lo về chuyện ấy. Mặt khác, liệu có phải người ta trả tiền mà vẫn phải mang thức ăn tới góp không? Hoặc những thứ bánh kẹo kia có nhiều lắm như tôi tưởng không? Khi mà thời đó ai cũng nghèo? Nhưng có thể khi đó mọi người đã cảm thấy không túng thiếu quá nữa, với những công việc trong chiến tranh và tiền lương mà những người lính gọi về nhà. Nếu năm ấy tôi đã được mười tuổi, như tôi nghĩ thế, những thay đổi ấy đã xảy ra trong vòng hai năm rồi.

Cầu thang dẫn từ nhà bếp và từ phòng trước, nối vào nhau và dẫn lên các phòng ngủ. Sau khi tôi cởi áo choàng và ủng ra trong một phòng ngủ bé tí ở phía trước, tôi còn nghe giọng nói của mẹ tôi lạnh lạnh trong bếp. Nhưng tôi cũng nghe cả tiếng nhạc vọng lại từ phòng trước, vì vậy tôi bước xuống nhà.

Căn phòng đã được dọn dẹp hết đồ đạc ngoại trừ cây đàn dương cầm. Những màn cửa bằng vải màu xanh sẫm, thứ màu mà tôi nghĩ là hết sức ảm đạm, đã được kéo xuống che các cửa sổ nhưng không khí trong phòng không hề ảm đạm. Nhiều người đang nhảy, tay trong tay một cách lịch sự, đổi chỗ và lắc lư trong những vòng nhỏ hẹp. Vài cặp nữ sinh đang nhảy theo một kiểu khác, thịnh hành, nhảy đối diện nhau và lúc thì cầm tay nhau, lúc lại không. Bọn họ mỉm cười chào tôi khi tôi xuất hiện, và tôi cảm thấy thật hứng khởi vui vẻ, hồi nhỏ tôi vẫn thường thế mỗi khi có chị lớn nào chú ý đến tôi.

Có một người đàn bà ở đó mà bạn không thể nào không chú ý, chiếc áo đầm của bà khiến cho y phục của mẹ tôi nhạt nhòa. Bà ta lớn tuổi hơn mẹ tôi khá nhiều – mái tóc trắng, được chải uốn thành một trang trí phức tạp mượt mà, hồi đó gọi là kiểu tóc lượn sóng, ép sát da đầu. Bà cao lớn với bờ vai xinh đẹp, xương hông nảy nở, mặc một chiếc áo đầm bằng vải bóng như lụa màu cam vàng, cổ áo vuông được cắt khá thấp và mép váy chỉ ngang đầu gối. Tay áo ngắn bó chặt cánh tay, làm nổi lên các bắp thịt nảy nở, mượt và trắng bóc như mỡ lợn.

Cảnh ấy khiến tôi sững sờ. Tôi thật khó tin rằng người ta có thể vừa già lại vừa bóng láng, vừa nặng nề vừa duyên dáng, vừa táo tợn lại vừa cao quý. Bạn có thể gọi bà ta là mặt dày mày dạn, và có lẽ sau đó mẹ tôi đã gọi thế thật – kiểu nói của bà. Ai nhẹ nhàng hơn thì nói, ra vẻ quá nhỉ. Bà ta cũng không cố ý khoe khoang, ngoại trừ toàn bộ phong cách của bà và màu sắc của chiếc áo đầm. Bà ta và người nam của bà khiêu vũ một cách tương kính, có phần không để hết tâm trí vào đó, như là vợ chồng.

Tôi không biết tên bà. Tôi chưa gặp bao giờ. Tôi không biết bà rất tai tiếng trong toàn thị trấn, và có thể xa hơn thế nữa, đó là tất cả những thứ tôi biết.

Tôi nghĩ nếu tôi viết tiểu thuyết thay vì ngồi nhớ lại những chuyện thực đã xảy ra, tôi sẽ không bao giờ cho bà ta mặc một chiếc váy như thế. Một thứ quảng cáo mà bà không cần tới vào lúc đó, ở nơi đó. Đầm ren đen chẳng? Hay đầm vải crepe xanh sẫm?

Tất nhiên nếu tôi đã thực sự sống trong thị trấn ấy chứ không chỉ đi ngang ngày hai lượt để đi học, có thể tôi đã biết bà là một gái điểm nổi tiếng. Tôi chắc đã gặp bà đâu đó, mặc dù có thể không phải trong bộ đồ đầm màu chói kia. Và tôi có thể đã không dùng chữ gái điểm. Chữ ấy của mẹ tôi. Bà người xấu, cùng lắm là đứa con nít như tôi chỉ nói đến thế. Tôi có thể đã biết rằng có một điều ghê sợ, nguy hiểm, hung phấn và táo tợn về người phụ nữ ấy, mà chẳng biết thực ra đó là gì. Nếu có ai đó tìm cách nói cho tôi nghe, tôi nghĩ tôi sẽ không tin họ.

Đối với tôi một vài người ở trong thị trấn trông có vẻ quái lạ và có lẽ bà ta cũng ở trong nhóm người đó thôi. Có một người đàn ông gù lưng, chuyên đánh bóng các cánh cửa của tòa thị sảnh mỗi ngày và như tôi biết không làm gì khác hơn. Và một người đàn bà bề ngoài trông cũng tử tế đáng hoàng, không ngừng tự nói với mình với giọng vang vang, chửi mắng những người không hề có mặt quanh mình.

Chính vì thế đúng ra tôi biết bà nhưng lại không biết. Có lẽ rồi dần dà tôi cũng biết tên bà và nhận ra bà làm nhiều chuyện mà tôi đã không tin. Và người đàn ông khiêu vũ với bà – tên của ông ta tôi không bao giờ biết – chính là người chủ của phòng chơi bi da. Một ngày nọ khi tôi đang học ở trường trung học, mấy đứa bạn nữ sinh thách tôi vào phòng chơi bi da ấy khi chúng tôi đi ngang qua, và tôi đã bước vào thật, và ông ta đứng đó, cái ông khiêu vũ ấy. Mặc dù ông bị hói đầu hơn trước, trông nặng nề hơn, và mặc một bộ đồ trông tồi tàn hơn. Tôi không nhớ

ông đã nói gì với tôi, nhưng ông cũng chẳng cần làm thế. Tôi chạy một mạch quay lại với mấy đứa bạn, mà bọn chúng thật ra cũng không phải là bạn, và chẳng thêm nói lời nào nữa cả.

Khi tôi nhìn thấy người chủ của phòng bi da, toàn bộ khung cảnh của buổi khiêu vũ liền trở lại trong tâm trí tôi, cây đàn dương cầm lớn và tiếng nhạc vĩ cầm và cái áo đầm màu cam, lúc đó tôi nghĩ là kì quặc, và sự xuất hiện đột ngột của mẹ tôi trong chiếc áo khoác ngoài mà có lẽ suốt từ đầu buổi bà chưa cởi ra.

Thế rồi mẹ tôi đứng đó, gọi to tên tôi trong tiếng nhạc rộn ràng bằng một giọng điệu mà tôi chẳng thích tí nào, giọng nói ấy như thể nhắc tôi nhớ rằng nhờ có ai mà tôi xuất hiện trên cõi đời này.

Bà nói, “Áo khoác của con đâu rồi?” như thể tôi đã để quên nó ở đâu mất.

“Trên lầu.”

“Vậy thì chạy lên mà lấy nó ngay.”

Mẹ tôi có thể đã thấy nó rồi nếu bà từng lên lầu trên. Có lẽ nãy giờ bà chưa hề ra khỏi bếp, nhăm nháp thức ăn này nọ trong khi áo choàng chỉ mở cúc chứ không cởi ra, cho đến khi bà nhìn vào phòng khiêu vũ và thấy cái bà mặc đầm cam kia.

“Không được nấn ná,” mẹ tôi nói.

Tôi cũng không có ý định ấy. Tôi mở cửa lên cầu thang, nhảy vài bước và liền bắt gặp ở chỗ cầu thang uốn quanh

một số người ngồi ở đó, chặn ngang đường. Họ không nhìn thấy tôi đang đi lên – dường như họ đang để hết tâm trí vào một chuyện gì nghiêm trọng. Không phải là cái lộn, đúng thế, nhưng là một kiểu đối thoại khẩn cấp.

Hai trong số những người đó là thanh niên. Những chàng trai trẻ mặc đồng phục không quân. Một người ngồi trên bậc cầu thang, một người hơi dựa vào bậc cầu thang thấp hơn, một bàn tay đặt lên đầu gối. Một cô gái ngồi ở trên bậc cao hơn nữa, và người ngồi gần cô nhất đưa tay đặt lên đùi cô có vẻ dỗ dành. Tôi tưởng cô ta đã té lăn trên các bậc thang này và đau đớn lắm, vì cô đang khóc.

Peggy. Tên cô ta là Peggy. “Peggy, Peggy.” Những chàng trai trẻ kia gọi tên cô, giọng nói gấp gáp và đầy ngọt ngào.

Cô ta nói một điều gì đó tôi chẳng nghe rõ. Cô nói với giọng như trẻ con. Than vãn, cái cách như bạn than phiền về một điều gì không công bằng cho mình. Bạn nói đi nói lại về chuyện không công bằng, nhưng giọng nói tỏ ra vô vọng, như thể bạn không trông chờ gì chuyện ấy sẽ được sửa đổi. Thật tồi tệ, là một chữ được dùng trong trường hợp đó. Thật tồi tệ. Một người nào đó thật tệ đối với cô.

Lắng nghe mẹ tôi trò chuyện với cha tôi khi chúng tôi về tới nhà, tôi biết một điều gì đã xảy ra, nhưng không biết cụ thể đó là gì. Bà Hutchison đã tới dự buổi khiêu vũ, được chở tới bởi ông chủ phòng chơi bi da, lúc ấy tôi chưa biết đó là ông chủ phòng bi da. Tôi không biết mẹ tôi gọi ông ta tên gì nhưng bà lộ ra sự buồn phiền thấy rõ

về lối hành xử ấy của ông ấy. Tin tức lọt ra về buổi khiêu vũ và về một số chàng trai từ cảng Albert – nơi có căn cứ không quân – tới tham dự. Tất nhiên chuyện ấy cũng tốt. Những chàng lính không quân cũng tốt thôi. Chỉ có bà Hutchison kia mới là nguồn gốc của chuyện tồi tệ. Và đứa con gái nọ.

Bà ta đã mang tới một trong những đứa con gái của bà.

“Cũng có lẽ bà ta chỉ muốn ra ngoài chơi thôi,” cha tôi nói. “Có thể bà ấy thích khiêu vũ, thế thôi.”

Mẹ tôi dường như chẳng nghe câu nói ấy. Bà bảo thật là một chuyện đáng xấu hổ. Bạn trông đợi một buổi tối thú vị, một cuộc khiêu vũ thanh nhã sang trọng ở gần nhà, thế rồi tất cả đâm ra bị hỏng mất.

Tôi có thói quen đánh giá về ngoài của thiếu nữ lớn tuổi hơn tôi. Tôi nghĩ Peggy chẳng có gì xinh đẹp. Có lẽ phấn son của cô ta bị chảy tan vì nước mắt. Những lọn tóc uốn cong lên của cô ta xòa tung ra khỏi băng kẹp. Móng tay sơn bóng nhưng trông như cô ta gặm cắn chúng vậy. Peggy trông cũng không lớn hơn bao nhiêu so với những cô gái hay rên rỉ khó chịu mà tôi đã gặp. Dù sao những chàng trai kia cũng đối xử với cô ta như thể đó là một cô bé không ai được quyền đẩy vào hoàn cảnh khốn khổ, một thiếu nữ cần được chăm sóc cẩn thận, phải làm cho nó vui lòng, và mọi người đi qua cần khẽ cúi đầu trước mặt cô ta.

Một anh chàng trong số họ đưa mời cô ta một điều thuốc đã quẩn. Đó là một món quà, vì cha tôi phải tự mình vấn

thuốc và thời đó tất cả mọi người đàn ông đều làm thế. Nhưng Peggy lắc đầu và than phiền với giọng đau khổ rằng cô ta không hút thuốc. Thế rồi một chàng khác đưa một chiếc kẹo cao su, và cô ta nhận lấy.

Chuyện gì xảy ra thế? Tôi không biết. Anh chàng đưa kẹo cao su thấy tôi đi tới, trong khi lục lọi trong túi mình, và bảo, “Peggy? Peggy, có một cô bé anh nghĩ là đang muốn đi lên cầu thang.”

Cô ta cúi đầu xuống nên tôi không thể nhìn vào mặt. Tôi nghe mùi nước hoa thơm phức khi đi qua. Tôi nghe mùi thuốc lá và mùi những bộ đồng phục bằng len của đàn ông, những chiếc ủng đánh bóng.

Khi tôi đi xuống cầu thang với chiếc áo khoác mặc trên người, bọn họ vẫn còn ở đó, nhưng lần này họ biết tôi đang xuống nên mọi người đều im lặng để tôi đi qua. Ngoại trừ Peggy thút thít thật lớn, và chàng trẻ tuổi ngồi gần lại lấy tay vỗ vỗ vào đùi cô. Chiếc váy trượt lên và tôi nhìn thấy cả nịt vớ bên trong.

Rất lâu về sau tôi vẫn còn nhớ những giọng nói. Tôi ngẫm nghĩ lâu về những giọng nói. Không phải giọng của Peggy. Mà của những chàng trai. Bây giờ tôi biết rằng một số lính không quân đóng ở cảng Albert trong thời kì đầu của cuộc chiến tranh đến từ nước Anh, và được huấn luyện ở đó để chiến đấu chống lại người Đức. Vì vậy tôi thường thắc mắc đó có phải là chất giọng của một số địa phương ở Anh quốc, mà tôi nghe thật nhẹ nhàng và gần

như bị chúng mê hoặc. Quả đúng vào lúc ấy tôi chưa hề nghe một người nam nói giọng như vậy, đối xử với một phụ nữ như thể hiển nhiên cô ta là một nhân cách cao quý, và kính trọng một con người trong tất cả những ưu khuyết điểm của nó, và đối xử với những điều không tử tế đang lại gần cô ta như thể chúng là điều phạm luật, như tội lỗi.

Vì sao Peggy lại khóc? Lúc ấy câu hỏi đối với tôi không quan trọng lắm. Tôi cũng không phải là một người dửng dưng cảm chi. Tôi khóc khi bị đuổi, bị đánh bằng những miếng ván lợp trên đường từ trường về nhà, trường học đầu tiên của tôi. Tôi khóc khi cô giáo trong trường học ở thị trấn lôi tôi ra, trước mặt cả lớp, chỉ ra rằng chiếc bàn học của tôi lộn xộn bẽ bộn đáng kinh ngạc. Và rồi khi cô ấy điện thoại cho mẹ tôi với cùng một lí do và mẹ tôi gác máy khóc nức nở, kéo dài nỗi khổ thân vì tôi không đem lại điều gì tốt đẹp cho đời bà. Dường như có những người bẩm sinh can đảm và những người không. Chắc có một người nào đó đã nói một điều gì với Peggy và bây giờ cô ta ngồi đó thút thít khóc, bởi vì cũng giống như tôi, cô ta cũng không phải mặt dày mày dạn gì cho lắm.

Người đó chắc phải là cái bà áo cam kia, tôi nghĩ thế mà không có lí do. Chắc phải là một người đàn bà. Vì nếu là đàn ông, một trong những chàng không quân đứng ra an ủi kia đã phải cho anh ta một bài học. Bảo anh ta cầm miếng lại, có thể kéo ra ngoài, đập cho một trận.

Nói vậy không phải tôi chú ý đến Peggy, nước mắt hay

về thiếu não của cô ta. Cô ta nhắc tôi nhớ đến bản thân mình rất nhiều. Chính những người an ủi cô ta mới làm tôi thích thú. Thế những chàng trai ấy đã nói gì? Chẳng có gì đặc biệt. Đừng buồn, họ nói thế. Mọi chuyện sẽ tốt thôi, Peggy, họ bảo. Bây giờ nín đi em. Thôi tốt rồi. Không có gì đâu.

Thật tử tế. Bất cứ ai cũng có thể trở nên tử tế theo cách ấy.

Tất nhiên những chàng trẻ tuổi kia được mang đến đất nước chúng ta để huấn luyện về những cuộc ném bom, sự mạng mà vì thế phần lớn bọn họ rồi sẽ hy sinh, có thể họ nói với giọng nói bình thường của xứ Cornwall hoặc Kent hoặc Hull hoặc Scotland. Nhưng đối với tôi dường như họ không thể mở miệng được mà không nói một điều gì thật tốt lành, che chở, sự tốt lành che chở dành cho đúng khoảnh khắc ấy.

Không phải tương lai của họ rồi hầu hết sẽ trở thành bị kịch, hay cuộc đời bình thường của họ sẽ bay vù qua cửa sổ và bị ném tan tác trên mặt đường. Tôi chỉ nghĩ đến phép lành, sự che chở tốt đẹp, làm sao có thể trở thành người xứng đáng nhận được điều ấy, và tôi nghĩ cô Peggy kia may mắn đến lạ lùng nhưng lại không xứng đáng tí nào.

Và, không biết bao lâu, tôi vẫn mãi nghĩ về họ. Trong căn phòng ngủ tối tăm lạnh lẽo của tôi, họ đã ru tôi ngủ. Tôi có thể triệu tập họ tới, làm cho khuôn mặt họ sáng lên, làm cho giọng nói họ vang lên – nhưng, ồ, hơn thế nữa, giọng nói của họ giờ đây lại hướng về tôi chứ không phải

tới một người thứ ba nào khác không cần thiết. Bàn tay những người lính ấy đặt êm đềm xuống cặp đùi non gầy guộc của tôi, và giọng nói của họ làm tôi an ủi xiết bao, và tôi, cũng thế, trở nên hoàn toàn xứng đáng với tình yêu.

Và đang khi tiếp tục cư ngụ trong niềm mộng tưởng chưa quá đậm mùi nhục dục của tôi, bỗng họ lại ra đi. Một vài người, có thể nhiều người, đã đi mất và có lẽ đã chết.

Cuộc đời yêu dấu

THUỜ bé tôi sống ở cuối một con đường dài, hoặc có vẻ dài với tôi khi ấy. Phía sau lưng nhà, khi tôi đi bộ từ trường tiểu học về, rồi sau đó trường trung học, là một thị trấn thực sự với những sinh hoạt, những đường phố của nó, và ánh đèn xanh đỏ khi màn đêm buông xuống. Biên giới của thị trấn được đánh dấu bằng hai cây cầu bắc qua sông Maitland: một cây cầu sắt hẹp nơi những chiếc xe hơi thỉnh thoảng gặp rắc rối vì phải nép qua một bên chờ chiếc khác vượt qua, và một đoạn tiếp nối bằng gỗ, đôi khi có những thanh gỗ lát cầu bị mất, khiến bạn có thể nhìn thẳng xuống dòng nước xanh chảy xiết bên dưới. Tôi thích chuyện này nhưng sớm muộn cũng có người tới và thay mảnh ván ấy.

Rồi có một thung lũng cạn, một vài ngôi nhà ọp ẹp bị ngập lụt mỗi mùa xuân, nhưng có những người – những người khác nhau – sẵn sàng tới sống ở đó. Và rồi một cây cầu khác, bắc qua dòng suối dùng để quay bánh xe của nhà máy xay bột, dòng nước hẹp nhưng sâu đủ khiến người ta chết đuối. Sau đó con đường chia ra, một phần chạy về phía Nam ngược lên đỉnh đồi, vượt qua dòng sông lần nữa để trở thành một xa lộ cao tốc thực sự, và một nhánh khác chạy lòng vòng qua một công trường cũ trước khi chuyển về phía Tây.

Con đường chạy về phía Tây mới là con đường của tôi.

Còn có con đường chạy về hướng Bắc, có một quãng vỉa hè ngắn nhưng thực sự dành cho người đi bộ và nhiều nhà xây gần nhau, giống dãy phố trong thị trấn. Một trong những ngôi nhà ấy có bảng hiệu trên cửa sổ ghi “Trà Salada”, chứng tỏ ngày trước là một hiệu tạp hóa, kể đến là ngôi trường nơi tôi theo học hai năm và ước gì không bao giờ trở lại đó nữa. Sau những năm học ở đó, mẹ tôi đã thuyết phục cha tôi mua một cái nhà kho nhỏ ở thị trấn để có cái nộp thuế và tôi có thể đi học ở trường của thị trấn. Nhưng rồi cuối cùng mẹ tôi không cần phải làm thế, bởi vì đúng vào năm, vào tháng tôi bắt đầu đi học, thì chiến tranh với nước Đức đã được chính thức tuyên bố và, như có phép lạ xảy ra, trường học cũ, nơi những đứa bạn thường hay ăn hiếp tôi, lấy mất phần ăn trưa của tôi dọa đánh đập tôi, nơi dường như chẳng có ai học được điều gì giữa những thứ ồn ào bạo động kia, trở nên im

vắng. Chẳng bao lâu sau chỉ còn một lớp học và một giáo viên, vị này chẳng thèm đóng cửa trong giờ ra chơi nữa. Những đứa con trai hay hỏi tôi một cách vắn vẽ và đầy căng thẳng liệu tôi có thích ngủ với chúng hay không, giờ đây háo hức đi tìm việc làm, khi anh trai của chúng tòng quân nhập ngũ.

Tôi không chắc phòng vệ sinh của trường có được cải thiện không vào lúc ấy nhưng chúng đã từng là nơi tồi tệ nhất. Không có nghĩa là nhà chúng tôi không dùng nhà xí dựng bên ngoài nhà ở, nhưng ít ra cũng sạch sẽ, thậm chí còn được lót vải nhựa. Ở trường, không biết vì coi thường hay thế nào đó, mà không ai thèm đi vệ sinh cho đúng cái lỗ thoát. Đi học ở trường thị trấn cũng khó khăn cho tôi chẳng kém, bởi các bạn học đã học chung từ lớp Một, có nhiều chuyện tôi chẳng biết gì, nhưng tôi thấy thoải mái vì ở trường mới có những chỗ ngồi không bám bẩn và cả tiếng động thật êm ái khi giật xả bồn cầu.

Thời kì ở trường học đầu tiên, tôi kết thân với một đứa bạn. Con bé Diane, tới trường nhập học giữa niên khóa khi chúng tôi đang học lớp Hai. Nó bằng tuổi tôi, nhà ở ven đoạn đường có vỉa hè đi bộ. Một ngày kia nó hỏi tôi có biết nhảy giày gót sắt không, và khi tôi nói không nó liền đề nghị dạy tôi. Vì chuyện ấy chúng tôi tới nhà nó sau giờ học. Mẹ Diane đã qua đời nên nó tới sống với ông bà. Để nhảy điệu đặc biệt này, nó nói phải có giày phù hợp, nó có còn tôi thì không, may mà chân chúng tôi cùng cỡ nên khi nó dạy tôi thì đổi giày được. Cuối cùng cả hai đều

khát nước và bà nó cho chúng tôi uống nước, nhưng đó là một thứ nước khủng khiếp vì mức lên từ giếng đào, giống như nước ở trường học. Tôi giải thích về loại nước uống rất mát mà chúng tôi lấy lên từ giếng khoan sâu ở nhà mình, và bà ngoại nó nói, không hề cảm thấy tự ái, rằng bà ước gì có cái giếng loại ấy. Chẳng bao lâu mẹ tôi xuất hiện ngoài cửa, sau khi bà tới trường và phát hiện ra tôi đang ở đâu. Mẹ tôi bấm còi xe kêu tôi ra, chẳng thèm trả lời cái vẫy tay thân mật của bà ngoại Diane. Mẹ tôi không hay lái xe, nên mỗi khi bà lái thì có vẻ nghiêm nghị căng thẳng. Trên đường về, mẹ tôi nói rằng tôi sẽ không bao giờ được phép tới đó nữa. (Việc ấy không khó, vì Diane cũng không tới trường vài ngày sau đó – nó chuyển đi nơi khác). Tôi kể cho mẹ nghe rằng mẹ của Diane đã mất, mẹ tôi bảo, bà cũng biết thế. Tôi nói cho bà nghe về việc học nhảy giày gót sắt và bà bảo rằng tôi có thể sẽ học đàn hoàng ở chỗ khác, nhưng không phải trong ngôi nhà kia.

Thuở ấy tôi không biết – bây giờ tôi cũng không biết lúc nào tôi nhận ra – rằng mẹ của Diane là một gái điếm, đã chết vì căn bệnh hiểm nghèo mà những người làm nghề ấy hay mắc phải. Bà muốn được chôn cất ở gần nhà, và vị linh mục của nhà thờ khu vực chúng tôi làm tang lễ cho bà. Người ta bàn cãi về bản diếu văn mà ông đã đọc. Một số người nghĩ lẽ ra ông không nên nhắc đến chuyện ấy, nhưng mẹ tôi tin ông đã làm đúng.

Tiền công của tội lỗi là cái chết.

Mẹ tôi bảo tôi về chuyện bàn cãi kia nhiều năm sau, hoặc

có vẻ nhiều năm đối với tôi, khi tôi ở vào độ tuổi căm ghét nhiều thứ, và nhất là khi mẹ tôi dùng giọng nói ra vẻ kịch tính, kết án, với độ rung nhấn nhá trong giọng nói chừng như ngày càng nhiều, dù có cố ý hay không.

Tôi còn gặp bà ngoại của Diane vài lần nữa. Khi nào bà cũng dành cho tôi nụ cười dịu dàng. Bà bảo tôi tiếp tục đi học là điều tốt, và kể vài chuyện về Diane, cũng còn đi học ở một ngôi trường nào đó, nơi mà nó chuyển tới, mặc dù nó đi học không được lâu như tôi. Theo lời kể của bà, Diane kiếm được việc làm ở một tiệm ăn ở Toronto, ở chỗ ấy nó mặc áo đính kim sa. Lúc ấy tôi đã lớn, đủ khôn để biết rằng vậy là cũng có chỗ để cởi cái áo gắn kim sa ấy ra.

Bà ngoại của Diane không phải là người duy nhất nghĩ rằng tôi được đi học rất lâu. Dọc theo con đường của tôi, nhà phố cách xa nhau hơn thường thấy, nhưng vẫn không hơn gì xét về mặt tài sản. Một ngôi nhà như thế, trên ngọn đồi nhỏ thuộc quyền sở hữu của ông Waitey Streets, cựu chiến binh cụt một tay từ Đệ nhất thế chiến. Ông nuôi cừu và có người vợ mà tôi chỉ gặp một lần, khi bà tới vòi nước công cộng lấy nước uống về nhà. Waitey thích nói đùa rằng, tôi đi học quá lâu, thật đáng thương tôi không thể thi đậu để kết thúc cho rồi. Và tôi cũng trêu đùa lại, giả vờ như chuyện ấy có thật. Tôi không chắc lắm ông muốn tin vào điều gì. Đó là cách mà bạn biết về những người sống dọc con đường và cách họ biết về bạn. Bạn nói xin chào và họ chào lại và thêm vài điều về thời tiết và nếu họ có một chiếc xe hơi còn bạn đi bộ, thì họ sẽ cho bạn đi nhờ.

Chuyện ấy khác với việc ở thôn quê nơi mọi người đều biết rành rẽ bên trong nhà nhau và đều làm nghề giống nhau.

So với những đứa học đầy đủ năm năm chương trình tiểu học, tôi cũng không phải học nhiều hơn chúng để tốt nghiệp trung học. Nhưng ít học sinh tốt nghiệp được. Vào thời ấy không ai hy vọng những đứa vào học trung học ở lớp Chín sẽ đều tốt nghiệp trung học tất cả, với những kiến thức giống nhau và biết viết đúng văn phạm như nhau. Bọn học sinh kiếm được việc làm bán thời gian rồi dần dần trở thành toàn thời gian. Bọn con gái đi lấy chồng, đẻ con, theo thứ tự ấy, hoặc thứ tự ngược lại. Vào lớp Mười ba cuối cấp, chỉ còn một phần tư lớp, nên có cảm giác như bạn là học giả, thành đạt trong học vấn và có một cảm giác mơ mộng an bình đầu đó, bất chấp sau này bạn trở nên cái gì.

Tôi thấy mình đã sống một cuộc đời khác, tách khỏi những đứa bạn mà tôi biết vào năm lớp Chín, càng xa tít so với những đứa quen thời tiểu học.

Ở một góc phòng ăn có một vật lúc nào cũng làm tôi ngạc nhiên khi tôi lôi ống hút bụi ra dọn sàn nhà. Tôi biết đó là cái gì – một túi đựng đồ chơi gôn có vẻ rất mới, với những chiếc gậy và những quả bóng ở bên trong. Tôi không biết nó làm gì ở đây, trong nhà chúng tôi. Tôi không biết mấy trò chơi này, nhưng tôi có ấn tượng về những người chơi nó. Đó không phải là những người mặc áo quần bảo hộ

lao động như cha tôi, mặc dù ông cũng đóng bộ lịch sự hơn khi xuống phố. Tôi có thể tưởng tượng, ở mức nào đó, mẹ tôi mặc những bộ đồ thể thao hợp kiểu, cột khăn qua mái tóc xinh đẹp bỗng bệnh của bà. Nhưng khó tưởng tượng được mẹ tôi đã từng tìm cách đánh một cái bóng lăn vào lỗ gôn. Tính xa hoa phù phiếm của trò chơi này rõ ràng không thích hợp với bà.

Có lẽ mẹ tôi đã từng suy nghĩ khác vào một lúc nào đó. Có lẽ bà từng mơ mình và chồng mình sẽ từ từ chuyển đổi qua đẳng cấp khác, có thể vui vầy thú chơi xa hoa. Đánh gôn. Những buổi tiệc tối. Có thể bà đã tin rằng không tồn tại một giới hạn nào cả đối với mình. Ngày xưa mẹ tôi đã tìm cách đi thoát khỏi một nông trại ở vùng sỏi đá¹ phía Bắc – một nơi còn kém triển vọng hơn so với nông trại quê nhà cha tôi – và rồi mẹ tôi trở thành cô giáo, nói năng theo phong cách mà bà con của mẹ cảm thấy không thoải mái chút nào. Có lẽ bà hình dung rằng sau những cố gắng tích cực ấy, bà sẽ được chào đón bất cứ nơi đâu.

Nhưng cha tôi nghĩ khác. Không phải vì ông tin rằng những người ở thị trấn hay bất cứ ai thuộc đẳng cấp cao hơn ông. Nhưng ông biết rằng đó là điều mà họ tin. Và ông không muốn tạo ra cơ hội nào để cho họ chứng tỏ niềm tin ấy cả.

Dường như, ít nhất là trong vụ chơi gôn, cha tôi đã thắng.

1 Nguyên văn: Canadian Shield, một vùng đất rộng gồm nhiều đá núi, với một lớp đất mỏng, các núi lửa, dân cư và công nghiệp thưa thớt, nhưng giàu khoáng sản, nhiều hầm mỏ. – ND

Cũng không phải cha tôi hài lòng sống theo kiểu mà ông bà nội tôi chờ đợi ở ông, trông coi gia sản nông trại khá tốt của cha mẹ để lại. Khi cha tôi và mẹ tôi rời bỏ xứ sở và đến mua mảnh đất này, ở đằng cuối con đường kia, gần một thị trấn mà họ không quen thuộc, họ chỉ có ý tưởng làm giàu bằng cách nuôi cáo bạc lấy lông và sau này là những con chồn. Như một chàng trai mới lớn, cha tôi cảm thấy vui sướng khi làm việc với những cái bẫy bắt thú hơn là giúp việc trong các nông trại hoặc cấp sách tới trường – và cũng giàu hơn so với trước đó – và chính ý tưởng này đã tràn ngập tâm hồn ông, ông nuốt chửng lấy nó, như ông nghĩ, cho đến suốt đời. Cha tôi đặt cọc tất cả số tiền ông dành dụm được vào công việc nuôi chồn cáo, và mẹ tôi cũng chuyển hết tiền tiết kiệm của một giáo viên vào công việc ấy. Cha tôi xây các chuồng trại để súc vật sống trong đó, dựng những hàng rào thép gai để nhốt thú. Mảnh đất của họ rộng mười hai mẫu tây, diện tích vậy là thích hợp, một cánh đồng trống cỏ cho bò ăn và những con ngựa già nua đem xẻ thịt cho lữ cáo kia. Cánh đồng cỏ chạy dài đến ven sông và có mười hai cây du tóa đầy bóng mát.

Trong nông trại mấy vụ giết chóc là thường, giờ nghỉ lại tôi phải thừa nhận thế. Những con ngựa già cần xẻ thịt làm thức ăn, những con thú có bộ lông dài đẹp cứ đến mùa thu, mùa thu hoạch là chỉ còn lại những người nuôi chúng. Nhưng tôi cũng đã quen với điều ấy và rồi bỏ qua chuyện đó, tự mình xây dựng một thế giới riêng từ sách vở mà tôi đã đọc, những cuốn như *Anne tóc đỏ dưới Chái nhà*

*xanh*¹ hoặc *Pat bên lùm cây bạc*². Những cây du cao lớn đã giúp tôi rất nhiều, chúng vươn cành lá rậm rạp lên cánh đồng, và những dòng sông lấp lánh, nổi ngạt nhiên của một mùa xuân mới tới bên kia sông trên đồng cỏ, mang nước lại cho những con ngựa bất hạnh sắp về châu trời và những con bò và cho cả tôi nữa, từ cái ca bằng thép mà tôi tình cờ tìm được. Phân ngựa phân bò rải rác khắp nơi, nhưng tôi chẳng hoài công để ý, hết như nhân vật Anne cũng làm thế ở Chái nhà xanh.

Vào thời ấy, thẳng hoặc tôi phụ giúp cha tôi, vì em trai tôi còn nhỏ. Tôi bơm nước từ giếng lên, tôi đi bộ dọc theo những dãy hàng rào bao bọc các chuồng thú, lau rửa các máng nước và thay nước uống cho súc vật. Tôi thích công việc ấy. Tính quan trọng của công việc, sự cô độc, là điều tôi thích thú. Sau này, phải ở trong nhà phụ giúp mẹ tôi, tôi cảm thấy tức giận và hay nói năng khiêu khích. Người ta gọi thế là nói trả treo. Tôi làm tổn thương cảm xúc của bà, mẹ tôi bảo thế, kết quả là mẹ tôi tới chuồng thú và mách lại với cha tôi. Ông liền bỏ việc giữa chừng, rút dây thắt lưng ra cái roạt, đánh cho tôi một trận. (Thời ấy việc cha mẹ đánh con là thường.) Sau đó tôi nằm khóc trên giường mình, nghĩ ra những kế hoạch to lớn để bỏ trốn. Nhưng thời kì con nít ấy cũng trôi qua, và khi tôi đến tuổi dậy thì, tôi trở nên dễ bảo hơn, thậm chí vui tươi nhí nhánh,

1 Nguyên văn: Anne of Green Gables

2 Nguyên văn: Pat of Silver Bush

được mọi người để ý vì tôi thường kể những chuyện vui mà tôi nghe lỏm đâu đó trong thị trấn hoặc ở trường học.

Nhà chúng tôi có kích thước vừa phải. Không biết chính xác nó được xây vào lúc nào nhưng chắc không đến một trăm năm, bởi vì năm 1858 là năm đầu tiên mà người di dân thứ nhất dừng lại ở vùng đất gọi là Bodmin – bây giờ không còn nữa – đóng một cái bè gỗ, và đi xuôi dòng sông, chặt cây cối cho quang đãng, chỗ đất ấy sau này thành một cái làng. Cái làng ấy chẳng bao lâu có một xưởng cưa và một khách sạn và ba cái nhà thờ và một trường học, cũng là ngôi trường mà tôi đã tới học năm đầu tiên, một nơi thật khốn khổ khốn nạn với tôi. Thế rồi cây cầu được bắc ngang sông, và bắt đầu lộ rõ trong đầu óc mọi người rằng thật thuận lợi nếu họ dời qua sống ở bên kia sông, vùng đất cao hơn, và thế là những người di dân lần lượt bỏ tới nơi ấy. Vùng đất khai phá đầu tiên lại mang tiếng bất hảo, nhưng dần dà chỉ còn được xem là kì quái, đó chính là một nửa ngôi làng mà tôi nhắc tới ở trên.

Nhà chúng tôi không phải là một trong những ngôi nhà đầu tiên được xây dựng lúc khởi thủy, vì tường bao bọc bằng gạch và bên trong là gỗ, nhưng có lẽ không quá lâu sau thuở đó. Ngôi nhà quay lưng lại với khu làng; đối diện về phía Tây chênh chếch một cánh đồng thoải thoải dốc, đổ về một nơi dòng sông uốn gắt gọi là Khúc quanh lớn. Đằng sau con sông là hàng cây thường xuân xanh tốt, có lẽ là cây tuyết tùng, nhưng xa quá cũng khó biết được. Và thật xa bên kia ngọn đồi, có một ngôi nhà khác, nhỏ

hơn, nhìn xuống nhà chúng tôi, mà gia đình tôi chưa bao giờ tới thăm hay biết gì về nó cả, trong tâm trí tôi đó cũng giống như ngôi nhà của những chú lùn trong chuyện cổ tích. Nhưng chúng tôi biết tên người đàn ông sống ở đó, hoặc đúng hơn là từng sống ở đó, vì bây giờ có thể ông ta đã qua đời. Roly Grain, tên ông ta, không dự phần gì vào chuyện tôi sắp viết đây, mặc dù cái tên nghe rất ấn tượng như kiểu các nhân vật cổ tích, bởi vì đây là chuyện thật trong đời tôi, không phải tiểu thuyết.

Mẹ tôi sẩy thai hai lần trước khi có tôi, vì vậy khi tôi sinh ra, 1931, ai nấy đều thỏa mãn. Nhưng thời thế ngày một khó khăn. Thực tế là thời ấy khi cha tôi bắt đầu công việc nuôi thú lấy lông, ông nhảy vào ngành này quá trẻ. Sự thành công mà cha tôi đặt tất cả hy vọng vào đó để đến hơn vào giữa những năm 1920, khi lông thú bắt đầu được ưa chuộng khắp nơi và người ta còn tiền. Nhưng lúc ấy ông chưa khởi nghiệp. Dù vậy, chúng tôi cũng sống được, cho đến chiến tranh và qua suốt cuộc chiến tranh, ngay cả lúc kết thúc, cũng có một vài hy vọng lóe lên, bởi vì vào mùa hè năm ấy cha tôi đã từng sửa sang lại ngôi nhà, sơn thêm một lớp sơn nâu lên những tường gạch cũ kĩ. Có một vài khe hở giữa lớp gạch và gỗ, khiến cho không khí lạnh lùa vào. Hy vọng là lớp sơn mới sẽ che lấp được các khe hở này, tôi không nhớ có hiệu quả thật không. Chúng tôi có một phòng tắm, nhưng đồ gỗ lát vật không được

dùng tới biến thành kệ gỗ nhà bếp, một phòng ăn rất lớn với cầu thang giữa phòng, được cải đổi vừa đúng chức năng với cầu thang sát tường. Những thay đổi ấy làm tôi thoải mái, không biết tại sao, vì cha tôi thường đánh tôi ở trong căn phòng cũ, khiến tôi gần như muốn chết cho xong vì đau khổ và xấu hổ. Giờ đây sự khác biệt sau khi sửa sang căn nhà khiến cho việc roi vọt ấy ít xảy ra hơn. Tôi đã học trung học và mỗi ngày một giỏi, khi những bài học như may tà áo và tập viết với ngòi bút dụng đúng đã bị bỏ lại phía sau, và môn học xã hội ở các lớp dưới biến thành môn lịch sử ở lớp trên, thêm cả môn tiếng La tinh.

Sau thời kì lạc quan của mùa trang trí nhà cửa ấy, việc kinh doanh của cha tôi gặp khó khăn trở lại, và rồi chẳng bao giờ khá lên nữa. Cha tôi lột da tất cả những con cáo, rồi những con chồn, và thu về được những đồng bạc ít ỏi đến kinh ngạc. Ban ngày việc của ông là kéo sập những căn lều nuôi thú nơi công việc làm ăn của ông sinh ra và chết đi, trước khi chạy đến lò đúc cho kịp ca trực lúc năm giờ. Ông chỉ về nhà lúc nửa đêm.

Giờ tôi đã học đến năm cuối trường thị trấn. Khi ở trường về, tôi liền chuẩn bị bữa ăn trưa cho cha tôi. Tôi chiên hai miếng thịt heo nạc và thêm thật nhiều nước sốt cà chua. Tôi đổ đầy một bình thủy loại trà đen đậm đặc. Tôi gói những cái bánh nướng xốp với mút trái cây hoặc cắt một miếng lớn từ ổ bánh nhà làm. Thỉnh thoảng vào thứ Bảy tôi làm bánh nướng, đôi khi mẹ tôi cũng làm, mặc dù bà nướng bánh không thành thạo lắm.

Rồi có chuyện bất ngờ, tệ hại hơn cả chuyện tiền bạc, thu nhập bị thất thoát, nhưng lúc ấy nhà tôi còn chưa biết. Đó là thời kì khởi đầu của chứng run Parkinson, bắt đầu lộ ra khi mẹ tôi bước vào tuổi bốn mươi.

Mới đầu không đến nỗi nào. Mắt mẹ ít khi trợn ngược ngơ ngác, nước miếng ra nhiều có thể thấy được quanh mép. Buổi sáng bà có thể mặc quần áo nếu có người giúp đỡ, và bà cũng làm được vài việc vặt trong nhà. Mẹ tôi giữ được vậy khá lâu đến mức ngạc nhiên.

Bạn có thể nghĩ tình hình quả là tệ hại. Công việc kinh doanh gặp khó khăn, sức khỏe mẹ tôi ngày một xuống dốc. Nếu trong tiểu thuyết thì mọi chuyện đúng là sẽ xấu đi như thế. Nhưng điều kì lạ là tôi không nhớ quãng thời gian ấy chúng tôi đau khổ đến vậy. Tâm trạng cả nhà lúc đó không có vẻ gì trầm uất. Cũng có thể mọi người không biết rằng sức khỏe của mẹ sẽ không bao giờ khá lên được, chỉ có tệ đi. Cũng như đối với cha tôi, lúc nào ông cũng mạnh mẽ và kiên cường thật lâu. Ông tỏ ra yêu thích những người đàn ông cùng làm việc ở lò đúc, hầu hết cũng tương tự như ông, ai cũng có chuyện khó khăn này nọ hay một vài gánh nặng chất thêm trên đôi vai của họ, một lúc nào đó trong đời. Cha tôi thích những công việc khó khăn thử thách mà ông nhận bên cạnh việc chính là làm gác đêm, ca đầu. Công việc làm thêm là đổ kim loại nóng chảy vào khuôn đúc. Xưởng đúc này chế tạo những cái lò bếp theo kiểu cũ có thời đầu cũng thấy bán. Đó là công việc nguy hiểm, nhưng bản thân mình là người quyết định về việc

giữ cho mình an toàn, như cha tôi thường bảo. Và tiền lương họ trả khá hậu hĩnh – một khám phá đối với ông.

Tôi tin ông lấy làm vui sướng được ra khỏi nhà, ngay cả để làm một thứ công việc nặng nề và có phần nguy hiểm. Ra khỏi nhà và tới làm việc giữa những người đàn ông khác, những người cũng có chuyện lo buồn riêng họ, có lẽ là cách hay nhất đối với ông.

Khi cha tôi đã đi rồi, tôi bắt đầu nấu ăn tối. Tôi bày biện và chế biến các món ăn mà tôi nghĩ là lạ lùng thú vị, như món mì sợi của Ý hay món trứng tráng, miễn là chúng rẻ tiền. Và sau khi đã rửa chén bát – đưa em gái tôi phải lau khô chúng, và sau khi kêu réo đưa em trai tôi đem đổ chậu nước rửa bát ra ngoài cánh đồng khi trời tối (tôi cũng có thể làm nhưng tôi thích ra lệnh) tôi ngồi xuống đặt chân lên lò bếp ấm áp, cái lò đã mất cả cửa, và đọc những cuốn tiểu thuyết tràng giang đại hải mà tôi mượn ở thư viện thị trấn: *Những con người độc lập*¹, nói về đời sống ở Băng Đảo, cuộc sống còn khó khăn hơn của chúng tôi vào thời ấy, nhưng lại có một niềm hoang tưởng vô vọng về nó, hoặc cuốn *Đi tìm thời gian đã mất*², trong đó chẳng có điều gì mà tôi có thể hiểu được, nhưng chính vì thế mà tôi cứ cố đọc tiếp, hay là cuốn *Núi thần*³, nói về bệnh lao phổi và cuộc cãi vã giữa một bên dường như là khái niệm về cuộc sống tiến triển và chan hòa và một bên là sự buồn thảm

1 Nguyên văn: Independent People

2 Nguyên văn: Remembrance of Things Past

3 Nguyên văn: The Magic Mountain

tối tăm đáng ghê sợ. Tôi chẳng bao giờ làm bài tập ở nhà trong quãng thời gian quý báu này, nhưng đến kì thi tôi liền chúm mũi vào sách và thức khuya suốt đêm, nhồi nhét vào đầu mọi thứ cần biết. Tôi có một trí nhớ đoán thời phi thường và nó giúp tôi rất nhiều trong trường hợp này.

Bao nhiêu lần làm thế rồi, tôi tin rằng mình là người may mắn.

Đôi khi tôi trò chuyện với mẹ, thường là về những ngày bà còn trẻ. Bây giờ thì tôi không còn phản đối bà nữa về cái cách mà bà nhận xét sự vật ở đời.

Vài lần, mẹ tôi kể cho tôi nghe câu chuyện về ngôi nhà giờ thuộc về người cựu chiến binh Waitey Streets – cái ông lúc nào cũng lấy làm hết sức ngạc nhiên về việc tôi phải đi học nhiều năm trời đến thế. Câu chuyện không phải về ông ta mà về một người nào đó đã từng sống trong căn nhà ấy rất lâu trước đó, một bà già điên khùng có tên là Netterfield. Bà Netterfield, cũng như mọi người, gọi đặt hàng trên điện thoại và các đồ tạp hóa được giao tới tận nhà. Một ngày nọ, mẹ tôi kể, người bán hàng tạp hóa quên đem món bơ cho bà, hoặc chính bà quên đặt hàng món ấy. Thế rồi khi thằng bé giao hàng mở cánh cửa sau của xe tải, bà biết ngay sự nhầm lẫn và đâm ra hết sức bực bội. Và hình như bà đã chuẩn bị từ trước. Bà mang theo một cái riệu nhỏ, cầm lên dọa thằng bé – mặc dù rõ ràng đó không phải là lỗi của nó – và nó sợ quá chạy vọt tới tay lái và lái xe chạy mất, không kịp đóng cửa sau xe.

Có một chi tiết gì đó trong chuyện này rất quái lạ, mặc dù lúc ấy tôi không nghĩ tới nhiều, và mẹ tôi cũng thế. Làm thế nào mà một bà già lại biết chắc rằng món bơ không có trong đồng hàng hóa kia? Và làm sao bà ta lại có sẵn một cái riu đem theo như thế trước khi biết lỗi lầm kia? Hay là bà ta luôn luôn giắt nó trong người, nhớ khi có chuyện cái giặt thì đem ra xài?

Bà Netterfield được xem là một quý bà đẳng hoàng, khi còn trẻ.

Còn một câu chuyện khác về bà này nữa, có vẻ lí thú hơn, vì có tôi xuất hiện trong đó nữa, và xảy ra trong nhà chúng tôi.

Đó là một ngày mùa thu đẹp trời. Tôi được dỗ ngủ và đặt vào xe đẩy, trên khoảnh sân cỏ mới cắt. Cha tôi ra khỏi nhà suốt buổi chiều – có lẽ đến nông trại cũ giúp ông nội tôi, thỉnh thoảng cha vẫn đi như thế – và mẹ tôi giắt giữ quần áo gì đó chỗ bồn rửa. Đứa con đầu tiên đi kèm với bao nhiêu quần áo, băng tã phải giắt giữ bằng tay, dùng nước mềm. Không có cửa sổ ở phía trước mặt mẹ tôi khi bà đứng giặt đồ và vắt áo quần trong chậu. Muốn nhìn ra ngoài phải bước qua phòng tới cửa sổ phía Bắc, từ đó có thể nhìn thấy đường cho xe hơi chạy vào nhà, dẫn tới hộp thư gia đình.

Tạo sao mẹ tôi quyết định bước ra khỏi chỗ giặt và vắt đồ để nhìn ra ngoài sân lối xe hơi chạy? Bà không hề chờ đợi một người khách nào cả. Cha tôi cũng không về trễ. Có

lẽ bà đã nhờ ông ghé mua thứ gì đó ở tiệm tạp hóa để làm com chiều, và hẳn khoản ông có về nhà đúng giờ không để kịp làm thức ấy. Lúc đó mẹ tôi còn là một người thích nấu những món ăn kì vị – nhiều hơn mức mà bà mẹ chồng và những người đàn bà khác trong gia đình bên nội nghĩ là cần thiết. Khi nhìn vào tiền chi cho thức ăn, họ nói thế.

Hoặc chẳng có liên quan gì tới bữa ăn tối cả, nhưng ông đem về miếng vải hợp với chiếc đầm mới mẹ muốn tự may cho mình.

Mẹ tôi chẳng bao giờ kể tại sao khi ấy bà làm thế.

Mối hoài nghi về sở trường nấu ăn của mẹ tôi không chỉ là vấn đề duy nhất của gia đình bên nội. Người ta cũng nói ra nói vào về áo quần của bà nữa. Tôi nghĩ đến việc mẹ thay áo váy khác khi chiều xuống, ngay cả khi chỉ đứng ở chậu giặt đồ. Mẹ tôi ngủ trưa nửa tiếng đồng hồ sau bữa trưa và lúc nào cũng mặc bộ áo quần khác khi thức dậy. Sau này khi nhìn những bức ảnh, tôi nghĩ rằng các mẫu thời trang vào thời ấy không hợp lắm với bà, hay với bất kì ai. Những chiếc áo đầm không tôn dáng về gì cả, kiểu tóc cuộn lên cũng không hợp với khuôn mặt đầy đặn và mềm mại của mẹ tôi tí nào. Nhưng những người đàn bà trong gia đình bên chồng sống gần đó không hề phản đối chuyện ấy. Khuyết điểm của bà là đã làm cho mình trở nên một người không giống vai trò của mình. Mẹ tôi trông không phải như một phụ nữ được nuôi lớn trong nông trại, mà cũng không có ý định muốn ra vẻ như thế.

Mẹ tôi không nhìn thấy xe hơi của cha tôi về nhà. Thay vào đó bà nhìn thấy một bà già, bà Netterfield, bà này chắc chắn đã đi bộ từ nhà mình tới. Đó là ngôi nhà mà sau này rất lâu tôi gặp một người đàn ông cụt một tay hay chọc ghẹo tôi, và bà vợ ông ta, tóc cắt ngắn ngang vai, tới chỗ vòi bơm nước. Đó là ngôi nhà có người đàn bà mà, rất lâu trước khi tôi biết một điều gì đó về bà ta, đã vung rìu chạy đuổi theo cậu trai đi giao hàng vì món bơ.

Mẹ tôi chắc đã gặp bà Netterfield vài lần rồi trước khi thấy bà bước tới nhà chúng tôi. Có thể họ chưa bao giờ nói chuyện với nhau. Nhưng biết đâu họ đã từng. Mẹ tôi có lẽ đã nói dù cha tôi bảo bà rằng không cần phải trò chuyện với bà ta đâu. Có thể ông đã dặn việc ấy sẽ dẫn đến rắc rối. Mẹ tôi thường có mối quan hoài đối với những người như bà Netterfield, chừng nào họ cũng tử tế lại với bà.

Nhưng giờ đây bà không nghĩ tới chuyện kết bạn, thân mật hay tử tế gì cả. Giờ đây bà chạy vụt ra khỏi cửa nhà bếp, chụp lấy tôi, kéo ra khỏi cái xe nhỏ. Bà để cái xe có phủ vải che nắng lại trên đám cỏ và chạy vụt vào nhà, tìm cách khóa chặt cửa nhà bếp sau lưng mình. Cửa trước thì không cần phải lo, lúc nào nó cũng được khóa cẩn thận.

Nhưng cửa nhà bếp không dễ khóa. Như tôi nhớ lại, nó chưa bao giờ có một cái khóa tử tế. Nhà tôi đã quen đến đêm là đẩy một cái ghế nhà bếp ngang ngang cửa, để nghiêng nó lại cho thành ghế chặn vào nắm cửa, như vậy ai đó từ ngoài muốn đẩy vào sẽ tạo ra tiếng động khủng khiếp. Một cách giữ an toàn hơi có phần cầu thả, ít nhất

tôi thấy thế, không thích hợp lắm với chuyện cha tôi lúc nào cũng giữ một khẩu súng ngắn trong nhà, trong hộp bàn. Mặt khác trong nhà một người đàn ông thường xuyên phải bắn ngựa vì việc mưu sinh, thì việc trữ khẩu súng trường và một vài khẩu súng săn cũng hợp lẽ thôi. Không lên đạn, tất nhiên.

Liệu mẹ tôi có bao giờ nghĩ tới một thứ vũ khí gì vào lúc đó không, khi bà chốt cửa lại không được? Bà có khi nào từng cầm súng, hoặc lên đạn một khẩu súng trong đời mình?

Liệu bà có bao giờ thoáng qua ý nghĩ rằng bà già kia chỉ tới thăm viếng hàng xóm thôi? Tôi không nghĩ thế. Có một cái gì đó khác biệt trong cách bước đi, một vẻ cương quyết khi tiến lại gần cửa của một người đàn bà không phải là khách viếng thăm, cũng không tỏ ra dấu hiệu thân mật gì trên đường dẫn vào nhà.

Có lẽ mẹ tôi đã cầu nguyện vào lúc ấy, nhưng bà chưa bao giờ nhắc tới.

Mẹ tôi biết rằng bà kia đã xem xét kĩ càng các tấm chắn mền đắp cho tôi ở trong cái xe đẩy, bởi vì trước khi mẹ kéo cái màn cửa trong nhà bếp lại, bà thấy một trong những tấm chắn kia bị ném lên mặt đất. Sau đó, mẹ tôi không tìm cách để kéo các màn cửa ở các cửa sổ khác xuống nữa, mà đứng ôm tôi trong tay nấp trong một góc nhà khuất khó nhìn thấy.

Không có tiếng gõ cửa lịch sự ở cửa. Nhưng cũng không

ai đẩy cái ghế bật ra. Không có tiếng nện đập, không có tiếng loảng xoảng. Mẹ tôi đứng ở chỗ ẩn nấp gần thang chuyển đồ, hy vọng rằng sự im lặng kia chứng tỏ người đàn bà đã đổi ý định và bỏ về nhà rồi.

Nhưng không phải. Bà ta đi quanh nhà, từ từ thông thả, dừng lại ở tất cả các cửa sổ nhà dưới. Không có lần cửa ngoài che mưa bão, vì lúc ấy mùa hè. Bà ta có thể đưa mặt dí sát vào từng khung cửa kính, màn chắn cửa được treo lên thật cao, vì đó là một ngày đẹp trời. Người đàn bà kia không cao lắm nhưng cũng chẳng cần rướn người lên để nhìn vào trong. Làm sao mẹ tôi biết điều ấy? Mẹ cũng không đến nỗi chạy lòng vòng quanh nhà bằng đứa bé trên tay, núp đằng sau hết cửa tủ này đến cửa tủ khác, ló đầu ra sợ hãi cuống cuống, bỗng bất gặp một cặp mắt nhìn chằm chằm và có lẽ một khuôn mặt nhe răng quái gở.

Mẹ tôi chỉ đứng bên thang chuyển đồ. Chứ bà còn làm gì được?

Cũng có một hầm đựng rượu, tất nhiên. Những cửa sổ quá nhỏ chui vào không lọt. Thêm nữa cửa hầm không có then cài bên trong, thật đáng sợ nếu bị sập bẫy trong bóng tối như thế, nếu người đàn bà đẩy cửa vào nhà và bước xuống cái hầm rượu kia. Cũng có những phòng ở lầu trên nữa nhưng để đi lên đó mẹ tôi phải vượt qua phòng chính rộng rãi – cái phòng mà sau này tôi thường bị đánh, nhưng rồi nó cũng mất đi vẻ đáng sợ sau khi sửa lại.

Tôi không biết mẹ tôi kể tôi nghe chuyện này lúc tôi lên

mấy tuổi, nhưng đối với tôi đó là đoạn mà câu chuyện đầu tiên dừng lại – bà Netterfield úp mặt và tay vào cửa kính trong khi mẹ tôi đứng núp bên trong. Nhưng những lần kể sau lại có thêm chuyện khác, không chỉ nhìn. Thêm sự giận dữ nóng nảy bùng cháy, tiếng loảng xoảng ở cửa và tiếng đập cửa rầm rộ. Không nghe nói tới việc hò hét. Bà già kia chắc cũng không còn đủ hơi để làm chuyện ấy hoặc có thể bà ta quên mất mục đích tới đây, khi đắm ra mết lử.

Dù sao, cuối cùng bà cũng bỏ cuộc; tất cả chỉ có vậy. Sau khi đi lòng vòng quanh nhà một lượt, nhìn qua các cửa và cửa sổ, bà bỏ đi. Mẹ tôi cuối cùng cũng thu được hết can đảm nhìn quanh và kết luận rằng bà Netterfield đã đi thật rồi.

Dù vậy mẹ tôi không hề lấy cái ghế ra khỏi nắm cửa cho đến khi cha tôi về nhà.

Tôi không có ý nói rằng mẹ tôi hay kể lại chuyện này. Đó không phải là một trong những chuyện tôi thường nghe bà kể lại hay cảm thấy thích thú. Mẹ hay kể quá trình tranh đấu của bà để được học lên trung học. Trường mẹ từng dạy ở Alberta, nơi học sinh đến trường trên lưng ngựa. Những người bạn của bà thời đi học, những trò chơi tình nghịch ngây thơ thuở ấy.

Lúc nào tôi cũng hiểu được mẹ định nói gì khi mọi người khác đều nghe không hiểu, tôi trở thành người phiên dịch cho bà, và đôi khi tôi phát sầu vì phải lặp lại những câu văn sửa soạn kĩ hay những chuyện mà bà tin là hài hước,

và tôi có thể thấy được người nghe chỉ mong mau mau được bỏ đi.

Cuộc viếng thăm của bà già Netterfield, như mẹ tôi gọi thế, không phải là chuyện tôi cần phải nhắc tới. Nhưng tôi hẳn phải biết về nó từ lâu rồi. Tôi nhớ đã hỏi mẹ một lúc nào đó là mẹ tôi có biết điều gì xảy ra cho bà già kia sau đó không.

“Người ta đưa bà đi,” mẹ tôi nói. “Ồ, mẹ nghĩ thế. Bà ta không bị bỏ mặc rồi chết một mình đâu.”

Sau khi tôi lấy chồng và dời đi Vancouver, tôi vẫn nhận được tờ báo hàng tuần xuất bản ở thị trấn nơi tôi lớn lên. Tôi nghĩ có một người nào đó, có thể cha tôi và người vợ kế của ông, muốn tặng tôi có một tờ báo như thế. Tôi hiếm khi đọc nó, nhưng có một lần, khi đọc tôi nhìn thấy cái tên Netterfield. Đó không phải là tên của một người nào đang sống ở thị trấn ấy lúc này, mà là cái tên con gái của một người đàn bà ở thành phố Portland, bang Oregon ở Mỹ, có gởi thư đến tòa báo. Người đàn bà ấy, cũng như tôi vẫn đều đặn nhận được tờ báo từ cố hương, và bà viết một bài thơ về thời thơ ấu của mình ở đó.

*Tôi biết một sườn đồi cỏ mượt như nhung
Ở trên bờ con sông xanh biếc
Ở nơi ấy hòa bình và hạnh phúc
Kí ức ngày thơ yêu dấu vô cùng*

Có một vài đoạn thơ khác nữa, tôi càng đọc càng hiểu rằng bà ta đang nói về chính khu bờ sông mà tôi nghĩ thuộc về riêng tôi.

“Những câu thơ tôi kèm đây được viết từ kí ức về những sườn đồi năm cũ,” bà ta viết. “Nếu chúng xứng đáng có một chỗ khiêm nhường trên tờ báo lâu đời này, tôi xin cảm ơn.”

*Mặt trời lên sóng nước xanh trong
Bao uốn lượn rập rờn vui thú
Trên triển sông bên kia hờn hờ
Những bông hoa mới nở tung bùng*

Đó là bờ sông của chúng tôi. Của tôi. Một đoạn thơ khác nói về những cây phong, nhưng tôi nghĩ bà nhớ lầm – thật ra là những cây du, tất cả giờ đây đã chết hết vì một chúng gọi là bệnh nấm Hà Lan.

Phần cuối bức thư làm mọi chuyện rõ ràng. Bà nói thân phụ bà – tên Netterfield – đã mua một mảnh đất của chính quyền vào năm 1883, trong vùng sau này gọi là Thị trấn Dưới. Mảnh đất chạy dài tới bờ sông Maitland.

*Băng qua suối dọc bờ hoa diên vĩ
Những cây phong xa rủ bóng hàng hàng
Và trên đồng mệnh mang bờ nước
Bầy ngỗng cho ăn, chẵn thả từng đàn*

Bà đã không nhắc, như tôi cũng thế, về mùa xuân lây lội

lầm lấm bùn vó ngựa. Và tất nhiên không nói gì về mấy đồng phân gia súc.

Thật ra tôi đã từng làm thơ, cũng lối viết tương tự, mặc dù chúng thất lạc cả, hoặc có thể chưa bao giờ được viết ra giấy. Những vần thơ về thiên nhiên hoa cỏ, thật cũng khó mà kết thúc gọn gàng. Có lẽ tôi đã sáng tác vào thời gian tôi lấy làm bức bối với mẹ tôi, và cha tôi thì chỉ biết đánh khi tôi phạm phải điều gì không hay. Đòn đau nhớ lâu, như người ta hay nói vào thời ấy.

Người đàn bà ấy nói bà sinh năm 1876. Bà đã sống cả quãng thời gian tuổi trẻ, trước khi đi lấy chồng, trong ngôi nhà của cha mình. Ngôi nhà ấy nằm ở bìa thị trấn nơi đồng cỏ bắt đầu, và nhìn về phía hướng mặt trời lặn.

Ngôi nhà của chúng tôi.

Có lẽ mẹ tôi không bao giờ biết chuyện này, không bao giờ biết nhà chúng tôi là nơi gia đình Netterfield đã từng sống và bà già kia từng đứng nhìn qua cửa sổ chính ngôi nhà xưa cũ của mình?

Có thể lắm. Khi về già tôi càng quan tâm nhiều đến những hồ sơ cũ, các thứ giấy má, lục lợi chúng và tôi tìm thấy có những gia đình khác nhau đã từng ở ngôi nhà ấy của chúng tôi trong khoảng thời gian từ khi dòng họ Netterfield bán nó đến lúc cha mẹ tôi dọn vào. Bạn có thể tự hỏi tại sao lại bỏ qua chi tiết người đàn bà kia sống thêm bao nhiêu năm nữa. Liệu bà ta có ở một mình như một người góa phụ thiếu thốn tiền bạc không? Ai mà biết?

Ai đã tới đưa bà đi, như mẹ tôi kể lại? Có lẽ là con gái của bà, chính là người đã viết những bài thơ kia và đang sống ở Oregon. Có thể người con gái ấy, đã lớn lên và sống xa nhà, chính là đứa con gái mà người đàn bà kia đi tìm trong chiếc xe nhỏ chở trẻ con vào một ngày mùa hạ oi ả. Ngay sau khi mẹ tôi chụp lấy tôi, bỗng lên, như mẹ tôi vẫn nói, có sống có chết mà riết lấy.

Người con gái kia sống không xa tôi mấy. Tôi có thể viết thư hoặc tới thăm. Nếu tôi không quá bận bịu với gia đình mới của mình và với chuyện viết văn chẳng bao giờ làm tôi hài lòng. Nhưng người tôi thật muốn trò chuyện là mẹ tôi, nhưng bà không còn nữa.

Hồi mẹ bị bệnh nặng, tôi không về thăm, và khi bà mất tôi cũng không về dự tang lễ. Tôi có hai đứa con nhỏ và ở Vancouver chẳng có ai trông coi hộ chúng được. Tiền bạc rất thiếu, chắc không đủ mua vé đi về, mà chồng tôi lại vốn coi nhẹ các nghi thức, nhưng tại sao tôi lại đổ hết trách nhiệm cho anh ấy? Chính tôi cũng cảm thấy thế kia mà. Chúng ta hay nói về những lỗi lầm không tha thứ được, và chúng ta không bao giờ có thể tha thứ cho mình. Nhưng rồi chúng ta vẫn làm thế, phạm lỗi lầm – lúc nào chúng ta cũng lặp lại thế thôi.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu của người dịch	
Alice Munro và <i>Cuộc đời yêu dấu</i>	5
Về đầu	13
Thị trấn bạch dương	46
Li hương	90
Sỏi đá	119
Tổ ấm	142
Lòng kiêu hãnh	171
Người tình	197
Xe lửa	224
Thấp thoáng mặt hồ	275
Dolly	294
Con mắt	323
Đêm	340
Giọng nói	358
Cuộc đời yêu dấu	374

CUỘC ĐỜI YÊU DẦU

ALICE MUNRO

Nguyễn Đức Tùng dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm bản thảo: **HUYỀN TÔN NỮ KIM TUYẾN**

Biên tập và sửa bản in: **ĐÀO MAI LY**

Bìa: **KIM DUẤN**

Trình bày: **VŨ THỊ PHƯƠNG**

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRÈ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ 13 x 20 cm. Số: 1520-2015/CXBIPH/11-155/Tre.

Quyết định xuất bản số: 678A/QĐ-Tre, ngày 21 tháng 08 năm 2015.

In 3.000 cuốn, tại Công ty Cổ phần In Khuyến Học Phía Nam.

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM

Xưởng In: 9-11 đường CN1 (KCN Tân Bình), P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM

In xong và nộp lưu chiểu Quy III năm 2015.